



BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)

PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Đồng Chủ biên)

NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ TRÀ MY – LÊ THỊ MINH NGUYỆT

NGUYỄN THỊ NƯƠng – NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG

NGỮ VĂN



TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Đồng Chủ biên)
NGUYỄN THỊ MAI LIÊN – LÊ TRÀ MY – LÊ THỊ MINH NGUYỆT
NGUYỄN THỊ NƯƠNG – NGUYỄN THỊ HẢI PHƯƠNG

NGŨ' VĂN



TẬP MỘT

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



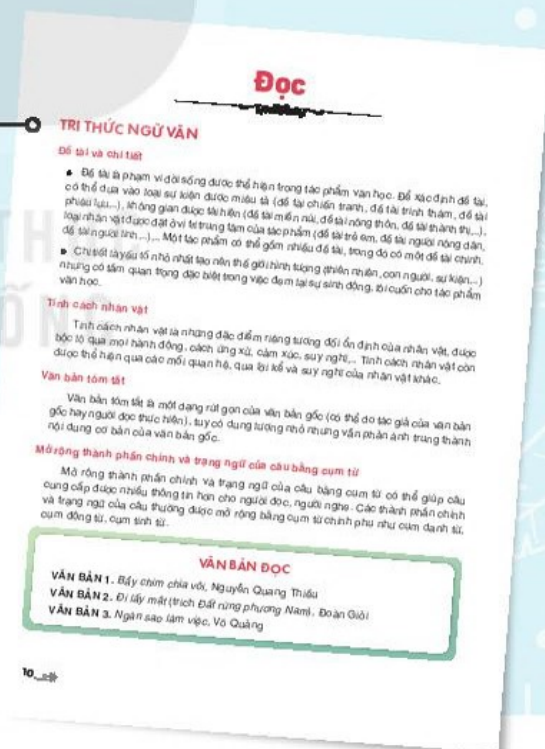
Tên bài giúp em định hướng được chủ đề của bài học, các văn bản đọc trong bài đều có nội dung xoay quanh chủ đề này.

Đề từ là phần gợi liên tưởng, suy nghĩ về chủ đề của bài học.

Giới thiệu bài học giúp em hình dung được bao quát về chủ đề của bài học cũng như loại, thể loại văn bản được học trong bài.

Yêu cầu cần đạt là mục tiêu của mỗi bài học. Các hoạt động học tập của em theo hướng dẫn của bài học đều phải hướng đến những yêu cầu cần đạt này.

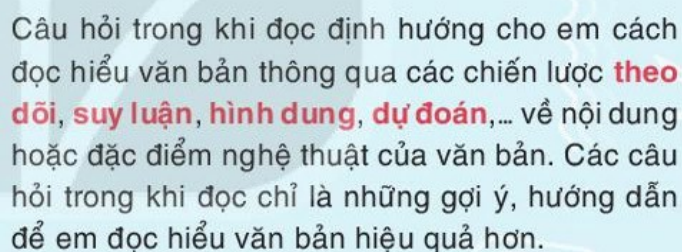
Tri thức ngữ văn cung cấp các kiến thức về loại, thể loại văn bản và kiến thức tiếng Việt. Em cần nắm vững các kiến thức này để đọc hiểu văn bản tốt hơn và vận dụng trong viết, nói và nghe.



Việc viết hoa trong sách *Ngữ văn 7* được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP về công tác văn thư do Chính phủ ban hành ngày 05 tháng 3 năm 2020.

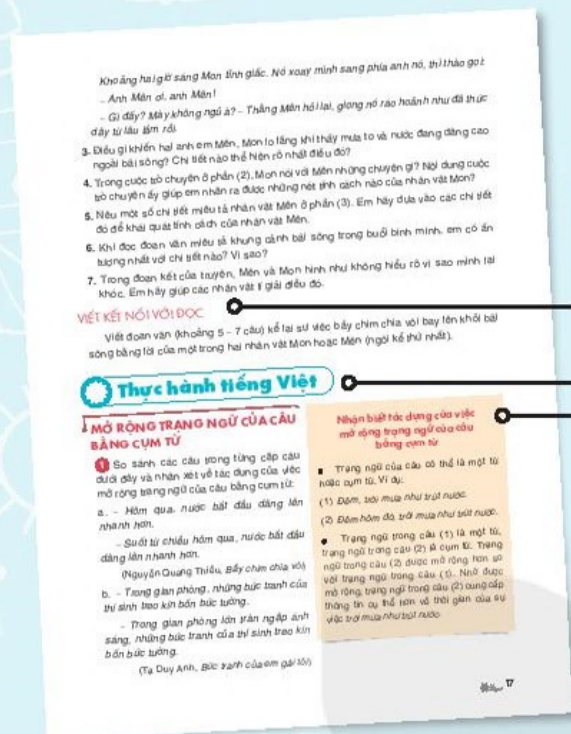
Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau.

Ở phần **Đọc văn bản**, em đọc thầm hoặc đọc thành tiếng văn bản tùy vào mục đích đọc ở từng thời điểm. Mỗi bài học thường có hai văn bản đọc chính thuộc loại, thể loại văn bản được học trong bài và một văn bản đọc kết nối về chủ đề với các văn bản đọc chính.



Trả lời câu hỏi là hoạt động **sau khi đọc**, qua đó thể hiện khả năng đọc hiểu văn bản của em. Lưu ý: Em cần chuẩn bị nội dung này trước khi học trên lớp.



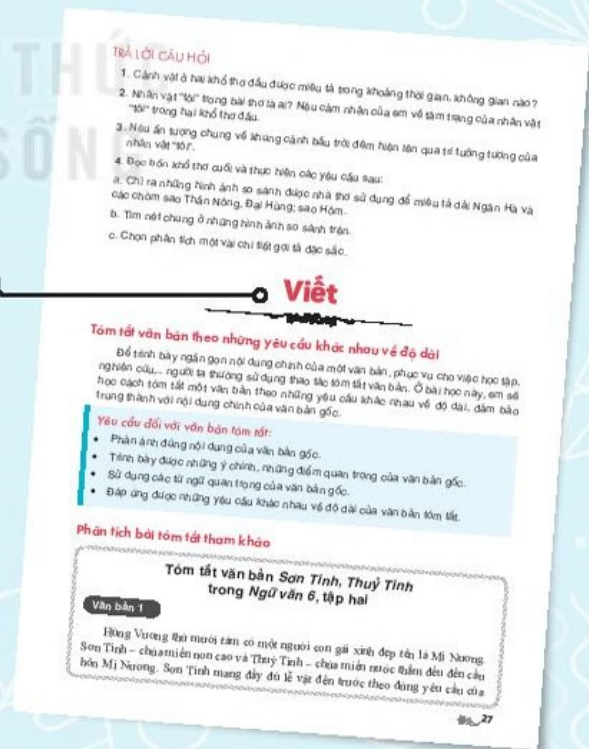


Viết kết nối với đọc yêu cầu viết đoạn văn dựa trên ý tưởng mà em có được từ việc đọc văn bản.

Thực hành tiếng Việt dành cho em cơ hội vận dụng kiến thức về ngôn ngữ để nhận biết và phân tích các đơn vị, hiện tượng tiếng Việt trong văn bản đọc.

Trong phần *Thực hành tiếng Việt*, ở những bài có kiến thức tiếng Việt mới (đã nêu trong Tri thức ngữ văn), có mục **“nhận biết”** được đặt trong khung bên phải, giúp em nắm vững kiến thức để hoàn thành bài tập tốt hơn.

Phần **Viết** bao gồm yêu cầu đối với kiểu bài, phân tích bài viết tham khảo và thực hành viết theo các bước. Em cần thực hiện các bước theo hướng dẫn của sách và của thầy cô để viết được bài văn theo yêu cầu.



Nói và nghe là hoạt động tiếp nối đọc và viết. Em cần tìm hiểu kĩ quy trình và thực hiện theo hướng dẫn. Hãy tự tin trao đổi, thảo luận cùng các bạn và tích cực thể hiện ý kiến về các vấn đề được nêu ra.

Người nghe	Người nói
Nhân xét về bài trình bày của bạn với thái độ chân thành, tinh thần cầu thị. Có thể trao đổi về một số nội dung như: ■ Bài nói đã thể hiện suy nghĩ của người nói về vấn đề nào đáng chú ý? ■ Nội dung bài nói có thuyết phục không? ■ Người nói đã sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (áo quần, điệu bộ, nét mặt...) phù hợp với nội dung trình bày chưa? ■ Hiệu quả của các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài thơ...) trong khi trình bày thế nào?	Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe và tinh thần cầu thị. ■ Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng. ■ Giải thích những chỗ người nghe còn thắc mắc. ■ Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.

Củng cố, mở rộng

1. Hãy kể bằng vào và theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của hai bài thơ

Đặc điểm nội dung		Đặc điểm nghệ thuật				
Bài thơ	Nội dung chính	Thể thơ	Văn	Nhịp	Hình ảnh	Biện pháp tu từ
Đề bài: Thơ thì có dân muốn điều (Cây dân muốn điều...)						

2. Nhà thơ Thế Lữ từng viết: "Vội Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu" (Cây đàn muôn điệu). Qua những vần thơ được học trong bài này, theo em, người đọc có thể nghe được những điệu đàn nào của tâm hồn anh người?

Thực hành đọc

Trên đây là những vấn đề mà em cần chú ý những vấn đề sau:

- Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:
- Những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ...
 - Vẻ đẹp của sông Thương khi chiều buông.
 - Cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ về sông Thương, về quê hương quê nhà.

và đem cái hình hài mặt mũi của mình mà mê thì lại hơn đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đến xe, đôi mắt tôi mê mải, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những câu giục đem đi đã bao lâu mà tôi bỗng lại ngỡ như đang mê mải khắp địa đàng. Tôi thấy mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra kia. Có chỗ thì là thuốc

Phải be lại và lần vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rờn ở lòng lưng cho, không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi vài câu đã trả lời tôi những câu gì. Trong những phút mơ màng ấy, cái câu nói của cô tôi chỉ nhắc lại:

- Máy đại quái Vào Thanh Hoá đi, tao chửi cho tiền tài. Vào bát mợ máy may và sắm sửa cho và bé em bé chửi.

Nhưng bên tai tôi của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không thấy một nỗi
ngại gì nữa...

(Sưu tập Nguyễn Hồng, tập hai, Ban Chỉ đạo sưu tập, biên soạn và giới thiệu,
NXB Văn học, Hà Nội, 1997, tr. 214 - 217)

ĐỌC MỞ RỘNG

- ĐỀ MỞ RỘNG**
1. Tìm đọc một số truyện về lễ nghi thăm hỏi thăm và những tình cảm nước bạn đồng thân bạn con người: một số bài thơ bốn chữ, năm chữ viết về tình yêu con người, mà em thấy đáng để viết vào văn bản.
2. Trao đổi với các bạn về:
- Nội dung chính và chủ đề của văn bản.
 - Một nhân vật và những đặc điểm tính cách nổi bật trong một truyện dài; sự đóng góp của việc thay đổi kiểu người để chuyển trọng tâm truyện (nếu có).
 - Những nét đặc sắc về nghệ thuật trong một truyện dài bốn chữ hoặc năm chữ mà em thích sử dụng từ ngữ, hình ảnh, văn, nhịp, biện pháp từ vựng...
3. Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ em yêu thích.

Sử dụng những từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.	Bổ sung những từ ngữ quan trọng có trong văn bản gốc (nếu thiếu).
Bổ sung được những yếu tố khác nhau về từ ngữ.	Rút gọn hoặc phát triển văn bản tóm tắt để bảo đảm yếu tố về từ ngữ.
Bảo đảm yếu tố về chính tả và dấu câu.	Ra soát lỗi chính tả và dấu câu (đúng từ, dấu câu...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Tráo đổi về một vấn đề mà em quan tâm

Giao chuyện của các bạn nhỏ trong hai văn bản *Bảy chìm chín nổi* và *Đi lấy mật* cho em nhiều suy nghĩ và cảm xúc về thế giới tuổi thơ. Từ thực tế cuộc sống của mình và những điều học hỏi được qua sách báo, phương tiện nghe nhìn, em hãy trao đổi với các bạn về một vấn đề mà em quan tâm.

1. TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Dựa vào chính thực tế cuộc sống của mình và những điều em biết được từ sách báo, phương tiện nghe nhìn để trao đổi về một vấn đề mà em cho là quan trọng, có ý nghĩa. Tham khảo một số đề tài sau:

- + Trẻ em với việc sử dụng các thiết bị công nghệ (ti vi, điện thoại, máy tính,...).
 - + Trẻ em với nguyện vọng được người lớn lắng nghe, thấu hiểu.
 - + Trẻ em với việc học tập.
 - + Bảo vệ trẻ em trong gia đình, ngoài xã hội.
- Ngoài những đề tài cơ bản, em cũng có thể tự và cùng thầy cô ý nghĩa để tìm hiểu.
- Thu thập tài liệu cho nội dung trình bày:
 - + Nhờ các bạn trong nhóm của em

Mục đích nói

Thuyết phục người nghe về ý kiến của em trước một vấn đề mà em cho là quan trọng, có ý nghĩa.

Người nghe

Thấy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề được tạo điều kiện.

Củng cố, mở rộng ở cuối mỗi bài học là phần luyện tập tổng hợp một số kĩ năng và ôn lại những kiến thức cơ bản đã học. Phần này em có thể thực hiện ở nhà và trao đổi với thầy cô cùng các bạn sau khi đã tự hoàn thành nội dung học tập mà sách thiết kế.

Thực hành đọc là phần tạo cho em cơ hội vận dụng kiến thức, kĩ năng được học trong bài để tự đọc một văn bản mới. Trước mỗi văn bản thực hành đọc có một số định hướng và gợi ý giúp em đọc hiểu văn bản tốt hơn.

Đọc mở rộng là phần em tự tìm văn bản để đọc. Sách *Ngữ văn 7* thiết kế những mục riêng, có một số yêu cầu và gợi ý giúp em tìm được văn bản phù hợp và biết tự đọc một cách hiệu quả.

MỤC LỤC

	NỘI DUNG	TRANG
BÀI 1. BẦU TRỜI TUỔI THƠ		9
ĐỌC		10
	<i>Bầy chim chìa vôi</i> (Nguyễn Quang Thiều)	11
	Thực hành tiếng Việt	17
	<i>Đi lấy mật</i> (trích <i>Đất rừng phương Nam</i> , Đoàn Giỏi)	18
	Thực hành tiếng Việt	24
	<i>Ngàn sao làm việc</i> (Võ Quảng)	25
VIẾT		27
	Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài	27
NÓI VÀ NGHE		30
	Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm	30
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG		32
THỰC HÀNH ĐỌC		33
	<i>Ngôi nhà trên cây</i> (trích <i>Tốt-tô-chan bên cửa sổ</i> , Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô)	33
BÀI 2. KHÚC NHẠC TÂM HỒN		38
ĐỌC		39
	<i>Đồng dao mùa xuân</i> (Nguyễn Khoa Điềm)	40
	Thực hành tiếng Việt	42
	<i>Gập lá cờ nếp</i> (Thanh Thảo)	43
	<i>Trở gió</i> (Nguyễn Ngọc Tư)	44
	Thực hành tiếng Việt	47
VIẾT		48
	Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	48
	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	50
NÓI VÀ NGHE		53
	Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc)	53
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG		55
THỰC HÀNH ĐỌC		55
	<i>Chiều sông Thương</i> (Hữu Thỉnh)	56
BÀI 3. CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG		57
ĐỌC		58
	<i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i> (trích, Nguyễn Ngọc Thuần)	59
	Thực hành tiếng Việt	64
	<i>Người thầy đầu tiên</i> (trích, Trĩn-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp)	65
	Thực hành tiếng Việt	72
	<i>Quê hương</i> (Tế Hanh)	73
VIẾT		74
	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	74

NÓI VÀ NGHE	81
Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học)	81
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	83
THỰC HÀNH ĐỌC	84
<i>Trong lòng mẹ</i> (trích <i>Những ngày thơ ấu</i> , Nguyên Hồng)	84
ĐỌC MỞ RỘNG	87
BÀI 4. GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC	88
ĐỌC	89
<i>Mùa xuân nho nhỏ</i> (Thanh Hải)	90
Thực hành tiếng Việt	92
<i>Gò Me</i> (trích, Hoàng Tố Nguyên)	93
Thực hành tiếng Việt	95
<i>Bài thơ “Đường núi” của Nguyễn Đình Thi</i> (Vũ Quần Phương)	96
VIẾT	98
Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc	98
NÓI VÀ NGHE	101
Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng	101
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	103
THỰC HÀNH ĐỌC	104
<i>Chiều biên giới</i> (Lò Ngân Sủn)	104
BÀI 5. MÀU SẮC TRĂM MIỀN	105
ĐỌC	106
<i>Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt</i> (trích, Vũ Bằng)	107
Thực hành tiếng Việt	110
<i>Chuyện cơm hến</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường)	111
Thực hành tiếng Việt	116
<i>Hội lồng tồng</i> (Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Từ)	117
VIẾT	120
Viết văn bản tường trình	120
NÓI VÀ NGHE	123
Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại	123
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	126
THỰC HÀNH ĐỌC	126
<i>Những khuôn cửa dấu yêu</i> (Trương Anh Ngọc)	126
ĐỌC MỞ RỘNG	129
ÔN TẬP HỌC KÌ I	130
Phụ lục 1: Bảng tra cứu thuật ngữ	135
Phụ lục 2: Bảng giải thích thuật ngữ	136
Phụ lục 3: Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài	139

LỜI NÓI ĐẦU

Các em thân mến!

Tiếp nối *Ngữ văn 6*, sách giáo khoa *Ngữ văn 7* thuộc bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống* của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam sẽ cùng các em tiếp tục hành trình khám phá thế giới phong phú của văn học và ngôn ngữ, giúp các em có được những trải nghiệm mới, đầy thú vị về con người và cuộc sống để từng bước trưởng thành.

Các bài học trong *Ngữ văn 7* được tổ chức theo cách lồng ghép hệ thống loại, thể loại văn bản với hệ thống chủ đề. Ở tập một, qua những văn bản truyện, thơ, tùy bút, tản văn trong các bài *Bầu trời tuổi thơ*, *Khúc nhạc tâm hồn*, *Cội nguồn yêu thương*, *Giai điệu đất nước*, *Màu sắc trăm miền*, các em được đọc những câu chuyện thú vị về cuộc sống với nhiều nhân vật đa dạng, trong đó có những nhân vật ở độ tuổi các em, lắng nghe tiếng nói yêu thương nuôi dưỡng tâm hồn con người, cảm nhận những cung bậc khác nhau của tình cảm thiêng liêng đối với Tổ quốc, trải nghiệm cuộc sống muôn màu ở những vùng miền khác nhau.

Ở tập hai, qua những truyện ngụ ngôn, tục ngữ, truyện khoa học viễn tưởng, văn bản nghị luận, văn bản thông tin trong các bài *Bài học cuộc sống*, *Thế giới viễn tưởng*, *Trải nghiệm để trưởng thành*, *Hoà điệu với tự nhiên*, các em sẽ có dịp suy ngẫm về những bài học từ kinh nghiệm và trí tuệ dân gian; đến với những câu chuyện kì thú của thế giới viễn tưởng được xây dựng bằng trí tưởng tượng kết hợp với tư duy khoa học, nuôi dưỡng ở các em khát vọng biến ước mơ thành hiện thực; tiếp nhận, đánh giá những ý tưởng, thông tin về các vấn đề của con người và thế giới tự nhiên để không ngừng trưởng thành, chọn con đường tương lai cho bản thân, góp phần vào sự phát triển của xã hội. Ở cuối sách có bài *Trang sách và cuộc sống* được thiết kế dưới dạng “dự án đọc sách”, gợi ý cho các em những cách chinh phục thế giới sách đầy sáng tạo như đọc cùng nhà phê bình, trải nghiệm cùng nhân vật, chuyện trò cùng tác giả và tạo ra những sản phẩm mang đậm cá tính của người học.

Tương tự *Ngữ văn 6*, nội dung của mỗi bài học trong *Ngữ văn 7* được thiết kế xoay quanh các hoạt động chính đọc, viết, nói và nghe. Những hoạt động này được tích hợp, kết nối chặt chẽ với nhau. So với *Ngữ văn 6*, các yêu cầu cần đạt về đọc, viết, nói và nghe trong *Ngữ văn 7* được nâng cao hơn. Ngữ liệu, kiến thức tiếng Việt và kiến thức văn học cũng có độ khó tương ứng với những yêu cầu cần đạt đó nhằm đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng cao của các em. Với sách giáo khoa *Ngữ văn* của bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, chắc hẳn sau mỗi năm học, các em sẽ cảm thấy tự tin hơn khi đọc, viết, nói, nghe và yêu thích hơn môn học *Ngữ văn*.

Chúc các em có nhiều niềm vui và thành công trong học tập!

CÁC TÁC GIẢ

BÀI 1

BẦU TRỜI TUỔI THƠ

Trẻ thơ tìm thấy tất cả ở nơi chẳng có gì...

Gia-cô-mô Lê-ô-pác-đi
(Giacomo Leopardi)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Nhà văn Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri, tác giả của *Hoàng tử bé*, từng khẳng định rằng chỉ con mắt trẻ em mới có thể cảm nhận một cách thuần khiết vẻ đẹp phong phú và bí ẩn của thế giới. Các em đang “sở hữu” cái nhìn kì diệu ấy của tuổi thơ.
- Đến với các tác phẩm truyện và một bài thơ kết nối về chủ đề trong bài học này, các em sẽ “gặp gỡ” bầu trời tuổi thơ của chính mình. Hãy mở rộng tâm hồn để quan sát, cảm nhận về thiên nhiên, con người, nhịp sống quanh ta và gìn giữ những trải nghiệm đó để tuổi thơ mãi là dòng sông trong mát đồng hành cùng chúng ta trên mọi chặng đường đời.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.
- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.
- Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu.
- Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.
- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống.

Độc

TRI THỨC NGŨ VĂN

Đề tài và chi tiết

- Đề tài là phạm vi đời sống được thể hiện trong tác phẩm văn học. Để xác định đề tài, có thể dựa vào loại sự kiện được miêu tả (đề tài chiến tranh, đề tài trinh thám, đề tài phiêu lưu,...), không gian được tái hiện (đề tài miền núi, đề tài nông thôn, đề tài thành thị,...), loại nhân vật được đặt ở vị trí trung tâm của tác phẩm (đề tài trẻ em, đề tài người nông dân, đề tài người lính,...),... Một tác phẩm có thể gồm nhiều đề tài, trong đó có một đề tài chính.
- Chi tiết là yếu tố nhỏ nhất tạo nên thế giới hình tượng (thiên nhiên, con người, sự kiện,...) nhưng có tầm quan trọng đặc biệt trong việc đem lại sự sinh động, lôi cuốn cho tác phẩm văn học.

Tính cách nhân vật

Tính cách nhân vật là những đặc điểm riêng tương đối ổn định của nhân vật, được bộc lộ qua mọi hành động, cách ứng xử, cảm xúc, suy nghĩ,... Tính cách nhân vật còn được thể hiện qua các mối quan hệ, qua lời kể và suy nghĩ của nhân vật khác.

Văn bản tóm tắt

Văn bản tóm tắt là một dạng rút gọn của văn bản gốc (có thể do tác giả của văn bản gốc hay người đọc thực hiện), tuy có dung lượng nhỏ nhưng vẫn phản ánh trung thành nội dung cơ bản của văn bản gốc.

Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ

Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ của câu bằng cụm từ có thể giúp câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe. Các thành phần chính và trạng ngữ của câu thường được mở rộng bằng cụm từ chính phụ như cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Bầy chim chia vôi*, Nguyễn Quang Thiều

VĂN BẢN 2. *Đi lấy mật* (trích *Đất rừng phương Nam*), Đoàn Giỏi

VĂN BẢN 3. *Ngàn sao làm việc*, Võ Quảng

TRƯỚC KHI ĐỌC

Hãy chia sẻ một trải nghiệm đẹp của tuổi thơ em. Ghi lại một số từ ngữ diễn tả cảm xúc của em khi nghĩ về trải nghiệm đó.

ĐỌC VĂN BẢN**Bầy chim chìa vôi⁽¹⁾**

NGUYỄN QUANG THIỀU

(1)

Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi:

– Anh Mên ơi, anh Mên!

– Gì đấy? Mày không ngủ à? – Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.

– Anh bảo mưa có to không?

– Lại chẳng to. Thế mày không nghe thấy gì à?

– Nhưng anh bảo nước sông lên có to không?

– Bây giờ phải ngập đến cánh bãi dưới rồi.

– Thế anh bảo...

– Bảo cái gì mà bảo lắm thế – Mên gắt em nó.

– Em bảo – Mon ngập ngừng. – Thế cái bãi cát giữa sông đã ngập chưa?

– Ừ nhỉ. – Giọng thằng Mên chột thẳng thốt. – Có lẽ sắp ngập mất bãi cát rồi.

– Em sợ những con chim chìa vôi non bị chết đuối mất.

– Tao cũng sợ.

– Thế anh bảo chúng nó có bơi được không?

– Chim thì bơi làm sao được. Mày làm chim chìa vôi cứ như vịt ấy.

Theo dõi

Nội dung cuộc trò chuyện của hai anh em Mên và Mon lúc nửa đêm.

Theo dõi

Chi tiết nào được lặp lại trong những lời nói của nhân vật Mon?

⁽¹⁾ Chìa vôi: loài chim nhỏ như chim sẻ, lông đen, đuôi và cánh có vệt trắng, thường sống gần các nguồn nước.

Hai đứa bé nằm trong chiếc chần dĩa đã rách nhiều chỗ thì thầm nói chuyện. Bên ngoài mưa vẫn to. Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao, xiên xiết chảy.

– Chiều qua em theo bố đi kéo chũm⁽¹⁾ ở gần cổng sông ấy.

– Thế thì sao?

– Bố bảo chỉ có ở sông làng mình chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Sao nó lại không làm tổ ở trên bờ hả anh?

– Tao không biết.

[...] Hai đứa bé nằm im, nhưng không ngủ.

Có lẽ bố chúng nó nói đúng. Chỉ ở khúc sông làng chúng, những con chim chìa vôi mới làm tổ như thế. Hàng năm vào mùa nước cạn, giữa sông làng nổi lên một dải cát. Sau một thời gian, những đám rong sông tốt bời bời héo dần làm thành một lớp đệm trên cát. Vào lúc đó, những con chim chìa vôi mảnh khảnh và ít lời từ hai bờ sông bay ra bãi cát. Chúng tìm những đám rong khô và dày để đẻ trứng. Khi những con chim chìa vôi đã đủ lông cánh cũng là lúc có những đám mây lạ từ dãy núi đá vôi Hoà Bình bay về báo hiệu mùa mưa. Những tiếng sấm sau mỗi đêm lại chuyển dần từ một chân trời xa về bên kia sông. Và bất chợt một đêm nào gần sáng, sấm nổ vang trên nóc nhà và mưa ném xuống. Con sông Đáy cựa mình lớn lên. Chỉ sau dăm đêm, dải cát nổi giữa sông chìm vào trong nước đỏ. Khi vòng vây của nước ập vào phần cuối cùng của bãi cát thì những con chim chìa vôi non lần đầu tiên trong đời đập cánh bay lên. Những con chim bé bỏng bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay vào bờ. Và đến mùa khô sang năm chúng lại ra dải cát nổi bắt đầu mùa sinh nở của chúng. [...]

Theo dõi

Thói quen làm tổ và đẻ trứng của bầy chim chìa vôi ở bãi sông quê của Mên và Mon.



⁽¹⁾ Chũm: một loại lưới vó, thường thả ven sông, hồ,... dùng để bắt cá, tôm.

Mùa mưa năm nay như về sớm hơn. Mấy ngày mưa liên miên và nước sông dâng lên rất nhanh.

– Anh ơi! – Thăng Môn lại thì thảo gọi.

– Gì?

– Anh đã nhìn thấy chim chìa vôi nó bay từ bãi cát vào bờ bao giờ chưa?

– Chưa.

– Tổ chim sẽ bị chìm mất.

Thăng Môn nằm im lặng không trả lời em nó. Lâu sau nó hỏi:

– Thế làm thế nào bây giờ?

– Hay mình mang chúng nó vào bờ.

– Bây giờ nước to lắm, làm sao mà lội ra đây được.

– Em không biết.

Hai đứa bé lại nằm im lặng. Mưa vẫn đổ xuống mái nhà và gió vẫn thổi vào phen cửa liếp cạnh cạch.

– Chiều qua bố kéo chum được một con cá măng.

– Thế mà cũng khoe, ai mà chẳng biết.

– Cả một con cá bóng rất to và đẹp. Em lấy trộm con cá bóng.

– Thế để đâu rồi? – Thăng Môn quay sang phía em nó hỏi.

– Em thả vào chỗ cống sông rồi. Anh bảo đây có phải là con bóng ở hốc cắm sào đò dưới bên không?

– Mày có nhìn thấy cái chấm đen to ở vậy nó không?

– Em không nhìn. Chiều về đổ giỏ cá ra chậu, bố kêu mất con bóng. Bố bảo có khi con cá măng ăn con bóng rồi. Bố bảo mẹ mổ con măng ra xem có con bóng trong bụng nó không.

– Hí hí. – Thăng Môn bật cười khoái chí.

– Cái hốc cắm sào đò ngập bùm⁽¹⁾ rồi anh nhỉ?

– Ngập từ chiều hôm kia rồi. Ngập đến mái nhà con bóng cũng chẳng sợ.

– Anh ơi...

Dự đoán

Bầy chim chìa vôi non có bay được vào bờ không?

⁽¹⁾ Ngập bùm: ngập hết.

- Gì?
- Tổ chim ngập mất anh ạ. Mình phải mang chúng nó vào bờ, anh ạ.
- Đì bây giờ à? – Thằng Mên hỏi sau một phút im lặng.
- Vâng, cứ lấy đồ của ông Hảo mà đi. [...]

(3)

Trời đến đoạn sông cách bến đò làng chúng chừng gần hai cây số con đò mới tạt được vào bờ.

- Vào bờ rồi anh ơi. – Thằng Mon kêu lên sung sướng.
- Chứ còn sao. – Lúc này giọng thằng Mên tỏ vẻ rất người lớn. – Nào xuống đò được rồi đây.

Hai anh em thằng Mên lập cập tụt khỏi đò.

- Mình để đò lại đây hả anh?
- Phải kéo về bến chứ, không thì chết. Bây giờ tao kéo còn mảy đây.

Thằng Mên quấn cái dây buộc đò vào người nó và gò lưng kéo. Phía sau, thằng Mon lội bì bõm đây.

- Cái dải cát chưa chìm đâu anh nhỉ?
- Chắc là chưa.

Khi hai đứa bé đưa được con đò trở về chỗ cũ thì trời đã tang tảng sáng. Chúng vội vã tìm cách buộc đò lại. Rồi ngay sau đó, cả hai đứa bé không nói gì và cùng chạy ngược lên đoạn bờ sông đối diện với dải cát.

- Anh có nhìn thấy gì không?
- Tao chưa nhìn thấy, còn tối lắm.
- Thế anh bảo đã ngập hết chưa?
- Để tao nhìn xem. – Thằng Mên nói và ngồi thụp xuống. Nó căng mắt nhìn sát mặt sông.
- Ướt cánh, chim nó có bay được không?
- Mày lội ra đây mà hỏi.
- Anh ơi, có khi bỏ dẫy rồi đây.

Sau câu nói của thằng Mon, cả hai đứa trẻ bắt đầu thấy sợ. Từ phía ngôi nhà của chúng ở chân đê vọng lại tiếng người lớn gặt gồng điều gì đấy. Hai đứa trẻ vẫn căng mắt nhìn ra giữa dòng sông. Trời đã sáng.

Theo dõi

Chú ý cử chỉ, lời nói của nhân vật Mên.

- Anh ơi, kia kia, bãi cát. – Thằng Mon chọt kêu lên.
- Ừ, đúng rồi. Vẫn chưa ngập hết. Còn bằng cái mũi thôi.
- Anh bảo bầy chim còn ở đó không?
- Không biết. Nhưng bố bảo khi nước vừa ngập hết thì chim mới bay lên.
- Sao chúng lại không bay trước?
- Làm sao mà tao biết được.

Khi ánh bình minh đã đủ sáng để soi rõ những hạt mưa trên mặt sông thì cũng là lúc dòng nước khổng lồ nuốt chửng phần còn lại cuối cùng của dải cát. Và trong mắt hai đứa trẻ, một cảnh tượng như huyền thoại hiện ra. Từ mặt nước sông, những cánh chim bé bỏng và ướt át đột ngột bứt khỏi dòng nước khổng lồ bay lên. Hai đứa bé không kêu lên được một tiếng nào. Người chúng như đang ngùn ngụt toả hơi nóng.

Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn. Nước dâng lên đến đâu, con chim bố và chim mẹ lại dẫn bầy chim non tránh nước lên theo đến đó. Cứ như thế chúng tiến dần đến phần cao nhất của dải cát. Và cứ thế bầy chim non nhảy lò cò trên những đôi chân mảnh dẻ chưa thật cứng cáp và đập cánh suốt đêm. Chim bố và chim mẹ vừa đập cánh theo đàn con vừa dẫn chúng đi. Hình như chúng biết chính xác khi nào thì đàn con chúng mới đủ sức để nâng mình lên khỏi mặt đất một cách đảm bảo. Nếu bầy chim con cất cánh sớm hơn, chúng sẽ bị rơi xuống dòng nước trên đường từ bãi cát vào bờ. Và nếu chúng cất cánh chậm một giây thôi, chúng sẽ bị dòng nước cuốn chìm.



Và bây giờ bầy chim đã bay lên. Mặt trời như lên nhanh hơn mọi ngày và mưa đã đột ngột tạnh hẳn. Bỗng một con chim như đuổi sức. Đôi cánh của nó chọt như dừng lại, nó rơi xuống như một chiếc lá. Con chim mẹ

Hình dung

Khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh.

Đối chiếu

Cuộc “cất cánh” của bầy chim chia với non ở đây có đúng như dự đoán của em không?

xoè rộng đôi cánh lượn quanh đũa con và kêu lên. Nhưng khi đôi chân mảnh dẻ và run rẩy của con chim non chạm vào mặt sông thì đôi cánh của nó đập một nhịp quyết định. Tầm thân bé bỏng của con chim vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.

Quanh hai đũa bé tất cả vụt im lặng, chỉ có tiếng đập cánh quyết liệt của bầy chim non. Hình như chúng nghe thấy trong ngực mình nhịp đập của những trái tim hồi hã nhưng đều đặn. Cuối cùng bầy chim non đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và kì vĩ nhất trong đời chúng. Những đôi cánh mỏng manh run rẩy và đầy tự tin của bầy chim đã hạ xuống bên một lùm đũa đại bờ sông.

Hai anh em thằng Mên vẫn đứng không nhúc nhích.

Trên gương mặt tái nhợt vì nước mưa của chúng hừng lên ánh ngày. Thằng Mên lặng lẽ quay lại nhìn em nó. Và cả hai đũa bé nhận ra chúng đã khóc từ lúc nào.

– Tại sao mày lại khóc? – Thằng Mên hỏi.

– Em không biết, thế anh?

Hai anh em thằng Mên nhìn nhau và cùng bật cười ngượng ngịu. Rồi bỗng cả hai đũa cùng quay người và rướn mình chạy về phía ngôi nhà của chúng. Được một đoạn, thằng Mon đứng lại thở và gọi:

– Anh Mên, anh Mên. Đợi em với. Không em ừ chơi với anh nữa.

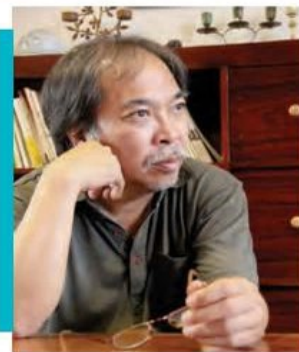
(Nguyễn Quang Thiều, *Mùa hoa cải bên sông*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2012, tr. 136 – 146)

Theo dõi

Cảm xúc của hai nhân vật Mên và Mon khi quan sát bầy chim chia vôi non bay lên.

SAU KHI ĐỌC

Nguyễn Quang Thiều sinh năm 1957 tại Hà Nội. Ông sáng tác thơ, viết truyện, vẽ tranh,... trong đó có một số tập truyện dành cho thiếu nhi: *Bí mật hồ cá thần* (1998), *Con quỷ gỗ* (2000), *Ngọn núi bà già mù* (2001),... Viết cho thiếu nhi, truyện của Nguyễn Quang Thiều chân thực, gần gũi với cuộc sống đời thường; thể hiện sự nhạy cảm, trong sáng, tràn đầy niềm yêu thương vạn vật của tâm hồn trẻ thơ.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Em hãy xác định đề tài và ngôi kể của truyện *Bầy chim chia vôi*.
2. Chỉ ra đâu là lời người kể chuyện, đâu là lời nhân vật trong đoạn văn sau:

Khoảng hai giờ sáng Mon tỉnh giấc. Nó xoay mình sang phía anh nó, thì thào gọi:

– Anh Mên ơi, anh Mên!

– Gì đấy? Mà không ngủ à? – Thằng Mên hỏi lại, giọng nó ráo hoảnh như đã thức dậy từ lâu lắm rồi.

3. Điều gì khiến hai anh em Mên, Mon lo lắng khi thấy mưa to và nước đang dâng cao ngoài bãi sông? Chi tiết nào thể hiện rõ nhất điều đó?
4. Trong cuộc trò chuyện ở phần (2), Mon nói với Mên những chuyện gì? Nội dung cuộc trò chuyện ấy giúp em nhận ra được những nét tính cách nào của nhân vật Mon?
5. Nêu một số chi tiết miêu tả nhân vật Mên ở phần (3). Em hãy dựa vào các chi tiết đó để khái quát tính cách của nhân vật Mên.
6. Khi đọc đoạn văn miêu tả khung cảnh bãi sông trong buổi bình minh, em có ấn tượng nhất với chi tiết nào? Vì sao?
7. Trong đoạn kết của truyện, Mên và Mon hình như không hiểu rõ vì sao mình lại khóc. Em hãy giúp các nhân vật lí giải điều đó.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại sự việc bầy chim chìa vôi bay lên khỏi bãi sông bằng lời của một trong hai nhân vật Mon hoặc Mên (ngôi kể thứ nhất).

Thực hành tiếng Việt

MỞ RỘNG TRẠNG NGỮ CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ

❶ So sánh các câu trong từng cặp câu dưới đây và nhận xét về tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ:

a. – *Hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn.*

– *Suốt từ chiều hôm qua, nước bắt đầu dâng lên nhanh hơn.*

(Nguyễn Quang Thiều, *Bầy chim chìa vôi*)

b. – *Trong gian phòng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.*

– *Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những bức tranh của thí sinh treo kín bốn bức tường.*

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

Nhận biết tác dụng của việc mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ

- Trạng ngữ của câu có thể là một từ hoặc cụm từ. Ví dụ:

(1) *Đêm, trời mưa như trút nước.*

(2) *Đêm hôm đó, trời mưa như trút nước.*

- Trạng ngữ trong câu (1) là một từ, trạng ngữ trong câu (2) là cụm từ. Trạng ngữ trong câu (2) được mở rộng hơn so với trạng ngữ trong câu (1). Nhờ được mở rộng, trạng ngữ trong câu (2) cung cấp thông tin cụ thể hơn về thời gian của sự việc trời mưa như trút nước.

c. – Thế mà qua một đêm, trời bỗng đổi gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

– Thế mà qua một đêm mưa rào, trời bỗng đổi gió bắc, rồi cái lạnh ở đâu đến làm cho người ta tưởng đang ở giữa mùa đông rét mướt.

(Thạch Lam, *Gió lạnh đầu mùa*)

d. – Trên nóc một lô cốt, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.

– Trên nóc một lô cốt cũ kể bên một xóm nhỏ, người phụ nữ trẻ đang phơi thóc.

(Trần Hoài Dương, *Miền xanh thăm*)

2 Hãy viết một câu có trạng ngữ là một từ. Mở rộng trạng ngữ của câu thành cụm từ và nêu tác dụng của việc dùng cụm từ làm thành phần trạng ngữ của câu.

TỪ LÁY

3 Tìm từ láy và nêu tác dụng của việc sử dụng từ láy trong các câu sau:

a. Trong tiếng mưa hình như có tiếng nước sông dâng cao, xiên xiết chảy.

b. Tấm thân bé bỏng của con chim vụt bứt ra khỏi dòng nước và bay lên cao hơn lần cất cánh đầu tiên ở bãi cát.

c. Những đôi cánh mỏng manh run rẩy và đầy tự tin của bầy chim đã hạ xuống bên một lùm dứa dại bờ sông.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

Hãy kể tên một số miền quê của Việt Nam mà em từng đến thăm hoặc biết tới qua tác phẩm nghệ thuật (tranh ảnh, phim, thơ văn,...). Nơi nào đã để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?

ĐỌC VĂN BẢN

Đi lấy mật

Trích *Đất rừng phương Nam*⁽¹⁾, ĐOÀN GIỎI

Buổi sáng, đất rừng thật là yên tĩnh. Trời không gió, nhưng không khí vẫn mát lạnh. Cái lành lạnh của hơi nước sông ngòi, mương rạch, của đất ẩm và đường khí

Hình dung

Khung cảnh thiên nhiên qua cái nhìn của nhân vật An.

⁽¹⁾ *Đất rừng phương Nam* là cuốn tiểu thuyết nổi tiếng nhất của Đoàn Giỏi. Tác phẩm gồm 20 chương, đã được dựng thành phim *Đất phương Nam* (1997). *Đất rừng phương Nam* kể về cuộc sống của cậu bé An, lấy bối cảnh là miền Tây Nam Bộ những năm 50 của thế kỉ XX. Vì chiến tranh, An bị lạc mất gia đình và trở thành một đứa trẻ lang thang. Cậu được bố mẹ Cò cứu mang và trở thành con nuôi của họ. Sống với gia đình Cò, An được yêu thương như con đẻ và cũng học hỏi được nhiều điều mới lạ, thú vị. Đoạn trích *Đi lấy mật* là tên chương 9, kể lại một lần An theo tía nuôi (cha nuôi) và Cò đi lấy mật ong trong rừng U Minh.

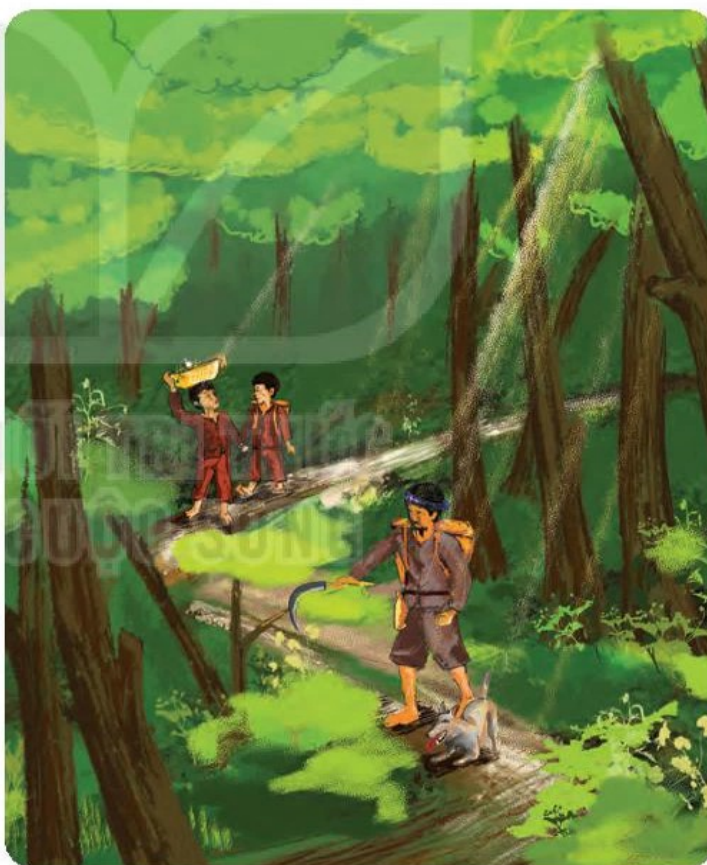
thảo mộc thở ra từ bình minh. Ánh sáng trong vắt, hơi gợn một chút óng ánh trên những đầu hoa trầm⁽¹⁾ rung rung, khiến ta nhìn cái gì cũng có cảm giác như là nó bao qua một lớp thủy tinh.

Tía nuôi tôi đi trước, bên hông lưng lửng chiếc túi da beo, lưng mang cái gùi⁽²⁾ bằng tre đan đã trát chai⁽³⁾, tay cầm chà gạc⁽⁴⁾. Lâu lâu, ông vung tay lên một cái, đưa con dao rìng rất sắc phật ngang một nhánh gai và dùng cái mẩu cong ở đầu lưỡi dao dài có đến sáu bảy tấc⁽⁵⁾ ấy lôi phăng nhánh gai chắn đường vút ra một bên để lấy lối đi. Thằng Cò đội cái thúng to tướng, trong thúng đựng một vò nước, mấy gói cơm nắm và cái áo ướt mồ hôi nó vừa cởi ra cuộn lại, trên thúng úp chiếc nón lá rách. Tôi đã chen vào giữa, quây tròn ten một cái gùi bé mà má nuôi tôi đã bơi xuống⁽⁶⁾ đi mượn của nhà ai ngoài xóm bìa rừng từ chiều hôm qua. Con Luốc chạy tung tăng sục sạo trong các bụi cây.

Lần đầu tiên tôi theo tía nuôi tôi và thằng Cò đi “ăn ong”⁽⁷⁾ đây! Mấy hôm trước, má nuôi tôi đã kể tỉ mỉ cho tôi nghe cách gác kèo ong thế nào, nhưng tôi vẫn chưa hình dung được “ăn ong” ra sao. Những điều má nuôi tôi kể, trong các sách giáo khoa không thấy nói. Khoa học tự nhiên ở trường chỉ mới cho tôi một khái niệm chung chung về xã hội loài ong, về những lợi ích của con ong, đại khái vậy thôi. Hiển nhiên từ những thời xa xôi thuở con người ăn lông ở lỗ cho đến ngày nay, người ta vẫn đi tìm lấy mật rừng bằng cách theo dấu đường bay của những con ong về tổ. Người ta phải khó nhọc lắm mới đưa được con ong rừng về nuôi thành con ong nhà, vì như thế, việc lấy mật sẽ dễ dàng và bảo đảm hơn.

Theo dõi

Chú ý những chi tiết miêu tả ngoại hình và cử chỉ của các nhân vật.



(1) Trầm: cây thân gỗ, vỏ cây dùng để trám thuyền, lá được sử dụng để làm dược liệu và tinh dầu.

(2) Gùi: đồ vật đan bằng mây, tre; được người dân vùng núi dùng để đựng đồ đạc, thường mang trên lưng.

(3) Chai: một loại nhựa cây, thường được dùng để trám vào các kẽ hở; quét, trát lên các đồ vật bằng tre, gỗ cho bền, không thấm nước.

(4) Chà gạc: dao đi rừng của người dân tộc thiểu số ở một số vùng.

(5) Tấc: đơn vị đo độ dài cũ, bằng một phần mười thước mộc (0,0425 m) hoặc bằng một phần mười thước đo vải (0,0645 m).

(6) Xuống: thuyền nhỏ không có mái che.

(7) Ăn ong: nuôi và lấy mật ong rừng.

Trong kho tàng kinh nghiệm của những nhà nuôi ong trên thế giới ghi chép trong các sách vở mà tôi được nghe thầy giáo tôi kể, không thấy có nơi nào nói đến việc lấy mật bằng cách gác kèo như má nuôi tôi đã bảo cho tôi nghe vừa rồi.

– Thôi, dừng lại nghỉ một lát. Bao giờ thằng An đỡ mệt, ăn cơm xong hẵng đi! – Tía nuôi tôi ra lệnh cho chúng tôi như vậy.

Quả là tôi đã mệt thật. Tía nuôi tôi chỉ nghe tôi thở đằng sau lưng ông thôi mà biết chứ ông có quay lại nhìn tôi đâu! Chúng tôi đã bơi xuống đi từ lúc gà vừa gáy rộ canh tư. Thằng Cò thì coi bộ chưa thấm tháp gì. Cặp chân của nó như bộ giò nai, lội suốt ngày trong rừng còn chả mùi gì nữa là!

Theo dõi

Chú ý những suy nghĩ của nhân vật An về tía nuôi, về Cò.

Tía nuôi tôi ngồi tựa lưng vào một gốc cây ngái, nhồi thuốc lá vào tẩu. Con chó săn trung thành bao giờ cũng ngồi bảo vệ bên chân chủ. Thằng Cò bung vò nước ra, ngửa cổ kê miệng vào vò uống nước ừng ực. Bỗng nó đặt vò nước xuống, thúc vào lưng tôi:

– Đồ mày biết con ong mật là con nào?

Hỏi xong, nó đưa tay trở lên phía trước mặt. Tôi đảo mắt nhìn khắp nơi vẫn không thấy gì. Rừng cây im lặng quá. Một tiếng lá rơi lúc này cũng có thể khiến người ta giật mình. Lạ quá, chim chóc chẳng nghe con nào kêu. Hay vẫn có tiếng chim ở một nơi xa lắm, vì không chú ý mà tôi không nghe chẳng?

Cao quá đầu tôi một vói tay, có những chấm đen không nhúc nhích. Đó là ruồi xanh đang bay đứng. Óng ánh lướt những lá bông súng dưới vũng kia là con chuồn chuồn bay ngang với những cánh mỏng và dài. Bé như hạt khế, cứ lắc lư lắc lư từ đất nhoi lên và đáp vào một cành ngái khô trên đầu tía nuôi tôi là điệu bay của con mối cánh.

– Chịu thua mày đó! Tao không thấy con ong mật đâu cả.

Thằng Cò nghe tôi chịu thua, nó bèn vênh mặt lên cười, quay sang tôi:

– Bây giờ mày cứ nhìn kĩ vào khoảng cách giữa hai nhánh tràm cao kia! Ờ! Đúng rồi. Nhìn một chỗ trống ấy thôi nhá. Nó tới liền bây giờ.

Theo dõi

Cò giảng giải cho An những gì?

Đã lâu lắm mà sao tôi chưa thấy gì cả. Tôi vừa toan đứng dậy thì tía nuôi tôi đã đến cầm tay tôi trở lên:

– Đó, con thấy nó chưa?

– Thấy rồi!

Tôi kêu khe khẽ. Ờ, phải rồi! Phải hết sức tinh mắt, thính tai mới tìm được những tay sứ giả của bình minh này. Một con... hai con... ba con... Rồi một đàn mười mấy con bay nối nhau như một xâu chuỗi hạt cườm, trong những tầng xanh cây lá, có một cái

chấm nâu đen cỡ đầu đũa vụt qua rất nhanh. Trên những ngọn tràm cao, đang lướt qua một đàn li ti như nắm trấu bay, phát ra những tiếng kêu eo... eo... eo... eo... Tiếng kêu thật nhỏ, không chú ý theo dõi thì không thể nào nghe được.

Hình dung

Vẻ đẹp phong phú, sống động của rừng.

Chúng tôi giờ những nắm cơm vắt⁽¹⁾ ra. Ăn xong, bảy giờ bóng nắng mới bắt đầu lên. Gió cũng bắt đầu thổi rạo rạo theo với khối mặt trời tròn đang tuôn ánh sáng vàng rực xuống mặt đất. Một làn hơi đất nhẹ nhẹ toả lên, phủ mờ những bụi cây cúc áo, rồi nhẹ nhẹ tan dần theo hơi ấm mặt trời. Phút yên tĩnh của rừng ban mai dần dần biến đi.

Chim hót líu lo. Nắng bốc hương hoa tràm thơm ngây ngất. Gió đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng. Mấy con kì nhông nằm vờn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh,... Con Luộc động đập cánh mũi, rón rén mò tới. Nghe động tiếng chân con chó săn nguy hiểm, những con vật thuộc loại bò sát bốn chân, to hơn ngón chân cái kia, liền quật chiếc đuôi dài chạy tứ tán. Con núp chỗ gốc cây thì biến thành màu xám vỏ cây. Con đeo trên tấm lá ngái thì biến ra màu xanh lá ngái.



Rừng tràm, Đồng Tháp

Chúng tôi tiếp tục đi tới một cái trảng⁽²⁾ rộng. Giữa vùng cỏ tranh khô vàng, gió thổi lao xao, một bầy chim hàng nghìn con vọt cất cánh bay lên. Chim áo già màu nâu, chim mạnh mẽ mỏ đỏ bóng như màu thuốc đánh móng tay, lại có bộ lông xám tro điểm những chấm trắng chấm đỏ li ti rất đẹp mắt... Những con chim nhỏ bay vù vù kêu líu ríu lượn vòng trên cao một chốc, lại đáp xuống phía sau lưng chúng tôi.

- Chim đẹp quá, Cò ơi! – Tôi tắc lưỡi, kêu lên.
- Thứ chim cỏ này mà đẹp gì!
- Ở đây chim nhiều quá. [...]

⁽¹⁾ *Cơm vắt*: cơm nắm.

⁽²⁾ *Trảng*: khoảng đất rộng không có cây hoặc ít cây giữa rừng hay giữa hai khu rừng.

– Thứ đồ bỏ, không ăn thua gì đâu. Mà mà gặp “sân chim” thì mà sẽ biết...

Nó nói một cách lơ là như vậy rồi cứ cặm cúi đội cái thúng đi. Tôi muốn hỏi về cái “sân chim”, nhưng vì tự ái và nghĩ nếu mình gặp cái gì cũng hỏi thì nó sẽ khinh mình dốt, bèn im im đi tới.

[...] Tôi chẳng hỏi gì thêm, cứ lặng thinh. Nó cũng không thèm chú ý đến vẻ mặt khó khăn của tôi, cứ nắm tay tôi lôi đi, lại còn khoát tay ra hiệu bảo tôi đi thật khẽ. Tôi nhìn theo ngón tay nó trở lên một kèo ong gác trên cây tràm thấp. Tổ ong kia rồi!

Sự mừng rỡ làm tôi quên phắt cái bực mình vừa qua. Tôi lại hỏi:

– Sao biết nó về cây này mà gác kèo?

– Thằng mau quên hé! Vậy chớ mấy bữa nay, má nói gì cho mà nghe đó? – Nó chành môi ra cười hì hì, trông cái miệng thấy ghét quá.

Tôi ngược nhìn tổ ong như cái thúng, lúc nhúc không biết bao nhiêu ong, dần dần nhớ lại lời má nuôi tôi kể:

– ... Rừng thì mênh mông, biết bao nhiêu cây! Một cây còn biết bao nhiêu nhánh! Biết con ong sẽ đóng tổ ở cây nào, nhánh nào? Có phải bạ chỗ nào nó cũng gói mật đâu! Nhưng làm nghề nào rồi khắc phải thạo nghề

ấy con ạ! – Má nuôi tôi đưa mắt trông ra những cánh rừng tràm lờ mờ khuất sau những bụi cây bình bát đại mọc quanh hè, ngẫm nghĩ một lúc rồi nói tiếp: – Gió thổi có hướng, cây tốt cũng có vùng. Chọn được vùng rừng tốt, biết rằng đến mùa xuân tràm sẽ kết nhiều hoa, mình mới định chỗ gác kèo. Phải xem hướng gió, tính trước đường bay của ong mật. Đó là những chỗ “ấm”, cây dày, không bị ngọn gió thốc thẳng vào và ít khi có những dấu chân người đi bắt rắn, người đốn củi lội đến...

– Kèo là gì, hờ má?

– Ờ, kèo cũng là nhánh tràm thôi. Nó to cỡ cổ tay, mang nhiều nhánh con tua tua vào quãng giữa. Mình chặt lấy một khúc dài non thước tây, một đầu có cái nhánh con dùng làm cái mấu. Chọn được vùng rồi, còn phải chọn cây nào vừa kín, vừa im, có ít nhiều bóng nắng kia! Con ong không thích đóng chỗ rợp. Ở những nơi đó, bao giờ mật cũng chua, dễ bị ỉm. Gác chiếc kèo chênh chếch lên cây tràm xong, phải “rửa” bớt⁽¹⁾ những nhánh chung quanh để khi lấy mật khỏi vướng. Kèo chặt vào khoảng giữa tháng Mười một. Những cơn mưa muộn sẽ rửa hết mùi sắt ở hai đầu kèo bị dao rựa chặt, và nhánh kèo cũng đủ thời gian khô đi, cũ đi, giống với những nhánh khô khác trên cây. Kèo nào còn mùi sắt của con dao mới chặt thì con ong mật chừa kị, nó không bao giờ đóng tổ đâu...

Tóm tắt

Nội dung câu chuyện của má nuôi An.

⁽¹⁾ Rửa bớt: tỉa, chặt bớt (nghĩa trong văn bản).

– Coi bộ cũng không khó lắm hở má?

Má nuôi tôi vò đầu tôi, cười rất hiền lành. Tôi cũng cười theo. Bà đằng hắng, nói:

– Chẳng dễ đâu, con ạ! Nhiều người trở thành “dân ăn ong” đã năm mười năm trong nghề, vậy mà gác kèo xong tới mùa mật, mang gùi lên lưng vào rừng, lại mang gùi không trở về.

– Ủa! Tại sao vậy, má?

– Định không đúng chỗ, đoán sai hướng gió chứ sao!

Mắt tôi vẫn không rời tổ ong lúc nhúc trên cây tràm thấp kia.

[...] Tôi ngồi nhìn lên kèo ong, thấy nó cũng giống như những tổ ong rừng vẽ trong sách vậy thôi. Nhưng có điều khác là không phải ngẫu nhiên mà nó đóng trên một cành cây nào đó. Chính tía nuôi tôi đã định sẵn cho chúng nó một nơi về đóng tổ... Theo như lời thầy giáo của tôi bảo, người La Mã xưa kia nuôi ong trong những cái tổ bằng đồng hình chiếc vại, có đục thủng nhiều hàng lỗ con vòng quanh miệng, quanh đáy. Người Mễ Tây Cơ⁽¹⁾ làm tổ nuôi ong bằng đất nung, như một cái ống có hai cái loa hai đầu, giữa lưng ống đắp một hình đầu người nho nhỏ làm vật trang trí, dùng hai sợi thừng treo lên cành cây. Người Ai Cập nuôi ong trong những tổ bằng sành, hình ống dài, xếp chồng lên nhau, đặt trên bãi cỏ. Ở Phi châu người ta đục ruỗng một khúc thân cây, vít kín hai đầu, chỉ chừa một lỗ khoét nho nhỏ cho ong ra vào, treo lên bằng một đoạn dây nhỏ có mấu. Ở xứ Tây Âu, tổ ong lại lợp, bện bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau... Không có nơi nào, xứ nào có kiểu tổ ong hình nhánh kèo như vùng U Minh này cả.

Những con ong vẫn nối cánh nhau bay đi bay về trên tổ, trước mặt chúng tôi kia. Con nào cũng lượn một vòng tròn trước khi đáp xuống. Người ta bảo rằng đó là vũ điệu báo hiệu của loài ong.

[...] Chúng tôi ngồi ăn cơm dưới một bụi cây tràm râm mát. Bóng nắng nghiêng nghiêng rọi chệch xuống chỗ tôi ngồi. Mấy con gấm ghi⁽²⁾ sắc lông màu xanh đang tranh nhau với bầy vẹt mỏ đỏ, giành mổ những quả chín trên cây bồ đề. Lâu lâu, vài ba trái quả vàng rụng rơi lộp bộp, lăn vào cạnh chân tôi như hòn bi.

Theo dõi

Ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật.

So sánh

Sự khác biệt trong cách “thuần hoá” ong rừng của người dân vùng U Minh.

(Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2015, tr. 148 – 159)

⁽¹⁾ *Mễ Tây Cơ*: Mê-xi-cô (Mexico).

⁽²⁾ *Gấm ghi*: một loài chim thuộc họ bồ câu.

SAU KHI ĐỌC

Đoàn Giỏi (1925 – 1989) quê ở Tiền Giang. Ông là nhà văn của miền đất phương Nam. Hầu hết sáng tác của Đoàn Giỏi đều viết về thiên nhiên, con người và cuộc sống nơi đây. Nhà văn đã tái hiện thành công vẻ đẹp của vùng đất phương Nam trù phú và những người dân Nam Bộ chất phác, thuần hậu, can đảm, trọng nghĩa tình. Lối miêu tả vừa hiện thực vừa trữ tình và ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương cũng góp phần quan trọng làm nên sức cuốn hút cho tác phẩm. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: *Đường về gia hương* (1948), *Cá bống mú* (1956), *Đất rừng phương Nam* (1957),...



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đoạn trích có những nhân vật nào? Em hãy chỉ ra mối quan hệ giữa các nhân vật đó.
2. Nêu cảm nhận về nhân vật tía nuôi của An. Cảm nhận của em dựa trên những chi tiết tiêu biểu nào?
3. Cảnh sắc thiên nhiên rừng U Minh được nhà văn tái hiện qua cái nhìn của ai? Em hãy nhận xét khả năng quan sát và cảm nhận về thiên nhiên của nhân vật ấy.
4. Theo em, nhân vật Cò là một cậu bé sinh ra và lớn lên ở đâu? Điều gì khiến em khẳng định như vậy?
5. Nhân vật An đã được nhà văn miêu tả qua những chi tiết nào (ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, cảm xúc, mối quan hệ với các nhân vật khác,...)? Em hãy dựa vào một số chi tiết tiêu biểu để khái quát đặc điểm tính cách của nhân vật An.
6. Đọc đoạn trích, em có ấn tượng như thế nào về con người và rừng phương Nam?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận của em về một chi tiết thú vị trong đoạn trích *Đi lấy mật*.



Thực hành tiếng Việt

MỞ RỘNG THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU BẰNG CỤM TỪ

- 1 Trong đoạn văn sau, Đoàn Giỏi đã sử dụng các câu mở rộng thành phần vị ngữ bằng cụm từ để miêu tả cảnh vật ở rừng U Minh. Hãy chỉ ra tác dụng của việc mở rộng thành phần vị ngữ.

Chim **hót líu lo**. Nắng **bốc hương hoa tràn thơm ngây ngất**. Gió **đưa mùi hương ngọt lan ra, phảng phất khắp rừng**. **Mấy con kì nhông nằm vườn mình phơi lưng trên gốc cây mục, sắc da lưng luôn luôn biến đổi từ xanh hoá vàng, từ vàng hoá đỏ, từ đỏ hoá tím xanh...**

2 Chủ ngữ trong các câu sau là một cụm từ. Hãy thử rút gọn các cụm từ này và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi chủ ngữ được rút gọn.

- a. **Một tiếng lá rơi lúc này** cũng có thể khiến người ta giật mình.
- b. **Phút yên tĩnh của rừng ban mai** dần dần biến đi.
- c. **Mấy con gấm ghi sắc lông màu xanh** đang tranh nhau với bảy vệt mỡ đỏ, giành mổ những quả chín trên cây bồ đề.

3 Vị ngữ trong các câu sau là một cụm từ. Hãy thử rút gọn các cụm từ này và nhận xét về sự thay đổi nghĩa của câu sau khi vị ngữ được rút gọn.

- a. **Mắt tôi vẫn không rời tổ ong lúc nhúc trên cây tràm thấp kia.**
- b. **Rừng cây im lặng quá.**
- c. **Ở xứ Tây Âu, tổ ong lại lợp, bện bằng rơm đủ kiểu, hình thù khác nhau...**

4 Các câu sau có thành phần chính là một từ. Hãy mở rộng thành phần chính của câu thành cụm từ.

- a. **Gió thổi.**
- b. **Không khí trong lành.**
- c. **Ong bay.**

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Ngàn sao làm việc

VÕ QUẢNG

Bóng chiều toả ra nhanh
Trên các bờ bụi rậm
Đồng quê đang xanh thẫm
Bống chóc trở tối mờ

Trâu tôi đã ăn no
Bước giữa trời yên tĩnh
Trâu tôi đi đủng đỉnh
Như bước giữa ngàn sao

Sông Ngân Hà⁽¹⁾ nao nao
 Chảy giữa trời lồng lộng.
 Sao Thần Nông⁽²⁾ toả rộng
 Một chiếc vó⁽³⁾ bằng vàng,
 Đón những sao dọc ngang
 Như tôm cua bơi lội.

Phía đông nam rời rợi
 Ai đặt một chiếc nom⁽⁴⁾
 Rờ rờ ngôi sao Hôm⁽⁵⁾
 Như đuốc đèn soi cá.

Bên trời thêm rộn rã
 Cả nhóm Đại Hùng tinh⁽⁶⁾
 Buông gàu bên sông Ngân
 Suốt đêm lo tát nước...

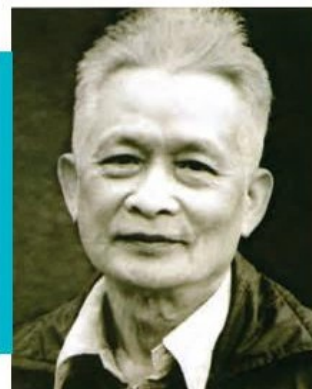
Ngàn sao vui làm việc
 Mãi đến lúc hừng đông
 Phe phẩy chiếc quạt hồng
 Báo ngày lên về nghỉ.



(*Tuyển tập Võ Quảng*, tập II,
 NXB Văn học, Hà Nội, 1998, tr. 170 – 171)

SAU KHI ĐỌC

Võ Quảng (1920 – 2007) quê ở Quảng Nam. Ông sáng tác thơ, truyện, viết kịch bản phim hoạt hình và dịch một số tác phẩm văn học nổi tiếng của thế giới. Một đời cầm bút, Võ Quảng đã dành trọn tình yêu, tài năng và tâm huyết cho trẻ em. Thơ viết cho thiếu nhi của Võ Quảng giản dị, trong sáng, gợi nhiều liên tưởng bất ngờ, độc đáo; ngôn ngữ, hình ảnh giàu chất tạo hình, giọng điệu hồn nhiên, ngộ nghĩnh, tươi vui. Nhiều tác phẩm của ông được các thế hệ người đọc yêu thích: *Nắng sớm* (1965), *Anh đom đóm* (1970), *Quê nội* (1974),...



⁽¹⁾ *Ngân Hà*: tên gọi của dải thiên hà, gồm rất nhiều ngôi sao tạo thành, còn gọi là sông Ngân. Vào những đêm trời quang, Ngân Hà hiện lên thành một dải trắng bạc nổi bật trên nền trời.

⁽²⁾ *Thần Nông*: chòm sao gồm 10 ngôi sao liên tưởng đến hình dáng của Thần Nông (một vị thần chuyên trông coi nghề nông theo quan niệm dân gian), trong đó 5 ngôi xếp thành hình cái mũ cánh chuồn, 5 ngôi còn lại tạo nên một đường cong trông giống hình tấm lưng hơi cúi xuống.

⁽³⁾ *Vó*: dụng cụ gồm có một mảnh lưới bốn góc mắc vào bốn gọng tre để kéo, dùng để bắt tôm, cá.

⁽⁴⁾ *Nom*: dụng cụ đan bằng tre, hình chuông, dùng để bắt cá.

⁽⁵⁾ *Sao Hôm*: tên gọi thông thường của sao Kim khi được nhìn thấy vào chiều tối.

⁽⁶⁾ *Đại Hùng tinh*: còn được gọi là chòm sao Gấu Lớn, gồm 7 ngôi sao, có hình dáng như một chiếc gàu múc nước.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Cảnh vật ở hai khổ thơ đầu được miêu tả trong khoảng thời gian, không gian nào?
2. Nhân vật “tôi” trong bài thơ là ai? Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật “tôi” trong hai khổ thơ đầu.
3. Nêu ấn tượng chung về khung cảnh bầu trời đêm hiện lên qua trí tưởng tượng của nhân vật “tôi”.
4. Đọc bốn khổ thơ cuối và thực hiện các yêu cầu sau:
 - a. Chỉ ra những hình ảnh so sánh được nhà thơ sử dụng để miêu tả dải Ngân Hà và các chòm sao Thần Nông, Đại Hùng; sao Hôm.
 - b. Tìm nét chung ở những hình ảnh so sánh trên.
 - c. Chọn phân tích một vài chi tiết gợi tả đặc sắc.

Viết

Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài

Để trình bày ngắn gọn nội dung chính của một văn bản, phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu,... người ta thường sử dụng thao tác tóm tắt văn bản. Ở bài học này, em sẽ học cách tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài, đảm bảo trung thành với nội dung chính của văn bản gốc.

Yêu cầu đối với văn bản tóm tắt:

- Phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.
- Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.
- Sử dụng các từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.
- Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài của văn bản tóm tắt.

Phân tích bài tóm tắt tham khảo

Tóm tắt văn bản *Sơn Tinh, Thủy Tinh* trong *Ngữ văn 6*, tập hai

Văn bản 1

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái xinh đẹp tên là Mị Nương. Sơn Tinh – chúa miền non cao và Thủy Tinh – chúa miền nước thẳm đều đến cầu hôn Mị Nương. Sơn Tinh mang đầy đủ lễ vật đến trước theo đúng yêu cầu của

nhà vua và rước được Mị Nương về. Thủy Tinh nổi giận, dâng nước đánh Sơn Tinh ròng rã mấy tháng nhưng bị thua, đành rút quân.

(Nhóm biên soạn)

Văn bản 2

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái xinh đẹp tên là Mị Nương. Nhà vua muốn kén cho con một người chồng thật xứng đáng. Một hôm, có hai chàng trai đến cầu hôn: một người là Sơn Tinh – chúa miền non cao, một người là Thủy Tinh – chúa miền nước thấp. Cả hai tài giỏi ngang nhau nên nhà vua không biết lựa chọn ai. Nhà vua bèn phán rằng hôm sau ai đem lễ vật đến trước sẽ được cưới Mị Nương. Lễ vật gồm: một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng và voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi. Hôm sau, Sơn Tinh đem đầy đủ lễ vật đến trước, rước được Mị Nương về. Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, nổi giận dùng dùng đem quân đuổi đánh để cướp Mị Nương. Thủy Tinh hô mưa gọi gió, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nhưng Sơn Tinh không hề nao núng mà bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi chặn dòng nước lũ. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng, sức của Thủy Tinh đã đuối nên đành chịu thua. Hằng năm, Thủy Tinh vẫn dâng nước lũ đánh Sơn Tinh nhưng đều thất bại.

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI TÓM TẮT

a. Đọc kĩ văn bản gốc

Muốn tóm tắt một văn bản, cần đọc kĩ để hiểu đúng nội dung của văn bản.

b. Xác định nội dung chính cần tóm tắt

- Xác định nội dung cốt lõi của toàn văn bản.
- Tìm ý chính của từng phần hoặc đoạn và xác định quan hệ giữa các phần hoặc các đoạn trong văn bản.
- Tìm các từ ngữ quan trọng của văn bản.
- Ghi ra giấy những ý chính của văn bản.

Ví dụ: Khi tóm tắt văn bản *Bầy chim chìa vôi*, em cần thực hiện các bước sau:

- Xác định đúng nội dung cốt lõi của văn bản: chuyện hai anh em Mên và Mon đi dò ra bãi cát giữa sông để cứu tổ chim sắp bị ngập nước và xúc động khi chứng kiến cảnh đàn chim bé bỏng “bút khỏi dòng nước khổng lồ bay lên”.

Mục đích viết

Trình bày ngắn gọn nội dung chính của một văn bản để lưu giữ làm tài liệu hoặc chia sẻ với người đọc.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến văn bản.

– Xác định các phần trong văn bản: theo dõi các phần của văn bản trong sách giáo khoa (đã được đánh số thứ tự).

– Tìm ý chính của từng phần: có thể dùng sơ đồ truyện để ghi lại ý chính của văn bản. Khi tóm tắt văn bản tự sự, cần quan tâm đến bối cảnh, nhân vật và sự việc tiêu biểu. Tham khảo sơ đồ sau:



c. Xác định yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt

– Xác định ý lớn và ý nhỏ của văn bản gốc.

– Tùy theo yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt mà lựa chọn ý lớn hay ý nhỏ từ văn bản gốc. Chẳng hạn, khi tóm tắt văn bản tự sự, để có văn bản tóm tắt ngắn gọn, cần chú ý lựa chọn các sự việc chính; còn để văn bản tóm tắt có dung lượng lớn hơn, cần mở rộng các sự việc bằng những chi tiết tiêu biểu trong văn bản gốc.

2 VIẾT VĂN BẢN TÓM TẮT

– Sắp xếp các ý chính của văn bản gốc theo một trình tự hợp lí.

– Dùng lời văn của em kết hợp với những từ ngữ quan trọng trong văn bản gốc để viết văn bản tóm tắt.

– Chú ý bảo đảm yêu cầu về độ dài của văn bản tóm tắt.

3 CHỈNH SỬA

Rà soát, tự chỉnh sửa văn bản tóm tắt của em theo những gợi ý trong bảng sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Nội dung đúng với văn bản gốc.	Lược bỏ các thông tin không có trong văn bản gốc và những ý kiến bình luận của người tóm tắt (nếu có).
Trình bày được những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc.	Bổ sung những ý chính, những điểm quan trọng của văn bản gốc (nếu thiếu); lược bớt các chi tiết thừa, không quan trọng (nếu có).

Sử dụng những từ ngữ quan trọng của văn bản gốc.	Bổ sung những từ ngữ quan trọng có trong văn bản gốc (nếu thiếu).
Đáp ứng được những yêu cầu khác nhau về độ dài.	Rút gọn hoặc phát triển văn bản tóm tắt để bảo đảm yêu cầu về độ dài.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm

Câu chuyện của các bạn nhỏ trong hai văn bản *Bầy chim chia vui* và *Đi lấy mật* chắc hẳn gọi cho em nhiều suy nghĩ và cảm xúc về thế giới tuổi thơ. Từ thực tế cuộc sống của mình và những điều học hỏi được qua sách báo, phương tiện nghe nhìn, em hãy trao đổi với các bạn về một vấn đề mà em quan tâm.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

– Dựa vào chính thực tế cuộc sống của mình và những điều em biết được từ sách báo, phương tiện nghe nhìn để trao đổi về một vấn đề mà em cho là quan trọng, có ý nghĩa. Tham khảo một số đề tài sau:

+ Trẻ em và việc sử dụng các thiết bị công nghệ (tivi, điện thoại, máy tính,...).

+ Trẻ em với nguyện vọng được người lớn lắng nghe, thấu hiểu.

+ Trẻ em với việc học tập.

+ Bạo hành trẻ em (trong gia đình, ngoài xã hội).

Ngoài những đề tài gợi ý trên, em cũng có thể tự tìm một đề tài mà mình am hiểu và cảm thấy có ý nghĩa để trình bày.

– Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày:

+ Nhớ lại những trải nghiệm của em.

Mục đích nói

Thuyết phục người nghe về ý kiến của em trước một vấn đề mà em cho là quan trọng, có ý nghĩa.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề được trao đổi.

+ Tìm thêm thông tin liên quan từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để có được cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn nói.

– Ghi ngắn gọn một số ý quan trọng cần trình bày như: vấn đề trao đổi và các biểu hiện của nó, ý kiến của em, tác động của vấn đề đối với trẻ em và bài học rút ra sau khi bàn luận.

Ví dụ: Trao đổi về vấn đề trẻ em cần được người lớn lắng nghe, thấu hiểu.

Em có thể tìm ý cho nội dung trao đổi bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như:

+ Theo em, người lớn đã thực sự lắng nghe, thấu hiểu những tâm tư, nguyện vọng của trẻ em chưa? Những biểu hiện nào cho thấy nhiều người lớn chưa thực sự lắng nghe và thấu hiểu trẻ?

+ Chuyện gì có thể xảy ra khi người lớn không lắng nghe, thấu hiểu trẻ? Em có thể lấy bằng chứng từ chính trải nghiệm của mình hoặc từ sách báo và các phương tiện nghe nhìn để thuyết phục người nghe.

+ Trẻ em mong muốn được người lớn lắng nghe, thấu hiểu những điều gì?

+ Trẻ em cần phải làm gì khi chưa được người lớn lắng nghe, thấu hiểu?

– Dự kiến các nội dung người nghe có thể trao đổi để chuẩn bị phản hồi.

b. Tập luyện

Để trình bày tốt bài nói của mình, trước đó, em cần chú ý tập luyện. Em có thể tập trình bày trước nhóm bạn hoặc người thân và lắng nghe các ý kiến nhận xét, góp ý để hoàn thiện bài nói.

2

TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Với tư cách người trình bày bài nói, em cần lưu ý:

– Trình bày bài nói theo các nội dung đã được chuẩn bị. Em có thể sử dụng các ghi chú để không bỏ sót những nội dung quan trọng:

+ Nêu vấn đề mà em quan tâm, quan điểm của em về vấn đề, tầm quan trọng của vấn đề đó đối với trẻ em và cả xã hội. Có thể thu hút người nghe bằng cách kể lại một câu chuyện ngắn gắn với trải nghiệm của em để giới thiệu vấn đề.

+ Trình bày các khía cạnh của vấn đề với lí lẽ và bằng chứng thuyết phục; kích thích sự trao đổi, đối thoại của người nghe.

+ Chú ý sử dụng từ ngữ để liên kết các ý trong bài trình bày như: *trước tiên, mặt khác, hơn nữa, không chỉ vậy,...* giúp cho các ý chính được thể hiện rõ ràng, chặt chẽ.

– Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe.

– Có thể sử dụng các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài thơ, bài hát,...) để bài nói thuyết phục hơn.

Với tư cách người nghe, em cần lưu ý:

- Tập trung lắng nghe nội dung trình bày của bạn.
- Ghi chép lại các ý quan trọng để nắm được nội dung chính của bài trình bày. Tóm tắt ý chính của bài nói cũng giống như tóm tắt một bài viết. Vì thế, em có thể vận dụng cách tóm tắt văn bản ở hoạt động viết vào việc nghe và tóm tắt ý chính của người nói.
- Chú ý thái độ và cách trình bày vấn đề của người nói.
- Ghi lại một số nội dung sẽ trao đổi với người nói.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như: • Những nội dung (hoặc những điểm) còn chưa rõ trong bài trình bày. • Ý kiến riêng của người nói về vấn đề được trao đổi. • Lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.	Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: • Giải thích thêm những chỗ người nghe chưa rõ. • Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng. • Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.

KẾT NỐI TRI THỨC Củng cố, mở rộng

1. Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền nội dung phù hợp:

STT	Văn bản	Đề tài	Ấn tượng chung về văn bản
1	<i>Bầy chim chìa vôi</i>		
2	<i>Đi lấy mật</i>		
3	<i>Ngàn sao làm việc</i>		

2. Chủ đề chung của ba văn bản đọc là *Bầu trời tuổi thơ*. Em thích chi tiết hoặc nhân vật nào trong ba văn bản đó? Hãy cho biết trải nghiệm nào của bản thân giúp em hiểu thêm về chi tiết hoặc nhân vật.

3. Hãy chọn một tác phẩm truyện mà em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Xác định đề tài của truyện.

b. Kể tên các nhân vật và nêu đặc điểm tính cách của nhân vật chính.

c. Liệt kê các sự việc tiêu biểu của cốt truyện. Dựa vào các sự việc đó để tóm tắt nội dung cốt truyện.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đề tài của văn bản.
- Những chi tiết miêu tả suy nghĩ của nhân vật Tốt-tô-chan (Tottochan) về Ya-ma-mô-tô Ya-sư-a-ki (Yamamoto Yasuaki).
- Đặc điểm tính cách của hai nhân vật Tốt-tô-chan và Ya-ma-mô-tô Ya-sư-a-ki.
- Bài học cuộc sống được gợi ra từ câu chuyện.

Ngôi nhà trên cây⁽¹⁾

Trích *Tốt-tô-chan bên cửa sổ*⁽²⁾, CƯ-RÔ-YA-NA-GI TÊ-SƯ-CÔ⁽³⁾
(Kuroyanagi Tetsuko)

[...] Khi ấy, một bạn nam ngồi phía sau Tốt-tô-chan đứng dậy đi lên bảng. Trên tay bạn cầm quyển vở. Có vẻ như bạn định đến chỗ cô giáo, cô đang giảng bài cho một bạn khác ở bàn bên cạnh bảng đen. Khi thấy bạn đi qua trước mặt, Tốt-tô-chan bèn thôi không nhìn ngang nhìn ngửa nữa, mà ngồi chống cằm, dán mắt vào nhìn bạn đi. Mỗi lần bạn bước đi, cái chân lại bị kéo lê theo. Người bạn lắc lư rất mạnh. Ban đầu Tốt-tô-chan còn tưởng bạn cố tình làm thế. Nhưng khi nhìn được một lúc, Tốt-tô-chan hiểu ra không phải bạn cố tình mà nó là như thế.

⁽¹⁾ Nhan đề do người biên soạn đặt.

⁽²⁾ *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* là tự truyện của Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô. Tác phẩm kể về cuộc sống của cô bé Tốt-tô-chan (*chan* là hậu tố trong tiếng Nhật dùng để cấu tạo tên gọi theo cách thân mật) với những trải nghiệm phong phú, thú vị ở trường Tô-mô-e (Tomoe). Thấy hiệu trưởng trường Tô-mô-e đã có ảnh hưởng đặc biệt quan trọng đối với cuộc đời của Tốt-tô-chan và nhiều học trò khác.

⁽³⁾ Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô sinh năm 1933 ở Tô-ki-ô (Tokyo), là diễn viên, nhà hoạt động xã hội nổi tiếng của Nhật Bản. Bà từng được bổ nhiệm làm Sứ giả thiện chí của UNICEF (Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc).

Khi bạn nam đó quay về chỗ ngồi, ánh mắt bạn bắt gặp ánh mắt Tốt-tô-chan, cô bé vẫn còn đang chống cằm nhìn. Bạn nhìn Tốt-tô-chan và mỉm cười. Tốt-tô-chan cũng vội mỉm cười đáp lại. Khi bạn ngồi vào ghế, bạn ngồi được vào ghế cũng lâu hơn các bạn khác, Tốt-tô-chan quay hẳn người xuống, hỏi:

– Sao cậu lại đi như thế?

Bạn nam nhẹ nhàng trả lời Tốt-tô-chan bằng giọng hiền lành. Tuy vậy giọng bạn nghe rất lạnh lợi:

– Minh bị bại liệt.

– Bại liệt?

Tốt-tô-chan hỏi lại vì chưa nghe thấy từ đó bao giờ. Bạn nam lại hạ thấp giọng hơn:

– Đúng rồi, bại liệt. Không chỉ có chân đâu. Cả tay nữa...

Nói xong, bạn ấy chìa tay ra, bàn tay với những ngón dài co quắp như dính cả vào nhau. Tốt-tô-chan nhìn bàn tay trái đỏ của bạn, lo lắng hỏi:

– Không chữa được à?

Bạn nam không nói gì. Tốt-tô-chan thấy buồn vì nghĩ mình đã hỏi điều không phải. Nhưng ngay lập tức, bạn ấy đã cất giọng hồ hởi:

– Minh tên là Ya-ma-mô-tô Ya-sur-a-ki. Còn cậu?

Tốt-tô-chan rất vui khi nghe thấy giọng nói khoẻ khoắn đó, liền nói thật to:

– Tốt-tô-chan!

Tình bạn của Ya-ma-mô-tô Ya-sur-a-ki và Tốt-tô-chan đã bắt đầu như thế đó.

[...] Ngày tiếp theo của ngày tiếp theo của buổi “dã ngoại” ở hội trường là ngày Tốt-tô-chan có một cuộc phiêu lưu mạo hiểm. Đó là cuộc hẹn với Ya-sur-a-ki-chan. Một cuộc hẹn hoàn toàn bí mật với bố, mẹ và cả người nhà Ya-sur-a-ki-chan nữa. Hẹn gì mà ghê vậy? À, chả là Tốt-tô-chan hẹn Ya-sur-a-ki-chan đến thăm cây của mình ấy mà. Gọi là cây của Tốt-tô-chan nhưng thật ra đó là một cái cây ở trường Tô-mô-e, mỗi học sinh trường Tô-mô-e được chọn riêng cho mình một cái cây để leo trèo. Cây của Tốt-tô-chan mọc ở góc sân trường, cạnh hàng rào, quay ra con đường nhỏ dẫn đến Cư-hôn-bút-sur (Kuhonbutsu). Cây đó khá to, lúc trèo tuy hơi trơn nhưng nếu trèo được lên rồi thì chỗ cách mặt đất khoảng hai mét sẽ có một cái chạc đôi, cái chạc này lại hơi trũng xuống trông giống như cái vũng. Vào giờ ra chơi hoặc sau khi tan học, Tốt-tô-chan thường leo lên đó, ngồi ngắm nhìn cảnh vật ở xa, ngắm bầu trời hoặc mọi người qua lại. [...]

Tuy nhiên, Ya-sur-a-ki-chan bị liệt nên chưa bao giờ trèo cây cũng như không có cây riêng. Tốt-tô-chan quyết định sẽ mời Ya-sur-a-ki-chan lên cây của mình nên đã hẹn với Ya-sur-a-ki-chan hôm nay. Tốt-tô-chan phải giữ bí mật vì sợ thế nào mọi người cũng phản đối.

[...] Khi Tốt-tô-chan đến trường với tấm vé tháng xe điện vẫn còn lúc lắc trên cổ thì đã thấy Ya-sur-a-ki-chan đứng cạnh luống hoa trong sân trường không có bóng người. Ya-sur-a-ki-chan chỉ hơn Tốt-tô-chan có một tuổi thôi nhưng lúc nào cũng nói năng như thể lớn hơn nhiều lắm.

Trông thấy Tốt-tô-chan, Ya-sur-a-ki-chan kéo lê đôi chân, tay vươn ra đằng trước, chạy lại phía Tốt-tô-chan. Nghĩ đây là một cuộc phiêu lưu hoàn toàn bí mật, Tốt-tô-chan càng thấy phấn chấn hơn, cứ nhìn mặt Ya-sur-a-ki-chan rồi cười “hi hi”. Ya-sur-a-ki-chan cũng cười theo. Sau đó, Tốt-tô-chan dẫn Ya-sur-a-ki-chan lại cái cây của mình. Như đã tính toán từ tối hôm trước, Tốt-tô-chan chạy đến kho đồ của bác quản trường, khệ nệ kéo ra một cái thang, dựng vào chỗ chạc đôi, nhanh chóng leo lên, giữ chặt đầu thang ở bên trên và nói vọng xuống:

– Được rồi đây, cậu leo lên đi!

Nhưng cả chân và tay Ya-sur-a-ki-chan đều rất yếu, không tài nào trèo lên được, dù chỉ là bậc đầu tiên. Thấy thế, Tốt-tô-chan lại thoăn thoắt leo xuống, lần này, Tốt-tô-chan đứng bên dưới, đỡ mông của Ya-sur-a-ki-chan và đẩy lên. Nhưng Tốt-tô-chan vừa nhỏ vừa gầy nên chỉ đỡ mông của Ya-sur-a-ki-chan thôi cũng hết sức rồi, chẳng còn sức đâu mà giữ cái thang đang đung đưa đung đưa nữa. Ya-sur-a-ki-chan bỏ chân ra khỏi bậc thang, im lặng, đứng cạnh cái thang, mắt nhìn xuống dưới. Lần đầu tiên Tốt-tô-chan cảm thấy việc này khó hơn mình tưởng. *Làm thế nào bây giờ...*

Nhưng dù thế nào thì Tốt-tô-chan cũng muốn Ya-sur-a-ki-chan trèo lên cây của mình vì Ya-sur-a-ki-chan đang rất háo hức. Tốt-tô-chan đi một vòng rồi dừng lại trước mặt Ya-sur-a-ki-chan, lúc này đang trông có vẻ buồn buồn. Tốt-tô-chan phồng má ra làm trò và đồng dục tuyên bố:

– Cậu đợi nhé! Tớ vừa nghĩ ra cái này hay cực!

Sau đó, Tốt-tô-chan lại chạy đến kho đồ, lôi hết cái này tới cái khác ra để xem đây có phải là *cái hay cực* không. Cuối cùng, Tốt-tô-chan phát hiện ra một cái thang gấp.

– Cái này thì không sợ rung nên chẳng cần phải giữ.

Tốt-tô-chan kéo cái thang ra chỗ cái cây. Tốt-tô-chan không ngờ là mình lại khỏe

đến thế. Lúc dựng cái thang lên thì nó cũng vừa gần đến chỗ chạc đôi. Tốt-tô-chan bảo Ya-sur-a-ki-chan, giọng như chị nói với em trai:

– Được chưa? Đừng sợ! Nó không rung nữa đâu.

Ya-sur-a-ki-chan nhìn cái thang với ánh mắt e dè rồi quay sang nhìn Tốt-tô-chan đang đầm đĩa mồ hôi. Ya-sur-a-ki-chan cũng đầm đĩa mồ hôi. Ya-sur-a-ki-chan ngược nhìn lên cái cây, sau đó, đặt bàn chân lên bậc thang đầu tiên với vẻ rất quyết tâm.

Cả Tốt-tô-chan và Ya-sur-a-ki-chan đều không rõ phải mất bao lâu để Ya-sur-a-ki-chan leo lên được bậc trên cùng. Dưới cái nắng hè gay gắt, cả hai chẳng nghĩ ngợi gì hết. Giờ chỉ cần Ya-sur-a-ki-chan leo được lên trên thôi. Tốt-tô-chan đứng bên dưới, tay nâng chân Ya-sur-a-ki-chan, còn đầu thì đỡ mông của Ya-sur-a-ki-chan. Ya-sur-a-ki-chan cũng hết sức cố gắng, cuối cùng cũng đã leo được lên bậc trên cùng.

– Hoan hô!

Nhưng giờ mới gọi là giây phút tuyệt vọng. Lúc này, Tốt-tô-chan đã leo lên chỗ chạc đôi. Ya-sur-a-ki-chan ở bậc trên cùng của cái thang, nhưng Tốt-tô-chan có kéo thế nào cũng không thể đưa Ya-sur-a-ki-chan từ trên cái thang sang bên cái cây được. Ya-sur-a-ki-chan vẫn bám vào cái thang, đưa mắt nhìn Tốt-tô-chan. Đột nhiên, Tốt-tô-chan muốn oà lên khóc.

Không thể thế này được. Mình mời Ya-sur-a-ki-chan lên cây của mình để chỉ cho Ya-sur-a-ki-chan xem rất nhiều thứ cơ mà...

Nhưng Tốt-tô-chan không khóc. Tốt-tô-chan mà khóc thì thế nào Ya-sur-a-ki-chan cũng sẽ khóc theo.

Tốt-tô-chan cầm bàn tay có các ngón đang dính chặt vào nhau vì bại liệt của Ya-sur-a-ki-chan. Bàn tay có các ngón tay to và dài hơn nhiều ngón tay của Tốt-tô-chan. Tốt-tô-chan cứ nắm bàn tay đó một lúc lâu, rồi nói:

– Cậu hãy nằm xuống đi, giống như lúc ngủ ấy. Mình sẽ thử kéo sang.

Chắc hẳn người lớn sẽ hét toáng lên khi trông thấy cảnh tượng lúc này: Ya-sur-a-ki-chan nằm sấp trên cái thang còn Tốt-tô-chan đứng trên chạc đôi, với tay sang. Hai bạn đã ở trong một tư thế nguy hiểm như thế đó.

[...] Bàn tay nhỏ bé của Tốt-tô-chan nắm chặt bàn tay của Ya-sur-a-ki-chan, cố gắng kéo bạn sang bên cái cây với tất cả sức lực của mình.

Thi thoảng, những đám mây lớn kéo tới che cho hai bạn khỏi cái nắng đang thiêu đốt.

Cuối cùng, hai bạn cũng có thể ngồi đối diện nhau trên cùng một cái cây. Tốt-tô-chan đưa tay vuốt mái tóc rẽ ngôi, cúi chào Ya-sur-a-ki-chan:

– Chào mừng cậu đến nhà tớ!

Ya-sur-a-ki-chan dựa vào thân cây, cười e thẹn:

– Xin phép cậu.



Đây là lần đầu tiên Ya-sur-a-ki-chan được nhìn thấy những cảnh vật như thế trong đời. Ya-sur-a-ki-chan sung sướng nói:

– Trèo lên cây là thế này hả, giờ tớ mới biết.

Sau đó hai bạn ngồi trên cây và nói rất nhiều chuyện.

(Cư-rô-ya-na-gi Tê-su-cô, *Tốt-tô-chan bên cửa sổ*, Trương Thuý Lan dịch, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2017, tr. 45 – 47, 96 – 102)

Tiếng tha thiết nói thường nghe như hát

Kể mọi điều bằng ríu rít âm thanh.

Lưu Quang Vũ

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Thuở ấu thơ, em đã được nghe những giai điệu yêu thương từ trái tim của ông bà, cha mẹ và những người thân yêu. Những giai điệu ấy gieo vào tâm hồn em những tình cảm tốt đẹp và qua năm tháng sẽ lớn lên thành tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,...
- Các bài thơ được viết theo thể bốn chữ, năm chữ và một văn bản kết nối về chủ đề trong bài học này là những cung bậc, giai điệu khác nhau của khúc nhạc tâm hồn, góp phần nuôi dưỡng, bồi đắp những giá trị nhân văn cao cả trong cuộc sống.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ và năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.
- Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Một số yếu tố hình thức của thơ bốn chữ và thơ năm chữ

- Thơ bốn chữ và thơ năm chữ là những thể thơ được gọi tên theo số chữ (tiếng) trong mỗi dòng thơ. Số lượng dòng trong mỗi bài không hạn chế. Bài thơ bốn chữ và năm chữ có thể chia khổ hoặc không.
- Cách gieo vần trong thơ bốn chữ và thơ năm chữ: vần thường được đặt ở cuối dòng, gọi là vần chân. Vần có thể gieo liên tiếp (vần liền) hoặc cách quãng (vần cách), cũng có thể phối hợp nhiều kiểu gieo vần trong một bài thơ (vần hỗn hợp),...
- Thơ bốn chữ thường ngắt nhịp 2/2; thơ năm chữ thường ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2. Tuy nhiên, nhịp thơ cũng có thể được ngắt linh hoạt, phù hợp với tình cảm, cảm xúc được thể hiện trong bài thơ.
- Thơ bốn chữ và thơ năm chữ gần gũi với đồng dao⁽¹⁾, vè⁽²⁾, thích hợp với việc kể chuyện; hình ảnh thơ thường dung dị, gần gũi.

Nói giảm nói tránh

Nói giảm nói tránh là biện pháp tu từ dùng cách nói làm giảm nhẹ quy mô, tính chất,... của đối tượng, hoặc tránh trình bày trực tiếp điều muốn nói để khỏi gây cảm giác đau buồn, ghê sợ hay để giữ phép lịch sự.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Đồng dao mùa xuân*, Nguyễn Khoa Điềm

VĂN BẢN 2. *Gặp lá cơm nếp*, Thanh Thảo

VĂN BẢN 3. *Trở gió*, Nguyễn Ngọc Tư

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Khi nghe nói đến cụm từ *thơ bốn chữ*, ý nghĩ đầu tiên xuất hiện trong tâm trí em là gì? Em biết những bài thơ bốn chữ nào? Hãy chia sẻ cảm xúc của em về một bài thơ bốn chữ.

⁽¹⁾ *Đồng dao*: thơ ca dân gian dành cho trẻ em. Đồng dao bao gồm nhiều loại: lời hát trong các trò chơi, bài hát ru em,... Thường gặp nhất là các bài đồng dao gắn liền với các trò chơi trẻ em. Đồng dao thường được làm theo thể bốn chữ hoặc năm chữ.

⁽²⁾ *Vè*: một thể loại tự sự dân gian, có hình thức văn vần, phổ biến mỗi dòng bốn hoặc năm chữ.

2. Chia sẻ cảm nhận của em về hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ.

ĐỌC VĂN BẢN

Đồng dao mùa xuân

NGUYỄN KHOA ĐIỂM

Có một người lính
Đi vào núi xanh
Những năm máu lửa.

Một ngày hoà bình
Anh không về nữa.

Có một người lính
Chưa một lần yêu
Cà phê chưa uống
Còn mê thả diều

Một lần bom nổ
Khói đen rừng chiều
Anh thành ngọn lửa
Bạn bè mang theo

Mười, hai mươi năm
Anh không về nữa
Anh vẫn một mình
Trường Sơn núi cũ

Ba lô con cóc
Tấm áo màu xanh
Làn da sứt rết
Cái cười hiền lành

Theo dõi

Số tiếng trong mỗi dòng thơ,
vần thơ, nhịp thơ.

Hình dung

Hình ảnh người lính trong
“những năm máu lửa”.

Hình dung

Hình ảnh người lính ở lại
nơi chiến trường xưa trong
tưởng tượng của tác giả.

Anh ngồi lặng lẽ
Dưới cội mai vàng
Dài bao thương nhớ
Mùa xuân nhân gian

Anh ngồi rục rĩ
Màu hoa đại ngàn
Mắt như suối biếc
Vai đầy núi non...

Tuổi xuân đang độ
Ngày xuân ngọt lành
Theo chân người lính
Về từ núi xanh...



(Thơ Nguyễn Khoa Điềm, Tuyển tập 40 năm do tác giả chọn,
NXB Văn học, Hà Nội, 2011, tr. 85 – 86)

SAU KHI ĐỌC

Nguyễn Khoa Điềm sinh năm 1943, quê ở Thừa Thiên – Huế. Thơ Nguyễn Khoa Điềm thể hiện tình yêu quê hương, đất nước tha thiết với nhiều suy tư sâu sắc. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: *Đất ngoại ô* (1972), *Mặt đường khát vọng* (1974), *Ngôi nhà có ngọn lửa ấm* (1986),...



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Cách chia khổ của bài thơ có gì đặc biệt? Hãy nêu tác dụng của cách chia đó.
2. Nêu nhận xét của em về số tiếng trong mỗi dòng và cách gieo vần, ngắt nhịp của bài thơ.
3. Đọc bài thơ, ta như được nghe một câu chuyện về cuộc đời người lính. Em hình dung câu chuyện đó như thế nào?
4. Hãy tìm những chi tiết khắc hoạ hình ảnh người lính. Qua các chi tiết đó, hình ảnh người lính hiện lên với những đặc điểm gì?
5. Nêu cảm nhận của em về tình cảm mà đồng đội và nhân dân dành cho người lính đã hi sinh được thể hiện trong bài thơ.
6. Theo em, tên bài thơ *Đồng dao mùa xuân* có ý nghĩa như thế nào?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ của em về hình ảnh người lính trong bài thơ.



BIỆN PHÁP TU TỪ

1 Nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ nào trong những dòng thơ sau đây? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

*Một ngày hoà bình
Anh **không** về nữa.*

2 Hãy tìm thêm một số ví dụ ngoài bài thơ *Đồng dao mùa xuân* có sử dụng biện pháp tu từ được dùng trong hai dòng thơ *Một ngày hoà bình/ Anh không về nữa*.

3 Xác định biện pháp tu từ trong những câu văn sau và nêu tác dụng:

a. *Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.*

(Tô Hoài, *Đế Mèn phiêu lưu kí*)

b. *Lắm khi em cũng nghĩ nỗi nhà cửa như thế này là nguy hiểm, nhưng em nghèo sức quá, em đã nghĩ ròng rã hàng mấy tháng cũng không biết làm như thế nào.*

(Tô Hoài, *Đế Mèn phiêu lưu kí*)

4 Xác định biện pháp tu từ điệp ngữ trong bài thơ *Đồng dao mùa xuân* và nêu tác dụng.

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

5 Xác định nghĩa của các từ ngữ *núi xanh* và *máu lửa* trong khổ thơ:

*Có một người lính
Đi vào núi xanh
Những năm máu lửa.*

Em căn cứ vào đâu để xác định như vậy?

6 Cho biết sự khác biệt về nghĩa của từ *xuân* trong các cụm từ *ngày xuân*, *tuổi xuân*, *đồng dao mùa xuân*.

Nhận biết biện pháp tu từ nói giảm nói tránh

Đọc những câu sau và chú ý các từ ngữ được in đậm:

(1) *Anh bạn dãi dẫu **không bước nữa**
Gục lên súng mũ **bỏ quên đời**.*

[...]

*Áo bào thay chiếu anh **về đất**
Sông Mã gầm lên khúc độc hành.*

(Quang Dũng, *Tây Tiến*)

Không bước nữa, bỏ quên đời, về đất là những cụm từ có sử dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh để nói về cái chết mà không gây ấn tượng đau thương, mất mát.

(2) *Thầy cô Pha chỉ chê có mỗi một câu: “Phải cái nhà nó **khí thanh bạch**” thì mẹ cô Pha kêu lên rằng: “Chao ôi, thầy nó chỉ nghĩ lẫn thần sự đời. Nghèo thì càng dễ ở với nhau. Tôi chỉ thích những nơi cũng tiêm tiem như mình”.*

(Tô Hoài, *Khách nợ*)

Khí thanh bạch là cụm từ có sử dụng biện pháp tu từ nói giảm nói tránh thay cho từ *nghèo* để giữ phép lịch sự.

Những cách nói giảm nói tránh thông dụng:

- Dùng các từ đồng nghĩa, đặc biệt là từ Hán Việt

Ví dụ: Cụ ấy *chết* rồi. => Cụ ấy *quy tiên* rồi.

- Dùng cách nói vòng

Ví dụ: Kết quả học tập của con dạo này *kém* lắm. => Con *cần phải cố gắng nhiều hơn nữa* trong học tập.

- Dùng cách nói phủ định

Ví dụ: Bông hoa này *xấu* lắm. => Bông hoa này *không đẹp*.

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Xác định bài thơ thuộc thể năm chữ trong số những bài thơ sau đây: *Chuyện cổ nước mình* (Lâm Thị Mỹ Dạ), *Chuyện cổ tích về loài người* (Xuân Quỳnh), *Mây và sóng* (R. Ta-go), *Bắt nạt* (Nguyễn Thế Hoàng Linh), *Những cánh bướm* (Hoàng Trung Thông).
2. Xôi là một trong những món ăn quen thuộc của người Việt. Chia sẻ cảm nhận của em về hương vị của món ăn đó.

ĐỌC VĂN BẢN

Gặt lá cơm nếp

THANH THẢO

Xa nhà đã mấy năm
 Thèm bát xôi mùa gặt
 Khói bay ngang tầm mắt
 Mùi xôi sao lạ lùng.

Mẹ ở đâu, chiều nay
 Nhặt lá về đun bếp
 Phải mẹ thổi cơm nếp
 Mà thơm suốt đường con.

Ôi mùi vị quê hương
 Con quên làm sao được
 Mẹ già và đất nước
 Chia đều nỗi nhớ thương.

Cây nhỏ rừng Trường Sơn
 Hiều lòng nên thơm mãi...

**Theo dõi**

Số lượng tiếng trong mỗi dòng,
 vần và nhịp thơ.

Hình dung

Hình ảnh người mẹ trong kí ức
 của người con.

Theo dõi

Tình cảm của người con
 dành cho mẹ và quê hương,
 đất nước.

(Thanh Thảo, *Dấu chân qua trăng cỏ*,
 NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015, tr. 38 – 39)

SAU KHI ĐỌC

Thanh Thảo sinh năm 1946, quê ở Quảng Ngãi. Ông là một nhà thơ, nhà báo, được công chúng chú ý qua những tập thơ và trường ca viết về chiến tranh và thời hậu chiến: *Những người đi tới biển* (1977), *Dấu chân qua trăng cỏ* (1978), *Những ngọn sóng mặt trời* (1981), *Khối vuông ru-bích* (1985), *Từ một đến một trăm* (1988),...



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Số tiếng trong một dòng, cách gieo vần, ngắt nhịp và chia khổ của bài thơ *Gặp lá cơm nếp* có gì khác với bài thơ *Đồng dao mùa xuân*?
2. Hãy nêu nhận xét về hoàn cảnh đã gợi nhắc người con nhớ về mẹ của mình. Trong kí ức của người con, hình ảnh mẹ hiện lên như thế nào?
3. Trong khổ thơ thứ ba, người con thể hiện những tình cảm, cảm xúc gì? Vì sao những tình cảm, cảm xúc ấy lại cùng trào dâng trong tâm hồn người con khi “gặp lá cơm nếp”?
4. Em cảm nhận như thế nào về hình ảnh người con trong bài thơ?
5. Theo em, thể thơ năm chữ có tác dụng gì trong việc thể hiện cảm xúc của nhà thơ?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nghĩ về tình cảm của người con đối với mẹ trong bài thơ *Gặp lá cơm nếp*.

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Trở gió

NGUYỄN NGỌC TƯ⁽¹⁾

Cuộc hẹn của chúng tôi không rõ ràng, mỗi năm gió lại đến bằng một ngày khác nhau. Nên vừa bước qua tháng Chín, tôi bắt đầu dòir chiếc chuông gió sang cửa sổ phía đông. Cuộc chờ đợi nhiều khi rất dài, đến nỗi quên phứt⁽²⁾ đi. Để rồi một sớm mai, bỗng nghe hơi thở gió rất gần. Thoạt đầu, âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tinh tang, thoảng và e dè, như ai đó đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái, như đang ngại ngần

⁽¹⁾ Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976, quê ở Cà Mau, sáng tác thành công ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tản văn, tiểu thuyết,... Văn của Nguyễn Ngọc Tư trong sáng, mộc mạc, thể hiện một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, giàu yêu thương. Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư được tập hợp trong một số cuốn sách tiêu biểu như: *Truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư* (2005), *Tập văn Nguyễn Ngọc Tư* (2005), *Không ai qua sông* (2016), *Biên sử nước* (2020),...

⁽²⁾ *Quên phứt* (như *quên phứt, quên bống*): quên hẳn đi, không còn nhớ đến.

không biết người xưa có còn nhớ ta không. Rồi nó mừng húm⁽¹⁾, khi nhận ra tôi chẳng quên được nó bao giờ [...]. Cái chuông gió với những âm thanh mỏng manh trở thành thứ đồ chơi lẳng nhách⁽²⁾, chẳng thể hiện nổi sự hùng hực, dạt dào của nó – bây giờ lớn thành một dòng gió, xấp xải⁽³⁾, cuồng quýt xốc vào tấm tôn bên chái⁽⁴⁾ đông đã bị đứt đinh từ mùa trước. Cồn cào. Nồng nhiệt. Mà thiệt dịu dàng. Ôi! Gió chường⁽⁵⁾.

Tôi thường đón gió chường về với một tâm trạng lộn xộn, ngổn ngang. Mừng đó rồi bực đó. Sao tôi lại chờ đợi nó, chẳng phải năm nào cũng vậy, lúc cầm cây chổi ra quét sân, đứng trong gió đầm đìa tôi cũng buồn, buồn muốn chết. Trời ơi, gió này là sắp hết năm đây, sắp già thêm một tuổi đây, mình đã kịp sống gì đâu, tay mình vẫn trắng như vôi... Mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được, như ai đó đuổi theo đằng sau, tôi gấp rỏi⁽⁶⁾ ăn, gấp rỏi nói, gấp rỏi cười, gấp rỏi khi ngày bắt đầu rụng xuống...

Nhưng tôi vẫn mong gió chường về. Sự chờ đợi đã thành thói quen của thời thơ ấu. Khi gió bắt đầu hiu hiu se lạnh, đám con nít nhảy cà tung⁽⁷⁾, háo hức vỗ tay cười, vậy là gần được sắm quần áo, dép mới rồi (nhà nghèo, cả năm chỉ được dịp này chứ mấy). Gió chường (và gió bắc⁽⁸⁾) với tôi là gió Tết, dù từ khi bắt đầu mùa gió đến Tết, mất gần ba tháng ròng. Má tôi cũng coi nó là gió Tết, nghe gió, má thuận miệng hát “Cây rồi mùa qua sông cây mươn. Ông trời ông thổi ngọn chường buồn cha chả là buồn...” rồi thở dài cái thượt “Ừ hự, lụi hụi mà hết năm...”. Dường như tâm trạng má khác tôi, những sợi gió cứ như xồn xang vào nỗi nghèo túng, sợ không lo nổi một cái Tết tử tế cho cả nhà.



⁽¹⁾ Mừng húm: mừng rơn, mừng đến mức có cảm giác rộn ràng trong lòng.

⁽²⁾ Lẳng nhách: rất chán và tẻ nhạt.

⁽³⁾ Xấp xải: vội vàng, gấp rút.

⁽⁴⁾ Chái: gian nhỏ lợp một mái tiếp vào đầu hồi theo lối kiến trúc dân gian.

⁽⁵⁾ Gió chường: gió mùa đông bắc, theo cách gọi của người Nam Bộ. Khi thổi mạnh, gió chường đưa nước mặn thâm nhập sâu vào các con sông, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất.

⁽⁶⁾ Gấp rỏi (như gấp rút): hết sức khẩn trương để có thể xong trong khoảng thời gian ngắn nhất.

⁽⁷⁾ Nhảy cà tung: nhảy cẫng lên.

⁽⁸⁾ Gió bắc: gió mùa đông bắc.

Má, tánh⁽¹⁾ lo xa. Chứ gió chướng vào mùa thì lúa cũng vừa chín tới, hi vọng rục lên theo màu lúa. Mùi rơm thơm rần rạ thổi ngang đồng, nỗi buồn lo của má tan không thành tiếng, tan mau như sương. Đáng chờ đợi lắm, vì mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch. Gió thổi tạnh ráo những đôi chân suốt một mùa đầm đĩa trên đồng bãi. Liếp⁽²⁾ mía đặt từ hồi tháng Hai, tháng Ba, đợi gió mới chịu giã, nước ngọt và trầu, cầm khúc mía trên tay, nghe nặng trĩu. Vú sữa chín cây lúc liu, căng bóng, [...] nửa đêm doi ăn rớt lịch bạch ngoài hè. Còn dưa hấu nữa, ui chao...

[...] Gió chướng với tôi, một đứa bập bôm⁽³⁾ văn chương, nó “gọi” khủng khiếp. Tôi vẫn thường hình dung, một mai mình đi xa, xa lắm, xa cả những mùa gió, hoặc đọc, hoặc ai đó nhắc chỉ gọn lỏn hai từ “gió chướng”, ngay lập tức tôi sẽ chết giấc⁽⁴⁾ trong nỗi nhớ quê nhà. Và những hình ảnh quen thuộc hàng hàng lữ lượt hiện ra, những núi rơm⁽⁵⁾ vương oằn nhánh me, giồng⁽⁶⁾ bạc hà cháy lá, con nước rong linh đình⁽⁷⁾ lém⁽⁸⁾ bờ sông, má đứng rê lúa⁽⁹⁾, trâu bay xà quần⁽¹⁰⁾ về cuối gió, vài buồng cau quả lúa thấp lửa trên cao, tiếng chày quét bánh phồng thâm u trong rừng dừa nước... Trời lúc nào cũng mát liu riu, nắng thức rất trễ, tầm tám giờ sáng mới thấy mặt trời ngai ngái lơ lơi, nắng không ra vàng không ra trắng, mây cụm lại rồi rã từng chùm trên đầu.

Ở đó, siêu thị chất đầy những dưa hấu, dưa kiệu, dưa hành, bánh chưng, bánh tét, liệu ở đó, có ai bán một mùa gió cho tôi?

(Nguyễn Ngọc Tư, *Tạp văn Nguyễn Ngọc Tư*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr. 7 – 10)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Gió chướng được tác giả miêu tả qua những chi tiết, hình ảnh nào?
2. Hãy chỉ ra những biểu hiện của tâm trạng “lộn xộn, ngổn ngang” ở nhân vật “tôi” khi gió chướng về. Theo em, lí do nào khiến nhân vật “tôi” luôn mong ngóng, chờ đợi gió chướng?
3. Vì sao tác giả khẳng định “mùa gió chướng cũng là mùa thu hoạch”?

⁽¹⁾ *Tánh*: tính.

⁽²⁾ *Liếp*: luống.

⁽³⁾ *Bập bôm* (như *bập bôm*): biết một cách không chắc chắn và không đầy đủ, chỗ được chỗ không.

⁽⁴⁾ *Chết giấc*: ở đây có nghĩa là lặn đi vì xúc động mạnh.

⁽⁵⁾ *Núi rơm*: rơm bị kết thành từng búi (nghĩa trong văn bản).

⁽⁶⁾ *Giồng*: dải đất phù sa nổi cao lên, thường ở ven sông.

⁽⁷⁾ *Con nước rong linh đình*: dòng nước lớn, lênh đênh, nay đây mai đó vô định.

⁽⁸⁾ *Lém*: mập mé (nghĩa trong văn bản).

⁽⁹⁾ *Rê lúa*: làm sạch thóc bằng cách cầm nghiêng miệng thúng cho thóc rơi từ trên cao xuống trước gió để những hạt lép và bụi bắn bay đi.

⁽¹⁰⁾ *Xà quần*: luẩn quẩn, loanh quanh, di chuyển thành vòng tròn nhiều lần xung quanh một chỗ.

4. Câu văn cuối cùng của văn bản gợi cho em suy nghĩ gì?
5. Nêu cảm nhận của em về tình cảm, cảm xúc của tác giả được thể hiện trong văn bản.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

- 1 Em có nhận xét gì về cách dùng từ *gấp* trong nhan đề bài thơ *Gấp lá cơm nếp*?
- 2 Nêu cách hiểu của em về cụm từ *thơm suốt đường con* trong khổ thơ sau:

Mẹ ở đâu, chiều nay
Nhặt lá về đun bếp
Phải mẹ thổi cơm nếp
Mà thơm suốt đường con.

- 3 Ta thường gặp những cụm từ như *mùi vị thức ăn*, *mùi vị trái chín*, *mùi vị của nước giải khát*,... Nghĩa của *mùi vị* trong những trường hợp đó có giống với nghĩa của *mùi vị* trong cụm từ *mùi vị quê hương* hay không? Vì sao?
- 4 Nêu nhận xét về cách kết hợp giữa các từ trong hai dòng thơ *Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương*. Theo em, hiệu quả của cách kết hợp đó là gì?

BIỆN PHÁP TU TỪ

- 5 Chỉ ra các biện pháp tu từ trong những câu sau và nêu tác dụng:
 - a. *Mỗi lần gió về lại cảm giác mình mất một cái gì đó không rõ ràng, không giải thích được, như ai đó đuổi theo đằng sau, tôi gấp rĩn ăn, gấp rĩn nói, gấp rĩn cười, gấp rĩn khi ngày bắt đầu rụng xuống...*
 - b. *Thoạt đầu, âm thanh ấy sẽ sàng từng giọt tinh tang, thoảng và e dè, như ai đó đứng đằng xa ngoắc tay nhẹ một cái, như đang ngại ngùng không biết người xưa có còn nhớ ta không.*
- 6 Trong những câu sau, biện pháp tu từ nhân hoá mang lại hiệu quả gì?
 - a. *Trời lúc nào cũng mát liu liu, nắng thức rất trễ, tầm tám giờ sáng mới thấy mặt trời ngai ngái lơ lửng, nắng không ra vàng không ra trắng, mây cụm lại rồi rã từng chùm trên đầu.*
 - b. *Để rồi một sớm mai, bỗng nghe hơi thở gió rất gần.*

A. Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

Thế giới xung quanh ta thật đẹp và có biết bao điều thú vị khiến ta mong muốn được lưu giữ lại. Những bức tranh, bức ảnh, bản nhạc, trang văn và cả những vần thơ có thể giúp ta thực hiện điều đó. Ở phần Đọc, em đã được làm quen với những bài thơ bốn chữ và năm chữ, nhận biết những đặc điểm cơ bản của các thể thơ này. Hãy vận dụng những hiểu biết đó để tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ về một sự vật, cảnh sắc, câu chuyện,... khơi gợi trong em nhiều cảm hứng nhất.

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. Xác định đề tài và cảm xúc

Em có thể chọn bất cứ đề tài nào mà em yêu thích như nhà trường, gia đình, thiên nhiên, quê hương, đất nước,... và ghi lại cảm xúc về đối tượng được nói đến. Đó có thể là những cảm xúc như yêu mến, xúc động, lưu luyến, băng khuâng, nhớ nhung, biết ơn, tự hào,...

b. Tìm hình ảnh để biểu đạt cảm xúc

– Sau khi đã xác định được đề tài và cảm xúc, em hãy tìm hình ảnh để thể hiện cảm xúc đó. Ví dụ, nếu định viết về một vẻ đẹp của thiên nhiên, em có thể dùng hình ảnh bông hoa, chiếc lá, giọt sương, áng mây,... để gửi gắm cảm xúc của mình. Nếu có cảm xúc băng khuâng, lưu luyến khi về nghỉ hè, chia tay thầy cô, bạn bè, mái trường, em có thể dùng hình ảnh hoa phượng rơi, chiếc trống trường nằm yên, sân trường vắng,... để thể hiện cảm xúc.

– Tiếp theo, em hãy liên tưởng, tưởng tượng, kết nối sự vật, hiện tượng trong mối quan hệ với nhau và với con người để mạch cảm xúc được thể hiện và phát triển một cách tự nhiên. Chẳng hạn miêu tả hình ảnh áng mây, em có thể triển khai cảm xúc theo hướng tả cảnh mây bay (mây xuất hiện khi nào, ở đâu, mây màu gì, có hình thù như thế nào, bay lững lờ chậm chạp hay bay nhanh hối hả; những sự vật, hiện tượng thiên nhiên xung quanh như mặt trời, mặt trăng, những vì sao, ánh sáng,... có đặc điểm ra sao); hoặc tưởng tượng về hành trình “du lịch” của áng mây (mây bay về đâu, gặp gỡ những ai, trò chuyện những gì, “cuộc đời” của mây kết thúc thế nào,...).

– Thể hiện cảm xúc của mình về sự vật, hiện tượng đó, chẳng hạn niềm xúc động về sự mong manh của áng mây trước gió hay vòng tuần hoàn của các hiện tượng thiên nhiên,...

c. Tập gieo vần

Chọn thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ và tìm vần thích hợp. Để tập gieo vần, em hãy tìm những tiếng thích hợp cho những chỗ trống trong các dòng thơ sau đây:

– Vần liền:

*Ai là bạn gió
Mà gió đi tìm
Bay theo cánh ...
Lùa trong tán lá*

*Gió nhớ bạn ...
Nên gõ cửa hoài.*

(Theo Ngân Hà, Bạn của gió)

– Vần cách:

*Nhà trẻ con đã quen
Không còn hờn khóc nữa
Nhưng cứ độ tan tâm
Con lại ra đứng ...*

*Mong mẹ và mong bố
Mắt nhìn về phố đông
Ôi tâm lòng thơ nhỏ
Đã thuộc giờ ngóng ...*

*Thành phố rộng mênh mông
Bao la chiều gió thổi
Ở cuối con đường kia
Có con đang đứng ...*

(Theo Lưu Quang Vũ, Buổi chiều đón con)

– Vần hỗn hợp:

*Mặt trời thổi lửa
Sông biển bốc hơi
Hơi bay cao vút
Thành mây lung ...*

*Mây hồng nhẹ trôi
Mây xanh đậm thắm
Dịu dàng mây ...
Thần thơ mây vàng*

*Mây đen lang ...
Thân mình nặng trĩu
Gió trêu tí xiu
Đã vội khóc oà.*

(Theo Hoàng Lữ, Mây khóc)

– Suy nghĩ về đề tài mà em đã chọn: hình dung trong tâm trí các hình ảnh nổi bật, từng để lại cho em ấn tượng sâu đậm; xác định cảm xúc của em về đối tượng; lựa chọn những từ ngữ có khả năng khắc hoạ rõ nét hình ảnh và diễn tả chính xác cảm xúc.

– Quyết định chọn thể thơ và viết một hoặc hai dòng thơ đầu tiên theo đúng thể thơ đã chọn (bốn chữ hoặc năm chữ) diễn tả ấn tượng, cảm xúc nổi bật của em về đối tượng. Chú ý phần vần ở những tiếng cuối để tiếp tục gieo vần chân ở những dòng sau. Có thể ngắt nhịp linh hoạt, phù hợp với cảm xúc được thể hiện trong bài thơ.

– Những dòng tiếp theo có thể triển khai cụ thể hơn, chẳng hạn miêu tả chi tiết các đặc điểm của đối tượng, kể về đối tượng; có thể diễn đạt dưới hình thức tâm tình, trò chuyện với đối tượng,...

– Sử dụng những từ ngữ biểu đạt cảm xúc và những biện pháp tu từ như so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, điệp ngữ,...

– Có thể kết thúc bài thơ theo nhiều cách khác nhau: sử dụng hình ảnh gây ấn tượng, nêu cảm nghĩ về đối tượng được nói đến trong bài thơ, dùng câu hỏi tu từ,... để tạo dư âm trong người đọc.

Sau khi đã hoàn thành, em hãy đọc lại thật kĩ bài thơ. Hãy kiểm tra xem bài thơ em vừa làm đã đáp ứng được các yêu cầu chung của bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ chưa. Có thể chỉnh sửa để hoàn thiện bài thơ theo gợi ý sau:

Yêu cầu đối với bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ	
Hình thức nghệ thuật	Số tiếng trong mỗi dòng thơ (bốn tiếng hoặc năm tiếng)
	Các dòng thơ bắt vần với nhau (vần liền, vần cách, vần hỗn hợp)
	Nhịp thơ phù hợp với cảm xúc
	Hình ảnh để biểu đạt cảm xúc
	Biện pháp tu từ để tăng tính gợi hình, gợi cảm
Nội dung	Cảm xúc của em
	Thông điệp mà em gửi gắm qua bài thơ

B. Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ

Ở lớp 6, em đã được tìm hiểu và thực hành cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. Trong phần Viết của bài học này, em sẽ tiếp tục được học cách viết một đoạn văn như thế.

Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ:

- Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu được ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.
- Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.
- Khái quát được cảm xúc về bài thơ.

Phân tích bài viết tham khảo

Đồng dao mùa xuân - một bài thơ xúc động về người lính

Đồng dao mùa xuân của Nguyễn Khoa Điềm là bài thơ viết về người lính hi sinh nơi chiến trường Trường Sơn trong “Những năm máu lửa”. Tác phẩm thể hiện tình cảm tiếc thương, sự trân trọng, lòng biết ơn,... với những con người đã hiến dâng tuổi thanh xuân cho đất nước. Có nhiều dòng thơ thấm thía nỗi đau mất mát: “Anh không về nữa”, “Anh vẫn một mình”, “Anh ngồi lặng lẽ”,... trước sự ra đi của người lính trẻ “Chưa một lần yêu... Còn mê thả diều”. Hình ảnh anh bộ đội bình dị, thân quen với màu áo xanh, ba lô con cóc, làn da sốt rết và đặc biệt là “Cái cười hiền lành” khiến nỗi tiếc thương càng thêm sâu sắc. Nhưng bài thơ không để lại cảm giác bi thương, nặng nề nhờ cách tác giả cảm nhận và khắc họa hình tượng người chiến sĩ đã hi sinh. Anh vẫn ở bên đồng đội trên con đường chiến đấu: “Anh thành ngọn lửa/ Bạn bè mang theo”. Anh hoá thân vào sắc hoa rực rỡ, màu suối biếc xanh, vào vóc dáng núi non hùng vĩ. “Ngày xuân ngọt lành” của người lính ấy không bao giờ mất đi mà sẽ từ núi xanh trở về, hồi sinh trong các thế hệ sau, trong mùa xuân đất nước. Những cảm xúc đẹp đẽ đọng lại trong tâm hồn người đọc còn được nhân lên từ hình thức nghệ thuật đặc sắc của bài thơ. Nhan đề *Đồng dao mùa xuân*, nhịp điệu của thể thơ bốn chữ, các biện pháp tu từ so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, nói giảm nói tránh,... mang đến cho tác phẩm giọng điệu tươi trẻ của một khúc đồng dao. Người đọc tưởng như nghe vang lên đâu đây lời hát của những đứa trẻ hồn nhiên, tung tăng trên những cánh đồng quê, hạnh phúc trong cuộc sống thanh bình được các anh bảo vệ, gìn giữ. Những sắc màu tươi đẹp: *núi xanh, tấm áo màu xanh, mai vàng, suối biếc* và sức sống bất diệt của *mùa xuân, tuổi xuân, ngày xuân* cứ ngời lên bất chấp khói lửa, đạn bom. Bài thơ không chỉ ngợi ca sự hi sinh thầm lặng, lớn lao, cao cả của những người lính mà còn khẳng định sự tiếp nối thiêng liêng giữa các thế hệ để làm nên đất nước muôn đời.

Giới thiệu tên bài thơ và tác giả.

Nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.

Diễn tả cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.

Khái quát cảm xúc về bài thơ.

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn bài thơ

Có thể chọn bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ viết về những đề tài như tình cảm gia đình, tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước,... Điều quan trọng là bài thơ ấy để lại trong em nhiều ấn tượng, cảm xúc.

b. Tìm ý

Em hãy thực hiện những thao tác sau đây để tìm ý:

- Đọc bài thơ nhiều lần để có được cảm nhận chung về bài thơ.
- Nêu cảm xúc về nét đặc sắc của bài thơ trên các phương diện: chủ đề, cảm xúc của nhà thơ, thể thơ, vần, nhịp, yếu tố tự sự, yếu tố miêu tả, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,...
- Ghi lại cảm xúc chung của em về bài thơ.

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm được thành dàn ý, gồm các phần như sau:

Dàn ý

- *Mở đoạn*: Giới thiệu tác giả và bài thơ; nêu ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.
- *Thân đoạn*: Nêu cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.
- *Kết đoạn*: Khái quát cảm xúc về bài thơ.

2 VIẾT BÀI

Dựa vào dàn ý đã lập, em viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh. Trong quá trình viết, hãy lưu ý:

- Đoạn văn cần có đầy đủ ba phần Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn.
- Các câu trong đoạn tập trung thể hiện nội dung chính của đoạn, sử dụng các từ ngữ liên kết.
- Lựa chọn từ ngữ phù hợp để thể hiện cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ (thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...).
- Trình bày đúng hình thức đoạn văn: viết lùi đầu dòng chữ đầu tiên của đoạn văn, chữ cái đầu phải được viết hoa, kết thúc đoạn văn bằng dấu chấm câu.

Mục đích viết

Chia sẻ cảm xúc của bản thân về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ, giúp người đọc cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài thơ.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người mong muốn cảm nhận được cái hay, cái đẹp của bài thơ.

Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được tác giả và bài thơ; nêu được ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.	Nếu còn thiếu, hãy bổ sung.
Diễn tả được những cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.	Đối chiếu với mục tìm ý xem đoạn văn đã nêu được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ chưa. Nếu còn thiếu hoặc diễn đạt chưa rõ, chưa phù hợp, hãy bổ sung, điều chỉnh.
Khái quát được cảm xúc về bài thơ.	Đọc lại phần cuối của đoạn văn, kiểm tra xem đã khái quát được cảm xúc về bài thơ chưa. Hãy bổ sung nếu còn thiếu.
Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... và chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc)

Ở phần Đọc, hai bài thơ *Đồng dao mùa xuân* và *Gặp lá cơm nếp* hẳn đã gợi cho em những suy nghĩ về người lính, về tình yêu đất nước, về sự hoà quyện giữa tình yêu gia đình với tình yêu quê hương,... Trong phần Nói và nghe dưới đây, em sẽ chia sẻ suy nghĩ về một vấn đề đời sống được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc để phát triển kĩ năng nói của bản thân. Sự hấp dẫn và thuyết phục trong cách trình bày, tinh thần cầu thị khi tiếp thu ý kiến nhận xét của người nghe, cách trao đổi với bạn trên tinh thần tôn trọng lẫn nhau,... là những điều em sẽ được rèn luyện trong phần thực hành này.

1

TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

– Trước hết, em cần dựa vào các tác phẩm văn học đã đọc kết hợp với chính trải nghiệm của bản thân và thông tin từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để chọn một nội dung phù hợp.

Mục đích nói

Chia sẻ suy nghĩ của bản thân về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học) và thuyết phục người nghe về vấn đề đó.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến vấn đề em nói.

Chẳng hạn, ngoài chủ đề về người lính, về tình yêu đất nước, về sự hoà quyện giữa tình yêu gia đình với tình yêu quê hương, em cũng có thể nói về lòng biết ơn đối với những người đang hằng ngày cống hiến cho xã hội một cách thầm lặng, về những đổi thay của cuộc sống hôm nay,...

– Sưu tầm tranh ảnh, bài hát, bài thơ, đoạn phim ngắn,... để minh hoạ cho bài nói.

– Lập dàn ý cho bài nói. Chẳng hạn, nếu em chọn trình bày suy nghĩ về hình ảnh người lính thì các ý chính có thể là: vẻ đẹp của người lính, những biểu hiện cụ thể của vẻ đẹp ấy, suy nghĩ của em về vẻ đẹp của người lính,...

+ Giới thiệu về người lính (người lính nói chung hay người lính ở một binh chủng, đơn vị cụ thể), ấn tượng chung của em về người lính đó.

+ Nêu cụ thể những việc làm, hành động của người lính đã để lại ấn tượng đậm nét cho em (cần chú ý dựng lại được bối cảnh thời gian, không gian của các việc làm, hành động đó).

+ Nêu những suy nghĩ của em về việc làm của người lính, rút ra bài học từ thái độ sống và tinh thần xả thân vì nhân dân của người lính.

b. Tập luyện

Để bài nói đạt kết quả tốt, em hãy tập luyện trước khi trình bày.

– Em có thể tập nói một mình để tự điều chỉnh ngôn ngữ cơ thể và ngữ điệu nói sao cho phù hợp. Em cũng có thể tập nói trước bạn bè, người thân và nhờ họ góp ý.

– Điều chỉnh dung lượng bài nói sao cho phù hợp với thời gian quy định.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

– Trình bày đầy đủ, mạch lạc những nội dung đã chuẩn bị.

– Kết hợp trình bày bài nói với việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài thơ minh hoạ,...

– Chú ý điều chỉnh âm lượng, tốc độ nói, sắc thái biểu cảm phù hợp với nội dung nói; thể hiện sự tương tác tích cực với người nghe.

– Trình bày bài nói trong thời gian quy định.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Nhận xét về bài trình bày của bạn với thái độ chân thành, tinh thần xây dựng. Có thể trao đổi về một số nội dung như: • Bài nói đã thể hiện rõ suy nghĩ của người nói về vấn đề đời sống chưa? • Nội dung bài nói có thuyết phục không? • Người nói đã sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) phù hợp với nội dung trình bày chưa? • Hiệu quả của các phương tiện hỗ trợ (tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài thơ,...) trong khi trình bày thế nào?	Lắng nghe, phản hồi những ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: • Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng. • Giải thích những chỗ người nghe còn thắc mắc. • Bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng.

Củng cố, mở rộng

1. Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về đặc điểm của hai bài thơ *Đồng dao mùa xuân*, *Gặp lá cơm nếp*:

Bài thơ	Nội dung chính	Đặc điểm nghệ thuật				
		Thể thơ	Vần	Nhịp	Hình ảnh	Biện pháp tu từ

2. Nhà thơ Thế Lữ từng viết: “Vội Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu” (*Cây đàn muôn điệu*). Qua những văn bản thơ được học trong bài này, theo em, người đọc có thể nghe được những điệu đàn nào của tâm hồn con người?

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Những nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ: thể thơ, từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...
- Vẻ đẹp của sông Thương khi chiều buông.
- Cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ về sông Thương, về quê hương quan họ,...

Chiều sông Thương

HỮU THỈNH⁽¹⁾

Đi suốt cả ngày thu
vẫn chưa về tới ngõ
dùng đăng hoa Quan họ
nở tím bên sông Thương

nước vẫn nước đôi dòng
chiều vẫn chiều lười hái
những gì sông muốn nói
cánh buồm đang hát lên

đám mây trên Việt Yên
rủ bóng về Bô Hạ
lúa cúi mình giấu quả
ruộng bồi con gió xanh

nước màu đang chảy ngoan
giữa lòng nương máng nổi
mạ đã thò lá mới
trên lớp bùn sênh sang⁽²⁾

cho sắc mặt mùa màng
đất quê mình thịnh vượng
những gì ta gửi gắm
sắp vàng hoe bốn bên

hạt phù sa rất quen
sao mà như cổ tích
mây cô coi máy nước
mắt dài như dao cau

ôi con sông màu nâu
ôi con sông màu biếc
dâng cho mùa sắp gặt
bồi cho mùa phơi thai

nắng thu đang trải đầy
đã trắng non mui bưởi
bên cầu con ghé đợi
cả chiều thu sang sông.

(Hữu Thỉnh, *Tiếng hát trong rừng*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2015, tr. 34 – 36)



⁽¹⁾ Hữu Thỉnh sinh năm 1942, quê ở Vĩnh Phúc. Thơ Hữu Thỉnh thể hiện tình cảm sâu lắng, thiết tha và sự gắn bó với đất nước, con người, cảnh sắc Việt Nam; ngôn ngữ thơ giản dị mà tinh tế. Tác phẩm chính: *Đường tới thành phố* (1979), *Thương lượng với thời gian* (2005), *Tiếng hát trong rừng* (2015),...

⁽²⁾ *Sênh sang*: lảng muốt, mịn mòng.

CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG

Tình yêu thương là câu trả lời cho mọi thứ.

Ray Brát-bơ-ry (Ray Bradbury)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Như cây cối khi bắt rễ vào đất sẽ xanh tươi, đơm hoa kết trái, con người có cội nguồn yêu thương làm điểm tựa sẽ hạnh phúc và luôn vững vàng trên hành trình trưởng thành.
- Đọc hiểu các tác phẩm truyện và một văn bản kết nối về chủ đề trong bài học này, em sẽ có thêm cơ hội để khám phá và cảm nhận một cách sâu sắc hơn về những nguồn mạch yêu thương nuôi dưỡng tâm hồn con người.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.
- Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.
- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.
- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương.

Đọc

TRI THỨC NGŨ VĂN

Thay đổi kiểu người kể chuyện

- Trong một truyện kể, nhà văn có thể sử dụng nhiều ngôi kể khác nhau. Có tác phẩm sử dụng hai, ba người kể chuyện ngôi thứ nhất; có tác phẩm lại kết hợp người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba.
- Sự thay đổi kiểu người kể chuyện luôn thể hiện ý đồ nghệ thuật của tác giả. Mỗi ngôi kể thường mang đến một cách nhìn nhận, đánh giá riêng, khiến câu chuyện được soi chiếu từ nhiều chiều, trở nên phong phú, hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa.

Số từ và phó từ

- Số từ là những từ chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật.
- Phó từ là những từ chuyên đi kèm để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (trích), Nguyễn Ngọc Thuần

VĂN BẢN 2. *Người thầy đầu tiên* (trích), Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp

(Chingiz Aitmatov)

VĂN BẢN 3. *Quê hương*, Tế Hanh

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Kể tên một số loài hoa em biết. Em có thể “nhận ra” các loài hoa ấy bằng những cách nào?
2. Theo em, nhan đề *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* gợi điều gì thú vị?

Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ⁽¹⁾

Trích, NGUYỄN NGỌC THUẦN

Nhà tôi có khu vườn rất rộng. Bố trồng nhiều hoa. Buổi chiều ra đồng về, bố thường dẫn tôi ra vườn, hai bố con thi nhau tưới. Bố làm cho tôi một bình tưới nhỏ bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay. Bố lại lấy hộp lon gò thành cái vòi sen nữa. Bố hay bảo tôi nhắm mắt lại, sau đó dẫn tôi đi chạm từng bông hoa một. Bố nói:

– Đố con hoa gì?

Tôi luôn nói sai. Nhưng bố nói không sao cả, dần dần tôi sẽ nói đúng. Những buổi chiều tôi hay nhắm mắt sờ những bông hoa rồi tập đoán. Tôi đoán được hai loại hoa: hoa mồng gà và hoa hướng dương. Bố cười khà khà khen tiến bộ lắm! Một hôm khác, tôi đoán được ba loại hoa. Bố nói:

– Phen này con sẽ đoán được hết các loại hoa của bố mất thôi!



Và đúng như vậy, không bao lâu, tôi đã đoán được hết vườn hoa. Từ trong nhà ra ngoài vườn, tôi có thể chạm bất cứ loại cây nào và nói đúng tên của nó. Tôi cũng đã thuộc khu vườn. Tôi có thể vừa nhắm mắt vừa đi mà không chạm vào vật gì. Những lúc rảnh rỗi, bố hay đứng trong vườn rồi đố tôi tìm ra bố. Bố nói:

– Bố thấy con hé mắt!

Theo dõi

Những chi tiết trong lời kể về bố của nhân vật “tôi”.

Theo dõi

Lời nói, cử chỉ, hành động của các nhân vật.

⁽¹⁾ *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* gồm những câu chuyện ngắn được kể bằng lời của nhân vật Dũng – một cậu bé mười tuổi có tâm hồn trong sáng, tinh tế. Cậu bé kể về những trải nghiệm, những vui buồn trong cuộc sống hằng ngày. Qua cái nhìn trong trẻo, ấm áp của trẻ thơ, cả một thế giới hiện lên vừa gần gũi, thân thương vừa phong phú, bí ẩn, đầy sức cuốn hút.

Tôi cãi lại:

– Không! Con không có hé mắt. Con biết chỗ cây hoàng lan mà!

– Thật không? – Bố giả vờ nghi ngờ.

Trò chơi này không chỉ diễn ra ngoài vườn mà còn trong nhà. Bố hay giấu cục kẹo dâu đỏ rồi đổ tôi, và lần nào tôi cũng tìm thấy. Bố còn đổ khi tôi nhắm mắt, bố đứng cách tôi bao xa.

Lúc đầu tôi luôn đoán sai nhưng sau thì đúng dần. Mỗi lần như thế, bố đều lấy thước ra đo đường hoàng.

Bây giờ, khi đang còn vui đùa trong mền⁽¹⁾, tôi vẫn biết bố đang cách xa tôi bao nhiêu mét khi chỉ cần nghe tiếng bước chân. Trò chơi này làm chú Hùng ngạc nhiên lắm. Chú cứ hay nghi ngờ rằng không thể được, cháu đã ăn gian. Cháu hé mắt. Thế là tôi lặp lại trò chơi cho đến khi chú phải thốt lên:

– Thật không thể tin nổi, cháu có *con mắt thần*!

Trò chơi này, tôi có một kỉ niệm đáng nhớ. Sau nhà tôi có một con sông nhỏ. Những ngày nghỉ bố hay dẫn tôi ra đó tắm. Bố tôi bơi giỏi lắm. Bố có thể lặn một hơi dài đến mấy phút. Hôm đó, khi cả nhà đang ăn cơm thì bỗng nghe một tiếng hét lớn. Sau đó hoàn toàn im lặng. Mọi người nhìn quanh, không biết tiếng hét xuất phát từ hướng nào. Nhưng tôi đã nói ngay:

– Cách đây khoảng ba chục mét, hướng này!

Mẹ tôi chồm dậy:

– Chết rồi, ngoài bờ sông!

Bố quăng chén⁽²⁾ com rồi băng vườn chạy ra... Tôi và mẹ chạy theo, quả nhiên đúng như vậy. Dưới cái hụp xoáy, một thằng bé chơi với chỉ còn lòi ngón chân.

Nó là thằng Tí, con bà Sáu. Nhân buổi trưa, nó trốn ra bờ sông vọc nước, không ngờ trượt chân té⁽³⁾ xuống. Bố tôi ẵm nó về nhà. Bụng nó đầy nước, bố phải nắm ngược hai chân dốc xuống như làm xiếc. Sau đó cả xóm mới hay tin chạy ra. Người ta bu quanh tôi, hỏi đủ chuyện. Bà Sáu còn cảm ơn tôi. Bà khóc. Bà nói không có tôi, thằng Tí con bà sẽ chết. Nhiều người không tin rằng tôi có thể lắng nghe âm thanh tài tình như vậy bèn thử tài, thật *may phước* lần nào tôi cũng đoán trúng. Họ hỏi làm sao biết hay vậy. Bố nháy mắt và chúng tôi cười ồ. Tôi biết đó là một bí mật, không thể tiết lộ! Một bí mật

Suy luận

Vì sao nhân vật “tôi” có thể giúp bố cứu được bạn Tí?

⁽¹⁾ Mền: chăn.

⁽²⁾ Chén: bát.

⁽³⁾ Té: ngã.

giữa bố và tôi. Nhưng tôi đã hứa, tôi sẽ chỉ cho thằng Tí bí mật này. Nó là bạn thân của tôi mà. Tôi thấy tên nó đẹp hơn mọi tên, khi đọc lên, âm thanh cứ du dương như một bài hát.

Ở trường tôi hay gọi nó:

– Tí, Tí!

Nó hỏi:

– Cái gì?

Tôi mỉm cười:

– Chẳng có gì!

Nó ngạc nhiên lắm. Nó không hề biết rằng tôi đang nghe âm thanh từ cái tên của nó.

Bố tôi nói, mỗi cái tên là một âm thanh tuyệt diệu. Người càng thân với mình bao nhiêu thì âm thanh đó càng tuyệt diệu bấy nhiêu.

Tôi tin bố. Tôi hay gọi tên bố chỉ để nghe âm thanh.

[...] Thằng Tí hay đem cho bố tôi những trái ổi. Nó trèo cây giỏi lắm, nhà nó có một vườn ổi. Những trái ổi to được nó lựa để dành cho bố đều có bích ni lông bọc lại đàng hoàng. Những trái ổi như thế bao giờ cũng vừa to vừa mềm, cắn vào rất *đã*. Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.

Tôi nói:

– Sao bố kính trọng nó quá vậy?

Bố cười xoa:

– Không phải đâu, bố không cưỡng lại được trước *món quà*. Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó. – Bố còn nói thêm. – Một nụ hôn cũng là một món quà sang trọng. Một giấc ngủ của tôi cũng chính là một món quà, cả con người tôi đều là món quà của bố.

Tôi đi nhẹ ra vườn. Tôi hiểu, khu vườn là món quà bất tận của tôi. Mỗi bông hoa là một món quà nhỏ, một vườn hoa là món quà lớn. Tôi nhắm mắt và chạm tay rồi gọi tên từng món quà. Tôi chạm phải bố. Tôi la lên:

– A! Món quà của *tui*⁽¹⁾ đây rồi. Ôi cái món quà này *bự* quá!

Suy luận

Vì sao nhân vật “tôi” thích gọi tên bạn Tí và bố?

Theo dõi

Cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” khi nghe bố giảng giải về những món quà.

⁽¹⁾ *Tui*: tôi.

Bố lại nghĩ ra trò chơi khác. Thay vì chạm vào hoa, bây giờ tôi chỉ ngửi rồi gọi tên nó. Bố đưa bông hoa trước mũi tôi rồi nói, hoa gì? Trò chơi cứ được diễn ra liên tục cho đến hồi tôi nhận diện được tất cả mùi hương của các loài hoa.

Đêm, tôi mở cửa sổ và nói:

– Hoa hồng đang nở kìa bố ơi!

Bố không tin, xách đèn ra soi và đứng vậy. Những bông hoa cứ đem hương đến cửa sổ như báo cho tôi biết từng mùa. Hoa gì nở sớm, hoa gì nở muộn. Tôi còn phân biệt cùng một lúc *những* hoa gì đang nở. Bố nói tôi có cái mũi tuyệt nhất thế giới!



Bạn hãy tưởng tượng, một buổi sáng mờ sương. Bạn vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, và bạn chợt hiểu khu vườn nói gì. Bạn hiểu bây giờ là mùa gì và bông hoa nào đang nở, tên gì. Từng tiếng bước chân trong vườn, bạn biết chính xác người có bước chân đó cách xa bạn bao nhiêu mét. Bạn còn biết tiếng chân đó là của ai, bố hay mẹ. Bạn sẽ giả vờ hỏi:

– Ai đó? Có phải là người *khách lạ* không?

– Không. Tôi là khách quen! – Người đó trả lời.

Bạn sẽ nói:

– Khách quen sao tui không biết vậy cà⁽¹⁾? Tui nghe bước chân lạ lắm.

– Đó là tại vì tui đang hồi hộp. Tui thấy khu vườn nở nhiều hoa quá.

– Hoa hồng và mào gà phải không?

– Ôi! Sao anh biết hay quá vậy?

⁽¹⁾ *Vậy cà*: như *vậy nhỉ*, là những từ chêm vào cuối câu để biểu thị sự ngạc nhiên về điều gì đó.

Bạn sẽ nói to lên:

- Tại vì tôi có *con mắt thần*.
- Con mắt thần nằm ở đâu vậy?
- Nằm ở *mũi* tui.

Đó chính là một điều bí mật mà tôi muốn chia sẻ với bạn. Bạn hãy thử đi rồi sẽ thấy, khu vườn sẽ lớn lên rất nhiều. Những bông hoa thơm hơn và khi nhắm mắt, bạn vẫn nhìn thấy nó. Không chỉ vậy, bạn còn thấy nguyên cả khu vườn. Bạn có thể nhìn thấy bông hồng ngay trong đêm tối. Đêm bạn nằm, đắp chăn kín người nhưng bạn vẫn có thể *đi dạo*. Bạn sẽ không bao giờ lạc trong bất cứ một khu vườn nào, bởi vì, những bông hoa sẽ chỉ lối cho bạn, một lối đi an toàn và thơm ngát.

Và lúc đó, bạn sẽ tiếc lắm nếu thế giới này vắng đi những bông hoa. Bạn sẽ tự hỏi, tại sao trong khu vườn không có người *dẫn lối*? Người ta sẽ ngạc nhiên hỏi lại, người dẫn lối nào? Bạn sẽ từ từ nói, đó là NHỮNG BÔNG HOA...

Những bông hoa chính là người *đưa đường*!

(Nguyễn Ngọc Thuận, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014, tr. 41 – 49)

Theo dõi

Điều bí mật nhân vật “tôi” muốn chia sẻ là gì?

SAU KHI ĐỌC

Nguyễn Ngọc Thuận sinh năm 1972 ở Bình Thuận. Ông là cây bút chuyên sáng tác cho trẻ em. Tác phẩm của Nguyễn Ngọc Thuận mang đến một thế giới trong trẻo, tươi mới, ấm áp, đầy chất thơ. Ở đó, có bao nhiêu sợi tơ của niềm yêu thương, trù mến kết nối tâm hồn mỗi chúng ta với thiên nhiên, với con người, cuộc sống. Nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi của Nguyễn Ngọc Thuận được độc giả rất yêu thích: *Một thiên nằm mộng* (2001), *Trên đồi cao chẵn bấy thiên sứ* (2003), *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (2004),...



Em có biết?

Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ đã giành được giải thưởng Pi-tơ Pen (Peter Pan) – giải thưởng của Ủy ban Quốc tế về sách dành cho thiếu nhi tại Thụy Điển năm 2008 và được dịch ra nhiều thứ tiếng (Anh, Thụy Điển, Thái Lan, Hàn Quốc,...).

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nhân vật “tôi” đã được bố dạy cho cách “nhìn” đặc biệt như thế nào để nhận ra những bông hoa trong vườn?
2. Nhân vật người bố chủ yếu được miêu tả qua lời kể của nhân vật nào? Việc lựa chọn người kể chuyện như vậy có tác dụng gì?
3. Nêu cảm nhận về tính cách của nhân vật người bố. Chỉ ra một số chi tiết giúp em có những cảm nhận đó.
4. Vì sao nhân vật “tôi” có thể biết chính xác tiếng kêu cứu của bạn Tí vang lên từ đâu? Chi tiết này có mối liên hệ với chi tiết nào trước đó?
5. Liệt kê những chi tiết tiêu biểu miêu tả cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về bố và bạn Tí. Những chi tiết đó cho thấy đặc điểm tính cách nào của nhân vật “tôi”?
6. Khi “vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ”, nhân vật “tôi” đã phát hiện được những “bí mật” gì? Theo em, những “bí mật” ấy mang lại điều gì cho cuộc sống hằng ngày của nhân vật?
7. Em có đồng tình với những điều nhân vật người bố nói về các “món quà” không? Vì sao?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một “món quà” em đặc biệt yêu thích.

Thực hành tiếng Việt

SỐ TỪ

1. Tìm số từ trong các câu sau:
 - a. Buổi chiều ra đồng về, bố thường dẫn tôi ra vườn, hai bố con thi nhau tưới.
 - b. Bố làm cho tôi một bình tưới nhỏ bằng cái thùng đựng sơn rất vừa tay.
 - c. – Cách đây khoảng ba chục mét, hướng này!
2. Tìm số từ chỉ số lượng ước chừng trong các câu sau:
 - a. Bố có thể lặn một hơi dài đến mấy phút.
 - b. Tôi còn về vài ngày nữa là khác.
 - c. Tôi nghe nói bà về đây một hai hôm rồi đi.

Tìm thêm ba số từ chỉ số lượng ước chừng khác và đặt câu với mỗi từ.

Nhận biết số từ

Số từ có thể được phân chia thành hai nhóm:

- Số từ chỉ số lượng gồm các số từ chỉ số lượng xác định (*một, hai, ba,...*) và số từ chỉ số lượng ước chừng (*vài, dăm, mười, dăm bảy, ba bốn,...*). Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ.

Ví dụ:

(1) Tôi đoán được **hai** loại hoa: hoa mồng gà và hoa hướng dương.

Số từ *hai* trước danh từ *loại* chỉ số lượng xác định.

(2) Chúng tôi gặp nhau và nói **dăm ba** câu chuyện.

3 Trong câu: “*Nó là thằng Tí, con bà Sáu.*”, từ *Sáu* có phải là số từ không? Vì sao từ này được viết hoa?

4 Trong câu: “*Bụng nó đầy nước, bố phải nằm ngược hai chân dốc xuống như làm xiếc.*”, có số từ *hai* kết hợp với *chân* (*hai chân*). Trong tiếng Việt, bên cạnh *hai chân* còn có *đôi chân*. Hãy tìm thêm những trường hợp tương tự và cho biết sự khác nhau về nghĩa giữa cụm từ có số từ *hai* và cụm từ có danh từ đơn vị *đôi* chỉ số lượng trong mỗi trường hợp.

5 Có những số từ vốn chỉ số lượng xác định nhưng trong một số trường hợp lại mang nghĩa không xác định. Ví dụ: *Một nghề cho chín còn hơn **chín** nghề.* Từ **chín** thứ hai là số từ chỉ số lượng xác định nhưng ở đây lại mang nghĩa biểu trưng là nhiều (nhiều nghề). Hãy tìm một thành ngữ có số từ được dùng theo cách như vậy và giải thích nghĩa của thành ngữ đó.

Số từ *dăm ba* trước danh từ *câu chuyện* chỉ số lượng ước chừng.

● Số từ chỉ thứ tự thường kết hợp với các từ *thứ, hạng, loại, số*, đứng sau danh từ trung tâm, thể hiện thứ tự của sự vật được nêu ở danh từ trung tâm.

Ví dụ: *Tôi ngồi bàn thứ **nhất**.*

Số từ *nhất* kết hợp với từ *thứ* (*thứ nhất*) đứng sau danh từ *bàn* chỉ số thứ tự của sự vật.

Cần phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng như: *đôi, chục, tá,...* Những danh từ này có thể kết hợp với số từ ở trước và các từ *ấy, này,...* ở sau (*ba đôi ấy, hai chục này,...*) còn số từ thì không.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

Hãy kể ngắn gọn về một thầy, cô giáo mà em đặc biệt yêu quý.

ĐỌC VĂN BẢN

Người thầy đầu tiên⁽¹⁾

Trích, TRIN-GHI-DỠ AI-TỎ-MA-TỐP

(1)

Mùa thu năm ngoái tôi nhận được một bức điện từ làng tôi gửi đến. Bà con trong làng mời tôi về dự buổi khánh thành ngôi trường mới do nông trường xây dựng.

Nhận biết

Người kể chuyện ở đây là ai?

⁽¹⁾ *Người thầy đầu tiên* là truyện vừa, lấy bối cảnh cuộc sống ở một vùng quê miền núi còn rất lạc hậu ở Cư-rơ-gư-dơ-xtan (Kyrgyzstan) vào những năm đầu thế kỉ XX. Nhân vật chính là An-tư-nai (Altynai), một cô bé mồ côi, phải sống với gia đình chú thím, bị đối xử tàn nhẫn,... Thầy Duy-sen (Dyuishen) đã kiên trì dạy An-tư-nai học chữ, hết lòng bảo vệ và giúp An-tư-nai có cơ hội lên thành phố tiếp tục việc học hành. An-tư-nai rất yêu quý thầy Duy-sen nhưng do hoàn cảnh, thầy trò phải xa cách rồi bất tin nhau. Mấy chục năm sau, An-tư-nai đã là một viện sĩ, trở về thăm làng và gặp lại người thầy đầu tiên của mình trong một tình huống rất éo le. Bà đã viết thư nhờ người họa sĩ đồng hương kể lại câu chuyện về thầy Duy-sen như một hành động chuộc lỗi.

Tôi lập tức quyết định về làng, vì làm sao tôi có thể ngồi nhà trong một ngày vui của quê hương như thế được. Tôi còn về trước vài ngày nữa là khác. Tôi định bụng về sẽ dạo quanh, ngắm cảnh và vẽ ít bức kí hoạ⁽¹⁾. Trong số những người được mời về dự hoá ra có cả bà viện sĩ Xu-lai-ma-nô-va (Sulaimanova). Tôi nghe nói bà về đây một hai hôm rồi đi thẳng lên Mát-xcơ-va (Moskva).

[...] Thế là bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va ra đi. Tôi trở lại thành phố và mấy hôm sau bỗng nhận được thư của bà. Bà cho biết là sẽ ở lại Mát-xcơ-va lâu hơn dự định và viết:

“Tuy có rất nhiều công việc quan trọng và khẩn cấp, tôi cũng đã quyết định gác hết lại và viết lá thư này cho anh... Nếu anh thấy điều tôi viết đây đáng được chú ý thì tôi khẩn khoản xin anh nghĩ xem làm thế nào cho mọi người cùng biết câu chuyện tôi sẽ kể. Tôi nghĩ không phải chỉ riêng bà con trong làng mà nói chung mọi người, nhất là lứa tuổi trẻ, đều cần biết câu chuyện này.” [...]

Tôi đã mang nặng trong lòng những ấn tượng của lá thư ấy mấy ngày liền. Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va để kể hết chuyện này.

(2)

[...] Có lần, mang những túi đựng đầy ki-giắc⁽²⁾ nhặt ở chân núi mé trên làng trở về, chúng tôi vòng vào trường xem thầy giáo đang làm gì ở đấy.

[...] Lúc chúng tôi đặt các bao ki-giắc xuống đất để nghỉ một lát, Duy-sen từ trong cửa bước ra, người bê bết đất. Trông thấy chúng tôi, anh ngẩn người ra một lát, nhưng rồi lại mỉm cười niềm nở, lấy tay quạt mồ hôi trên mặt.

– Đi đâu về thế các em gái?

Chúng tôi ngồi cạnh những bao ki-giắc thẹn thò nhìn nhau, Duy-sen hiểu rằng chúng tôi im lặng vì bẽn lẽn nên nháy mắt động viên:

– Những cái bao kia to hơn cả người các em đấy. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi. Thầy vừa đắp lò sưởi ở góc nhà và bắc cả ống khói trên mái, các em thử nhìn xem! Giờ chỉ còn phải trữ sẵn củi để sưởi trong mùa đông nữa thôi, nhưng không sao, chung quanh thiếu gì củi khô. Dưới nền nhà ta sẽ trải rơm thật nhiều, thế là có thể bắt đầu học được rồi. Thế nào, các em thích học không, các em sẽ đi học chứ?

Theo dõi

Sự thay đổi nhân vật người kể chuyện.

⁽¹⁾ Kí hoạ: vẽ nhanh nhằm ghi lại những nét chính của đối tượng và cảm xúc của người vẽ.

⁽²⁾ Ki-giắc: chất đốt bằng phân bò, phân ngựa khô.

Tôi lớn hơn các bạn gái khác nên đánh bạo trả lời:

– Nếu thím em cho đi thì em sẽ đi.

– Sao thím em lại không cho, thế nào cũng cho chứ.
Vậy tên em là gì?

– An-tư-nai. – Tôi vừa đáp vừa lấy tay che chỗ gấu váy thùng để hở một mảng đầu gối.

– An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không? – Duy-sen mỉm cười hiền từ khiến tôi thấy lòng ấm hẳn lại.

– Thế em con ai?

Tôi lặng thinh; tôi vốn không thích có ai thương hại tôi.

– Chị ấy mồ côi à, chị ấy ở với chú thím. – Mấy đứa bạn tôi đỡ lời.

– Thế này nhé – Duy-sen lại mỉm cười nói với tôi – An-tư-nai à, em sẽ dẫn các em khác đi học được chứ?

– Thừa chú được à.

– Các em cứ gọi thầy là thầy. Các em có muốn xem trường không? Vào đây, đừng ngại gì cả.

– Không, chúng em phải về nhà đây. – Chúng tôi rụt rè nói.

– Thôi được, các em chạy về nhà đi. Khi nào đến học các em sẽ xem sau vậy. Giờ chưa tới, thầy đi lấy rá khô lần nữa đã.

Cầm lấy chiếc liềm và sợi dây, Duy-sen bước ra đồng. Chúng tôi cũng đứng dậy cõng những bao ki-giắc lên lưng và rảo bước về làng. [...]

(3)

Tiết trời đã sắp sang đông.

Trước những trận mưa tuyết đầu mùa, mỗi khi đi học, chúng tôi phải lội qua một con suối lòng đá chảy róc rách dưới chân đồi. Nhưng về sau không thể nào lội qua được nữa, vì nước băng lạnh buốt còng cả chân. Khổ nhất là những em nhỏ, thậm chí chúng phải phát khóc lên. Những lúc ấy, thầy Duy-sen đã bế các em qua suối. Lưng thì cõng, tay thì bế và cứ như thế thầy lần lượt đưa hết các em sang.

Giờ đây nhớ lại cảnh xưa, tôi thấy khó lòng mà tin được rằng tất cả những điều đó là có thật. Nhưng lúc bấy giờ, không biết vì ngu dốt hay vì nông nổi, người ta đã cười thầy Duy-sen, nhất là bọn nhà giàu thường trú qua mùa đông ở trên núi và chỉ xuống làng khi cần xay thóc. Đã nhiều lần gặp chúng tôi ở chỗ lội qua suối, bọn họ,

Theo dõi

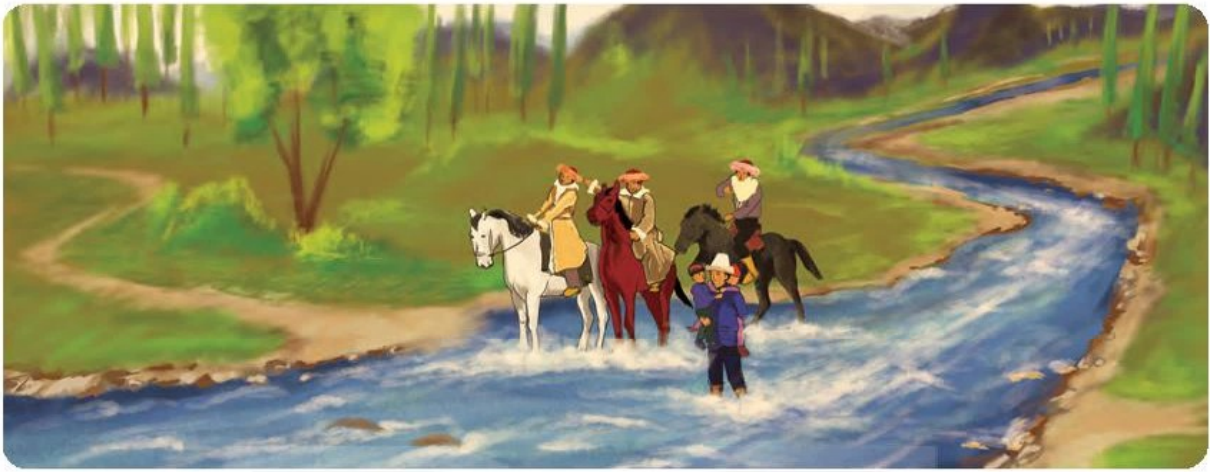
Ngôn ngữ đối thoại của các nhân vật.

Theo dõi

Những chi tiết miêu tả sự quan tâm, chăm sóc các học trò của thầy Duy-sen.

đầu đội mũ lông cáo màu đỏ, mình mặc những chiếc áo lông cừu quý, ngھễu ngھệ trên lưng những con ngựa hung dữ no căng, giương mắt nhìn thầy Duy-sen rồi bỏ đi. Một tên trong bọn cười nắc nẻ và huých tay tên đi bên cạnh nói:

– Đưa thì cồng, đưa thì bé, trông đã hay chưa!



[...] Rồi họ quát cho ngựa chạy làm nước và bùn bắn tung toé lên chúng tôi, cười phá lên rồi đi khuất.

Sao lúc đó tôi muốn đuổi theo những con người ngu xuẩn ấy thế, muốn nắm lấy cương ngựa và quát thẳng vào những bộ mặt lão xược của họ: “Các người không được nói thầy giáo của chúng tôi như thế! Các người ngu lắm, các người tồi lắm.”.

Theo dõi

Suy nghĩ, cảm xúc của An-tư-nai về mọi người, về thầy Duy-sen.

Nhưng liệu có ai chịu nghe lời một con bé thơ dại như tôi?

Và tôi chỉ còn biết nuốt những giọt lệ căm uất đang trào lên, nóng hổi. Còn thầy Duy-sen thì dường như không để ý đến những lời lăng mạ đó, coi như không nghe thấy gì hết. Thường là thầy nghĩ ra một câu chuyện vui nào đó khiến lũ chúng tôi phá lên cười, quên mất mọi sự.

Thầy Duy-sen có cố gắng bao nhiêu cũng chưa kiếm đủ gỗ để bắc một chiếc cầu nhỏ qua suối. Có lần ở trường về, sau khi đã đưa hết các em nhỏ sang, tôi cùng với thầy Duy-sen dừng lại bên bờ suối. Chúng tôi quyết định lấy đá và những tảng đất cỏ đắp thành các ụ nhỏ trên lòng suối để bước qua cho khỏi bị ướt chân.

[...] Hôm chúng tôi xếp đá qua dòng nước, tuyết đã phủ đầy trên mặt đất và nước buột đến chết cồng đi được. Tôi không tưởng tượng được thầy Duy-sen làm thế nào chịu nổi – vì thầy đi chân không, làm không ngại tay. Tôi chắt vật đặt chân xuống suối, trông chừng như dòng suối rải đầy than hồng nóng bỏng. Bỗng dưng đến giữa suối tôi bị chuột rút ở chân, người co rúm lại. Tôi không thể kêu lên một tiếng, cũng không thể đứng thẳng lên được nữa

Hình dung

Hình ảnh thầy Duy-sen trong kí ức của An-tư-nai.

và từ từ ngã xuống nước. Thầy Duy-sen lắng tảng đá đi, nhảy ngay lại bên tôi, đỡ tôi lên tay, rồi bế tôi chạy lên bờ và lót chiếc áo choàng đặt tôi ngồi vào đấy. Thầy hết xoa hai chân đã tím bầm, cứng đờ như gỗ của tôi, lại bóp chặt đôi tay lạnh cóng của tôi trong lòng bàn tay mình, rồi đưa lên miệng hà hơi ấm cho tôi.

Thầy Duy-sen khẽ nói:

– An-tư-nai, em ngồi đây cho ấm, đừng xuống nữa. Một mình thầy làm cũng đủ...

Cuối cùng khi những chỗ đặt chân xếp đã xong, Duy-sen vừa xỏ chân vào ủng, vừa nhìn nét mặt ỉu xiu, tái mét của tôi và mỉm cười hỏi:

– Thế nào, cô em giúp việc, đã đỡ rét chưa? Khoác cái áo choàng lên, thế... thế! – Thầy yên lặng một lát rồi hỏi:

– An-tư-nai, lần ấy có phải em trút lại ki-giắc ở trường không?

– Vâng ạ. – Tôi đáp.

Thầy hơi nhếch mép mỉm cười, như thể tự nhủ: “Minh đoán đúng mà!”.

Tôi còn nhớ lúc ấy máu dồn lên má tôi nóng ran: như vậy nghĩa là thầy đã biết và chưa quên một điều tưởng như nhỏ mọn ấy. Tôi sung sướng quá, lịm cả người đi và Duy-sen cũng hiểu niềm hân hoan của tôi.

– Dòng suối trong trẻo của thầy – thầy âu yếm nhìn tôi nói – em thông minh lắm... Ôi, ước gì thầy được gửi em ra thành phố lớn. Em còn sẽ khá hơn biết chừng nào.

Duy-sen bước nhanh lên bờ.

Và giờ đây tôi mừng rỡ thấy thầy đang đứng trước mặt tôi, như lúc bấy giờ thầy đã đứng giữa dòng suối đã đang réo lên âm ầm, hai tay để sau gáy và đôi mắt sáng long lanh đắm đắm nhìn theo những đám mây trắng xa tít đang bị gió thổi cuốn qua các ngọn núi.

Thầy nghĩ gì khi ấy? Có thể thầy đang mơ tưởng cho tôi ra một thành phố lớn học thật chẳng? Còn tôi, lúc bấy giờ cuộn tròn trong chiếc áo choàng của thầy Duy-sen, tôi thầm nghĩ: “Ước gì thầy là anh ruột của tôi! Ước gì tôi được bá cổ thầy, nhắm nghiền mắt lại và thủ thủ với thầy những lời đẹp đẽ nhất! Trời ơi, ước gì thầy Duy-sen là anh ruột tôi!”.

Theo dõi

Tình cảm của An-tư-nai và các học trò dành cho thầy Duy-sen.

Chắc hẳn tất cả đám học sinh chúng tôi đưa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi. Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy. Còn có cái gì khác bắt chúng tôi ngày nào cũng đi xa, leo đồi lội suối, bạt hơi vì gió rét, chân ngập trong những cơn tuyết như vậy được nữa? Chúng tôi tự nguyện

đến trường, không ai phải xua chúng tôi đến cả. Không ai có thể buộc chúng tôi phải chịu công trong căn nhà kho lạnh lẽo. Tuy ngồi trong nhà, mà mỗi khi thở ra là hơi giá bám trắng xoá cả mặt mũi, tay chân, quần áo. Chúng tôi chỉ dám thay phiên nhau đứng sưởi cạnh lò, còn tất cả đành ngồi tại chỗ nghe thầy Duy-sen giảng bài.

(4)

[...] Tôi mở tung các cửa sổ. Một luồng gió mát lùa vào phòng. Trong ánh lê minh⁽¹⁾ xanh nhạt đang sáng dần tôi nhìn kĩ những bản nghiên cứu phác thảo của bức tranh tôi vừa khởi công. Những bức vẽ ấy nhiều lắm. Tôi đã nhiều lần vẽ đi vẽ lại từ đầu. Nhưng bây giờ mà nói về toàn bộ bức tranh thì hãy còn sớm. Tôi vẫn chưa tìm ra cái chính... Tôi đi đi lại lại trong cảnh tĩnh mịch của buổi lê minh và cứ suy nghĩ, suy nghĩ mãi. Và lần nào cũng đều như thế. Lần nào tôi cũng lại thấy rõ ràng bức tranh của tôi chỉ mới là một ý đồ.

Nhận biết

Người kể chuyện ở phần (4) là ai?

Tuy vậy tôi vẫn muốn nói với các bạn về tác phẩm dở dang của tôi. Tôi muốn hỏi ý kiến các bạn. Chắc các bạn cũng đã đoán ra rằng bức tranh của tôi dành cho Người thầy đầu tiên của làng chúng tôi. [...] Tôi không thể không vẽ bức tranh này, nhưng sao tôi thấy băn khoăn, lo lắng quá! Có khi tôi tưởng chừng rồi sẽ chẳng ra gì hết. Và những lúc ấy tôi lại nghĩ: Tại sao số phận lại trở trêu đặt cây bút vẽ vào tay tôi làm gì? Thật là một cuộc sống khổ ải! Lại có khi tôi cảm thấy mình đứng mãi đến nỗi dù có phải chuyển núi dời sông tôi cũng sẵn sàng. Và những khi ấy tôi nghĩ: Hãy nhìn đi, hãy nghiên cứu, chọn lọc. Hãy vẽ hai cây phong của Duy-sen và An-tư-nai, chính hai cây phong đã cho tuổi thơ của mày bấy nhiêu giây phút sướng vui, mặc dù mày không biết rõ sự tích của chúng. Hãy vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng. Nó trèo lên cao, thật là cao và ngồi lên một cành phong, đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kì ảo.

Suy luận

Người kể chuyện băn khoăn, trăn trở về điều gì?

Hay là vẽ bức tranh đề là “Người thầy đầu tiên”. Đó có thể là lúc Duy-sen bế trẻ con qua con suối và cạnh đấy, trên những con ngựa no nê hung dữ, những con người đàn độn, mũ lông cáo đỏ đi qua đang chế giễu ông...

Nếu không, thì hãy vẽ người thầy giáo tiền An-tư-nai lên tỉnh. Mày còn nhớ khi ông cất tiếng gọi An-tư-nai lần cuối cùng! Hãy vẽ một bức tranh như thế, sao cho bức tranh ấy giống như tiếng gọi của Duy-sen mà đến nay An-tư-nai vẫn còn nghe văng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người.

(Trin-ghi-dơ Ai-to-ma-tốp, *Gia-mi-li-a (Jaymilya)* – *Truyện núi đồi và thảo nguyên*,
Phạm Mạnh Hùng – Nguyễn Ngọc Bằng – Cao Xuân Hạo – Bồ Xuân Tiên dịch,
NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2019, tr. 351 – 442)

⁽¹⁾ Lê minh: bình minh, ban mai.

SAU KHI ĐỌC

Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp (1928 – 2008) là nhà văn người Cư-rơ-gư-dơ-xtan. Tác phẩm của Ai-tơ-ma-tốp chủ yếu viết về cuộc sống khắc nghiệt mà cũng rất giàu chất thơ ở quê hương ông. Ở đó, có núi đồi, thảo nguyên hoang sơ, hùng vĩ; có những con người mạnh mẽ, can đảm, tâm hồn phóng khoáng,... Lối viết của Ai-tơ-ma-tốp cô đọng, hàm súc; có nhiều cách tân độc đáo trong nghệ thuật kể chuyện. Nhiều tác phẩm nổi tiếng của ông đã được dịch sang tiếng Việt: *Gia-mi-li-a* (1958), *Cây phong non trùm khăn đỏ* (1961), *Người thầy đầu tiên* (1962), *Con tàu trắng* (1970), *Và một ngày dài hơn thế kỉ* (1980),...



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Xác định người kể chuyện và ngôi kể trong từng phần của đoạn trích.
2. Các nhân vật người kể chuyện trong đoạn trích có quan hệ với nhau như thế nào?
3. Qua cuộc trò chuyện giữa các bạn nhỏ và thầy Duy-sen ở phần (2), em hình dung như thế nào về hoàn cảnh sống của An-tư-nai?
4. Em hãy đọc kĩ phần (3) của đoạn trích và trả lời các câu hỏi sau:
 - a. Hình ảnh thầy Duy-sen hiện lên qua lời kể, cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật nào?
 - b. Những chi tiết tiêu biểu nào được nhà văn sử dụng để khắc họa nhân vật thầy Duy-sen?
 - c. Khái quát đặc điểm tính cách nhân vật thầy Duy-sen.
5. An-tư-nai đã dành cho thầy Duy-sen tình cảm như thế nào? Nhờ “người thầy đầu tiên” ấy, cuộc đời An-tư-nai đã thay đổi ra sao?
6. Ở phần (4), nhân vật người họa sĩ đã có những ý tưởng gì cho bức tranh vẽ thầy Duy-sen? Em ủng hộ ý tưởng nào của họa sĩ?
7. Theo em, cách nhà văn thay đổi kiểu người kể chuyện ở các phần trong đoạn trích có tác dụng gì?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại nội dung của phần (1) hoặc phần (4) văn bản *Người thầy đầu tiên* bằng lời của người kể chuyện ngôi thứ ba.

PHÓ TỪ

1 Tìm các phó từ bổ sung ý nghĩa cho danh từ trong các câu sau:

a. *Tôi nghĩ không phải chỉ riêng bà con trong làng mà nói chung mọi người, nhất là lứa tuổi trẻ, đều cần biết câu chuyện này.*

b. *Những lúc ấy, thầy Duy-sen đã bế các em qua suối.*

c. *Tuy chúng tôi còn bé, nhưng tôi nghĩ rằng lúc đó chúng tôi đều đã hiểu được những điều ấy.*

2 Tìm phó từ bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ trong những câu sau và cho biết mỗi phó từ bổ sung ý nghĩa gì.

a. *Và tôi không nghĩ ra được cách gì hơn là thay mặt bà An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va để kể hết chuyện này.*

b. *Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì?*

c. *Chúng tôi cũng đứng dậy công những bao ki-giắc lên lưng và rảo bước về làng.*

d. *An-tư-nai, cái tên hay quá, mà em thì chắc là ngoan lắm phải không?*

3 Trong phần (4) của văn bản *Người thầy đầu tiên*, phó từ *hãy* được lặp lại nhiều lần. Cho biết tác dụng của việc lặp lại phó từ này.

Và những khi ấy tôi nghĩ: *Hãy nhìn đi, hãy nghiên cứu, chọn lọc. Hãy vẽ hai cây phong của Duy-sen và An-tư-nai, chính hai cây phong đã cho tuổi thơ của mày bấy nhiêu giây phút sướng vui, mặc dù mày không biết rõ sự tích của chúng. Hãy vẽ một đứa bé đi chân không, da rám nắng. Nó trèo lên cao, thật là cao và ngồi lên một cành phong, đôi mắt hân hoan nhìn vào cõi xa xăm kì ảo.*

[...] *Nếu không, thì hãy vẽ người thầy giáo tiến An-tư-nai lên tỉnh. Mày còn nhớ khi ông cất tiếng gọi An-tư-nai lần cuối cùng! Hãy vẽ một bức tranh như thế, sao cho bức tranh ấy giống như tiếng gọi của Duy-sen mà đến nay An-tư-nai vẫn còn nghe văng lại, sẽ vang dội mãi trong lòng mỗi người.*

4 Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật thầy Duy-sen hoặc An-tư-nai, trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 3 phó từ.

Nhận biết phó từ

Phó từ được phân chia thành hai nhóm:

- Phó từ đi kèm danh từ: Phó từ làm thành tố phụ trước cho danh từ và bổ sung ý nghĩa về số lượng của sự vật. Đó là các từ: *những, các, mọi, mỗi, từng,...*
Ví dụ: **Những** bức tranh ấy đẹp lắm.

Phó từ *những* trước danh từ *bức tranh* chỉ số lượng.

- Phó từ đi kèm động từ, tính từ: Phó từ làm thành tố phụ trước hoặc sau cho động từ, tính từ, bổ sung ý nghĩa liên quan đến hoạt động, trạng thái, đặc điểm nêu ở động từ hoặc tính từ (quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự, sự phủ định, sự cầu khiến, mức độ, kết quả,...).

Ví dụ:

(1) **Hãy** nhìn tôi đây!

Phó từ *hãy* trước động từ *nhìn* chỉ sự cầu khiến, mệnh lệnh.

(2) Em thông minh **lắm**.

Phó từ *lắm* sau tính từ *thông minh* chỉ mức độ.

Quê hương

TẾ HANH

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,
Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá:
Chiếc thuyền nhẹ băng như con tuấn mã⁽¹⁾
Phăng mái chèo, mạnh mẽ vượt trường giang⁽²⁾.
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...



Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ
Khắp dân làng tấp nập đón ghe⁽³⁾ về.
“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe”,
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.
Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chát muối thấm dần trong thớ vỏ.

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

(Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*,
NXB Văn học, Hà Nội, 2006, tr. 167)

⁽¹⁾ *Tuấn mã*: con ngựa khỏe, đẹp.

⁽²⁾ *Trường giang*: sông dài.

⁽³⁾ *Ghe*: loại thuyền nhỏ và hẹp, lớn hơn xuồng.

SAU KHI ĐỌC

Tế Hanh (1921 – 2009) quê ở một làng chài ven biển thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Con người, cuộc sống của làng chài quê hương đã khơi nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm của ông. Thơ Tế Hanh dễ đi vào lòng người nhờ cảm xúc chân thành mà tinh tế, thiết tha; lời thơ giản dị, giàu hình ảnh; giọng thơ nhẹ nhàng, sâu lắng. Nhiều tập thơ của ông đã có được sức sống vượt thời gian: *Hoa niên* (1945), *Lòng miền Nam* (1956), *Hai nửa yêu thương* (1963), *Câu chuyện quê hương* (1973),...



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Tìm trong bài thơ những chi tiết có thể giúp em nhận biết quê hương của tác giả là một làng chài ven biển.
2. Chỉ ra hiệu quả của một số biện pháp tu từ được tác giả sử dụng để miêu tả hình ảnh con thuyền lúc ra khơi.
3. Em hãy chọn phân tích một số từ ngữ, hình ảnh đặc sắc trong đoạn thơ sau:

*Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.*

4. Đọc bài thơ, em cảm nhận được những vẻ đẹp nào của con người và cuộc sống nơi làng chài?
5. Tình cảm của tác giả với quê hương được thể hiện như thế nào trong bài thơ?

Viết

Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

Trong các bài học vừa qua, em đã được “làm quen” với nhiều nhân vật văn học thú vị. Đó là các bạn nhỏ với tâm hồn trong sáng, tinh tế, nhân hậu như Mên, Mon (*Bầy chim chia vôi*), An, Cò (*Đi lấy mật*),... và cả những người cha (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*), người thầy (*Người thầy đầu tiên*),... hết lòng yêu thương con trẻ. Chắc hẳn, còn có một số nhân vật mà em từng “gặp gỡ” qua những tác phẩm truyện đã đọc khác. Phần Viết của bài học này sẽ hướng dẫn em cách viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

Yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học:

- Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.
- Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.
- Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.
- Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

Phân tích bài viết tham khảo

Con mèo tuyệt vời nhất thế giới!

Con mèo ấy tên là Gióc-ba, một nhân vật trong tác phẩm *Chuyện con mèo dạy hải âu bay* của nhà văn Lu-i Xe-pun-ve-da. Trong thiên đồng thoại nổi tiếng thế giới này, tác giả đã sáng tạo thành công nhiều nhân vật là loài vật: Đại Tá, Bốn Biển, Anh-xtanh, Mét-thiu,... Nhưng với tôi, Gióc-ba luôn là nhân vật đáng yêu và thú vị nhất.

Giới thiệu nhân vật.

Nhân vật Gióc-ba bắt đầu xuất hiện từ chương 2 và lập tức gây chú ý với dáng vẻ bề ngoài rất khác biệt: “Con mèo mun to đùng, mập ú”, bộ lông đen óng như than, “đen từ đầu tới chân, trừ một túm lông trắng dưới cằm”. Ngay trong “màn” giới thiệu, đặc điểm ngoại hình này đã được tác giả nhắc lại tới mười lần, khiến người đọc dễ có ấn tượng về một chú mèo lười béo ú, xấu xí và với nhiều “con người” thì mèo đen còn “mang tới điềm xấu”.

Chỉ ra đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.

Ấn tượng ban đầu ấy cứ tan biến dần, dù ngoại hình của Gióc-ba không hề thay đổi, lúc nào cũng là con mèo mun mập ú, to đùng, đen như cục nhựa đường. Cuộc gặp gỡ bất ngờ và những lời hứa với hải âu mẹ Ken-ga; hành trình nuôi dưỡng hải âu con Lắc-ki đã trở thành “cơ hội” để Gióc-ba bộc lộ những nét tính cách đẹp đẽ, quý giá. Đó là sự quả quyết, dũng mãnh khi Gióc-ba trừng trị hai tên mèo hoang láo xược và lũ chuột gian xảo; khi Gióc-ba sẵn sàng tấn công cả con đười ươi to xác, độc ác để bảo vệ Lắc-ki. Những lúc ấy, Gióc-ba nhanh như chim cắt, bộ lông đen tuyền xù lên, đôi mắt màu vàng sáng quắc, bộ vuốt sắc nhọn trở thành vũ khí lợi hại. Đó là lòng tự trọng khi Gióc-ba vượt qua mọi khó khăn, trở ngại để thực hiện tất cả những lời hứa của mình: không ăn quả trứng, ấp trứng, nuôi lớn hải âu con và dạy cho nó biết bay! Đặc biệt, qua cách miêu tả của nhà văn, Gióc-ba hiện lên như một

con người có trái tim nhân hậu và tâm hồn sâu sắc. Gióc-ba hết lòng cứu giúp Ken-ga; kiên nhẫn ấp trứng vì xót thương hải âu mẹ bất hạnh. Chú mèo mun to đùng, mập ú chăm sóc hải âu con chu đáo như một người mẹ: tìm kiếm thức ăn, mớm mồi; trông nom, dỗ dành, bảo vệ; tôn trọng mọi cảm xúc, mong muốn của con,... Rất muốn thực hiện lời hứa dạy Lắc-ki bay nhưng Gióc-ba không hề thúc giục mà kiên nhẫn chờ đợi đến lúc hải âu con sẵn sàng. Không chỉ thế, Gióc-ba chấp nhận “liều chết” phá bỏ cấm kị của loài mèo để giúp Lắc-ki được sống cuộc đời của chính mình. Dù biết khi bay được, Lắc-ki sẽ không còn ở cùng bầy mèo nữa, Gióc-ba vẫn nỗ lực phi thường để hải âu con có được niềm hạnh phúc tung cánh giữa bầu trời. Mười bảy lần Lắc-ki thất bại, Gióc-ba vẫn tin tưởng, động viên: “Con sẽ bay. Cả bầu trời kia thuộc về con!”. Để rồi khi Lắc-ki bay vút vào khoảng không bao la, con mèo mun to đùng ngồi lặng, dõi theo mãi “cho tới lúc nó không biết những giọt nước mưa hay nước mắt đã phủ mờ đôi mắt”. Mèo Gióc-ba đã dành cho hải âu Lắc-ki tình yêu thương vô hạn.

Nhân vật Gióc-ba được Lu-i Xe-pun-ve-da khắc hoạ qua các chi tiết miêu tả ngoại hình, lời nói, cử chỉ, hành động, cảm xúc, suy nghĩ và qua mối quan hệ với những nhân vật khác (cậu chủ nhỏ, các bác mèo thông thái, Lắc-ki, thi sĩ,...). Nghệ thuật nhân hoá tài tình khiến

Nhận xét nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.

Gióc-ba hiện lên rất sống động, mang tính cách con người mà vẫn không mất đi những đặc điểm của một chú mèo đáng yêu. Tác giả đã sáng tạo nhiều chi tiết có giá trị biểu hiện rất đặc sắc như: Gióc-ba ấp trứng bằng thân hình mập ú; bắt ruồi mớm cho hải âu con và dùng răng tha nó chạy khỏi nơi nguy hiểm; trò chuyện với thi sĩ bằng nhiều thứ tiếng;... Lối kể chuyện vừa giàu cảm xúc vừa hài hước, tươi vui cũng tạo nên sức hấp dẫn rất lớn. Ví dụ, chi tiết miêu tả tâm trạng Gióc-ba khi nghe thấy hải âu con chiêm chiếp gọi mình bằng “má”: “Nó biết là lông của mình đen óng như than, nhưng dường như nỗi xúc động và xấu hổ đã khiến nó ngượng hồng lựng cả người” đã diễn tả được niềm yêu thương, cảm động và cả tình cảnh “trớ trêu” của chú mèo mun to đùng.

Sáng tạo nhân vật Gióc-ba, nhà văn còn mượn “tiếng chim lời thú” để gửi gắm nhiều bài học dành cho con người: sự trân trọng lời hứa; sức mạnh kì diệu của tình yêu thương; tinh thần bảo vệ kẻ yếu; sống can đảm, giàu khát vọng:

Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật.

“Chỉ những kẻ thực sự dám thì mới có thể bay!”. Trong đó, bài học sâu sắc và xúc động hơn cả là biết tôn trọng sự khác biệt và học cách yêu thương những gì “không giống chúng ta”. Bởi vì: “Thật dễ dàng để chấp nhận và yêu thương một kẻ nào đó giống mình, nhưng để yêu thương ai đó khác mình thực sự rất khó khăn”.

Tình yêu lớn lao và đáng tự hào ấy được thể hiện ngay trong hình ảnh: “con mèo dịu dàng liếm đầu con hải âu và con chim đuổi một cánh vắt ngang lưng con mèo”.

Vị trí đặc biệt của Gióc-ba đã được khẳng định ngay trong nhan đề tác phẩm *Chuyện con mèo dạy hải âu bay*. Chú mèo mun to đùng, mập ú đã mang lại cho thiên truyện vẻ đẹp hồn nhiên, tươi tắn, trí tuệ. Gióc-ba tử tế, hào hiệp, cao thượng của bến cảng Hăm-bơ (Hamburg) hoàn toàn xứng đáng với lời ca ngợi của “cô con gái” hải âu: “Má là con mèo tuyệt vời nhất thế giới”!

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn nhân vật trong một tác phẩm văn học

Lựa chọn nhân vật em yêu thích trong một tác phẩm văn học đã học hoặc đã đọc. Em có thể liệt kê danh sách nhân vật yêu thích và lựa chọn nhân vật em ấn tượng nhất.

b. Tìm ý

Để tìm ý cho bài viết, em cần tìm hiểu và lựa chọn các chi tiết liên quan đến nhân vật và đưa ra những suy luận về đặc điểm nhân vật đó.

- Khi tìm hiểu và lựa chọn các chi tiết liên quan đến nhân vật, em cần chú ý:
- + Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật.

Ví dụ: Nhân vật thầy Duy-sen được người kể chuyện giới thiệu là một người có tấm lòng nhân từ và ý nghĩ tốt lành.

Chắc hẳn tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.

(Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, *Người thầy đầu tiên*)

- + Đặc điểm nhân vật được nhà văn thể hiện gián tiếp qua:

- Các chi tiết miêu tả ngoại hình nhân vật (thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục,...). Các chi tiết này cũng có thể hé lộ tính cách của nhân vật.

Ví dụ: Nhân vật Đế Mèn tỏ ra rất tự tin và tự hào về ngoại hình của mình.

Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng đế thanh niên cường tráng. [...] Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ, soi gương được và rất ưa nhìn.

(Tô Hoài, *Đế Mèn phiêu lưu kí*)

Mục đích viết

Thuyết phục người đọc đồng tình với ý kiến của em về một nhân vật văn học.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến tác phẩm, nhân vật văn học.

- Các chi tiết miêu tả hành động: những cử chỉ, việc làm thể hiện cách ứng xử của nhân vật với bản thân và thế giới xung quanh.

Ví dụ: Nhân vật người bố rất tinh tế, biết trân trọng những món quà người khác dành tặng cho mình, thể hiện qua hành động ăn những trái ổi mà Tí mang cho.

Thằng Tí hay đem cho bố tôi những trái ổi. Nó trèo cây giỏi lắm, nhà nó có một vườn ổi. Những trái ổi to được nó lựa để dành cho bố đều có bịch ni lông bọc lại đằng hoàng. Những trái ổi như thế bao giờ cũng vừa to vừa mềm, cắn vào rất đã. Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn.

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)

- Ngôn ngữ của nhân vật: lời nói của nhân vật (đối thoại, độc thoại).

Ví dụ: Lời nói của thầy Duy-sen cho thấy thầy là người quan tâm đến các em nhỏ và muốn các em được tới trường.

Chúng tôi ngồi cạnh những bao ki-giắc thẹn thò nhìn nhau, Duy-sen hiểu rằng chúng tôi im lặng vì bẽn lẽn nên nháy mắt động viên:

– Những cái bao kia to hơn cả người các em đấy. Các em ghé vào đây xem là hay lắm, các em chả sẽ học tập ở đây là gì? Còn trường của các em thì có thể nói là đã xong đến nơi rồi. Thấy vừa đắp lò sưởi ở góc nhà và bắc cả ống khói trên mái, các em thử nhìn xem!

(Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, *Người thầy đầu tiên*)

- Thế giới nội tâm: những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật.

Ví dụ: Những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật “tôi” về khu vườn giúp người đọc hình dung đây là một cậu bé có tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên.

Tôi hiểu, khu vườn là món quà bất tận của tôi. Mỗi bông hoa là một món quà nhỏ, một vườn hoa là món quà lớn.

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)

- Mối quan hệ với các nhân vật khác: thái độ, lời nói, hành động của nhân vật với các nhân vật khác trong tác phẩm.

Ví dụ: Lời nói của nhân vật “tôi” với bố đã giúp người đọc cảm nhận được tình yêu thương của em dành cho bố.

Tôi nhắm mắt và chạm tay rồi gọi tên từng món quà. Tôi chạm phải bố. Tôi la lên:

– A! Món quà của tui đây rồi. Ôi cái món quà này bự quá!

(Nguyễn Ngọc Thuần, *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*)

– Để xác định được đặc điểm nhân vật, hãy kết nối thông tin về nhân vật trong tác phẩm với hiểu biết và trải nghiệm của em bằng cách đặt ra những câu hỏi:

+ Nhà văn đã miêu tả ngoại hình, hành động, ngôn ngữ của nhân vật như thế nào? Trong cuộc sống, những người có đặc điểm như vậy thường có tính cách như thế nào?

+ Nhà văn miêu tả thế giới nội tâm của nhân vật như thế nào? Những người có cảm xúc, suy nghĩ như vậy thường có đặc điểm gì?

+ Nhà văn đã viết gì về mối quan hệ của nhân vật với các nhân vật khác trong tác phẩm? Trong cuộc sống, những người có các mối quan hệ như vậy thường có tính cách như thế nào?

Em hãy thực hành tìm ý cho bài văn phân tích đặc điểm của một nhân vật (tự chọn) trong văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* hoặc *Người thầy đầu tiên* bằng việc hoàn thành bảng dưới đây (làm vào vở):

Hồ sơ nhân vật: ...

Cách miêu tả nhân vật	Chi tiết trong tác phẩm	Suy luận của em về nhân vật
Ngoại hình		
Hành động		
Ngôn ngữ		
Nội tâm		
Mối quan hệ với các nhân vật khác		
Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật		

c. Lập dàn ý

Hãy sắp xếp các thông tin và ý tưởng của phần tìm ý thành một dàn ý. Khi lập dàn ý, em cần tập trung vào một số đặc điểm nổi bật của nhân vật.

Dàn ý

- *Mở bài*: Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật; nêu khái quát ấn tượng về nhân vật.
- *Thân bài*: Phân tích đặc điểm của nhân vật (chỉ ra đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm) và nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.
 - + Ý 1
 - + Ý 2
 - + Ý 3
 - + ...
- *Kết bài*: Nêu ấn tượng và đánh giá về nhân vật.

Khi viết bài, em cần lưu ý:

- Để những nhận xét về nhân vật thuyết phục và có giá trị, cần dựa trên những sự việc, chi tiết liên quan đến nhân vật trong tác phẩm.
- Cần nhìn nhận, phân tích nhân vật từ nhiều góc độ, trong một chỉnh thể trọn vẹn để có những nhận xét, đánh giá toàn diện, thuyết phục.
- Phân tích nhân vật một cách cụ thể, chi tiết. Không nên nhận xét, đánh giá về nhân vật một cách chung chung. Cần đưa ra các bằng chứng trong tác phẩm để làm căn cứ cho những nhận xét, suy luận về đặc điểm nhân vật.

Rà soát, chỉnh sửa bài viết của em theo những gợi ý trong bảng sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học.	Nếu chưa giới thiệu được nhân vật, hãy viết một vài câu giới thiệu nhân vật em sẽ phân tích.
Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm.	Gạch dưới những nhận xét, đánh giá của em về nhân vật. Nếu chưa đầy đủ, cần bổ sung. Vẽ đường lượn dưới các bằng chứng được trích dẫn từ tác phẩm. Nếu chưa có hoặc chưa thuyết phục thì cần bổ sung.
Nhận xét, đánh giá được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn.	Đánh dấu những câu văn nhận xét, đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần viết thêm.
Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật.	Đánh dấu câu văn nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật. Nếu chưa có, hãy viết một vài câu nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu, liên kết câu, liên kết đoạn,...). Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học)

Nhân vật trong tác phẩm văn học rất phong phú, đa dạng (con người, loài vật, đồ vật, cây cối,...), nhưng đều được nhà văn sáng tạo nên để gửi gắm tình cảm và suy ngẫm về cuộc sống, qua đó tác động đến tình cảm và nhận thức của người đọc. Với em, vấn đề đời sống nào gợi ra từ một nhân vật văn học trong tác phẩm đã đọc được coi là gần gũi và thú vị nhất? Hãy trao đổi cùng các bạn ý kiến của em về vấn đề này.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

– Lựa chọn một vấn đề đời sống có ý nghĩa được gợi ra từ một nhân vật văn học trong tác phẩm mà em đã đọc.

Tham khảo một số đề tài sau:

+ Các vấn đề được gợi ra từ nhân vật mèo Gióc-ba (*Chuyện con mèo dạy hải âu bay*): sự trân trọng lời hứa, sức mạnh kì diệu của tình yêu thương, niềm tin vào cuộc sống, vẻ đẹp của lòng can đảm, tôn trọng sự khác biệt,...

+ Các vấn đề được gợi ra từ nhân vật Mên, Mon (*Bầy chim chìa vôi*); An, Cò (*Đi lấy mật*); nhân vật “tôi”, người cha (*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*): tình yêu thiên nhiên, trân trọng sự sống, tình yêu thương loài vật,...

Ngoài những đề tài gợi ý trên, em cũng có thể tự tìm thêm một vấn đề đời sống khác được gợi ra từ một nhân vật văn học mà em yêu thích. Những vấn đề này có thể được thể hiện qua những chi tiết cụ thể như một câu nói, một hành vi ứng xử, một suy nghĩ của nhân vật trong truyện.

– Thu thập tư liệu cho nội dung trình bày:

+ Tìm ý tưởng cho bài trình bày từ chính những chi tiết trong văn bản truyện được chọn.

+ Tìm thêm thông tin liên quan đến vấn đề đời sống em muốn trình bày từ sách báo hoặc các phương tiện nghe nhìn để có được cái nhìn toàn diện hơn về đề tài muốn trao đổi.

– Lập dàn ý cho bài nói. Ghi ngắn gọn ra giấy một số ý quan trọng không thể bỏ qua khi trình bày như: vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân vật văn học, ý kiến của em về vấn đề đó, bài học rút ra từ vấn đề bàn luận.

Mục đích nói

Thuyết phục người nghe về ý kiến của em trước một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học).

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề em trình bày.

Ví dụ: Sự trân trọng lời hứa được gợi ra từ nhân vật mèo Gióc-ba (*Chuyện con mèo dạy hải âu bay*). Em có thể tìm ý cho nội dung trao đổi bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi như:

+ Nhân vật mèo Gióc-ba đã gợi ra vấn đề về sự trân trọng lời hứa như thế nào? (Câu chuyện mở ra với tình huống vô cùng xúc động: Chú mèo Gióc-ba tình cờ chứng kiến cái chết của chim hải âu mẹ đáng thương. Gióc-ba đã hứa với hải âu mẹ rằng sẽ không ăn quả trứng, chăm lo cho quả trứng đến khi chim non ra đời và dạy hải âu con bay. Bằng tình thương yêu lớn lao và lòng vị tha, Gióc-ba đã nỗ lực thực hiện được tất cả những lời hứa với hải âu mẹ.)

+ Trân trọng lời hứa là gì? Tại sao cần phải trân trọng lời hứa? (Việc giữ lời hứa thể hiện trách nhiệm, uy tín, lòng tự trọng của mỗi người; sự tôn trọng đối với người khác. Người giữ lời hứa sẽ được mọi người tin tưởng... Em có thể lấy bằng chứng từ chính trải nghiệm của mình hoặc từ sách báo về ý nghĩa của việc trân trọng lời hứa trong cuộc sống).

+ Bài học em rút ra từ câu chuyện trân trọng lời hứa của mèo Gióc-ba là gì?

– Dự kiến các nội dung người nghe có thể trao đổi để chuẩn bị phản hồi.

b. Tập luyện

– Để có bài nói tốt, em cần tập luyện trước khi trình bày trước lớp.

+ Tập nói một mình để nắm chắc nội dung trình bày. Nếu có thể, hãy tập luyện với người nghe cụ thể để tự tin hơn khi nói trước nhiều người. Mặt khác, người nghe sẽ trao đổi, góp ý cho em để em rút kinh nghiệm và hoàn thiện bài nói.

+ Quản lí thời gian khi nói để bảo đảm thời gian khi trình bày chính thức.

– Cần nắm rõ các tiêu chí đánh giá bài nói. Hiểu được việc trình bày của mình được người nghe đánh giá như thế nào sẽ giúp em tập luyện tốt hơn. Bài nói của em có thể được đánh giá trên một số yêu cầu như:

+ Giới thiệu được vấn đề đời sống được gợi ra từ một nhân vật văn học.

+ Thể hiện ý kiến của người nói về vấn đề được trao đổi.

+ Đưa ra được các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.

+ Nói rõ và truyền cảm.

+ Sử dụng phù hợp các yếu tố phi ngôn ngữ (điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,...).

+ Mở đầu và kết thúc bài nói hợp lí. Có thể tạo sự chú ý với người nghe bằng cách mở đầu theo cách riêng của em như kể một câu chuyện ngắn, dẫn một câu nói nổi tiếng, nêu một kết quả khảo sát hay nghiên cứu,...

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Với tư cách người nói, em cần lưu ý:

– Lần lượt trình bày các ý theo nội dung đã chuẩn bị.

- Nhấn mạnh ý kiến riêng của mình về vấn đề đời sống.
- Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói; sử dụng cử chỉ, điệu bộ phù hợp với nội dung trình bày và thể hiện sự tương tác với người nghe.

Với tư cách người nghe, em cần lưu ý:

- Tập trung lắng nghe để nắm được nội dung trình bày của bạn.
- Chú ý cách trình bày và thái độ của người nói.
- Ghi lại một số nội dung dự kiến sẽ thảo luận với người nói.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Kiểm tra lại các thông tin đã nghe được, trao đổi với người nói trên tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi bằng cách: • Đặt câu hỏi để thu thập thêm thông tin về vấn đề thảo luận. • Đưa ra lí do thể hiện sự đồng tình hay không đồng tình với ý kiến của người nói. • Nhận xét về lí lẽ và bằng chứng mà người nói sử dụng.	Lắng nghe, phản hồi ý kiến của người nghe với tinh thần cầu thị: • Trả lời câu hỏi, bổ sung thông tin cho những nội dung mà người nghe chưa rõ. • Bổ sung lí lẽ, bằng chứng để bảo vệ ý kiến của mình nếu nhận thấy ý kiến đó đúng. • Tiếp thu những ý kiến góp ý mà em cho là xác đáng.

Củng cố, mở rộng

1. Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và ghi lại một chi tiết mà em cho là tiêu biểu, đáng nhớ nhất về từng nhân vật trong các văn bản *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, *Người thầy đầu tiên*. Giải thích ngắn gọn lí do lựa chọn.

Văn bản	Nhân vật	Chi tiết tiêu biểu	Lí do lựa chọn
<i>Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ</i>	Nhân vật “tôi”		
	Nhân vật người bố		
<i>Người thầy đầu tiên</i>	Nhân vật thầy Duy-sen		
	Nhân vật An-tư-nai		

2. Chọn một nhân vật văn học em yêu thích và thực hiện các yêu cầu sau:

a. Liệt kê một số chi tiết tiêu biểu được tác giả sử dụng để miêu tả nhân vật (kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin như gợi ý).

Hồ sơ nhân vật:...

Cách miêu tả nhân vật	Chi tiết trong tác phẩm
Ngoại hình	
Hành động	
Ngôn ngữ	
Nội tâm	
Mối quan hệ với các nhân vật khác	
Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật	

b. Từ bảng đã hoàn thành, hãy chỉ ra đặc điểm của nhân vật.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đề tài và ngôi kể.
- Những cảm xúc, suy nghĩ về mẹ của nhân vật Hồng khi phải xa cách và khi được gặp mẹ.
- Nhân vật người cô qua suy nghĩ của nhân vật Hồng.
- Bài học cuộc sống được gợi ra từ câu chuyện.

Trong lòng mẹ

Trích *Những ngày thơ ấu*⁽¹⁾, NGUYỄN HỒNG

[...] Gần đến ngày giỗ đầu thầy⁽²⁾ tôi, mẹ tôi ở Thanh Hoá vẫn chưa về. Trong đó nghe đâu mẹ tôi đi bán bóng đèn và những phiên chợ chính còn bán cả vàng hương nữa. Tôi nói “nghe đâu” vì tôi thấy người ta nhả tin rằng mẹ và em tôi xoay ra sống bằng cách đó.

⁽¹⁾ *Những ngày thơ ấu* là tác phẩm mang tính tự truyện của Nguyễn Hồng. Tác phẩm gồm 9 chương, kể về thời thơ ấu bất hạnh của nhân vật Hồng: cha mất sớm, mẹ đi xứ khác kiếm sống, bé Hồng phải sống nhờ những người họ hàng không có tình yêu thương. Mặc dù luôn phải nghe những lời gièm pha đầy ác ý của họ hàng; phải chịu đựng cuộc sống cô đơn, tủi nhục, Hồng vẫn luôn mong nhớ, yêu thương người mẹ của mình. Đoạn trích *Trong lòng mẹ* là chương 4 của tác phẩm.

⁽²⁾ *Thầy*: từ dùng để gọi bố ở một số vùng quê miền Bắc.

Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi:

– Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không?

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ủ ấp từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là goá chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực⁽¹⁾. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà.

Tôi cũng đã cười đáp lại cô tôi:

– Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về.

Cô tôi hỏi luôn, giọng vẫn ngọt:

– Sao lại không vào? Mợ mày phát tài lắm, có như dạo trước đâu?

Rồi hai con mắt long lanh của cô tôi chăm chăm đưa nhìn tôi. Tôi lại im lặng, cúi đầu xuống đất; lòng tôi càng thắt lại, khoé mắt tôi đã cay cay. Cô tôi liền vỗ vai tôi cười mà nói rằng:

– Mày dại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ.

Nước mắt tôi đã ròng ròng rớt xuống hai bên mép rồi chan hoà đầm đìa ở cằm và ở cổ. Hai tiếng “em bé” mà cô tôi ngân dài ra thật ngọt, thật rõ, quả nhiên đã xoắn chặt lấy tâm can tôi như ý cô tôi muốn. Nhưng không phải vì thấy mẹ tôi chưa đoạn tang thầy tôi mà đã chữa đẽ với người khác mà tôi có những cảm giác đau đớn ấy. Chỉ vì tôi thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm [...]

Tôi cười dài trong tiếng khóc, hỏi cô tôi:

– Sao cô biết mợ con có con?

Cô tôi vẫn cứ tươi cười kể các chuyện cho tôi nghe. Có một bà họ nội xa vào trong ấy cần gạo về bán. Bà ta một hôm đi qua chợ thấy mẹ tôi ngồi cho con bú ở một bên rổ bóng đèn. Mẹ tôi ăn vận rách rưới, mặt mày xanh bủng, người gầy rạc đi, thấy thế bà ta thương tình toan gọi hỏi xem sao thì mẹ tôi vội quay đi, lấy nón che...

⁽¹⁾ Tha hương cầu thực: một biến thể của tha phương cầu thực, chỉ việc đi làm ăn, kiếm sống ở nơi xa lạ.

Cô tôi chưa dứt câu, cổ họng tôi đã nghẹn ứ khóc không ra tiếng. Giá những cổ tục⁽¹⁾ đã dày đoạ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiền cho kì nát vụn mới thôi.

Cô tôi bỗng đổi giọng, lại vỗ vai tôi, nhìn vào mặt tôi, nghiêm nghị:

– Vậy mà hỏi cô Thông – tên người đàn bà họ nội xa kia – chỗ ở của mợ mà, rồi đánh giầy cho mợ mà, bảo dù sao cũng phải về. Trước sau cũng một lần xấu, chả nhẽ bán xối⁽²⁾ mãi được sao?

Tổ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chùng nói tiếp:

– Mấy lại rằm tháng Tám này là giỗ đầu cậu mà, mợ mà về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mà, và mà cũng còn phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ?

Nhưng đến ngày giỗ thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về. Mẹ tôi về một mình đem rất nhiều quà bánh cho tôi và em Quế tôi. Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bồi rồi:

– Mợ ơi! Mợ ơi! Mợ ơi!...

Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa ầm ĩ trên hè. Và cái làm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và, khi trèo lên xe, tôi riu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi oà lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:

– Con nín đi! Mợ đã về với các con rồi mà.

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn cỗi xơ xác quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi nói. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong, và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn



⁽¹⁾ Cổ tục: tục lệ cũ.

⁽²⁾ Bán xối: bỏ quê hương, xứ sở mà đi.

và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

Phải bé lại và lặn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, và gãi rôm ở sống lưng cho, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng. Từ ngã tư đầu trường học về đến nhà, tôi không còn nhớ mẹ tôi đã hỏi tôi và tôi đã trả lời mẹ tôi những câu gì. Trong những phút rạo rực ấy, cái câu nói của cô tôi lại nhắc lại:

– Mày đại quá! Vào Thanh Hoá đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và bế em bé chứ.

Nhưng bên tai ù ù của tôi, câu nói ấy bị chìm ngay đi, tôi không mấy may nghĩ ngợi gì nữa...

(*Tuyển tập Nguyên Hồng*, tập hai, Phan Cự Đệ *sưu tầm, tuyển chọn và giới thiệu*, NXB Văn học, Hà Nội, 1997, tr. 214 – 217)

ĐỌC MỞ RỘNG

- ❶ Tìm đọc một số truyện viết về trải nghiệm tuổi thơ và những tình cảm nuôi dưỡng tâm hồn con người; một số bài thơ bốn chữ, năm chữ viết về tình yêu con người, thiên nhiên, đất nước. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin và ý tưởng cơ bản mà em thu nhận được từ văn bản.
- ❷ Trao đổi với các bạn về:
 - Nội dung chính và chủ đề của mỗi văn bản.
 - Một nhân vật với những đặc điểm tính cách nổi bật trong một truyện kể; tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể (nếu có).
 - Những nét đặc sắc về nghệ thuật trong một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ như cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,...
- ❸ Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ em yêu thích.

Đất nước tôi thon thả giọt đàn bầu...

Tạ Hữu Yên

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Đất nước Việt Nam với non sông tươi đẹp, truyền thống lịch sử hào hùng, con người thân thiện, nghĩa tình,... luôn là niềm yêu mến, tự hào của mỗi chúng ta. Dù sống ở miền Nam hay miền Bắc, miền núi hay miền xuôi, giai điệu đất nước vẫn luôn ngân vang trong trái tim ta.
- Tình yêu đất nước là nguồn cảm hứng dạt dào tạo nên những tác phẩm lay động lòng người của văn học Việt Nam từ xưa tới nay. Em đã được học một số tác phẩm như vậy ở các lớp dưới. Đến bài học này, em sẽ tiếp tục được lắng nghe, cảm nhận những cung bậc khác nhau của tình cảm thiêng liêng đó qua những bài thơ trữ tình hiện đại và một văn bản thuộc thể loại khác có cùng chủ đề.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.
- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.
- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.
- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, đất nước.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Tình cảm, cảm xúc trong thơ

- Tình cảm, cảm xúc chính là cội nguồn làm nên sức hấp dẫn đặc biệt của thơ trữ tình. Gốc của thơ là tình cảm, cảm xúc; nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời.
- Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc đời thuộc thể giới tình cảm riêng, nhưng lại có những điểm đồng điệu với tình cảm, cảm xúc chung của nhiều người. Chính vì thế, người đọc đến với thơ để tìm sự đồng cảm, chia sẻ. Người đọc có thể cảm nhận như nhà thơ đang nói hộ nỗi lòng mình.

Hình ảnh trong thơ

Hình ảnh là một yếu tố quan trọng trong thơ trữ tình, là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, tư tưởng. Hình ảnh trong thơ có nguồn gốc từ đời sống (con người, thiên nhiên,...) nhưng luôn mang dấu ấn của sự hư cấu, tưởng tượng, in đậm tình cảm, cảm xúc chủ quan của nhà thơ.

Nhịp thơ

Nhịp thơ là phương tiện quan trọng để cấu tạo hình thức nghệ thuật đặc thù của văn bản thơ. Người đọc có thể nhận biết nhịp thơ qua hệ thống những điểm ngắt, ngừng được phân bố trên dòng thơ hoặc giữa các dòng thơ, theo sự chi phối của nội dung cảm xúc và quy định riêng của từng thể thơ.

Ngữ cảnh

Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ trong đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng. Đó có thể là bối cảnh trong văn bản, gồm những đơn vị ngôn ngữ (từ, cụm từ, câu) đứng trước và sau một đơn vị ngôn ngữ (còn gọi là văn cảnh); hoặc là bối cảnh ngoài văn bản, gồm người nói, người nghe, địa điểm, thời gian,... mà một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Mùa xuân nho nhỏ*, Thanh Hải

VĂN BẢN 2. *Gò Me* (trích), Hoàng Tố Nguyên

VĂN BẢN 3. *Bài thơ “Đường núi” của Nguyễn Đình Thi*, Vũ Quần Phương

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Mùa xuân trong cảm nhận của em có gì đáng nhớ?
2. Hãy đọc một vài đoạn thơ mà em yêu thích viết về mùa xuân.

ĐỌC VĂN BẢN

Mùa xuân nho nhỏ

THANH HẢI

Mọc giữa dòng sông xanh
 Một bông hoa tím biếc
 Ôi, con chim chiền chiện⁽¹⁾
 Hót chi mà vang trời
 Từng giọt long lanh rơi
 Tôi đưa tay tôi hứng.

Hình dung

Những màu sắc, âm thanh
 được gọi lên trong khổ thơ.



Mùa xuân người cầm súng
 Lộc giắt đầy bên lưng
 Mùa xuân người ra đồng
 Lộc trải dài nương mạ
 Tất cả như hối hả
 Tất cả như xôn xao...

Hình dung

Vẻ đẹp mùa xuân qua hình
 ảnh "lộc".

Đất nước bốn ngàn năm
 Vất vả và gian lao
 Đất nước như vì sao
 Cứ đi lên phía trước.

⁽¹⁾ *Chiền chiện*: còn có tên là *sơn ca*, một loài chim nhỏ hơn chim sẻ, thường ở ruộng, bãi quang đãng, khi hót thường bay vút lên cao.

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.

Mùa xuân – ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình⁽¹⁾
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền⁽²⁾ đất Huế.

(Nguyễn Đức Nam (Chủ biên), *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*,
NXB Giáo dục, 1987, tr. 317 – 318)

Liên tưởng

Hình ảnh con chim, cành hoa,
nốt trầm, mùa xuân nho nhỏ.

SAU KHI ĐỌC

- **Thanh Hải** (1930 – 1980) quê ở Thừa Thiên – Huế. Trong thời kì đất nước còn bị chia cắt, ông đã viết nhiều bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, khát vọng thống nhất đất nước. Sáng tác của Thanh Hải được tập hợp trong các tập thơ: *Những đồng chí trung kiên* (1962), *Huế mùa xuân* (tập 1 – 1970, tập 2 – 1975), *Dấu võng Trường Sơn* (1977), *Mùa xuân đất này* (1982), *Thơ Thanh Hải* (1982),... Thơ ông được yêu mến rộng rãi một phần quan trọng nhờ giọng điệu mộc mạc, chân thành và hình thức giản dị, giàu tính dân tộc.
- *Mùa xuân nho nhỏ* có thể xem là bài thơ tiêu biểu nhất của Thanh Hải, được viết vào tháng 11 năm 1980, khi nhà thơ nằm trên giường bệnh, một tháng trước khi qua đời.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Trong khổ thơ đầu, nhà thơ miêu tả mùa xuân qua những hình ảnh nào? Những hình ảnh đó gợi cho em cảm nhận gì về mùa xuân?
2. Cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân được thể hiện như thế nào qua những dòng thơ: *Ơi, con chim chiền chiện/ Hót chi mà vang trời/ Từng giọt long lanh rơi/ Tôi đưa tay tôi hứng?*

⁽¹⁾ *Nam ai, Nam bình*: hai điệu ca Huế nổi tiếng. Điệu *Nam ai* giai điệu buồn thương, ai oán còn điệu *Nam bình* thì du dương, man mác buồn.

⁽²⁾ *Phách tiền*: *phách* là nhạc khí dân tộc, thường làm bằng đoạn tre cứng, dùng để gõ nhịp cho lời ca, đàn tranh, đàn tam thập lục,... *Phách tiền* là phách có đính thêm cọc tiền đồng.

3. Hình ảnh người cầm súng, người ra đồng gọi cho em nghĩ đến ai? Vì sao khi nói về mùa xuân của đất nước, nhà thơ lại nhắc đến hình ảnh người cầm súng và người ra đồng?
4. Hãy chỉ ra đặc điểm về cách gieo vần và ngắt nhịp trong khổ thơ sau:
Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.
5. Theo em, vì sao tác giả muốn làm “con chim”, “một cành hoa”, “một nốt trầm”? Liên hệ với hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, em có cảm nhận gì về ước nguyện mà nhà thơ muốn gửi gắm qua những hình ảnh này?
6. Trong phần đầu bài thơ, tác giả xưng “tôi” nhưng sang phần sau lại xưng “ta”. Theo em, việc thay đổi cách xưng hô như thế có ý nghĩa gì?
7. Sau khi đọc và tìm hiểu bài thơ, em có nhận xét gì về cách dùng từ trong nhan đề *Mùa xuân nho nhỏ*? Nhan đề đó gọi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

Thực hành tiếng Việt

NGŨ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA TỪ NGỮ TRONG NGŨ CẢNH

1 Giải thích nghĩa của các từ in đậm trong những dòng thơ sau:

a. *Mùa xuân người cầm súng*

***Lộc** giắt đầy bên lưng*

Mùa xuân người ra đồng

***Lộc** trải dài nương mạ.*

b. *Đất nước như vì sao*

*Cứ **đi** lên phía trước.*

c. *Ta **làm** con chim hót*

*Ta **làm** một cành hoa.*

Nhận biết nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh

Đọc hai dòng thơ sau, chú ý nghĩa của từ *thơm*:

Thị thơm thì giấu người thơm

Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà.

(Lâm Thị Mỹ Dạ, *Chuyện cổ nước mình*)

Khi đọc (nghe) chỉ một từ *thơm* thôi thì ta không thể biết được người viết (nói) muốn dùng nghĩa nào của từ này. Thế nhưng, từng nghĩa một của từ *thơm* sẽ được xác định nếu ta đặt nó trong ngữ cảnh, xem xét trong sự kết hợp với các từ bên cạnh. Từ *thơm* trong *thị thơm* có nghĩa là có mùi hương để chịu còn từ *thơm* trong *người thơm* lại mang nghĩa là phẩm chất tốt đẹp, thơm thảo, được mọi người yêu mến, ca ngợi.

2 Từ *giọt* trong đoạn thơ sau có nhiều cách hiểu khác nhau. Người thì cho là giọt sương, người hiểu là giọt mưa xuân và có người lại giải thích là “giọt âm thanh” tiếng chim. Theo em, trong ngữ cảnh này, có thể chọn cách hiểu nào? Vì sao?

*Ôi, con chim chiến chiến
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

BIỆN PHÁP TU TỪ

3 Theo em, trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*, biện pháp tu từ nào có vị trí nổi bật nhất? Hãy cho biết tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ đó.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Em biết những bài thơ nào viết về miền đất Nam Bộ? Hãy đọc cho cả lớp nghe một đoạn thơ mà em yêu thích.
2. Chia sẻ những điều em biết về vẻ đẹp của miền đất này.

ĐỌC VĂN BẢN

Gò Me⁽¹⁾

Trích, HOÀNG TỔ NGUYỄN⁽²⁾

Quê tôi đó: mặt trông ra bể
Đóm hải đăng tắt, loé đêm đêm
Con đê cát đỏ cỏ viên
Leng keng nhạc ngựa ngược lên chợ Gò.
Ruộng vây quanh, bốn mùa gió mát
Lúa nàng keo⁽³⁾ chói rực mặt trời
Ao làng trắng tắm, mây bơi
Nước trong như nước mắt người tôi yêu

Hình dung

Ánh sáng, âm thanh và không gian miền quê Gò Me.

⁽¹⁾ *Gò Me*: một địa danh nổi tiếng thuộc huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang ngày nay.

⁽²⁾ Hoàng Tổ Nguyễn (1929 – 1975) quê ở Gò Công, Tiền Giang. Thơ Hoàng Tổ Nguyễn đậm chất Nam Bộ, thể hiện tình yêu và lòng nhớ thương quê hương da diết của một người con Nam Bộ đang sống trên đất Bắc. Một số tập thơ tiêu biểu của ông: *Từ nhỏ đến thương* (1950), *Đất nước* (1956), *Gò Me* (1957), *Quê chung* (1962), *Gửi chiến trường chống Mỹ* (1966),...

⁽³⁾ *Lúa nàng keo*: một giống lúa cổ truyền thơm ngon đặc biệt, được người dân miền Tây Nam Bộ trồng và gìn giữ từ hàng trăm năm.

Quê tôi sớm sớm chiều chiều
 Lao xao vườn mía
 Mái lá khoan thai thở làn khói nhẹ
 Những chị, những em má núng đồng tiền⁽¹⁾
 Nọc cấy⁽²⁾, tay tròn, nghiêng nón làm duyên

Hình dung

Những chi tiết miêu tả các cô gái Gò Me.



Véo von điệu hát cổ truyền
 (Tre thổi khúc khích, mây chìm lắng nghe):
 “– Hò... ơ... Trai Biên Hoà luy⁽³⁾ gái Gò Me
 Không vì sắc lịch⁽⁴⁾, mà chỉ vì mê giọng hò...”
 Ôi, thuở ấu thơ
 Cắt cỏ, chăn bò
 Gói đầu lên áo
 Nằm dưới hàng me, nghe tre thổi sáo
 Lòng nghe theo bướm, theo chim
 Me non cong vắt lưỡi liềm
 Lá xanh như dải lụa mềm lững lơ.
 [...] Tôi nằm trên võng mẹ đưa
 Có chim cu gáy giữa trưa hanh nồng
 Tiếng ai vút đầu bông lúa chín
 Gió diu vương xao xuyến bờ tre:

Hình dung

Những chi tiết miêu tả thiên nhiên Gò Me.

⁽¹⁾ *Núng đồng tiền* (như *lúm đồng tiền*): chỗ hơi lõm thường hiện ra ở má, tạo nên nét duyên dáng, đáng yêu trên khuôn mặt.

⁽²⁾ *Nọc cấy*: dụng cụ lao động được làm bằng gỗ, có đầu nhọn, dùng để chọc lỗ xuống đất và gieo mầm lúa vào lỗ.

⁽³⁾ *Luy*: kiên nhẫn chiều theo ý người khác để đạt được mục đích mình mong muốn.

⁽⁴⁾ *Sắc lịch*: nhan sắc và sự thanh lịch (nghĩa trong văn bản).

“– Hò ơ... Trai Biên Hoà luy gái Gò Me
Không vì sắc lịch, mà chỉ vì mê giọng hò!...”
Chị tôi má đỏ, then thò
Giã me bên trã⁽¹⁾ canh chua ngọt ngào.

(Hoàng Tố Nguyên, *Từ nhớ đến thương*,
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1977, tr. 12 – 16)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Qua nỗi nhớ của nhà thơ – một người con phải sống xa quê – cảnh sắc Gò Me hiện lên như thế nào?
2. Hình ảnh người dân Gò Me được tác giả khắc hoạ qua những chi tiết nào? Những chi tiết đó gợi cho em cảm nhận gì về con người nơi đây?
3. Nhớ đến Gò Me, tác giả nhớ da diết điệu hò quê hương. Việc nhà thơ hai lần dẫn lại câu hò gợi cho em suy nghĩ gì?
4. Bài thơ *Gò Me* có nhiều hình ảnh sinh động, giàu sức gợi. Em thích những hình ảnh nào? Vì sao?
5. Nêu cảm nhận của em về tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước được thể hiện trong bài thơ.
6. Nhà thơ lấy tên một vùng đất làm nhan đề bài thơ. Hãy kể tên một số tác phẩm mà em đã học, đã đọc cũng có cách đặt nhan đề tương tự.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về đoạn thơ từ *Ôi, thuở ấu thơ* đến *Lá xanh như dải lụa mềm lưng lơ*.

Thực hành tiếng Việt

NGHĨA CỦA TỪ NGỮ

- 1 Giải thích nghĩa của từ *thở* được dùng trong dòng thơ *Mái lá khoan thai thở làn khói nhẹ*. Chỉ ra sự khác biệt về nghĩa của từ *thở* trong ngữ cảnh này với từ *thở* trong câu: *Em bé thở đều đều khi ngủ say*.
- 2 Tìm các từ láy trong bài thơ. Chọn một từ để giải thích nghĩa và nêu tác dụng của việc dùng từ láy đó.

DẤU CÂU

- 3 Cho biết công dụng của dấu ngoặc đơn và dấu ngoặc kép trong bài thơ *Gò Me*.

(1) *Trã*: nổi đất miệng rộng và nông, thường dùng để kho, nấu thức ăn.

BIỆN PHÁP TU TỪ

4 Chỉ ra các biện pháp tu từ trong những dòng thơ sau và nêu tác dụng của chúng:

- a. *Ao làng trắng tắm, mây bơi*
Nước trong như nước mắt người tôi yêu.
- b. *Nằm dưới hàng me, nghe tre thổi sáo.*
- c. *Me non cong vắt lưỡi liềm*
Lá xanh như dải lụa mềm lững lơ.
- d. *Tre thổi khúc khích, mây chìm lắng nghe.*

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Đường núi

Nguyễn Đình Thi

Chiều nhạt nhạt về nơi nào xa lắm
Ngây ngất sương mây
Lối mòn không dấu chân
Gió nổi
Đâu đây tiếng suối rì rào
Ôi những vạt ruộng vàng
Chiều nay rung rinh lúa ngả
Dải áo chàm bay múa
Tiếng ai hát trên nương
Bờ tre đang reo ánh lửa
Mái nhà sàn toả khói xanh
Hương gào xa vắng vắng
Một mảnh trăng dộc ngả chập chùng
Bước chân bóng động nghiêng bờ núi.

1948

Bài thơ Đường núi của Nguyễn Đình Thi

VŨ QUẦN PHƯƠNG⁽¹⁾

Bài thơ như bức tranh chấm phá vài nét chiều rừng tiết kiệm cả nét lẫn màu ấy lại thấy nổi rõ lên lòng yêu đất đai thôn bản say đắm của người viết. Có chữ nào nói sự say đắm của lòng người đâu. Không nói nhưng ta nghe được trong nhịp điệu của câu thơ, trong cái nhìn *ngất ngây* với sương mây, *rì rào* với tiếng suối. Và đây hãy lắng nghe cả hình ảnh lẫn âm điệu câu thơ. Trong hình ảnh có tiếng reo vui lặng thầm:

Ôi những vạt ruộng vàng
Chiều nay rung rinh lúa ngả
Dải áo chàm bay múa
Tiếng ai hát trên nương

⁽¹⁾ Vũ Quần Phương sinh năm 1940, quê ở Nam Định. Ông là nhà thơ, nhà phê bình văn học. Các tác phẩm chính: *Hoa trong cây* (1977), *Vắng trắng trong xe bỏ* (1988), *Vết thời gian* (1996), *Bình thơ* (2012),...

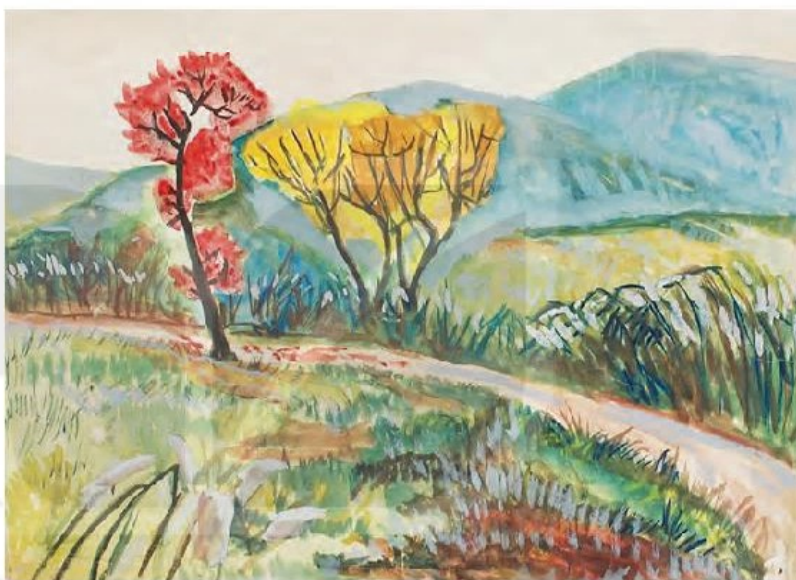
Ruộng lúa rung rinh chiều, dải áo chàm bay múa, và tiếng hát vang xa... Tác giả không reo thành lời, nhưng cảnh sắc reo trong mắt anh.

Âm điệu câu thơ là âm điệu của nội tâm, vẫn bị bỏ rơi. Chỗ nào tâm tình lắng lại thì âm điệu câu thơ lắng lại, chơi vui, thanh nhẹ. Câu thơ 5 chữ hay 6 chữ không phải do vần điệu thể loại quy định mà do tâm tình tác giả. Thử lưu ý hai câu 6 xen giữa các câu thơ 5 chữ:

Bờ tre đang reo ánh lửa

Mái nhà sàn toả khói xanh

Đây là hình ảnh làm âm lòng tác giả nhất. Độ dài câu thơ có tác dụng như một sự ngưng đọng, sự lắng nghe từ trong kí ức người những ánh lửa bếp chiều, những tia khói xanh trên mái lá. Hai câu thơ kết dài tới 7 âm tiết như một sự ngân nga của tâm trí.



Đường lên biên giới,
tranh bột màu của Quang Dũng

Cảnh trong bài thơ này chỉ được vẽ trong vài nét có tính cách gọi hơn là tả. Có khi hai ba cảnh trên các bình diện khác nhau hiện trong một câu thơ. Tốc độ chuyển cảnh rất nhanh. Người đọc không thấy mạch liền của cảnh nhưng lại có mạch liền của cảm xúc. Nội dung của bài thơ nằm cả ở bên ngoài các dòng chữ. Nếu tóm tắt bài thơ chỉ thấy một buổi chiều vùng núi, có lối mòn, có bản nhỏ, khói bếp, gió nổi trắng lên, áo chàm, tiếng hát, cánh đồng,... cái làm chúng ta xúc động lại là cái từ trường cảm xúc thu hút, sắp xếp các hình ảnh đó với nhau. Ấy là tình cảm yêu say đắm đồng đất núi rừng làng mạc nước non mình. Ấy là ánh nhìn rơi vào đâu cũng thấy rung rinh, xao xuyến, bay múa, ca hát. Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh. Phong cảnh bỗng mang vị tâm hồn của tác giả. Đường vắng mà lòng vui. Đi một mình mà lòng như ca hát.

(Nhiều tác giả, *Thơ hay có lời bình 100 bài*, Văn Long tuyển chọn, NXB Thanh niên, Hà Nội, 2001, tr. 79 – 81)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu cảm nhận chung của em về bài thơ *Đường núi* trước và sau khi đọc bài viết của Vũ Quần Phương.
2. Bài bình thơ gây được ấn tượng như thế nào đối với em? Câu nào, ý nào trong đó khiến em phải suy nghĩ sâu hơn về bài thơ đã đọc?
3. Người bình thơ đã thể hiện sự đồng cảm của mình với bài thơ như thế nào? Theo em, sự đồng cảm này có ý nghĩa gì?
4. Theo em, vì sao Vũ Quần Phương lại khẳng định: “Cái tài của Nguyễn Đình Thi ở bài thơ này là tạo được một luồng không khí thân yêu trong trẻo run rẩy phủ lấy phong cảnh. Phong cảnh bỗng mang vị tâm hồn của tác giả.”?
5. Nếu được phép bổ sung cho bài viết của Vũ Quần Phương, em sẽ bổ sung những gì?

Viết

Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc

Có nhiều con người, sự việc xung quanh để lại cho ta những tình cảm, ấn tượng sâu sắc. Tình cảm đó cứ lớn dần trong ta, làm cho ta sống sâu sắc hơn. Trong bài học này, em sẽ được luyện tập phát triển kĩ năng viết bài văn biểu cảm bày tỏ tình cảm, suy nghĩ của mình về những con người hoặc sự việc như vậy.

Yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc:

- Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hoặc sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó.
- Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em.
- Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ đối với người hoặc sự việc được nói đến.
- Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.

Người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện

Bầu ơi thương lấy bí cùng

Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.

Trương thân tương ái, lá lành đùm lá rách là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam từ xưa đến nay. Em đã được biết nhiều tấm gương về lòng nhân hậu, về những con người đã thể hiện được lối sống tình nghĩa đậm đà. Trong số đó, em không thể quên bà Nguyễn Thị Nhung ở quận Đống Đa, Hà Nội – người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện. Lần đầu tiên được đọc bài viết về bà in trên mục *Người Việt tử tế* của báo *Lao động*, em đã thực sự xúc động trước nhân cách cao đẹp ấy.

Giới thiệu đối tượng.

Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu về đối tượng.

Bà Nhung hiện đang sống tại một căn nhà nhỏ trên phố Văn Miếu và hằng ngày, người phụ nữ 57 tuổi ấy vẫn tần tảo với việc bán hàng ở chợ. Mặc dù điều kiện sống cũng không dư dả gì nhưng bà vẫn luôn cố hết sức mình để chia sẻ, đem lại niềm vui cho những mảnh đời cơ cực bởi bà luôn tâm niệm: “Với tôi, cuộc sống phải biết sẻ chia, cho đi thì mới thật sự ý nghĩa và đáng để sống”. Suốt 30 năm qua, bà Nhung đã mở rộng vòng tay cứu giúp, nuôi dưỡng và dạy dỗ những đứa trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Trong số 13 người con được bà nhận nuôi, có 2 người bị tự kỉ. Thế nhưng, bằng tấm lòng yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc hết mực của mình, bà đã dần dần giúp cả hai đứa con có một cuộc sống như bao người bình thường. Họ vẫn ngày ngày theo bà buôn bán làm ăn. Với những người con đó, bà là một người mẹ tuyệt vời, người mẹ không có công sinh nhưng có công dưỡng, người đã mang lại hạnh phúc, niềm vui cho cuộc đời họ. Ngoài việc nhận nuôi những đứa trẻ bất hạnh, bà Nhung còn nhiệt tình tham gia các hoạt động thiện nguyện khác để giúp ích cho đời. Tuy tuổi đã cao nhưng bà không quản ngại khó khăn, lặn lội đến những vùng sâu, vùng xa trao quà cho người dân miền núi. Bà đã tham gia nhóm thiện nguyện “Mùa thu và những người bạn” để giúp đỡ những bệnh nhân nghèo, bất hạnh ở các bệnh viện Hà Nội. Hằng tháng, bà quyên góp gạo để nhóm nấu cháo phát cho bệnh nhân. Vào mỗi dịp cuối tuần, bà thường dậy từ 3 giờ sáng để chuẩn bị những suất cháo đem tới bệnh viện. Nhìn nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt phúc hậu của bà khi tận tay trao những suất cháo cho bệnh nhân, có lẽ không ai không cảm thấy ấm áp và xúc động.

Nêu các đặc điểm nổi bật của đối tượng và tình cảm, ấn tượng sâu đậm của người viết về những đặc điểm đó.

Sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.

Em rất cảm phục và kính trọng bà – người phụ nữ tuy không thân quen nhưng với em lại rất đỗi gần gũi, ấm áp. Với những việc làm có ý nghĩa đối với cộng đồng, bà Nguyễn Thị Nhung đã góp phần làm cho xã hội ngày càng trở nên tốt đẹp, nhân văn hơn. Và bà đã vinh dự được nhận danh hiệu *Người tốt, việc tốt* do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trao tặng. Nhưng có lẽ phần thưởng lớn nhất đối với bà chính là tình cảm yêu mến, quý trọng của mọi người. Nhiều người gọi bà là “bà tiên giữa đời thường”.

Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của người viết đối với đối tượng.

(Bài làm của học sinh)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

Lựa chọn đối tượng biểu cảm là con người hoặc sự việc để lại cho em những tình cảm, ấn tượng sâu sắc.

Người đó có thể là người thân trong gia đình, bạn bè, hàng xóm, người làm việc ở trường hoặc người mà em biết qua sách báo.

Sự việc đó có thể xảy ra với bản thân em hoặc em là người chứng kiến hay được biết qua sách báo.

b. Tìm ý

Sau khi lựa chọn được người hoặc sự việc để bày tỏ tình cảm, suy nghĩ, hãy tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

- Người đó là ai? Sự việc đó là gì?
- Người hoặc sự việc đó có những đặc điểm nào nổi bật?
- Em có ấn tượng, suy nghĩ gì đối với người hoặc sự việc đó?
- Chi tiết nào gắn với người hoặc sự việc đó khiến em không thể quên?

c. Lập dàn ý

Hãy sắp xếp các ý mà em tìm được thành một dàn ý. Dưới đây là một gợi ý:

Dàn ý

- *Mở bài:*
 - + Giới thiệu người hoặc sự việc mà em muốn bày tỏ tình cảm, suy nghĩ.
 - + Bày tỏ tình cảm, ấn tượng ban đầu của em về người hoặc sự việc đó.

– *Thân bài:*

- + Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc.
- + Nêu ấn tượng về người hoặc sự việc đó.

– *Kết bài:* Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em đối với người hoặc sự việc được nói tới.

2 VIẾT BÀI

Chú ý bám sát dàn ý. Trong quá trình viết, em cần lưu ý:

- Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người hoặc sự việc để lại ấn tượng, cảm xúc sâu đậm cho mình.
- Ngôn ngữ bài viết cần sinh động, giàu cảm xúc; vận dụng các biện pháp tu từ như so sánh, điệp ngữ,... để tăng sự hấp dẫn cho bài viết.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Sau khi hoàn thành, hãy rà soát bài văn theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được người hoặc sự việc mà em muốn bộc lộ tình cảm, suy nghĩ.	Nếu chưa có, hãy bổ sung thông tin cho lời giới thiệu để người đọc có được hình dung ban đầu về người hoặc sự việc.
Nêu được đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc để lại ấn tượng, cảm xúc sâu đậm cho em.	Nếu chưa có hoặc chưa đủ, hãy bổ sung nội dung để người đọc hiểu rõ những đặc điểm nổi bật của người hoặc sự việc đã để lại ấn tượng sâu đậm trong em.
Thể hiện được tình cảm, suy nghĩ của em đối với người hoặc sự việc đó. Chú ý sử dụng ngôn ngữ sinh động, giàu cảm xúc.	Đánh dấu những từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, suy nghĩ về người hoặc sự việc được nói tới. Nếu chưa có hoặc chưa đủ, cần bổ sung.
Bảo đảm yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... và chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng

Trong phần Viết ở trên, em đã có dịp chia sẻ tình cảm, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc. Chắc hẳn, con người hoặc sự việc mà em lựa chọn để viết đã có tác động đến cuộc sống của nhiều người, để lại cho em những ấn tượng sâu sắc. Trong phần này,

em sẽ thực hành trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng. Đây cũng là vấn đề được xã hội quan tâm và có những quan niệm khác nhau. Với tư cách người nói, em hãy bày tỏ suy nghĩ của mình về vấn đề được bàn sao cho lan toả được tới người nghe. Với tư cách người nghe, em hãy chú ý lắng nghe, tôn trọng người nói, ghi nhận những suy nghĩ của người nói.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

– Viết ra giấy các ý chính của bài nói thành dạng dàn ý. Có thể tham khảo một số gợi ý sau:

+ Giới thiệu khái quát suy nghĩ của em về bản chất và vai trò của những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

+ Chỉ ra được những hoạt động thiện nguyện tiêu biểu: đóng góp tiền của, tham gia hoạt động cứu trợ,... Đối tượng được giúp đỡ có thể là người gặp nạn vì thiên tai hay dịch bệnh, người già không nơi nương tựa, người khuyết tật, trẻ mồ côi,...

+ Nhấn mạnh một số ý nghĩa quan trọng của hoạt động thiện nguyện: giúp cho những người gặp hoàn cảnh khó khăn có cuộc sống tốt đẹp hơn; lan toả nghĩa cử cao đẹp tới cộng đồng, góp phần làm cho xã hội ngày càng trở nên nhân văn; thể hiện truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta;...

– Đánh dấu những chỗ cần nhấn mạnh, những từ ngữ then chốt, những câu quan trọng mà khi trình bày không thể bỏ qua, như:

+ Câu giới thiệu khái quát suy nghĩ của em về ý nghĩa quan trọng của hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng.

+ Những từ ngữ thể hiện suy nghĩ của em trước những hành động, việc làm cụ thể của các cá nhân, tổ chức, cộng đồng,...

+ Những câu nhấn mạnh ý nghĩa nhân văn của các hoạt động thiện nguyện.

– Chuẩn bị tranh ảnh, đoạn phim ngắn, bài hát,... liên quan đến các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng (nếu có).

b. Tập luyện

Để nói tốt, em cần tập luyện trước khi trình bày trên lớp. Em có thể tập luyện trước bạn bè, người thân, lắng nghe góp ý của họ để rút kinh nghiệm nhằm hoàn thiện bài nói. Em cũng có thể đứng trước gương và tập nói một mình.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Khi trình bày, em cần lưu ý:

– Đi vào trọng tâm vấn đề là trình bày, chia sẻ với người nghe suy nghĩ của em về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng. Các ý trong bài nói cần được trình bày mạch lạc, sáng rõ.

Mục đích nói

Chia sẻ với người nghe ý kiến của em về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng nhằm tác động đến suy nghĩ, cảm xúc và hành động của người nghe.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến vấn đề em nói.

– Trình bày bài nói theo các ý đã chuẩn bị. Mở đầu, nên giới thiệu rõ ràng, mạch lạc để người nghe nắm bắt được suy nghĩ của em về vấn đề cần trình bày. Ở phần nội dung chính, cần chú ý tập trung vào việc trình bày một số hoạt động tiêu biểu để làm nổi bật ý nghĩa của hoạt động thiện nguyện nói chung, không nên sa đà vào việc liệt kê quá nhiều những hành động cụ thể. Kết thúc bài nói, cần khẳng định lại tầm quan trọng của các hoạt động thiện nguyện đồng thời có thể liên hệ để rút ra bài học cho bản thân.

– Điều chỉnh giọng nói, tốc độ nói phù hợp với nội dung bài nói.

– Sử dụng ánh mắt, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ phù hợp; thể hiện sự tương tác tích cực với người nghe.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
Trao đổi về bài nói với tinh thần xây dựng và tôn trọng. Có thể trao đổi một số nội dung như: • Sự nổi bật của vấn đề được trình bày. • Sự phù hợp của các lí lẽ, bằng chứng được sử dụng. • Những điều khiến em xúc động hoặc có ấn tượng sâu sắc trong bài trình bày của bạn. • Sự phù hợp của việc sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (cử chỉ, điệu bộ, nét mặt,...) với nội dung bài trình bày. • Một vài điểm có thể bổ sung để phần trình bày trở nên hoàn thiện hơn.	Lắng nghe từng ý kiến phản hồi của người nghe với tinh thần cầu thị: • Cảm ơn sự đồng cảm của bạn và có thể chia sẻ thêm lí do khiến em chọn nói về những điều này. • Trao đổi lại các ý kiến phản biện, bảo vệ ý kiến của em nếu thấy cần thiết; tiếp thu những ý kiến góp ý mà em thấy hợp lí.

Củng cố, mở rộng

1. Kẻ bảng vào vở theo mẫu và điền thông tin ngắn gọn về các văn bản theo gợi dẫn:

	Mùa xuân nho nhỏ	Gò Me
Tình cảm, cảm xúc của tác giả		
Biện pháp tu từ nổi bật		
Hình ảnh đặc sắc		

2. Tìm đọc thêm một số bài thơ viết về đất nước Việt Nam. Nhận xét về nét độc đáo của một bài thơ mà em yêu thích (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...).

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Ngôn ngữ, hình ảnh, các biện pháp tu từ được sử dụng trong bài thơ.
- Vẻ đẹp riêng của vùng đất biên cương trong cảm nhận của nhà thơ.
- Tình cảm với quê hương, đất nước mà bài thơ gợi lên trong em.

Chiều biên giới

LÒ NGÂN SỦN⁽¹⁾

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào xanh hơn
Như tiếng chim hót gọi
Như chồi non cỏ biếc
Như rừng cây của lá
Như tình yêu đôi ta.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào cao hơn
Như đầu sông đầu suối
Như đầu mây đầu gió
Như quê ta ngọn núi
Như đất trời biên cương.

Chiều biên giới em ơi
Có nơi nào đẹp hơn
Khi mùa hoa đào nở
Khi mùa sả ra cây
Lúa lượn bậc thang mây
Mùi toả ngát hương bay.

Chiều biên giới em ơi
Rừng chẳng dây điện sáng
Ta nghe tiếng máy gọi
Như nghe tiếng cuộc đời
Lòng ta thăm mê say
Trên nông trường lộng gió
Rộng như trời mênh mông.

Chiều biên giới em ơi
Đôi ta cùng chiến hào
Gần nhau thêm bền chí
Tình yêu là vũ khí
Giữ đất trời quê hương.

Chiều biên giới em ơi
Nghe con sông chảy xiết
Nghe con suối thác đổ
Hồn ta như ngọn gió
Thổi giữa trời quê hương.

Hoàng Liên Sơn, 1980

(*Tuyển tập thơ Lò Ngân Sủn*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2013, tr. 55 – 56)

⁽¹⁾ Lò Ngân Sủn (1945 – 2013) quê ở Lào Cai. Thơ Lò Ngân Sủn trong sáng, mộc mạc, giản dị, thể hiện một tâm hồn tinh tế, tha thiết yêu thương. Ông để lại nhiều tập thơ trong đó có một số tập tiêu biểu như: *Chiều biên giới* (1989), *Những người con của núi* (1990), *Đám cưới* (1992), *Dòng sông mây* (1995), *Lều nương* (1996), *Bữa tình yêu* (2005),...

BÀI 5

MÀU SẮC TRĂM MIỀN

Tôi yêu cuộc đời, yêu hành tinh tôi ở
Yêu đến từng góc nhỏ khắp gần xa.

Ra-xun Gam-da-tốp

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Mỗi vùng miền có thể được ví như một mảnh ghép làm nên bức tranh thế giới muôn màu. Mỗi mảnh ghép ấy có những vẻ đẹp riêng. Cho dù đó là nơi gần gũi hay xa lạ, hãy đón nhận nó bằng trái tim ấm áp và nụ cười thân thiện, bởi đó là cuộc sống đa dạng, phong phú mà con người tạo ra trên ngôi nhà chung – Trái Đất.
- Trong bài học này, những trang tùy bút, tản văn (kết hợp với một văn bản thông tin) sẽ mang đến cho em những cảm nhận thú vị về sắc màu cuộc sống trên quê hương xứ sở và trên thế giới rộng lớn, bao la.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được chất trữ tình, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.
- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.
- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.
- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Tuỳ bút

Tuỳ bút là một thể loại văn xuôi thuộc loại hình kí. Điểm tựa của tuỳ bút là cái tôi của tác giả. Qua việc ghi chép về con người, sự kiện cụ thể, có thực, tác giả tuỳ bút thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của mình. Tuỳ bút thiên về tính trữ tình; có thể kết hợp trữ tình, suy tưởng, triết lí, chính luận. Bố cục bài tuỳ bút khá tự do, được triển khai theo một cảm hứng chủ đạo, một tư tưởng chủ đề nhất định. Tuỳ bút không nhất thiết phải có một cốt truyện cụ thể hay nhân vật hoàn chỉnh. Ngôn từ của tuỳ bút giàu hình ảnh, giàu chất thơ.

Tản văn

Tản văn là thể loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc. Người viết tản văn thường dựa trên một vài nét chấm phá về đời sống để thể hiện tâm trạng, suy nghĩ, chủ kiến của mình. Tản văn khá tự do trong cách biểu hiện, có sự kết hợp tự sự, trữ tình, nghị luận, miêu tả, khảo cứu⁽¹⁾,... Ngôn từ của tản văn gần gũi đời thường, như lời chuyện trò, bàn luận, tâm sự.

Văn bản tường trình

Văn bản tường trình là một loại văn bản thông tin được tổ chức theo thể thức riêng, có nội dung trình bày về một vụ việc đang cần được xem xét, làm rõ và giải quyết.

Người viết tường trình là người có liên quan đến vụ việc, có trách nhiệm cung cấp thông tin xác thực theo phạm vi quan sát, nhận thức của mình cho cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết vụ việc đó.

Ngôn ngữ vùng miền

Ngôn ngữ vùng miền (phương ngữ) là biến thể theo mỗi địa phương của một ngôn ngữ, được thể hiện chủ yếu trên các phương diện ngữ âm và từ vựng. Mỗi phương ngữ có những đặc điểm riêng về ngữ âm, thể hiện qua cách phát âm của người dân mỗi địa phương. Đặc biệt, trong mỗi phương ngữ bao giờ cũng có một số từ ngữ không có nghĩa tương đương trong ngôn ngữ toàn dân như *nhút* (phương ngữ Trung), *chôm chôm* (phương ngữ Nam) hoặc có nghĩa tương đương nhưng có hình thức ngữ âm khác biệt như *cá quả*, *lợn*, *ngã* (phương ngữ Bắc), *cá tràu*, *heo*, *bổ* (phương ngữ Trung), *cá lóc*, *heo*, *té* (phương ngữ Nam).

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* (trích), Vũ Bằng

VĂN BẢN 2. *Chuyện cơm hến*, Hoàng Phủ Ngọc Tường

VĂN BẢN 3. *Hội lồng tồng*, Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hảo – Dương Tất Từ

⁽¹⁾ *Khảo cứu*: tra xét, tìm tòi, ở đây chỉ một hình thức nghiên cứu về đối tượng dựa trên sự khảo sát, tìm hiểu, đối chiếu sách vở, tài liệu một cách công phu.

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Em biết những bài hát hay bức tranh, bức ảnh nào về mùa xuân? Hãy chia sẻ cùng các bạn.
2. Em thích nhất điều gì ở mùa xuân?

ĐỌC VĂN BẢN

Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt

Trích, VŨ BẰNG

Tự nhiên như thế: ai cũng chuộng mùa xuân. Mà tháng Giêng là tháng đầu của mùa xuân, người ta càng trù mển, không có gì lạ hết. Ai bảo được non⁽¹⁾ đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; ai cấm được trai thương gái, ai cấm được mẹ yêu con, ai cấm được cô gái còn son⁽²⁾ nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

Kết nối

Có phải “ai cũng chuộng mùa xuân” không?

Oi ơi người em gái xoã tóc bên cửa sổ! Em yêu mùa xuân có phải vì nghe thấy rạo rực nhựa sống trong cành mai, gốc đào, chồi mận ở ngoài vườn? Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đôi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời? Mà người thiếu phụ nọ ở chân trời góc biển yêu mùa xuân có phải là vì đây là mùa xanh lên hi vọng được trở về nơi bến đợi sông chờ để ngâm lại khúc bạc đầu với người ra đi chưa biết ngày nào trở lại?

Hình dung

Những loài cây sắp trở lá đơm hoa vào mùa xuân.

Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mây ai như trăng mới in ngần⁽³⁾ và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.

Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu⁽⁴⁾, gió lạnh lạnh, có tiếng nện kèn trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình⁽⁵⁾ của cô gái đẹp như thơ mộng...

Hình dung

Không gian đặc trưng của mùa xuân ở miền Bắc.

⁽¹⁾ Non: núi (thường xuất hiện trong các từ ghép: núi non, non sông, non nước,...).

⁽²⁾ Còn son: còn trẻ, chưa có con cái.

⁽³⁾ Đôi mây ai như trăng mới in ngần: đôi lông mày cong, đẹp như ngân trắng non đầu tháng, lấy ý từ câu thơ của Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*: Mây ai trăng mới in ngần.

⁽⁴⁾ Mưa riêu riêu: mưa phùn, hạt nhỏ, đều, kéo dài.

⁽⁵⁾ Huê tình: tình yêu trai gái.

Người yêu cảnh, vào những lúc đất trời mang mang⁽¹⁾ như vậy, khoác một cái áo lông, [...] mở cửa đi ra ngoài tự nhiên thấy một cái thú giang hồ⁽²⁾ êm ái như nhung và không cần uống rượu mạnh cũng nghe như lòng mình say sưa một cái gì đó – có lẽ là sự sống!

[...] Ấy đấy, cái mùa xuân thần thánh của tôi nó làm cho người ta muốn phát điên lên như thế đấy. Ngồi yên không chịu được. Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc⁽³⁾ của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti giờ tay vẫy những cặp uyên ương⁽⁴⁾ đứng cạnh.

Cùng với mùa xuân trở lại, tim người ta dường như cũng trẻ hơn ra, và đập mạnh hơn trong những ngày đông tháng giá. Lúc ấy, đường sá không còn lầy lội nữa mà cái rét ngọt ngào, chớ không còn tê buốt căm căm nữa.

Y như những con vật nằm thu hình một nơi trốn rét thấy nắng ấm trở về thì lại bò ra để nhảy nhót kiếm ăn, anh cũng “sống” lại và thêm khát yêu thương thực sự. Ra ngoài trời, thấy ai cũng muốn yêu thương, về đến nhà lại cũng thấy yêu thương nữa.

Nhang trầm, đèn nến, và nhất là bầu không khí gia đình đoàn tụ êm đềm, trên kính dưới nhường, trước những bàn thờ Phật, bàn thờ Thánh, bàn thờ Tổ tiên làm cho lòng anh ấm lạ ấm lùng, tuy miệng chẳng nói ra nhưng trong lòng thì cảm như có không biết bao nhiêu là hoa mới nở, bướm ra ràng⁽⁵⁾ mở hội liên hoan.

Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến. Nhưng tôi yêu mùa xuân nhất là vào khoảng sau ngày rằm tháng Giêng, Tết hết mà chưa hết hẳn, đào hơi phai nhưng nhụy vẫn còn phong⁽⁶⁾, cỏ không mướt xanh như cuối đông, đầu Giêng, nhưng trái lại lại nức một mùi hương man mác.



Chợ hoa đào, tranh lụa của Lương Xuân Nhị

Theo dõi

Chú ý những cảm giác của tác giả trong mùa xuân.

Hình dung

Bức tranh mùa xuân tuyệt đẹp thời điểm sau rằm tháng Giêng.

⁽¹⁾ *Mang mang*: mơ hồ, mờ ảo, không phân định các đối tượng một cách rõ ràng (nghĩa trong văn bản).

⁽²⁾ *Giang hồ*: sông hồ; đây chỉ sở thích du ngoạn nay đây mai đó một cách tự do, phóng túng.

⁽³⁾ *Lộc*: sừng non mới nhú của hươu, nai.

⁽⁴⁾ *Uyên ương*: loài chim sống ở vùng nước, con đực và con cái luôn cặp kè bên nhau; đây chỉ đôi lứa gắn bó.

⁽⁵⁾ *Ra ràng*: (chim non) vừa mới đủ lông đủ cánh, bắt đầu bay ra khỏi tổ; đây được dùng để chỉ con bướm mới ra khỏi kén.

⁽⁶⁾ *Nhụy vẫn còn phong*: nhụy hoa vẫn còn chụm lại, chưa tách nở ra.

Thường thường, vào khoảng đó trời đã hết nồm⁽¹⁾, mưa xuân bắt đầu thay thế cho mưa phùn, không còn làm cho nền trời đùng đục như màu pha lê mờ. Sáng dậy, nằm dài nhìn ra cửa sổ thấy những vệt xanh tươi hiện ở trên trời, mình cảm thấy rạo rực một niềm vui sáng sủa. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa. Chỉ độ tám chín giờ sáng, trên nền trời trong trong có những làn sáng hồng hồng rung động như cánh con ve mới lột.

Ấy là lúc thịt mỡ dưa hành đã hết, người ta bắt đầu trở về bữa cơm giản dị có cả om với thịt thăn điểm những lá tía tô thái nhỏ hay bát canh trứng cua vắt chanh ăn mát như quạt vào lòng. Cánh màn điều⁽²⁾ treo ở trước bàn thờ ông vải⁽³⁾ đã hạ xuống từ hôm “hoá vàng”⁽⁴⁾ và các trò vui ngày Tết cũng tạm thời kết thúc để nhường chỗ cho cuộc sống êm đềm thường nhật.

[...] Đêm xanh biêng biếc, tuy có mưa dây, nhưng nhìn lên thấy rõ từng cánh sếu bay. Về khuya, trời vẫn rét một cách tình tứ nên thơ: mặc dầu vẫn phải đắp chăn bông, nhưng ban ngày không cần phải mặc áo ấm như hồi cuối Chạp.

Hình dung

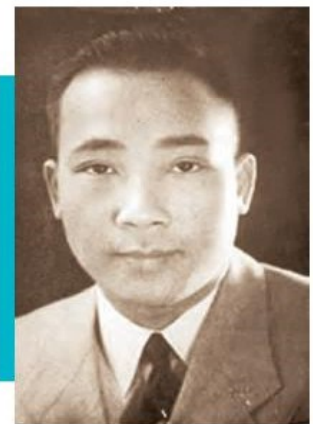
Khung cảnh đêm trăng tháng Giêng.

[...] Cuối tháng Giêng có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao lên đỉnh đầu.

(Vũ Bằng, *Thương nhớ Mười Hai*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1999, tr. 5 – 12)

SAU KHI ĐỌC

- **Vũ Bằng** (1913 – 1984) sinh ra ở Hà Nội. Ông là nhà văn, nhà báo, có sở trường về truyện ngắn, tùy bút, bút kí. Tùy bút Vũ Bằng giàu chất trữ tình và chất thơ, hướng vào biểu hiện thế giới nội tâm phong phú. Văn Vũ Bằng tràn đầy cảm xúc, biểu thị những cảm giác tinh tế. Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: *Miếng ngon Hà Nội* (1960), *Món lạ miền Nam* (1969), *Thương nhớ Mười Hai* (1972),...
- *Thương nhớ Mười Hai* được viết trong thời gian Vũ Bằng sống ở miền Nam, xa cách quê hương miền Bắc. Niềm thương nhớ quê hương, gia đình đã được thể hiện qua sự hồi tưởng về cảnh sắc thiên nhiên, phố xá, cuộc sống hằng ngày mang vẻ đẹp và bản sắc văn hoá của Hà Nội. *Thương nhớ Mười Hai* có 13 bài tùy bút, gồm 12 bài viết về các tháng trong năm và một bài về Tết. Bài *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* là bài đầu tiên của tập tùy bút.



(1) *Nồm*: trạng thái thời tiết ẩm và ẩm ướt ở miền Bắc vào quãng cuối đông đầu xuân.

(2) *Màn điều*: tấm vải đỏ che trước bàn thờ.

(3) *Ông vải*: tổ tiên.

(4) *Hoá vàng*: đốt vàng mã. Theo tục lệ, ngày hoá vàng là ngày kết thúc việc cúng lễ dịp Tết. Những đồ vàng mã thờ dịp Tết được đem đốt.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Mạch cảm xúc của tác giả được khơi dậy qua sự hồi tưởng về không gian. Tìm chi tiết miêu tả không gian đặc trưng của mùa xuân Hà Nội (vào đầu tháng Giêng và sau rằm tháng Giêng) và chi tiết miêu tả không gian gia đình.
2. Trong cái rét ngọt đầu xuân, sức sống của thiên nhiên và con người được khơi dậy như thế nào?
3. Nêu nhận xét của em về cách tác giả diễn tả cảm giác của lòng mình khi mùa xuân đến.
4. Tác giả đã triển khai bài tùy bút theo mạch chủ đề về mùa xuân bắt đầu từ “ai cũng chuộng mùa xuân” như thế nào?
5. Trong đoạn trích, khi nói về mùa xuân, tác giả dùng các cụm từ như *mùa xuân của tôi, mùa xuân thần thánh của tôi, mùa xuân của Hà Nội thân yêu*. Cách viết này cho em hiểu điều gì về cuộc sống và tình cảm riêng của người viết?
6. Chọn một câu văn cho thấy lời văn của bài tùy bút như lời trò chuyện tâm tình. Theo em, đặc điểm đó của lời văn có tác động như thế nào đến cảm nhận của người đọc?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về cảnh sắc và không khí mùa xuân.

Thực hành tiếng Việt

1. DẤU GẠCH

1 Đọc hai câu văn sau và thực hiện những yêu cầu bên dưới:

a. *Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng...*

b. *Đẹp quá đi, mùa xuân ơi – mùa xuân của Hà Nội thân yêu, của Bắc Việt thương mến.*

(1) Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong các câu văn trên.

(2) Theo em, nếu không có các cụm từ được tách ra bởi dấu gạch ngang thì nội dung của những câu văn trên sẽ thay đổi như thế nào?

2. BIỆN PHÁP TU TỪ

2 Chỉ ra biện pháp tu từ so sánh trong các câu sau. Cho biết điểm tương đồng giữa các đối tượng được so sánh với nhau trong mỗi trường hợp và nêu ý nghĩa của sự tương đồng đó:

a. *Tôi yêu sông xanh, núi tím; tôi yêu đôi mày ai như trắng mới in ngần và tôi cũng xây mộng ước mơ, nhưng yêu nhất mùa xuân không phải là vì thế.*

b. Cuối tháng Giêng có những đêm không mưa, trời sáng lung linh như ngọc, chỉ chừng mười giờ tối thì trăng mọc cao lên đỉnh đầu.

3 Hãy chỉ ra biện pháp tu từ được dùng trong các câu văn sau và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó:

a. Chàng trai kia yêu mùa xuân, phải chăng là tại lúc đôi mùa giao tiễn nhau, chàng tưởng như nghe thấy đôi núi chuyển mình, sông hồ rung động trong cuộc đổi thay thường xuyên của cuộc đời?

b. Trên giàn hoa lí, vài con ong siêng năng đã bay đi kiếm nhị hoa.

4 Đọc câu văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Ai bảo được non đừng thương nước, bướm đừng thương hoa, trăng đừng thương gió; **ai cấm được** trai thương gái, **ai cấm được** mẹ yêu con, **ai cấm được** cô gái còn son nhớ chồng thì mới hết được người mê luyến mùa xuân.

a. Chỉ ra biện pháp tu từ ở những cụm từ in đậm trong câu văn trên.

b. Biện pháp tu từ đó còn được thể hiện ở những từ ngữ nào khác trong câu?

c. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

5 Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu văn sau và cho biết cách so sánh trong câu này có gì khác so với cách so sánh trong những câu văn ở bài tập 2:

Nhựa sống ở trong người căng lên như máu cũng căng lên trong lộc của loài nai, như mầm non của cây cối, nằm im mãi không chịu được, phải trỗi ra thành những cái lá nhỏ tí ti giờ tay vẫy những cặp uyên ương đứng cạnh.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Mỗi vùng miền trên thế giới đều có những nét riêng trong phong cách ẩm thực. Hãy chia sẻ hiểu biết của em về vấn đề này.

2. Nếu được yêu cầu giới thiệu về một món ăn đặc sản ở quê em, em sẽ chọn món nào?

ĐỌC VĂN BẢN

Chuyện cơm hến

HOÀNG PHÚ NGỌC TƯỜNG

Người Huế ăn giống như học bài học cuộc đời, phải nếm đủ vị mặn, lạt⁽¹⁾, chua, cay, ngọt, bùi, không chê vị nào; lại còn tỏ ra thích thú với hai vị mà thiên hạ đều sợ, là cay và đắng. [...] Người Huế thích dùng mướp đắng lúc

Theo dõi

Chú ý nét riêng trong khẩu vị của người Huế.

⁽¹⁾ Lạt: nhạt.

còn xanh; nấu canh phải duống⁽¹⁾ nồi nước sôi xuống để thả mướp vào mới đảm bảo là đắng, lại còn bóp mướp sống làm món nộm, đắng một cách tuyệt vời! Có hôm tàu dừng ở ga Lăng Cô, thấy nắm tràm⁽²⁾ bán rẻ như cho không tôi bèn hí hửng mua luôn một rổ làm quà cho chú bạn tôi ở Đà Nẵng, gọi là đặc sản xứ Huế. Cháo nắm tràm nấu ra ngon đến thế, nhưng chỉ có dân Huế sì súp vừa húp vừa khen, còn bạn nhậu người Quảng đều né hết, vì đắng không chịu nổi. Hoá ra chỉ cách nhau cái đèo Hải Vân thôi mà cách ăn uống của người Huế lạ đời đến thế!



*Cồn Hến,
ảnh của Lê Huy Hoàng Hải*

Nhưng lạ nhất là thói ăn cay, đến nỗi chính tôi cũng không hiểu sao mình lại ăn cay “tài” đến như vậy. Người Huế có đủ cung bậc ngôn ngữ để diễn tả vị cay, bao gồm hết mọi giác quan, càng nói càng “sương miệng”: cay phỏng miệng, cay xé lưỡi, cay điếc mũi, cay chảy nước mắt, cay toát mồ hôi, cay điếc tai, cay điếc óc,... [...] Có thể nói rằng người Huế bắt đầu thực đơn hằng ngày bằng một tô bún bò “cay dễ sợ”, tiếp theo là một ngày cay “túi mắt túi mũi” để kết thúc với tiếng rao “Ai ăn chè?”, một chén ngọt lịm trước khi ngủ.

Suy luận

*Tác giả là người vùng nào?
Chi tiết nào cho thấy điều đó?*

Tôi xin giới thiệu một ngày “Hạnh phúc trời hành” của dân Huế tui, bắt đầu bằng món cơm hến⁽³⁾. Những món ăn Huế như bún bò, cháo lòng,... bây giờ trở thành phổ biến khắp nơi (dù đã mất đi bản chất cay của nó) chỉ món cơm hến này là không nơi nào có. Hà Nội, Sài Gòn cũng có vài ba quán Huế có cả cơm hến, tôi đã thử xem, đều toàn là ngêu⁽⁴⁾ xắt⁽⁵⁾ nhỏ, đâu phải là hến. Vậy thì cơm hến là gì?

Trước hết, nói về cơm. Người Việt mình ăn cơm kiểu nào cũng phải nóng, duy chỉ cơm hến nhất thiết phải là cơm nguội. Hình như người Huế muốn bày tỏ

⁽¹⁾ *Duống*: đưa xuống (trong câu này có nghĩa là bắc nồi nước sôi xuống rồi mới thả mướp đắng vào).

⁽²⁾ *Nắm tràm*: loại nắm mọc từ cây tràm, có nhiều ở vùng Thừa Thiên – Huế, có vị đắng.

⁽³⁾ *Hến*: động vật thân mềm, có hai mảnh vỏ, sống ở vùng nước lợ hoặc nước ngọt.

⁽⁴⁾ *Ngêu*: động vật thân mềm, có hai mảnh vỏ, thường sống ở vùng nước mặn ven biển.

⁽⁵⁾ *Xắt*: thái.

một quan niệm rằng trên đời chẳng có một vật gì đáng phải bỏ đi, nên bày ra món cá lẹp⁽¹⁾ kẹp rau mung⁽²⁾, và món cơm ngêu với những con hến nhỏ lẫn lẫn làm sốt ruột người chế biến món ăn, gọi là cơm hến. Sau này ở Huế người ta còn bày thêm món bún hến, dùng bún thay cơm ngêu. Tôi rất ghét những lối cải tiến tạp nham như vậy. Bún đã có bún bò, ai có giang sơn ấy, việc gì phải cướp bản quyền sáng chế của người khác. Vả lại, người Huế (Huế xưa, không phải bây giờ) rất kiên định trong “lập trường ăn uống” của mình. Tôi nghĩ rằng trong vấn đề khẩu vị, tinh bảo thủ là một yếu tố văn hoá hết sức quan trọng, để bảo toàn di sản. Với tôi, một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hoá, cứ phải giống y như ngày xưa, và mọi ý đồ cải tiến đều mang tính phá phách, chỉ tạo nên những “đồ giả”!

Theo dõi

Chú ý câu văn nêu ý kiến riêng của tác giả về món ăn đặc sản.

Xin tiếp tục chuyện cơm hến. Hến ở Huế ngon nhất là hến cồn, do đó cái cồn nổi chiếm vị trí “Tả Thanh Long⁽³⁾” rất mực quan trọng trong Dịch lí⁽⁴⁾ của kiến trúc kinh thành, dân chỉ gọi nôm na là Cồn Hến. Đáy sông quanh cồn có một lớp bùn sâu, là môi sinh màu mỡ của loài hến. Điều lạ là con hến, dù không có tay chân, nhưng khi thời tiết thay đổi làm dòng nước chảy mạnh có thể lặn sâu xuống đáy bùn để khỏi bị nước cuốn đi. Dân cồn làm nghề xúc hến mỗi năm đều có lễ cúng hến vào tháng Bảy, trên những con đò cờ xí rộn ràng, tiếng trống vang lừng, người ta luộc hến xong đem ra sông đãi trong những chiếc rổ lớn, tách vỏ, lấy riêng mặt hến⁽⁵⁾ đem đông chén bán cho những người làm cơm hến.

Mặt hến này là vị chủ của cơm hến, xào kèm theo bún tàu (miến), măng khô và thịt heo thái chỉ. Món thứ ba trong cơm hến là rau sống. Chỉ một nhúm thôi, nhưng rau sống này làm bằng thân chuối hoặc bắp chuối xắt mỏng như sợi tơ, trộn lẫn với môn bạc hà⁽⁶⁾, khế và rau thơm thái nhỏ, giá chà (trụng⁽⁷⁾ sơ qua nước sôi), có khi còn điểm thêm những cánh bông vạn thọ vàng, nhìn tươi mắt và có thêm mùi thơm riêng.

Theo dõi

Chú ý các nguyên liệu làm cơm hến.

Nước luộc hến được rút ra từ chiếc nồi bung bốc khói nghi ngút, bằng chiếc gáo làm bằng sọ dừa xinh xắn, cho vào một cái tô đã gồm đủ cơm ngêu, hến xào, rau sống và được gia thêm đủ vị đồ màu. Nước hến có giã thêm gừng màu trắng dùng đục. Vâng, mê nhất cái màu đục đục ấy, ăn cơm hến mà chê nước đục là... đại!

⁽¹⁾ Cá lẹp: loài cá nhỏ, thân mỏng, xương mềm, thịt nhão vì nhiều mỡ, sống ở vùng nước mặn hoặc nước lợ ven biển.

⁽²⁾ Rau mung: lá non của cây lộc vừng, có vị hơi chát, đắng, thoảng chút chua, thường được người dân miền Trung hái ăn kèm với cá lẹp nướng.

⁽³⁾ Tả thanh long: rồng xanh ở bên trái. Theo quan niệm phong thủy xưa, thế đất nhấp nhô phía bên trái của nhà ở hay cung điện (từ phía trong nhìn ra) là thế tả thanh long, rất được chú ý trong việc chọn đất xây dựng.

⁽⁴⁾ Dịch lí: bộ môn nghiên cứu về nguyên tắc biến đổi của vạn vật, vũ trụ theo cái nhìn bao quát nhất.

⁽⁵⁾ Mặt hến: ruột hến hay toàn bộ phần thân bên trong lớp vỏ cứng của con hến.

⁽⁶⁾ Môn bạc hà: có nơi gọi là (cây) dọc mùng.

⁽⁷⁾ Trụng: nhúng.

Bộ đồ màu của com hến là nhiều khê⁽¹⁾ nhất thiên hạ. Đây là bản liệt kê các món gia vị mà tôi từng quan sát được ở một gánh com hến, chắc có thể coi là “lí tưởng”, như sau:

1. Ớt tương
2. Ớt màu, ớt dầm nước mắm
3. Ruốc⁽²⁾ sống
4. Bánh tráng nướng bóp vụn
5. Muối rang
6. Hạt đậu phụng⁽³⁾ rang mỡ, giã hơi thô thô
7. Mè⁽⁴⁾ rang
8. Da heo rang giòn
9. Mỡ và tóp mỡ
10. Vị tinh⁽⁵⁾.

Tất cả được đựng trong những thau⁽⁶⁾, những vìm⁽⁷⁾ bày trên một cái trẹt⁽⁸⁾, o⁽⁹⁾ bán com hến lấy ra bằng những chiếc gáo mù u⁽¹⁰⁾ nhỏ xiu, bàn tay thoăn thoắt mỗi thứ một ít...

Hương vị bát ngát suốt đời người của tô com hến là mùi ruốc thơm dậy tận óc, và vị cay đến trào nước mắt. Người “máu” com hến vẫn chưa vừa lòng với vị cay sẵn có, còn đòi thêm một trái ớt tươi để cắn kêu cái rộp! Nước mắt đầm đìa, mồ hôi rùng rùng nhỏ giọt vào tô com thế mà cứ si sụp, xuýt xoa kêu “ngon, ngon”; đi xa nhớ lại thèm đứt sợi tóc, ở nước ngoài về bay ra Huế để ăn cho được một tô com hến lấy làm hả hê, thế đấy, chao ôi là Huế!

Tôi nhớ lần ấy, chiều mưa râm rì cỡ tháng Mười một, tôi ngồi ăn com hến ở nhà Bửu Ý ở đường Hàng Me. Tôi vừa đi Tây về, suốt hai tuần ở cung Đại hội các nhà văn, bữa ăn nào cũng toàn thịt, bơ, pho mát,... đến nỗi tôi thất kinh⁽¹¹⁾, nhiều ngày chỉ mang một mớ trái cây về phòng ăn trừ bữa. Nhiều tuần lễ không có một hột com

⁽¹⁾ *Nhiều khê*: lồi thối, phức tạp (trong văn bản này chỉ sự cầu kỳ, cần nhiều thứ nguyên liệu để làm ra bát com hến).

⁽²⁾ *Ruốc*: loài giáp xác, họ tôm, sống ở vùng nước lợ hoặc nước mặn (trong văn bản này, từ *ruốc* chỉ loại mắm làm từ con ruốc).

⁽³⁾ *Đậu phụng*: lạc, một loài cây thuộc họ đậu, hạt thường có màu hồng nhạt, giàu chất đạm, chất béo.

⁽⁴⁾ *Mè*: vừng, một loài cây có hạt nhỏ, màu đen hoặc nâu vàng, giàu chất đạm, chất béo.

⁽⁵⁾ *Vị tinh*: bột ngọt.

⁽⁶⁾ *Thau*: (*thấu*, do cách phát âm mà thành *thấu*) dụng cụ đựng đồ ăn có miệng to gần bằng hoặc bằng thân, làm bằng nhựa, sành sứ, thủy tinh,...

⁽⁷⁾ *Vìm*: (thường gọi là *liễn*) đồ bằng sành sứ có nắp đậy, dùng để đựng thức ăn.

⁽⁸⁾ *Trẹt*: (*trệt*) cái mẹt, đồ đan kín bằng tre nứa, lòng nông, hình dáng và kích thước hơi giống cái mâm.

⁽⁹⁾ *O*: cô.

⁽¹⁰⁾ *Gáo mù u*: gáo làm bằng vỏ quả mù u, giống gáo dừa nhưng nhỏ hơn.

⁽¹¹⁾ *Thất kinh*: sợ đến mức mất tinh thần.

trong bụng, nghe tiếng rao cơm hến tôi thấy xúc động tận chân răng. Đây là lần đầu tiên tôi ăn một tô cơm hến “bằng tất cả tâm hồn”. Thấy chị bán hàng phải cho quá nhiều thứ trong một bát cơm nhỏ, công phu thế mà chỉ bán có năm trăm đồng bạc, tôi lấy làm ái ngại hỏi chị:

– Lỗi lãi bao nhiêu mà chị phải kĩ đến thế. Chỉ cần ba bốn thứ, vừa vừa thôi, có đỡ mất công không?

Chị nhìn tôi với đôi mắt giận dỗi khác lạ:

– Nói như cậu thì... còn chi là Huế!

Chị gánh hàng đi, dáng gầy mỏng manh, chiếc áo dài đen cũ kĩ, chiếc nón cời⁽¹⁾ và tiếng rao lanh lảnh. Hồi nãy tôi đã đếm và biết gánh cơm trên vai chị có tất cả mười bốn vị. Bây giờ tôi mới phát hiện thêm vị thứ mười lăm, là lửa. Vâng, một bếp lửa chắt chiu, ấp ủ đi trong mưa suốt mùa đông, bền bỉ theo bước chân người...

Theo dõi

Chú ý vị thứ mười lăm của cơm hến.

(Hoàng Phủ Ngọc Tường, *Huế – Di tích và con người*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng, 2001, tr. 44 – 50)

SAU KHI ĐỌC

Hoàng Phủ Ngọc Tường sinh năm 1937, quê ở Quảng Trị, sống và làm việc nhiều năm ở Huế. Sáng tác của ông toát lên cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp đất nước và con người trên khắp mọi miền Tổ quốc, đặc biệt là Huế. Trong mảng tản văn, nhà văn thể hiện vốn văn hoá sâu rộng, cách tiếp cận đời sống độc đáo, tâm hồn nhạy cảm, ngòi bút tài hoa, cái tôi công dân giàu trách nhiệm với xã hội. Một số tác phẩm chính của Hoàng Phủ Ngọc Tường: *Rất nhiều ánh lửa* (1979), *Ai đã đặt tên cho dòng sông?* (1984), *Huế – Di tích và con người* (2001), *Miền cỏ thơm* (2007),...



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Những chi tiết nào cho thấy cơm hến là món ăn bình dân?
2. Món cơm hến cho thấy đặc điểm gì trong phong cách ăn uống của người Huế?
3. *Chuyện cơm hến* có phải chỉ đơn giản là văn bản giới thiệu một món ăn không? Tác giả bàn tới những điều gì xung quanh món cơm hến?

⁽¹⁾ Nón cời: nón cũ.

4. Theo em, tại sao tác giả lại cho rằng “một món ăn đặc sản cũng giống như một di tích văn hoá”?
5. Hình ảnh chị bán hàng cùng gánh cơm hến và bếp lửa gợi cho em suy nghĩ gì về ý thức gìn giữ bản sắc văn hoá của người dân địa phương?
6. Tìm những từ ngữ cho thấy lời văn của bài tản văn *Chuyện cơm hến* giống như lời tác giả đang trò chuyện với bạn đọc.
7. Em cảm nhận như thế nào về cái tôi tác giả được thể hiện trong *Chuyện cơm hến*?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một nét sinh hoạt thể hiện vẻ đẹp của con người và truyền thống văn hoá nơi em đang sống.

Thực hành tiếng Việt

TỪ NGỮ ĐỊA PHƯƠNG

- 1 Trong câu văn sau, những từ ngữ nào có thể được xem là từ ngữ địa phương? Vì sao?

Tất cả được đựng trong những thầu, những vệm bày trên một cái trẹt, o bán cơm hến lấy ra bằng những chiếc gáo mù u nhỏ xíu, bàn tay thoăn thoắt mỗi thứ một ít...

- 2 Liệt kê một số từ ngữ địa phương được dùng trong văn bản *Chuyện cơm hến*. Những từ ngữ đó có nghĩa tương đương với những từ ngữ nào được dùng ở địa phương em hoặc trong từ ngữ toàn dân?

- 3 Cho biết tác dụng của việc dùng từ ngữ địa phương của Huế trong *Chuyện cơm hến*.

- 4 Nêu một số từ ngữ địa phương chỉ sự vật (người, cây cối, con vật, đồ vật,...) ở các vùng miền mà em biết và tìm từ ngữ toàn dân tương ứng.

Nhận biết từ ngữ địa phương

- Mỗi vùng miền có một số từ ngữ riêng biệt, thường gọi là từ ngữ địa phương. Những từ ngữ đó phát sinh từ những nét riêng về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lí và phong tục tập quán của cư dân địa phương. Từ ngữ địa phương thể hiện tính đa dạng trong ngôn ngữ của một cộng đồng.
- Khác với từ ngữ toàn dân, từ ngữ địa phương thường chỉ được dùng ở một vùng, miền nhất định.

Ví dụ về từ ngữ địa phương:

Địa phương	Từ ngữ địa phương	Từ ngữ toàn dân (tương ứng)
Miền Bắc	<i>u</i>	<i>mẹ</i>
Miền Trung	<i>mô</i>	<i>đâu</i>
Miền Nam	<i>tía</i>	<i>bố</i>

- Trong tác phẩm văn học, từ ngữ địa phương có thể được dùng nhằm tạo sắc thái địa phương cho câu chuyện, nhân vật,... Trong các văn bản khoa học, hành chính,... không được dùng từ ngữ địa phương (trừ khi có lí do đặc biệt). Trong giao tiếp thông thường, chỉ nên dùng từ ngữ địa phương khi trò chuyện thân mật với những người nói cùng phương ngữ với mình.

ĐỌC VĂN BẢN

Hội lồng tồng

TRẦN QUỐC VƯỢNG – LÊ VĂN HẢO – DƯƠNG TẤT TỬ

Vùng Việt Bắc⁽¹⁾ mở hội lồng tồng từ sau tết Nguyên đán đến tết Thanh minh. *Lồng tồng* tiếng Tày – Nùng có nghĩa là “xuống đồng”. Thần thành hoàng của đồng bào Tày – Nùng cũng tức là thần nông. Đình thành hoàng thờ những nhân vật ngày xưa đã có công khai phá ruộng nương, xây dựng và bảo vệ bản mường. Có nhiều truyền thuyết khác nhau về hội lồng tồng ở từng địa phương.

[...] Trong những ngày hội lồng tồng cầu mùa, vui xuân, dân làng mang cỗ đến cúng thần nông. Hội lồng tồng cũng là dịp trưng bày những sản phẩm nông nghiệp của dân làng như gà thiến béo, lợn quay, các thứ bánh trái,... Sản phẩm được trình bày sao cho thật đẹp mắt. Sau khi cúng tế, người ta ăn cỗ với thịt gà, thịt lợn, bánh chưng hay bánh lá ngải, xôi nhuộm lá cẩm, uống rượu nếp, rượu mác mật,... Trong những trò chơi dân gian làm cho hội lồng tồng rộn rịp có đánh vật, kéo co, thi bắn, đua thuyền, biểu diễn võ dân tộc,... nhưng hấp dẫn nhất là tung còn, múa sư tử và “lượn⁽²⁾ lồng tồng”.



Ném còn, ảnh của Lê Thanh Cường

⁽¹⁾ *Việt Bắc*: vùng đồi núi phía bắc nước ta, gồm các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang.

⁽²⁾ *Lượn*: lối hát đối đáp giữa trai và gái của dân tộc Tày.

Trò chơi ném còn có dụng cụ chính là một chiếc còn. Đó là một túi vải màu hình vuông, mỗi cạnh khoảng 10 cm, trong đổ cát, đuôi dài hơn 1 m bằng vải ngũ sắc. Giữa đồng người ta dựng một cây mai cao vút, đóng giá như kiểu cột cờ để có thể dựng lên hạ xuống được. Trên đỉnh chót người ta uốn ngọn cây mai thành một vòng tròn, dán giấy trắng, trong có điểm hồng tâm. Thanh niên gái trai chia làm hai bên thi nhau nhằm chiếc vòng giấy ấy mà tung còn. Người nào nhanh tay bắt được còn của đối phương tung đến mới được ném. Người ném trúng thùng vòng giấy thì được thưởng, nếu ném trúng hồng tâm thì được giải thưởng to hơn. Ném trúng rồi, người ta hạ cột vá lại vòng giấy và cuộc vui tiếp tục.

Múa sư tử được đồng bào Tày – Nùng, nhất là thanh niên ưa thích vì nó phù hợp với tinh thần thượng võ vốn có của họ. Múa sư tử là dịp rèn luyện thân thể, giúp cho thanh niên có được một vài môn võ nghệ để tự vệ, chống giặc cướp, giặc ngoại xâm khi cần.

Múa sư tử thực chất là một điệu múa võ. Các miếng võ được biểu diễn rõ nhất trong màn múa sư tử đùa nghịch vờn nhau với đuôi uoi và hai khỉ. Đuôi uoi và khỉ tìm đủ mọi cách để trêu chọc sư tử. Con thú dữ lúc phát khùng lên nghe rằng ra định ngoạm đầu đuôi uoi và khỉ, nhưng lũ này dùng đủ miếng võ để né tránh một cách tài tình.

Trong hội lồng tồng, theo tục lệ, con sư tử nào đến trước giữ vai trò đàn anh, có quyền chủ trì các buổi biểu diễn; con đến sau phải đeo vào cằm con đến trước một miếng vải đỏ gọi là “quả hồng” để thừa nhận quyền đàn anh. Trường hợp tranh chấp người ta tổ chức một cuộc đấu miếng giữa hai con sư tử. Con nào quật ngã đối phương sẽ được nhận vai trò đàn anh; trường hợp này mỗi bên đều chọn một tay quyền thuật giỏi, một thầy dạy võ, để múa sư tử đọ tài với đối phương⁽¹⁾.

Nhân dịp hội lồng tồng, thanh niên gái trai tụ họp thành những đám hát lượn, hát đối đáp những bài “lượn lồng tồng” để cầu mùa màng, chúc mừng dân làng được mọi sự may mắn tốt lành, ca ngợi cái đẹp của thiên nhiên, của mùa xuân, của tình yêu, của cuộc sống lao động.

Mở đầu cho buổi hát lượn là những lời đón chào xuân:

Mở bài khai khẩu ước chào xuân

Nghe tiếng nhà người đầy ái ân

Nghe tiếng nhà người đầy xuân sắc

Sĩ tử xin chào kết cố nhân!

Đề cầu mùa và chúc mừng nhau, gái trai hát:

⁽¹⁾ Tham khảo từ tài liệu của Lã Văn Lô, *Hội múa sư tử của đồng bào Tày, Nùng*, tạp chí Văn hoá nghệ thuật, số 6, tháng 6/ 1971, tr. 52 – 53.

*Năm mới tới mùa màng sung túc
Không một người khổ cực gian nan
Trai gái được an nhàn thanh thoả
Chăm lo việc cấy lúa chẵn tằm...*

Buổi hát lượn trong hội lồng tồng thường có hai phần. Phần “lượn tuồng” gồm những bài hát cổ điển mà gái trai phải học thuộc lòng để hát kể cho nhau nghe về những cảnh đẹp của quê hương mừng bản, những câu chuyện mượn trong cổ tích, truyền thuyết, những cảnh sinh hoạt sản xuất trong bốn mùa, mười hai tháng,... Những bài hát đó giúp họ khơi gợi và gửi gắm tình yêu. [...]

Sau phần “lượn tuồng” là phần “lượn sương”. “Lượn sương” thường sáng tác tại chỗ theo cảm hứng để gái trai đặt vấn đề yêu đương và trực tiếp thổ lộ tình cảm với nhau:

*Thương hoa sói nhớ hoa nhài
Hoa sói người duyên lắm sắc tài
Ước sao ngắt vài bông về cắm vườn cảnh nhà ta
Đề đi sớm về trưa ngắm bóng ai...*

Mùa xuân là mùa của tuổi trẻ, của tình yêu, của ca hát. Gái trai trẻ hội lồng tồng, hát lượn lồng tồng nhiệt tình ca ngợi mùa xuân, thiết tha yêu mến mùa xuân, luyện tiếu xuân, sợ mùa xuân và tuổi trẻ qua nhanh. [...]

Ở nhiều địa phương cuộc hát lượn lồng tồng giữa gái trai có thể kéo dài đến bốn năm đêm liền mà vốn thơ ca và tình cảm vẫn chưa cạn. Lượn, tiếng nói của tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời xuân Việt Bắc.

(Theo Trần Quốc Vượng – Lê Văn Hào – Dương Tất Từ, *Mùa xuân và phong tục Việt Nam*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1976, tr. 167 – 173)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Tóm tắt các ý chính của văn bản *Hội lồng tồng* bằng sơ đồ (chú ý thời gian tổ chức, địa điểm tổ chức, vùng miền có lễ hội, phần cúng tế – lễ, phần vui chơi – hội).
2. Sản vật cúng tế trong hội lồng tồng có liên quan gì với tục mở hội xuống đồng và tục thờ thành hoàng – thần nông?
3. Văn bản miêu tả những hoạt động nào của cư dân trong phần hội? Những hoạt động đó biểu thị những phẩm chất và khả năng nào của con người?
4. Người dân gửi gắm mong ước gì khi tổ chức hội lồng tồng?

5. *Lượn, tiếng nói của tình yêu, tiếng lòng của ngày hội xuân, lành mạnh, trong sáng, đầy sức sống, vang vọng sôi nổi mà êm đềm dưới trời xuân Việt Bắc.*

Em cảm nhận như thế nào về thái độ đánh giá của người viết qua câu văn trên?

Viết

Viết văn bản tường trình

Tường trình là một loại văn bản thông tin được dùng rất phổ biến trong đời sống. Nhiều khi chúng ta phải viết, đọc hay xử lý các văn bản tường trình về một vụ việc nào đó, nhằm giải quyết kịp thời, đúng đắn những vấn đề đáng tiếc nảy sinh. Do vậy, biết cách viết văn bản tường trình đúng thể thức là điều mà mọi người đều phải quan tâm.

Thể thức của văn bản tường trình:

- Phía trên cùng văn bản ghi quốc hiệu và tiêu ngữ (chính giữa dòng).
- Tiếp đó, ghi địa điểm và thời gian viết tường trình (góc bên phải).
- Tên văn bản tường trình ghi chính giữa. Dòng trên ghi ba chữ BẢN TƯỜNG TRÌNH (chữ in hoa), dòng dưới ghi: *Về việc...*
- Dưới tên văn bản, ghi tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình sau cụm từ *Kính gửi*.
- Nêu thông tin về người viết tường trình (họ và tên; chức danh; chức vụ; đơn vị học tập, công tác;...), có thể bắt đầu bằng cụm từ *Tôi tên là...* hoặc *Tôi là...*
- Ghi nội dung chính: thuật lại vụ việc với đầy đủ thông tin về thời gian, địa điểm, những người có liên quan, nguyên nhân, diễn biến, hậu quả, người chịu trách nhiệm.
- Ghi lời cam đoan về sự khách quan, trung thực của nội dung tường trình cùng lời hứa hoặc đề nghị đối với người (cơ quan) xử lý vụ việc.
- Sau cùng, người viết tường trình kí và ghi đầy đủ họ, tên.

Lưu ý: Nếu bản tường trình được viết tay, chú ý chừa lề hợp lý; không viết sát mép giấy bên trái, bên phải; không để phần trên trang giấy có khoảng trống quá rộng. Nếu bản tường trình được đánh máy, cần dùng khổ giấy A4; phông chữ tiếng Việt Times New Roman; cỡ chữ thường là 13 – 14; lề trang cách mép trên và mép dưới 20 – 25 mm, cách mép trái 30 – 35 mm, cách mép phải 15 – 20 mm,...

Phân tích bản tường trình tham khảo

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2020

BẢN TƯỜNG TRÌNH

Về việc vi phạm nội quy nơi tham quan

Kính gửi: Cô Lâm Thanh H., giáo viên chủ nhiệm lớp 7C

Em là Trương Khánh Ng., học sinh lớp 7C, Trường THCS Nguyễn Du, xin phép tường trình với cô một việc như sau:

Sáng 22 tháng 9 năm 2020, lớp 7C tổ chức đi tham quan Bảo tàng Dân tộc học. Em đã tham gia buổi tham quan cùng với lớp. Quy định của bảo tàng là không được sờ vào hiện vật. Nhưng do em muốn có một bức ảnh chụp bên bộ quần áo dân tộc Dao nên đã bước qua dây chắn vào khu vực cấm và sờ tay vào hiện vật, làm hỏng một chi tiết trên trang phục. Nhân viên bảo vệ đã phát hiện và lập biên bản. Điều này đã gây ảnh hưởng đến buổi tham quan của lớp.

Em xin cam đoan điều vừa tường trình là đúng sự thật. Em mong được các cô bác ở bảo tàng, nhà trường, cô giáo và các bạn tha lỗi. Em xin hứa không bao giờ tái phạm và sẽ luôn chấp hành nghiêm mọi nội quy, quy định nơi công cộng.

Người viết tường trình

(Kí tên)

Trương Khánh Ng.

Quốc hiệu và
tiêu ngữ.

Địa điểm và thời gian
viết bản tường trình.

Tên văn bản
tường trình.

Người hoặc cơ quan
nhận bản tường trình.

Tên người viết
tường trình.

Nội dung tường
trình (thời gian,
địa điểm xảy ra vụ
việc, nguyên nhân,
hậu quả, người chịu
trách nhiệm).

Cam đoan và
cam kết.

Kí tên hoàn tất bản
tường trình.

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

– Nếu định tường trình về một vụ việc có thật trong đời sống mà bản thân em có liên quan, cần hình dung lại mọi chuyện đã xảy ra theo những gì em biết và còn nhớ rõ.

– Nếu vụ việc được tường trình chỉ mang tính chất giả định, trước hết em hãy chú ý đến tư cách tường trình của bản thân, thông qua việc tự đặt các câu hỏi: *Em là người đại diện hay chỉ tường trình với tư cách cá nhân?*

Em khởi xướng, tham gia vụ việc hay chỉ là người làm chứng? Không thể viết tường trình khi chưa xác định rõ mối liên quan trực tiếp của em đối với vụ việc.

– Để xác định được những thông tin cụ thể cho bản tường trình, em có thể nghĩ đến những vụ việc như: *mất xe đạp nơi gửi xe của trường; làm hư hại đồ dùng học tập của bạn khiến bạn không hoàn thành công việc được giao; khởi xướng một cuộc dã ngoại với sự tham gia của nhiều bạn trong lớp khi chưa xin phép gia đình, thầy, cô chủ nhiệm và nhà trường; chứng kiến một vụ bắt nạt trong trường học;...*

Mục đích viết

Cung cấp thông tin một cách trung thực về vụ việc mà mình có liên quan.

Người đọc

Người yêu cầu làm bản tường trình, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết và những người quan tâm đến vụ việc.

2 VIẾT BẢN TƯỜNG TRÌNH

– Viết phần mở đầu theo đúng thể thức. Chú ý chừa khoảng cách rộng hơn giữa dòng ghi địa điểm, ngày tháng làm bản tường trình với những thông tin ngay phía trên và tiếp dưới đó.

– Tên văn bản tường trình phải thể hiện được nội dung khái quát nhất của vụ việc. Khi viết dòng này, cũng chú ý chừa khoảng cách trên, dưới hợp lí như khi viết dòng ghi địa điểm, thời gian làm bản tường trình ở trên.

– Đề tên người hoặc cơ quan nhận bản tường trình.

– Xưng danh với đầy đủ họ tên.

– Trình bày vụ việc ngắn gọn nhưng rõ ràng, đảm bảo có đủ các thông tin về thời gian, địa điểm, người liên quan, nguyên nhân, diễn biến và hậu quả để lại. Đặc biệt, cần nói rõ tư cách, trách nhiệm của em trong vụ việc.

– Nêu cam kết về tính trung thực của nội dung tường trình. Mẫu câu thường dùng: *Tôi xin cam đoan nội dung trình bày trên là trung thực; Tôi xin chịu trách nhiệm hoàn toàn về điều mình đã viết;...*

– Nêu lời hứa hoặc lời đề nghị.

– Kí và ghi đầy đủ họ tên ở phần dưới cùng, lệch góc phải trang giấy.

Dựa vào phần *Thể thức của văn bản tường trình* để tự rà soát và chỉnh sửa:

Nội dung rà soát	Hướng chỉnh sửa
Tên văn bản đã phản ánh đúng nội dung chính được tường trình chưa?	Nếu chưa thì phải sửa lại cho phù hợp.
Sự việc tường trình đã đầy đủ, cụ thể chưa?	Nếu thấy chi tiết nào thừa thì lược bỏ, chi tiết nào thiếu thì bổ sung. Cần sắp xếp các chi tiết theo một trình tự hợp lí.
Tư cách, vai trò của bản thân trong vụ việc đã được xác định rõ ràng chưa?	Nếu chưa, cần sửa lại để làm rõ: bản thân là người gây hậu quả hay chịu hậu quả, là người phải chịu trách nhiệm hay chỉ là người làm chứng.
Có chỗ nào diễn đạt như văn nói không?	Loại bỏ những từ địa phương, những từ mang tính chất khẩu ngữ, những tiếng lóng (nếu có).
Hình thức bản tường trình đã được trình bày đúng quy cách chưa?	Chỉnh sửa theo thể thức của văn bản tường trình đã giới thiệu và bản tường trình tham khảo ở trên.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại

Ở phần Đọc, em đã được học các văn bản nói về những nét đẹp riêng của các vùng miền. Những nét đẹp đó gắn với đời sống sinh hoạt của người dân, thể hiện những giá trị văn hoá lâu đời của mỗi địa phương nói riêng và đất nước Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, những nét đẹp đó liệu có còn hiện diện và có ý nghĩa đối với cuộc sống của chúng ta ngày nay hay không? Trong những bài học trước, em đã được làm quen với cách trình bày ý kiến về các vấn đề trong đời sống. Tiếp nối nội dung nói và nghe đó, ở bài học này, em sẽ tập trình bày ý kiến riêng của mình về vấn đề văn hoá truyền thống trong xã hội hiện đại.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

– Văn hoá truyền thống là vấn đề được nhiều người quan tâm. Hiện nay, trong bối cảnh đất nước đang từng bước hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, văn hoá truyền thống có nhiều cơ hội

Mục đích nói

Trình bày ý kiến về vấn đề văn hoá truyền thống nhằm thể hiện thái độ sống tích cực, có trách nhiệm và thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của mình.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến văn hoá truyền thống.

nhưng cũng đối mặt với nhiều thách thức. Để trình bày ý kiến về vấn đề này, em cần chuẩn bị kĩ nội dung nói dựa trên trải nghiệm của chính mình và thông tin từ những tài liệu thu thập được.

– Gọi ý một số vấn đề em có thể chuẩn bị để trình bày ý kiến của mình: thú chơi tranh dân gian trong đời sống hiện đại, việc sử dụng các sản phẩm thủ công truyền thống trong đời sống sinh hoạt hằng ngày, giới trẻ và việc thưởng thức các loại hình nghệ thuật truyền thống, sức hấp dẫn của các di tích lịch sử – văn hoá truyền thống đối với du khách, giá trị của các làng nghề truyền thống đối với phát triển kinh tế và văn hoá, sức cuốn hút của đặc sản địa phương, vai trò kết nối tình thân của những món ăn truyền thống địa phương,...

– Trên cơ sở tìm hiểu toàn diện về vấn đề được lựa chọn và xác định ý kiến của mình về vấn đề đó, em cần hình dung trước những ý kiến phản bác có thể có để xây dựng bài nói có chiều sâu, bao quát được nhiều tình huống thực tế.

– Nếu bài nói có đề cập giải pháp bảo tồn và phát triển văn hoá truyền thống, cần chú ý tới tính cụ thể, thiết thực, khả thi của những kế hoạch, hoạt động mà mình đề xuất. Tránh nêu giải pháp một cách chung chung khiến người nghe khó hình dung được kế hoạch hoạt động phải bắt đầu như thế nào.

– Lập dàn ý cho bài nói. Gọi ý những nội dung chính:

- Vấn đề em trình bày:.....
- Lí do em trình bày về vấn đề này:.....
- Những thông tin đáng quan tâm về vấn đề (nội dung thông tin và nguồn thông tin):.....
- Những hình ảnh mà em chia sẻ (trình chiếu):.....
- Ý kiến của em về vấn đề được bàn:.....
- Mong muốn của em và những giải pháp em đề xuất:.....
- Trao đổi của em về các ý kiến thể hiện cách tiếp cận khác về vấn đề:.....

b. Tập luyện

– Khi tập luyện một mình, có thể thực hiện qua hai bước: nhìn vào bản dàn ý để nói và nói không cần sử dụng bản dàn ý. Đặc biệt, cần chú ý kiểm soát thời gian trình bày bài nói theo quy định hoặc theo dự kiến của bản thân.

– Khi tập luyện theo nhóm, cần luân phiên vào vai người nói hoặc người nghe, góp ý cho nhau về nội dung bài nói và cách biểu đạt bằng nét mặt cùng các động tác hình thể. Đặc biệt, cần tập nêu câu hỏi và trả lời câu hỏi.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. Mở đầu

– Nêu vấn đề mà em muốn trình bày; nói khái quát lí do vì sao em chọn vấn đề đó.

– Có thể bắt đầu bằng một câu hỏi hoặc một hình ảnh, câu chuyện, tình huống,... để tạo không khí sinh động, hào hứng.

b. Triển khai

– Lần lượt trình bày các ý được chuẩn bị sẵn trong dàn ý bài nói.

– Tránh quá tập trung vào một ý nào đó làm bố cục của bài nói bị mất cân đối, gây khó khăn cho việc đảm bảo thời gian nói theo quy định.

– Cần sử dụng ngôn ngữ nói tự nhiên (chỉ nên nhìn vào dàn ý khi phải dẫn nguyên văn một ý kiến nào đó hay khi phải nêu các số liệu khó nhớ).

– Cần quan sát những phản ứng của người nghe để tập trung vào một khía cạnh nào đó của vấn đề đang được người nghe đặc biệt chú ý và có thể có ý kiến khác.

– Sử dụng cử chỉ, điệu bộ và biểu lộ cảm xúc phù hợp với nội dung trình bày.

– Các thao tác sử dụng bản trình chiếu (nếu có) phải được thực hiện gọn gàng, dứt khoát.

c. Kết luận

– Tóm lược nội dung đã trình bày.

– Hướng người nghe vào các hoạt động cụ thể, thiết thực nhằm bảo vệ và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Huy động trải nghiệm của bản thân để hiểu thấu đáo vấn đề được người nói đề cập. • Tập trung nhận xét, trao đổi về những ý chính của bài nói. • Nêu những ưu điểm nổi bật về nội dung và cách trình bày bài nói. • Nêu những điều em thấy chưa hợp lý trong nội dung và cách trình bày bài nói (chú ý nêu bằng chứng). • Bổ sung những nội dung cần thiết mà em cho là bài nói còn thiếu.	• Lắng nghe, tiếp thu mọi trao đổi với thái độ bình tĩnh và tinh thần cầu thị. • Giải thích ngắn gọn về một số vấn đề mà người nghe có thể hiểu nhầm hoặc băn khoăn. • Trao đổi về những đánh giá mà em cho là chưa thoả đáng, qua đó, củng cố thêm nội dung trình bày của mình (chú ý thể hiện thái độ nhã nhặn trong trao đổi). • Tự rút ra những kinh nghiệm bổ ích trong việc chuẩn bị nội dung và trình bày bài nói.

Củng cố, mở rộng

1. Kẽ bảng vào vở theo mẫu và điền các thông tin về hai văn bản *Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt* và *Chuyện cơm hến*:

	<i>Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt</i>	<i>Chuyện cơm hến</i>
Thể loại		
Những hình ảnh nổi bật		
Đặc điểm lời văn		
Cảm xúc, suy nghĩ của tác giả		

2. Tìm đọc một số tùy bút và tản văn viết về các đề tài cảnh sắc, ẩm thực. Chọn trong số đó một tác phẩm mà em thích nhất và trả lời các câu hỏi sau:

- Tác phẩm viết về vùng miền hay món ăn cụ thể nào?
- Tác giả biểu lộ tình cảm, cảm xúc gì?
- Những từ ngữ nào diễn tả tình cảm, cảm xúc của tác giả làm em xúc động?
- Em thấy chi tiết nào thú vị nhất?

3. Tìm đọc một số văn bản viết về những nét văn hoá truyền thống ở các vùng miền trên đất nước Việt Nam hoặc nước ngoài.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Những đặc điểm cho thấy văn bản thuộc thể loại tản văn.
- Vẻ đẹp của đất nước và con người I-ta-li-a⁽¹⁾ (Italia).
- Những cảm xúc của tác giả về đất nước và con người I-ta-li-a.

Những khuôn cửa dấu yêu

TRƯỜNG ANH NGỌC

Người Ý rất yêu cửa sổ, và thường chăm chút, trang trí chúng theo sở thích riêng. Những cửa sổ giống như những đôi mắt của các căn nhà nhìn ra cuộc sống.

⁽¹⁾ I-ta-li-a: tên gọi của một quốc gia ở châu Âu (thường được người Việt dùng song song với tên quen thuộc có từ trước là Ý).

Bao giờ tôi cũng tần ngần rất lâu trước những ô cửa sổ đầy hoa suốt bốn mùa ấy trên đất Ý [...]. Những ô cửa sổ ấy có một sức thu hút kì lạ [...].

Có một ô cửa sổ tôi nhớ mãi. Cửa sổ ấy nằm trên tầng hai của một căn nhà cổ kính trên Bô-rơ-gô Pi-ô (Borgo Pio), một con phố đi bộ nhỏ chỉ cách toà thánh Va-ti-căng (Vatican) vài trăm mét. Nó rất ít khi đóng, kể cả khi chủ căn hộ không có nhà, và phủ quanh năm cạnh ô cửa nhỏ hình chữ nhật luôn là một biển lá thường xuân. Mùa xuân và hè, lá xanh mơn mớn lấp kín bức tường rêu phong, chỉ chừa lại một chút không gian cho những biển thông báo có lẽ đã nằm ở nơi này vài thập kỉ, cạnh đó dựng một chiếc xe đạp của ai đó đã lâu không đi, hoen rỉ và rêu rĩ. Mùa thu, lá cây chuyển màu. Bức tường trở thành một bức tranh màu vàng úa dưới nắng thu. Đầu đông, lá cây chuyển sang đỏ và héo dần. Dưới những cơn mưa và cái lạnh của Rô-ma (Roma), trông như chúng đang chết. Chỉ còn cái cửa sổ và ngọn đèn lấp kế bên như một người tri kỉ qua năm tháng là vẫn thế, không đổi, im lặng.

Đây là góc phố ưa thích của tôi. Tôi đã đi qua đó bao lần, thỉnh thoảng lại ngồi bên quán ăn đối diện và lặng ngắm bức tường dây leo mỗi khi mùa sang. Khuôn cửa nhỏ cũ kĩ, nhìn có vẻ mệt mỏi nhưng vững chãi đã ở đó biết bao năm tháng, phía bên dưới đường là một vòi nước đã tồn tại ở đó ít nhất năm thế kỉ. Biết bao nhiêu người Rô-ma đã đi qua đây, bao nhiêu Giáo hoàng, Hồng y và những thế hệ người khác đã đặt chân lên nơi đây, dùng chân, khum tay hứng nước và uống ở cái vòi chảy suốt ngày đêm, cho thứ nước mát lạnh mà ông bạn già của tôi – chính là người chủ của căn hộ có chiếc cửa sổ chằng chịt cây thường xuân ấy – đã khẳng định rằng đây là “nước thánh”. Tiếng nước róc rách chảy từ đó càng làm cho khung cảnh trở nên lắng đọng và êm ả theo bốn mùa, trên một con phố cấm ô tô và từ lâu đã nổi tiếng là một trong những nơi đẹp nhất thủ đô I-ta-li-a, vốn chạy thẳng đến một bên hàng cột trụ danh mà Gian Lo-ren-dô Be-rơ-ni-ni (Gian Lorenzo Bernini) đã thiết kế, ôm lấy quảng trường San Pi-e-tơ-rô (San Pietro) mệnh mông.

Căn hộ ấy buổi tối luôn sáng đèn. Cánh cửa mở hé và từ đó luôn phảng phất mùi pa-xta⁽¹⁾ cho bữa tối, tiếng dao đĩa lách cách dọn bàn, tiếng ai đó húng hắng ho, tiếng dép lệt sệt trên sàn, rồi một người lướt nhanh qua, bóng in trên trần nhà. Cửa sổ chỉ đóng những hôm quá lạnh, hoặc trời đổ mưa. Rồi có lần chính tôi cũng ở trong căn phòng nhỏ ấy vào một ngày giữa thu, ngoài người ra khung cửa sổ, giữa bốn bề thường xuân vây phủ, ngắm cuộc sống lặng lẽ trôi phía dưới. Những bà xơ đi qua, bóng màu áo xám của dòng tu in trên nền gạch. Những khách du lịch rảo bước và chụp ảnh. Một đôi uyên ương hôn nhau ở góc phố. Ông bồi bàn già quen thuộc mà tôi yêu mến của quán An Pa-xê-tô (Al Passetto) gần đó đang đứng tựa cửa và hát một điều gì đó. Ở một ngõ nhỏ đổ đầy xe hơi và xe gắn máy, đèn đường đã sáng. Bức tranh Đức mẹ Ma-ri-a (Maria) đã cũ lắm cũng được thắp sáng bởi một ngọn đèn nhỏ. Chúa,

⁽¹⁾ Pa-xta: mì ống.

Đức mẹ, những mảnh đời khác nhau của bao người cùng tồn tại trong một thành phố pha trộn cả nét mới và cổ kính, không tráng lệ mà thâm trầm, lãng mạn, chậm chậm trôi cùng với thời gian.

Trong cái thế giới băng láng ấy, những cửa sổ giống như những đôi mắt của các căn nhà nhìn ra cuộc sống. Mà những cửa sổ như thế ở Rô-ma nói riêng và trên đất Ý nhiều lắm, không sao kể hết, mỗi chiếc có một vẻ đẹp riêng [...].

Tôi yêu bức tường có khuôn cửa xanh ở Bô-rò-gô Pi-ô [...]. Yêu khu To-ra-xtê-vê-rê (Trastevere) với những căn nhà liêu xiêu, tường vàng vọt, lở loét, đầy tranh vẽ, hè vương vãi những lá, những tờ rơi quảng cáo, những chiếc xe đạp hay ve-xpa nhột nhạt vì thời gian dựa bên tường, nhưng lúc nào cũng ngự trị ở đó một cửa sổ ngạo nghễ với thời gian. Có cửa sổ đầy bụi bẩn, chẳng bao giờ mở ra. Có cái được gia cố bởi chấn song và lưới mắt cáo, nhưng người ta không quên lắp thêm vào đó một ăng-ten ti vi. Có những cửa sổ đã thành nơi hẹn hò của chim bồ câu. Lại có khuôn cửa lắp kính trong suốt, để người đi đường ngắm. Bên trong đó là một tiệm kem, một bếp của nhà hàng, thậm chí chỉ là một tiệm giặt ủi. Có cả những cửa kính đã vỡ từ nhiều năm nay, nhưng chủ quán cũng chẳng có ý định thay, như quán La Re-nen-la (La Rennella) nổi tiếng ở khu To-ra-xtê-vê-rê. Bên trong tấm kính vỡ nhằng nhịt ấy là một cái bếp chật hẹp, vương vãi bột mì, pho mát, cà chua thái, bếp lò, ánh đèn vàng yếu ớt từ trên trần hắt xuống và những người thợ làm bánh lúi húi ở đó. Thử pizza⁽¹⁾ ngon nổi tiếng của quán được sinh ra từ đây.

Cửa sổ chính là tâm hồn của căn nhà mang nó, và thể hiện cả cá tính cũng như tâm hồn của người chủ. Tôi tin là thế [...]. Chỉ cần nhìn những khuôn cửa của những người không quen biết ấy, ta cũng có thể đoán được phần nào đây họ là ai và tự nhiên thấy họ thật gần gũi với mình. Những cửa sổ đầy hoa là của những người yêu thiên nhiên và muốn đem vẻ đẹp của nó cho căn nhà của mình, từ đó biến nơi mà họ sống thành một điểm đáng yêu ở khu phố. [...] Những khuôn cửa treo các lá cờ của đội bóng lại là một tuyên ngôn về tình yêu bóng đá, là sự tự hào về đội bóng mà họ yêu mến. [...] Ở vùng rượu Chi-an-ti Cla-xi-co (Chianti Classico) của xứ Tô-xca-na (Toscana), cửa sổ đôi khi không được trang trí bằng hoa, mà bằng những chai rượu hoặc nút chai vang.

Có những khuôn cửa sổ và ban công không có hoa, mà chỉ có dây phơi. Những bà già vẫn thỉnh thoảng nhào người phơi quần áo trên đó, hoặc đôi khi họ im lặng tựa cửa nhìn đời trôi dưới đường. Dưới nắng, chăn và quần áo phấp phới bay. Những cảnh ấy rất hay gặp ở miền Nam nước Ý, từ Na-pô-li (Napoli) cho đến Pa-le-rô-mô (Palermo). [...] Xa Na-pô-li một chút, dọc con đường

⁽¹⁾ Pizza: một loại bánh dẹt, tròn được chế biến từ bột mì, nấm men, thường được xem là món ăn đặc trưng của ẩm thực I-ta-li-a.

A-man-phi (Amalfi) huyền thoại, hoa luôn nở đỏ hoặc tím trên những bức tường, những khuôn cửa, ban công, chia ra cả phía biển. [...] Những cửa sổ đầy hoa mở ra phía biển để đón gió, đón nắng và gửi lại cho thế giới bên ngoài lòng yêu cuộc sống thiết tha từ những đôi mắt nhìn ra từ khuôn cửa ấy. [...]

Bạn cũng sẽ không thể hiểu được những căn nhà I-ta-li-a nếu bạn không muốn ngắm nhìn những khuôn cửa. [...] Đây là tâm hồn của những ngôi nhà ta đã gặp trên những hành trình dọc ngang nước Ý. Ai biết được, sau những cửa sổ ấy, có ai đang nhìn ta và có những tâm hồn đồng điệu và tri kỉ ta đã kiếm tìm trong cả cuộc đời...



Một cửa sổ mùa xuân ở I-ta-li-a, ảnh của Trương Anh Ngọc

(Trương Anh Ngọc, *Nghìn ngày nước Ý, nghìn ngày yêu*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2018, tr. 75 – 80)

ĐỌC MỞ RỘNG

- 1 Tìm đọc một số bài thơ, tùy bút, tản văn viết về tình yêu quê hương và vẻ đẹp đời sống ở các vùng miền trong và ngoài nước. Ghi vào nhật kí đọc sách những nội dung đáng chú ý của các văn bản mà em đã đọc.
- 2 Trao đổi với các bạn về:
 - Nội dung chính và chủ đề của mỗi văn bản.
 - Những nét độc đáo về từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ trong một bài thơ.
 - Chất trữ tình, cái tôi của nhà văn và ngôn ngữ được sử dụng trong một bài tùy bút hay tản văn.
- 3 Học thuộc lòng một số đoạn thơ, bài thơ em yêu thích.

ÔN TẬP HỌC KÌ I

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, kiểu bài nói và hoạt động nghe tương ứng; kiến thức về tiếng Việt đã học trong học kì I.
- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

A. ÔN TẬP KIẾN THỨC

1. Trong học kì I, em đã học các bài *Bầu trời tuổi thơ*, *Khúc nhạc tâm hồn*, *Cội nguồn yêu thương*, *Giai điệu đất nước*, *Màu sắc trăm miền*. Hãy chọn mỗi bài một văn bản mà em xác định là tiêu biểu cho thể loại và chủ đề của bài học và lập bảng vào vở theo mẫu gợi ý sau:

Bài	Văn bản	Tác giả	Thể loại	Đặc điểm nổi bật	
				Nghệ thuật	Nội dung

2. Em đã thực hành viết các kiểu bài tóm tắt văn bản; tập làm thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc bài thơ bốn chữ, năm chữ; phân tích đặc điểm nhân vật; viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc; viết văn bản tường trình. Hãy thực hiện những yêu cầu sau đây:

- Trình bày yêu cầu đối với mỗi kiểu bài.
- Tóm tắt một văn bản mà em đã đọc, đã học. Chọn một trong hai hình thức thể hiện sau:
 - Tóm tắt văn bản bằng hình thức đoạn văn.
 - Tóm tắt văn bản bằng hình thức bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

3. Nêu những nội dung mà em đã thực hành nói và nghe ở mỗi bài học trong học kì vừa qua. Những nội dung này có liên quan như thế nào với những gì em đã đọc hoặc viết?

4. Tóm tắt kiến thức tiếng Việt mà em đã học trong học kì I theo mẫu sau:

Bài	Kiến thức tiếng Việt
<i>Bầu trời tuổi thơ</i>	Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ: Trạng ngữ của câu có thể là từ hoặc cụm từ. Nhờ mở rộng bằng cụm từ, trạng ngữ cung cấp thông tin cụ thể hơn về không gian, thời gian,... Ví dụ: (1) <i>Buổi sáng, cả khu vườn thơm ngát hương hoa bưởi, hoa cam, hoa chanh và hoa bạch hà, thật mát lành.</i>

(2) Buổi sáng mùa xuân, cả khu vườn thơm ngát hương hoa bưởi, hoa cam, hoa chanh và hoa bạc hà, thật mát lành.

Trạng ngữ trong câu (2) mở rộng hơn so với trạng ngữ trong câu (1), cung cấp thông tin cụ thể hơn về thời gian của sự việc được nêu trong câu.

B. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

Sau khi đã ôn tập kiến thức về các thể loại văn bản và tiếng Việt; kiểu bài viết, kiểu bài nói và hoạt động nghe tương ứng trong các bài học của học kì I, em hãy thực hành trên lớp và ở nhà (làm vào vở) theo các phiếu học tập sau:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. ĐỌC

a Đọc văn bản

Rừng cháy

[...] Quanh co trong rừng, chẳng biết đâu là đâu, thế mà chỉ chừng một giờ sau tia nôi tôi đã dắt tôi ra đứng chỗ cây tràm chúng tôi ngồi nghỉ ăn cơm chiều bữa trước...

Những ngày nắng ráo như hôm nay, rừng khô hiện lên với tất cả vẻ uy nghi tráng lệ của nó trong ánh mặt trời vàng óng. Những thân cây tràm vỏ trắng vươn thẳng lên trời, chẳng khác gì những cây nến khổng lồ, đầu lá rủ phát phơ như những đầu lá liễu bạt ngàn [...]. Mùi hương ngòn ngọt như đầu của những loại hoa rừng không tên tuổi đắm vào ánh nắng ban trưa, khiến con người dễ sinh buồn ngủ và sẵn sàng ngã lưng dưới một bóng cây nào đó, để cho cảm giác mệt mỏi chốn rừng trưa lơ mơ đưa mình vào một giấc ngủ chẳng đợi chờ...

Tôi đã ngủ một giấc dài như vậy, sau khi tia con chúng tôi đã lấy mật đầy vào hai thùng sắt tây. Cái gui bé của tôi cũng vừa chắt vun gọn những bánh sáp trắng muốt mà tôi đã tỉ mẩn vắt thành những cục tròn tròn như trứng ngỗng.

Tôi ngồi tựa lưng vào một thân cây lá rậm xùm xoà, lơ mơ nhìn những làn tơ nhện mỏng tang rung rung trong ánh nắng. Trong vắng lặng mệt mỏi của rừng đã xé chiều, mọi tiếng động chung quanh tôi đều nghe như không rõ rệt, đều bị nén lại, không một chút âm vang, một thứ vắng lặng mơ hồ rất khó tả. Tôi còn đang chăm chú nghe tiếng quạt cánh của một con ong vàng mà không thấy nó đâu, thì bỗng nghe tiếng động cơ gào rú chuyển động rung trời.

Ba chiếc tàu bay của giặc Pháp bay vút qua bên trên khu rừng chúng tôi đang lấy mật. Chúng bay rất thấp, là là trên ngọn cây, khi tôi vừa kịp nghe thì chúng đã tới rồi [...]. Lửa chớp chớp. Súng liên thanh nã đạn xuống rừng nghe inh tai chói óc.

Rồi hàng loạt bom nổ ầm ầm, chuyển động cả một vùng rừng ban nãy còn lặng phắc như tờ. Đất dưới chân tôi rung rinh như chực sụp xuống. [...]

– An ơi! Nằm xuống mau. Nó thả cái gì đen đen xuống kia. Nó thả... – Tía nuôi tôi chưa nói dứt câu, vội đẩy tôi nằm gí xuống cỏ. [...] Hai khuỷu tay tôi chống xuống đất đỡ bộ ngực lên, đầu cúi gằm xuống trước, tôi dán sát thân mình vào đất như con thằn lằn. Nếu có bom nổ gần cũng khỏi bị dội tức ngực vì sức chấn động. Phụt... Phụt... Phụt... Tiếng gì vậy? Sao không nghe tiếng nổ?

– Chắc là bom lép, đừng ngóc đầu dậy nghe con! – Tía nuôi tôi vừa bảo tôi như vậy, trong lúc tôi chưa kịp ngóc đầu lên thì bỗng nghe tía nuôi tôi hét một tiếng gọi: “An ơi!”. Chưa bao giờ tôi nghe ông kêu to như vậy, một thứ tiếng kêu rùng rờ, đầy khủng khiếp, kinh hoàng.

– Giặc đốt rừng, con ơi! – Tía nuôi tôi tay vớ chiếc nổ, tay lôi tôi nhóm dậy.

Một màn khói đen cuộn cuộn dựng lên trên dãy rừng dọc dài theo sông. [...] Tiếng động cơ vẫn gào rú khủng khiếp trên đầu chúng tôi. Chúng không bắn nữa... Chỉ nghe tiếng phụt... phụt... Lửa cháy khắp bốn phía rồi. [...]

– Làm sao khiêng hai thùng mật, tía ơi! – Tôi tiếc của, kêu lên.

– Chạy thoát thân đã! – Tía nuôi tôi vắt cái nón đang đội trên đầu xuống, tay chỉ cầm chiếc nổ lôi tôi chạy ngược hướng gió, nơi ngọn lửa bắt đầu tràn đến chúng tôi...

– Lửa dày ở đó... Đứng về phía đó, tía ơi!

– Thoát ra mau. Cúi lên. May ra thì còn kịp...

[...] Hốt nhiên, tôi nghe có nhiều tiếng chân chạy dồn dập trên đất, như tiếng giày khua.

– Tía ơi, Tây đuổi sau lưng nhiều quá!

– Tây đâu mà Tây. Cứ chạy đi!

Mặc cho tía tôi quát, tôi vẫn cứ ngoái đầu trông lại. Trời ơi, không phải Tây. Trong khói mù nhô ra một con heo đầu đàn, cao gần bằng con bò, lông gáy dựng ngược, mũi ngược lên thở phì phì làm cho hai cái nanh dài chỗ khoe mép vươn ra như hai lưỡi dao găm. Rồi vun vút tràn đến một bầy heo rừng, con lớn con bé tranh nhau chạy, sống lưng nhấp nhô tràn tới như một đàn heo mực. Nai co giò phóng bay qua những lùm cây thấp. Hươu, chồn bông lau, cáo, mèo,... tất cả những con thú bốn chân trong rừng đều nhắm mắt nhắm mũi tranh nhau chạy...

(Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*, Sđd, tr. 172 – 175)

b Thực hiện các yêu cầu

• Chọn phương án đúng (làm vào vở)

Câu 1. Đề tài chính được tác giả khai thác trong văn bản là gì?

- A. Thiên nhiên vùng rừng tràm Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp
- B. Thiên nhiên và cuộc sống con người vùng rừng tràm Nam Bộ
- C. Nạn cháy rừng và những nguy cơ về môi trường vùng rừng tràm Nam Bộ
- D. Cuộc sống nơi rừng tràm Nam Bộ trong kháng chiến chống thực dân Pháp

Câu 2. Giữa người kể chuyện và các sự việc trong câu chuyện có mối quan hệ như thế nào?

- A. Người kể chuyện là người chứng kiến các sự việc đã xảy ra.
- B. Người kể chuyện là một nhân vật trong tác phẩm.
- C. Người kể chuyện vừa chứng kiến vừa trực tiếp tham gia vào sự việc.
- D. Người kể chuyện được nghe kể lại từ lời một nhân vật khác.

• Trả lời câu hỏi

Câu 1. Nêu những chi tiết tiêu biểu giúp em nhận biết thời gian, không gian của các sự việc xảy ra trong câu chuyện.

Câu 2. Tóm tắt nội dung câu chuyện (khoảng 7 – 10 câu).

Câu 3. Các sự việc trong câu chuyện được kể theo trình tự nào?

Câu 4. Tìm những chi tiết tiêu biểu thể hiện tính cách của nhân vật người cha – tía nuôi của cậu bé An.

2. VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) phân tích đặc điểm nhân vật người cha – tía nuôi của cậu bé An.

3. NÓI VÀ NGHE

Trình bày tóm tắt một văn bản truyện em tự tìm đọc có nội dung gần gũi với những văn bản đã học.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. ĐỌC

a Đọc đoạn thơ

tôi yêu đất nước này áo rách
căn nhà dột phên không ngăn nổi gió
vẫn yêu nhau trong từng hơi thở
lòng vẫn thương cây nhớ cội hoài
thấp đèn đêm ngồi đợi mặt trời mai
tôi yêu đất nước này như thế

như yêu cây cỏ ở trong vườn
như yêu mẹ tôi chịu khó chịu thương
nuôi tôi thành người hôm nay
yêu một giọng hát hay
có bài mái đầy thơm hoa dại
có sáu câu vọng cổ chứa chan
có ba ông táo thờ trong bếp

(Trần Vàng Sao, trích *Bài thơ của một người yêu nước mình*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2020, tr. 35)

b Thực hiện các yêu cầu

• Chọn phương án đúng (làm vào vở)

Câu 1. Cách trình bày các dòng thơ trong đoạn trích có gì đặc biệt?

- A. Không sử dụng dấu chấm, dấu phẩy trong các dòng thơ
- B. Không viết hoa tên riêng trong các dòng thơ
- C. Không viết hoa tiếng mở đầu, không sử dụng dấu câu
- D. Không sử dụng dấu chấm, dấu phẩy cuối dòng thơ

Câu 2. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong dòng thơ sau đây: “tôi yêu đất nước này áo rách”?

- A. Nhân hoá
- B. Hoán dụ
- C. Nói giảm nói tránh
- D. So sánh

• Trả lời câu hỏi

Câu 1. Tình cảm của nhà thơ với đất nước được thể hiện đậm nét ở những từ ngữ, hình ảnh, dòng thơ nào?

Câu 2. Hình ảnh đất nước hiện lên như thế nào trong cảm nhận của nhà thơ?

Câu 3. Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong dòng thơ “lòng vẫn thương cây nhớ cội hoài”.

Câu 4. Các dòng thơ “căn nhà dột phên không ngăn nổi gió/ vẫn yêu nhau trong từng hơi thở” gợi cho em những liên tưởng gì về đất nước, con người Việt Nam?

2. VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 10 – 15 câu) nêu cảm nhận của em về tình cảm của nhà thơ với đất nước, con người được bộc lộ trong đoạn trích trên.

3. NÓI VÀ NGHE

Trình bày cảm xúc của em sau khi đọc một bài thơ hoặc đoạn thơ yêu thích.

PHỤ LỤC 1

BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Trang
1	ẩn dụ	50, 51, 134
2	bằng chứng	31, 32, 75,...
3	biện pháp tu từ	38, 39, 42, 47,...
4	cái tôi (của tác giả trong tùy bút, tản văn)	105, 106, 115, 116,...
5	cảm xúc	10, 11, 16, 24,...
6	câu chuyện	9, 22, 30, 31,...
7	chất trữ tình	105, 109, 129
8	chủ đề	32, 38, 54,...
9	cốt truyện	33, 106
10	dấu gạch ngang (đặt ở giữa câu)	110
11	dấu ngoặc đơn	95
12	đặc điểm nhân vật	57, 74, 75, 77,...
13	đề tài	9, 10, 16, 30,...
14	(biện pháp tu từ) điệp ngữ	42, 50, 101
15	hành động (của nhân vật)	10, 24, 54,...
16	hình ảnh (trong sáng tác văn học)	26, 27, 38, 39,...
17	kiểu người kể chuyện	57, 58, 71, 87
18	lí lẽ	31, 32, 82,...
19	lời người kể chuyện	16, 77, 79,...
20	miêu tả	10, 17, 19, 24,...
21	mục đích (viết, nói)	28, 30, 52, 53,...
22	ngôn ngữ các vùng miền	105
23	ngữ cảnh	88, 89, 92, 93,...
24	người kể chuyện ngôi thứ ba	58, 71
25	người kể chuyện ngôi thứ nhất	58
26	nhân vật	9, 10, 11, 14,...
27	nhịp (trong thơ)	38, 39, 40, 41,...
28	(biện pháp tu từ) nói giảm nói tránh	38, 39, 42
29	phó từ	57, 58, 72

30	(biện pháp tu từ) so sánh	27, 50, 51, 101,...
31	số từ	57, 58, 64, 65
32	sự kiện	10, 106
33	tản văn	44, 105, 106, 115,...
34	thành phần chính của câu	24, 25
35	thể loại	39, 44, 88, 97,...
36	thể thơ	39, 44, 48, 50, 51,...
37	thông điệp	50, 105
38	thơ bốn chữ	38, 39, 48, 50,...
39	thơ năm chữ	39, 44
40	thơ trữ tình	88, 89
41	tính cách nhân vật	9, 10, 57, 71
42	tóm tắt (một văn bản)	9, 10, 22, 27,...
43	trạng ngữ	9, 10, 17, 18,...
44	truyện	9, 16, 17, 26,...
45	truyện kể	57, 58, 87
46	trữ tình	24, 88, 89, 105,...
47	tuỳ bút	105, 106, 109, 110,...
48	tư tưởng	89, 106
49	văn bản	9, 10, 22, 27,...
50	văn bản tường trình	105, 106, 120, 121,...
51	văn biểu cảm	88, 98, 130
52	vần (thơ)	38, 39, 40, 41,...

PHỤ LỤC 2

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích
1	cái tôi (của tác giả trong tuỳ bút, tản văn)	cá tính, sở thích, đặc điểm tư duy và cảm xúc, cách xử lý chất liệu nghệ thuật riêng của tác giả được thể hiện qua trang viết
2	chất trữ tình	một tính chất của sáng tác gắn liền với việc biểu lộ đậm nét cảm xúc, ấn tượng, suy nghĩ đầy màu sắc chủ quan của người viết trước các đối tượng khác nhau trong đời sống

3	hình ảnh (trong sáng tác văn học)	một phương tiện thể hiện cảm nhận, đánh giá về đời sống của nhà văn, mang hình thức cụ thể, trực quan, làm hiện hình sống động đối tượng mà người viết muốn nói tới
4	kiểu người kể chuyện	mô hình chung về một loại nhân vật đặc thù trong tác phẩm tự sự, đảm nhiệm chức năng kể lại toàn bộ câu chuyện làm nên nội dung chính của tác phẩm, hoặc từ góc nhìn của người tham dự, chứng kiến, trải nghiệm và chỉ bao quát được sự việc, con người ở mức độ hạn chế, hoặc từ góc nhìn của người vô hình nhưng nhìn thấy và biết tất cả mọi điều
5	ngôn ngữ các vùng miền	biến thể theo mỗi địa phương của một ngôn ngữ, được thể hiện chủ yếu trên các phương diện ngữ âm và từ vựng
6	ngữ cảnh	bối cảnh mà ở đó một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng, gồm bối cảnh trong văn bản và bối cảnh ngoài văn bản
7	người kể chuyện ngôi thứ ba	một kiểu người kể chuyện, tuy ẩn danh, giấu mình và không tham dự vào câu chuyện được kể nhưng gần như biết hết mọi điều xảy ra
8	người kể chuyện ngôi thứ nhất	một kiểu người kể chuyện, xưng “tôi” hoặc dùng một đại từ khác có ý nghĩa tương đương để kể về câu chuyện với tư cách là người tham dự, chứng kiến hoặc được nghe thuật lại; có tầm bao quát hạn chế hơn so với người kể chuyện ngôi thứ ba
9	nhịp (trong thơ)	yếu tố cấu tạo cơ bản của thơ, có thể nhận biết qua hệ thống những điểm ngắt, điểm ngừng được phân bố trên dòng thơ hoặc giữa các dòng thơ, theo sự chi phối của nội dung cảm xúc và quy định riêng của từng thể thơ
10	nói giảm nói tránh	biện pháp tu từ làm giảm quy mô, tính chất,... của đối tượng hoặc không nói trực tiếp điều muốn nói để tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ hay để giữ phép lịch sự
11	phó từ	một từ loại phải luôn đi kèm danh từ, động từ, tính từ để bổ sung ý nghĩa cho danh từ, động từ, tính từ
12	số từ	một từ loại gồm các từ chỉ số lượng hoặc thứ tự của sự vật
13	tản văn	một thể loại văn xuôi có dung lượng nhỏ, chấm phá một vài nét về đời sống bằng bút pháp linh động, giàu sức gợi, có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các phương thức biểu hiện như tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, khảo cứu

14	thơ bốn chữ	một thể thơ không quy định độ dài của bài, mỗi dòng bốn chữ (tiếng), thường sử dụng vần chân và vần được gieo liên tiếp hoặc gián cách, thỉnh thoảng lại đổi vần; gần với đồng dao, thích hợp với việc dùng để kể chuyện
15	thơ năm chữ	một thể thơ truyền thống, mỗi dòng có năm chữ (tiếng), không hạn định số dòng trong bài, thường sử dụng vần chân gieo liên tiếp hoặc cách quãng, có thể đổi vần một cách linh hoạt; thích hợp cho việc thể hiện nội dung hoài niệm
16	thơ trữ tình	một loại thơ có nội dung chính là cảm xúc, tâm trạng của nhân vật trữ tình; phân biệt với thơ tự sự
17	tính cách nhân vật	yếu tố có tính cốt lõi của một nhân vật văn học, được bộc lộ bền vững qua mọi suy nghĩ, việc làm, hành vi giao tiếp của nhân vật đó
18	tóm tắt (một văn bản)	tạo một văn bản mới tương đồng với văn bản gốc về nội dung nhưng có dung lượng nhỏ hơn nhiều và mang hình thức diễn đạt khác, dựa trên hai thao tác chính: giữ lại những yếu tố cốt lõi của sự việc, luận điểm, thông tin và lược bỏ những yếu tố được xem là phụ
19	tuỳ bút	một thể văn xuôi thuộc loại hình kí, giàu tính trữ tình, triết lí, lấy cái tôi của tác giả làm điểm tựa khi trình bày những ghi chép, miêu tả về con người, sự việc có thực theo một bố cục tự do, đầy ngẫu hứng
20	văn bản tường trình	loại văn bản thông tin được tổ chức theo thể thức riêng, trình bày cô đọng về một vụ việc cần được xem xét, làm rõ và giải quyết mà người viết có liên quan
21	văn biểu cảm	loại văn bản ưu tiên việc thể hiện cảm xúc sâu đậm trước những sự vật, sự việc được miêu tả hay được kể tới
22	vần (thơ)	một yếu tố cấu tạo quan trọng của bài thơ, đảm bảo chức năng hoà thanh và liên kết, được nhận biết nhờ sự lặp lại của bộ phận vần trong những âm tiết khác nhau nằm ở một số vị trí nhất định trong chuỗi dòng thơ

PHỤ LỤC 3

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	Tên riêng nước ngoài	Phiên âm	Trang
1	Al Passetto	An Pa-xê-tô	127
2	Altynai Sulaimanova	An-tư-nai Xu-lai-ma-nô-va	66
3	Amalfi	A-man-phi	129
4	Borgo Pio	Bô-rờ-gô Pi-ô	127, 128
5	Chianti Classico	Chi-an-ti Cla-xi-co	128
6	Chingiz Aitmatov	Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp	58, 65, 70, 71
7	Dyuishen	Đuy-sen	65, 66, 67, 68, 69, 70, 71, ...
8	Giacomo Leopardi	Gia-cô-mô Lê-ô-pác-đi	9
9	Gian Lorenzo Bernini	Gian Lo-ren-dô Be-rơ-ni-ni	127
10	Italia	I-ta-li-a	126, 127, 129
11	Jaymilya	Gia-mi-li-a	70, 71
12	Kuhonbutsu	Cư-hôn-bút-sư	34
13	Kuroyanagi Tetsuko	Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô	33
14	Kyrgyzstan	Cư-rơ-gư-dơ-xtan	65, 71
15	La Rennella	La Re-nen-la	128
16	Maria	Ma-ri-a	127
17	Mexico	Mê-xi-cô	23
18	Moskva	Mát-xcơ-va	66
19	Napoli	Na-pô-li	128
20	Palermo	Pa-le-rơ-mô	128
21	Peter Pan	Pi-tơ Pen	63
22	Ray Bradbury	Ray Brát-bơ-ry	57
23	Roma	Rô-ma	127, 128
24	San Pietro	San Pi-e-tơ-rô	127
25	Tokyo	Tô-ki-ô	33
26	Tomoe	Tô-mô-e	33, 34
27	Toscana	Tô-xca-na	128
28	Tottochan	Tốt-tô-chan	33, 34, 35, 36, ...
29	Trastevere	Tơ-ra-xtê-vê-rê	128
30	Vatican	Va-ti-căng	127
31	Yamamoto Yasuaki	Ya-ma-mô-tô Ya-sư-a-ki	33, 34
32	Yasuakichan	Ya-sư-a-ki-chan	34, 35, 36, 37

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN MAI THANH HẰNG – THÂN THUỖ TRANG

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh họa: NGÔ QUANG THẾ

Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VĂN 7 – TẬP MỘT

Mã số: G1HH7V001H22

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in: Địa chỉ:

Số ĐKXB: 146-2022/CXBIPH/19-48/GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 2022.

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2022.

Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-30718-7

Tập 2: 978-604-0-30719-4



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 7, tập một
2. Ngữ văn 7, tập hai
3. Toán 7, tập một
4. Toán 7, tập hai
5. Khoa học tự nhiên 7
6. Công nghệ 7
7. Lịch sử và Địa lí 7
8. Mĩ thuật 7
9. Âm nhạc 7
10. Giáo dục công dân 7
11. Tin học 7
12. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
13. Giáo dục thể chất 7
14. Tiếng Anh 7 – Global Success – SHS

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-30718-7



9 786040 307187

Giá: 20.000 đ

NGỮ VĂN



TẬP HAI

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
PHAN HUY DŨNG – NGUYỄN THỊ NGÂN HOA (Đồng Chủ biên)
DƯƠNG TUẤN ANH – NGUYỄN LINH CHI – ĐẶNG LƯU

NGŨ' VẪN



TẬP HAI

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

	NỘI DUNG	TRANG
BÀI 6. BÀI HỌC CUỘC SỐNG		4
ĐỌC		5
	<i>Đèo cày giữa đường</i> (Ngụ ngôn Việt Nam)	6
	<i>Ếch ngồi đáy giếng</i> (Trang Tử)	7
	<i>Con mối và con kiến</i> (Nam Hương)	8
	Thực hành tiếng Việt	10
	<i>Một số câu tục ngữ Việt Nam</i>	12
	Thực hành tiếng Việt	13
	<i>Con hổ có nghĩa</i> (Vũ Trinh)	14
VIẾT		16
	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)	16
NÓI VÀ NGHE		21
	Kể lại một truyện ngụ ngôn	21
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG		22
THỰC HÀNH ĐỌC		23
	<i>Thiên nga, cá măng và tôm hùm</i> (I-van Crư-lốp)	23
BÀI 7. THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG		25
ĐỌC		26
	<i>Cuộc chạm trán trên đại dương</i> (trích <i>Hai vạn dặm dưới biển</i> , Giuyn Véc-nơ)	27
	Thực hành tiếng Việt	34
	<i>Đường vào trung tâm vũ trụ</i> (trích <i>Thiên Mã</i> , Hà Thuỷ Nguyên)	35
	Thực hành tiếng Việt	41
	<i>Dấu ấn Hồ Khanh</i> (Nhật Văn)	42
VIẾT		45
	Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử	45
NÓI VÀ NGHE		48
	Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người	48
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG		50
THỰC HÀNH ĐỌC		50
	<i>Chiếc đĩa thần</i> (trích <i>Tinh vân Tiên Nữ</i> , I. A. E-phơ-rê-mốp)	51
ĐỌC MỞ RỘNG		53
BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH		54
ĐỌC		55
	<i>Bản đồ dẫn đường</i> (Đa-ni-en Gốt-li-ép)	56
	Thực hành tiếng Việt	59
	<i>Hãy cầm lấy và đọc</i> (Huỳnh Như Phương)	61

Thực hành tiếng Việt	64
<i>Nói với con</i> (Y Phương)	65
VIẾT	67
Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)	67
NÓI VÀ NGHE	71
Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống	71
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	73
THỰC HÀNH ĐỌC	73
<i>Câu chuyện về con đường</i> (Đoàn Công Lê Huy)	74

BÀI 9. HOA ĐIỀU VỚI TỰ NHIÊN 76

ĐỌC	77
<i>Thủy tiên tháng Một</i> (Thơ-mát L. Phrít-man)	78
Thực hành tiếng Việt	83
<i>Lễ rửa làng của người Lô Lô</i> (Phạm Thủy Dung)	84
<i>Bản tin về hoa anh đào</i> (Nguyễn Vĩnh Nguyên)	87
Thực hành tiếng Việt	90
VIẾT	91
Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động	91
NÓI VÀ NGHE	95
Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động	95
CỦNG CỐ, MỞ RỘNG	97
THỰC HÀNH ĐỌC	98
<i>"Thân thiện với môi trường"</i> (Nguyễn Hữu Quỳnh Hương)	98
ĐỌC MỞ RỘNG	100

BÀI 10. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG 101

ĐỌC	102
Thách thức đầu tiên	103
Chỉnh phục những cuốn sách mới	103
VIẾT	109
Thách thức thứ hai	109
Từ ý tưởng đến sản phẩm	109
Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc	112
NÓI VÀ NGHE	115
Về đích: Ngày hội với sách	115
ÔN TẬP HỌC KÌ II	117
Phụ lục 1: Bảng tra cứu thuật ngữ	123
Phụ lục 2: Bảng giải thích thuật ngữ	124
Phụ lục 3: Bảng tra cứu yếu tố Hán Việt	126
Phụ lục 4: Bảng tra cứu tên riêng nước ngoài	133

Học ăn, học nói, học gói, học mở.

(Tục ngữ)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Tục ngữ có câu: *Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*. Đúng vậy, không chỉ học ở nhà trường, chúng ta còn học hỏi được nhiều điều trong cuộc sống: học qua những chuyến đi; học từ việc tiếp xúc với những người từng trải, hiểu biết; học ở cuốn sách ta đọc, bộ phim ta xem;... Chúng ta học suốt đời nhờ những nguồn “tài liệu” vô tận đó.
- Đến với bài học này, em sẽ được làm quen và tìm hiểu hai thể loại sáng tác ngôn từ: truyện ngụ ngôn và tục ngữ. Đi sâu tìm hiểu những câu chuyện ngắn gọn mà sâu sắc, những lời nói thường có vần, nhịp nhàng, cân đối, đúc kết bao nhiêu tri thức về mọi mặt của đời sống, em sẽ thấy có những điều thật mới mẻ, bổ ích.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.
- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng câu, chữ; vần.
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.
- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.
- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.
- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dân gian hay của người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Truyện ngụ ngôn

Truyện ngụ ngôn là hình thức tự sự cỡ nhỏ, trình bày những bài học đạo lí và kinh nghiệm sống, thường sử dụng lối diễn đạt ám chỉ, ngụ ý, bóng gió.

Một số đặc điểm của truyện ngụ ngôn

- Truyện ngụ ngôn thường ngắn gọn, được viết bằng văn xuôi hoặc thơ.
- Nhân vật ngụ ngôn có thể là con người hoặc con vật, đồ vật được nhân hoá (có đặc điểm như con người).
- Truyện ngụ ngôn thường nêu lên những tư tưởng, đạo lí hay bài học cuộc sống bằng ngôn ngữ giàu hình ảnh, có thể pha yếu tố hài hước.

Tục ngữ

Tục ngữ thuộc loại sáng tác ngôn từ dân gian, là những câu nói ngắn gọn, nhịp nhàng, cân đối, thường có vần điệu, đúc kết nhận thức về tự nhiên và xã hội, kinh nghiệm về đạo đức và ứng xử trong đời sống.

Thành ngữ

Thành ngữ là một loại cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy. Nghĩa của thành ngữ là nghĩa toát ra từ cả cụm từ, chứ không phải được suy ra từ nghĩa của từng thành tố.

Nói quá

Nói quá là biện pháp tu từ phóng đại tính chất, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Đeo cà vạt giữa đường* (Ngụ ngôn Việt Nam)

VĂN BẢN 2. *Ếch ngồi đáy giếng* (Trang Tử)

VĂN BẢN 3. *Con mối và con kiến* (Nam Hương)

VĂN BẢN 4. *Một số câu tục ngữ Việt Nam*

VĂN BẢN 5. *Con hổ có nghĩa* (Vũ Trinh)

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Kể một câu chuyện em được đọc (nghe) hoặc một sự việc em chứng kiến (tham gia) đã để lại cho em bài học sâu sắc. Bài học em rút ra được từ câu chuyện hoặc sự việc đó là gì?
2. Hãy chia sẻ cách hiểu của em về câu nói: “Anh ta nhận ra mình chỉ là ếch ngồi đáy giếng mà thôi”.

ĐỌC VĂN BẢN**VĂN BẢN 1****Đẽo cày giữa đường**

Xưa có một người thợ mộc bỏ ra ba trăm quan⁽¹⁾ tiền mua gỗ về để làm cái nghề đẽo cày mà bán.

Cửa hàng anh ta mở bên đường. Ai qua đó cũng ghé vào coi. Người này thì nói: “Phải đẽo cày cho cao, cho to, thì mới dễ cày”. Anh ta cho là phải, đẽo cày vừa to vừa cao. Người khác lại nói: “Có đẽo nhỏ hơn, thấp hơn thì mới dễ cày”. Anh ta cho là phải, lại đẽo cày vừa nhỏ, vừa thấp. Sau lại có người bảo: “Nay ở trên ngàn⁽²⁾, hiện có người đang phá hoang⁽³⁾ bao nhiêu đồng ruộng và cày tênh⁽⁴⁾ bằng voi cả. Nếu đẽo cày cho thật cao, thật to gấp đôi gấp ba thế này để voi cày được, bày ra hàng bán thì chắc là bán được nhiều lắm, mà rồi lãi vô vòn”. Người thợ mộc nghe nói, liền đẽo ngay một lúc bao nhiêu cày to gấp năm, gấp bảy thứ thường bày ra bán.

Theo dõi

Số tiền người thợ mộc bỏ ra mua gỗ.

Theo dõi

Hành động của người thợ mộc mỗi khi nhận được lời khuyên của người qua đường.



⁽¹⁾ Quan: đơn vị tiền tệ thời xưa.

⁽²⁾ Ngàn: rừng, vùng rừng.

⁽³⁾ Phá hoang: khai khẩn đất tự nhiên làm đất cày cấy, trồng trọt (hoặc phục vụ cho những nhu cầu khác của con người).

⁽⁴⁾ Tênh: toàn, hoàn toàn.

Nhưng qua bao nhiêu ngày tháng, chẳng thấy ai đến mua cho một cái nào, cũng chẳng thấy ai nói voi đi cày ruộng cả. Thành ra có bao nhiêu gỗ hỏng bỏ hết và bao nhiêu vốn liếng đi đòi nhà ma⁽¹⁾ sạch.

Suy luận

Vì sao người thợ mộc không bán được cày?

Người thợ mộc bây giờ mới biết dễ nghe người là dại. Nhưng quá muộn rồi, không sao chữa được nữa!

Bởi chuyện này mới có thành ngữ: “Đẽo cày giữa đường”, để nói những người hay để tai nghe làm theo thiên hạ đến nỗi mất cả cơ nghiệp.

(Theo Ôn Như Nguyễn Văn Ngọc, *Truyện cổ nước Nam*, tập I, Thăng Long, 1958, tr. 101 – 102)

VĂN BẢN 2

Ếch ngồi đáy giếng

TRANG TỬ⁽²⁾

Một con ếch nhỏ ngồi trong một cái giếng sụp nói với một con rùa lớn biển đông⁽³⁾: “Tôi sung sướng quá, tôi có thể ra khỏi giếng, nhảy lên miệng giếng, rồi lại vô⁽⁴⁾ giếng, ngồi nghỉ trong những kẽ gạch của thành giếng. Bơi trong nước thì nước đỡ nách và cầm tôi, nhảy xuống bùn thì bùn lấp chân tôi tới mắt cá. Ngó lại phía sau, thấy những con lăng quăng⁽⁵⁾, con cua, con nòng nọc, không con nào sướng bằng tôi. Vả lại một mình chiếm một chỗ nước tự, tự do bơi lội trong một cái giếng sụp, còn vui gì hơn nữa? Sao anh không vô giếng tôi một lát coi cho biết?

Theo dõi

Sự khác nhau về môi trường sống của ếch và rùa.

Theo dõi

Những điều khiến ếch cảm thấy sung sướng.

⁽¹⁾ Đòi đòi nhà ma: chết; mất, mất hết (cách nói thông tục, hàm ý chế giễu).

⁽²⁾ Trang Tử (khoảng năm 369 – 286 trước Công nguyên) là một triết gia nổi tiếng của Trung Quốc. Cuốn sách *Trang Tử* (tên gọi khác: *Nam Hoa kinh*) của ông vừa chứa đựng những tư tưởng triết học uyên bác, vừa đậm chất văn chương với nhiều mẫu chuyện sinh động, mang tính ngụ ngôn sâu sắc. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* trích trong thiên *Thu thủy* (thiên thứ 17) của sách *Trang Tử*.

⁽³⁾ Biển đông: biển ở phía đông.

⁽⁴⁾ Vô: vào.

⁽⁵⁾ Lăng quăng: con bọ gậy, ấu trùng của muỗi.



Con rùa biển đông vừa mới muốn rút cái chân bên trái vô giếng thì thấy không còn chỗ vì cái đui bên phải đã bít cái giếng rồi. Nó từ từ rút chân ra, lùi lại, bảo con ếch:

– Biển đông mênh mông, ngàn dặm đã thăm gì, sâu thăm thẳm, ngàn nhân⁽¹⁾ đã thăm gì. Thời vua Vũ⁽²⁾, cứ mười năm thì chín năm lụt, vậy mà mực nước ở biển không lên. Thời vua Thang⁽³⁾, tám năm thì bảy năm hạn hán, vậy mà bờ biển không lùi ra xa. Không vì thời gian ngắn hay dài mà thay đổi, không vì mưa nhiều hay ít mà tăng giảm, đó là cái vui lớn của biển đông.

Con ếch trong cái giếng súp nghe vậy ngạc nhiên, thu mình lại, hoảng hốt, bối rối.

Theo dõi

Biểu hiện của ếch khi được nghe về biển.

(Trang Tử và Nam Hoa kinh, Nguyễn Hiến Lê giới thiệu và chú dịch, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 1994, tr. 337)

VĂN BẢN 3

Con mối và con kiến

NAM HƯƠNG⁽⁴⁾

Con mối trong nhà trông ra
Thấy một đàn kiến đang tha cái mối
Mối gọi bảo: “Kiến ơi các chú
Tội tình gì lao khổ lắm thay!

Theo dõi

Mối có thái độ như thế nào khi thấy kiến làm việc vất vả?

⁽¹⁾ Nhấn: đơn vị đo độ dài thời cổ, bằng khoảng 1,8 m.

⁽²⁾ Vũ: Hạ Vũ, một vị vua trong truyền thuyết của Trung Quốc.

⁽³⁾ Thang: Thành Thang, một vị vua trong truyền thuyết của Trung Quốc.

⁽⁴⁾ Nam Hương (1899 – 1960) quê ở Hà Nội, sáng tác nhiều thơ ngụ ngôn, được in trong các tập: *Gương thế sự* (1920), *Ngụ ngôn mới* (1935), *Thơ ngụ ngôn* (1937),... Ngoài ra, ông còn có tập thơ *Bài hát trẻ con* (1936) dành cho thiếu nhi.



Làm ăn tìm kiếm khắp ngày
Mà sao thân thể vẫn gầy thế kia
Chúng ta đây chẳng hề khó nhọc
Mà ồ ồ⁽¹⁾ béo trọc béo tròn

Ở ăn ghế chéo⁽²⁾ bàn tròn
Nhà cao cửa rộng, tủ hòm thiếu đâu?"
Kiến rằng: "Trên địa cầu muôn loại
Hễ có làm thì mới có ăn

Sinh tồn là cuộc khó khăn
Vì đàn vì tổ nên thân gầy gò.
Các anh chẳng vun thu⁽³⁾ xứ sở⁽⁴⁾
Cứ đục vào chỗ ở mà xơi

Đục cho rộng hết mọi nơi
Nhà kia đổ xuống đi đời các anh".

Theo dõi

Kiến tỏ thái độ ra sao về
lối sống của mối?

Theo dõi

Lối sống của mối gây ra
hậu quả nghiêm trọng như
thế nào?

(*Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam, tập III,*
Nguyễn Cừ – Phan Trọng Thường biên soạn và tuyển chọn,
NXB Giáo dục, 1999, tr. 805)

⁽¹⁾ Ồ ồ: (dáng người) béo mập và chậm chạp (nghĩa trong văn bản).

⁽²⁾ Ghế chéo: ghế chân chéo, có lưng tựa.

⁽³⁾ Vun thu: vun vén, thu xếp, chăm lo.

⁽⁴⁾ Xứ sở: nơi ở, quê hương, đất nước.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Người thợ mộc trong truyện *Đẽo cày giữa đường* đã xử sự thế nào trước mỗi lời khuyên, khiến công sức và của cải “đi đời nhà ma”?
2. Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện này, em sẽ làm gì trước những lời khuyên như vậy?
3. Những điều gì làm cho con ếch trong truyện *Ếch ngồi đáy giếng* cảm thấy sung sướng?
4. Hãy chỉ ra những điểm khác biệt về môi trường sống của ếch và rùa. Sự khác biệt đó ảnh hưởng như thế nào đến nhận thức và cảm xúc của hai con vật?
5. Vì sao con ếch “ngạc nhiên, thu mình lại, hoảng hốt, bối rối”?
6. Trong truyện *Con mối và con kiến*, quan niệm sống của mối và kiến bộc lộ như thế nào qua các lời thoại của chúng?
7. Theo em, thiện cảm của người kể chuyện được dành cho mối hay cho kiến? Vì sao em khẳng định như vậy?
8. Nêu những điểm giống nhau về nội dung của ba truyện ngụ ngôn: *Đẽo cày giữa đường*, *Ếch ngồi đáy giếng*, *Con mối và con kiến*.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) có sử dụng thành ngữ *đẽo cày giữa đường*.



Thực hành tiếng Việt

THÀNH NGỮ

- ① Chỉ ra và giải nghĩa thành ngữ trong các câu sau:

a. *Tất cả những cái đó cám dỗ tôi hơn là quy tắc về phân tử; nhưng tôi cưỡng lại được, và ba chân bốn cẳng chạy đến trường.*

(An-phông-xơ Đô-đê (Alphonse Daudet),
Buổi học cuối cùng)

b. *Lại có khi tôi cảm thấy mình dũng mãnh đến nỗi dù có phải chuyển núi dời sông tôi cũng sẵn sàng.*

(Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp,
Người thầy đầu tiên)

Nhận biết đặc điểm và chức năng của thành ngữ

- Đọc hai câu sau và chú ý các cụm từ in đậm:

(1) **Kẻ hầu người hạ** ra vào tới tấp, bưng lên cho khách toàn **sơn hào hải vị**, mùi thơm nức mũi. (Vua chích choè)

(2) Mọi người trong làng luôn đoàn kết, sẵn sàng **chia ngọt sẻ bùi** cho nhau.

Ba cụm từ in đậm trong các câu trên đều là những tổ hợp có cấu tạo chặt chẽ. Nghĩa của mỗi cụm từ đều hàm súc, có tính hình tượng. Đó là nghĩa chung của

2 Thử thay thành ngữ (in đậm) trong các câu sau bằng từ ngữ có ý nghĩa tương đương, rồi rút ra nhận xét:

a. Thành ra có bao nhiêu gỗ hỏng bỏ hết và bao nhiêu vốn liếng **đi đời nhà ma sạch**.

(Đẽo cày giữa đường)

b. Giờ đây, công chúa là một chị phụ bếp, thôi thì **thượng vàng hạ cám**, việc gì cũng phải làm.

(Vua chích choè)

3 Nhận xét về việc sử dụng thành ngữ đẽo cày giữa đường ở hai trường hợp sau:

a. Anh làm việc này chắc nhiều người góp cho những ý kiến hay. Khác gì đẽo cày giữa đường.

b. Chín người mười ý, tôi biết nghe theo ai bây giờ? Thật là đẽo cày giữa đường.

4 Hãy đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một trong các thành ngữ sau:

a. Học một biết mười

b. Học hay, cày biết

c. Mở mày mở mặt

d. Mở cờ trong bụng

cả cụm từ chứ không phải là tổng số nghĩa của các từ. *Kẻ hầu người hạ, sơn hào hải vị, chia ngọt sẻ bùi* là các thành ngữ.

Là một loại cụm từ đặc biệt, nhiều khi cách kết hợp các từ trong thành ngữ không theo quy tắc thông thường, chẳng hạn: *cao chạy xa bay, con ông cháu cha, nhường cơm sẻ áo, thượng cẳng chân hạ cẳng tay*,...

• Đọc các câu sau và tìm hiểu chức năng của thành ngữ:

(3) Cô đem lòng yêu, có **của ngon vật lạ** đều giấu đem lên cho. (Sọ Dừa)

(4) Lần này hai đội lại gặp nhau, **chưa biết mèo nào cắn mỉu nào**.

Ở câu (3), *của ngon vật lạ* có nghĩa là những thức ăn ngon, quý hiếm; ở câu (4), *chưa biết mèo nào cắn mỉu nào* có nghĩa là chưa biết ai thắng ai thua. Việc dùng thành ngữ giúp cho câu trở nên súc tích, bóng bẩy, gợi nhiều liên tưởng.

VĂN BẢN 4

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Khi trò chuyện với người khác, đã bao giờ em dùng tục ngữ chưa? Em hãy lí giải về thực tế đó của bản thân.

2. Theo em, vì sao người ta lại dùng tục ngữ trong một số tình huống giao tiếp thường ngày?

Một số câu tục ngữ Việt Nam

1. Gió heo may, chuồn chuồn bay thì bão.
2. Kiến cánh võ tổ bay ra
Bão táp mưa sa gần tới.
3. Mây kéo xuống biển thì nắng chang chang,
mây kéo lên ngàn thì mưa như trút.
4. Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.
5. Nắng chóng trưa, mưa chóng tối.
6. Nhất nước, nhì phân, tam cần⁽¹⁾, tứ giống.
7. Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa.
8. Làm ruộng ba năm không bằng chăn tằm một lứa.
9. Người sông hơn đồng vàng.
10. Đói cho sạch, rách cho thơm.
11. Không thầy đố mày làm nên.
12. Học thầy chẳng tày⁽²⁾ học bạn.
13. Muốn lành nghề, chớ nề⁽³⁾ học hỏi.
14. Ăn quả nhớ kẻ trồng cây.
15. Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.

Theo dõi

Những chủ đề được thể hiện qua các câu tục ngữ.

Suy luận

Nét chung nhất về hình thức của các câu tục ngữ.

(Nguyễn Xuân Kính (Chủ biên) – Nguyễn Thuý Loan – Phan Lan Hương – Nguyễn Luân,
Kho tàng tục ngữ người Việt, tập 1 và tập 2,
NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2002)

⁽¹⁾ Cần: siêng năng, chăm chỉ.

⁽²⁾ Tày: bằng.

⁽³⁾ Nề: ngại (nghĩa trong văn bản).

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Tìm hiểu số tiếng trong những câu tục ngữ trên, từ đó rút ra nhận xét chung về độ dài của tục ngữ.
2. Trong 15 câu tục ngữ ở trên, những câu nào có gieo vần? Việc gieo vần như vậy có tác dụng gì?
3. Câu tục ngữ nào trong bài học này có hình thức của một thể thơ quen thuộc, được dùng rất nhiều trong ca dao của người Việt? Nêu thêm hai câu tục ngữ có hình thức tương tự.
4. Tính chất cân đối trong cấu trúc ngôn từ được thể hiện như thế nào ở những câu tục ngữ trên? Việc tạo nên sự cân đối trong cấu trúc của một câu tục ngữ có tác dụng gì?
5. Có thể phân chia các câu tục ngữ trên vào những chủ đề nào?
6. Chỉ ra những câu tục ngữ thể hiện ý nghĩa một cách trực tiếp, những câu tục ngữ thể hiện ý nghĩa qua hình ảnh có tính chất ẩn dụ.
7. Ý nghĩa của câu tục ngữ số 11 và 12 có loại trừ nhau không? Em rút ra được bài học gì từ hai câu tục ngữ đó?
8. Vì sao nhiều câu tục ngữ về đời sống xã hội ra đời từ thuở xưa mà vẫn còn giá trị đối với con người ngày nay?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Ghi lại một cuộc đối thoại (giả định) giữa hai người (khoảng 5 – 7 câu), trong đó, một người có dùng câu tục ngữ: *Muốn lành nghề, chớ nề học hỏi*.

Thực hành tiếng Việt

BIỆN PHÁP TU TỪ

1 Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nói quá trong những câu tục ngữ sau:

a. *Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng*

Ngày tháng Mười chưa cười đã tối.

b. *Ngày vui ngắn chẳng tày gang.*

c. *Thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn.*

Nhận biết đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá

- Biện pháp tu từ nói quá có đặc điểm: luôn phóng đại tính chất, quy mô của sự vật, hiện tượng được nói đến.

Ví dụ:

Con rận bằng con ba ba

Đêm nằm nó ngáy cả nhà thất kinh.

(Ca dao)

2 Cho biết trong những câu sau, câu nào là nói quá, câu nào là nói khoác. Từ đó, nêu sự khác nhau giữa nói khoác và nói quá.

a. *Cày đồng đang buổi ban trưa*

Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.

(Ca dao)

b. *Trời nóng quá, mồ hôi nhỏ xuống ướt sũng cả sàn nhà.*

c. *Đời người có một gang tay*

Ai hay ngủ ngày còn có nửa gang.

(Ca dao)

d. *Bài văn này tôi chỉ làm vèo trong năm phút, thế mà vẫn viết được ba trang.*

3 Hãy đặt 4 câu, mỗi câu sử dụng một trong các cụm từ có biện pháp tu từ nói quá sau đây:

a. *buồn nấu ruột*

b. *rụng rời chân tay*

c. *cười vỡ bụng*

d. *mệt đứt hơi*

Ở câu ca dao này, độ lớn của cơn rận và tác động của tiếng ngứa mà nó phát ra là không thể tin được, vì đã được phóng đại đến mức phi lí.

● Biện pháp tu từ nói quá có tác dụng: gây ấn tượng đặc biệt, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười.

Ví dụ:

(1) *Dời non lấp biển* (Thành ngữ)

(2) *Làm trai cho đáng nên trai*

Khom lưng chống gối gánh hai hạt vừng.

(Ca dao)

Thực tế cho thấy, dời non lấp biển là việc quá lớn, phi thường. Nói quá như ở câu (1) nhằm đề cao ý chí hoặc thể hiện sự khâm phục trước những kì tích của con người. Câu (2) vẽ nên một tình huống hài hước: cái gọi là sự nghiệp “lớn lao” của kẻ làm trai ở đây rất cục chỉ thể hiện ở chỗ cố gắng làm sao để gánh cho nổi hai hạt vừng. Nói quá như thế là để chế nhạo cái vô tích sự của đối tượng.

VĂN BẢN 5

ĐỌC VĂN BẢN

Con hổ có nghĩa

VŨ TRINH⁽¹⁾

Huyện Đông Triều⁽²⁾ có bà đỡ⁽³⁾ là bà Trần. Một đêm bà nghe tiếng gõ cửa, bèn mở cửa nhìn khắp xung quanh mà chẳng thấy ai. Đột nhiên, có con hổ chồm tới cổng bà đi. Ban đầu, bà sợ chết khiếp. Sau đó, bà tỉnh táo lại, thấy hổ dùng một chân trước ôm bà chạy như bay, gặp bụi rậm gai góc thì dùng một chân rẽ lối, từ từ mà đi. Tới chỗ

⁽¹⁾ Vũ Trinh (1759 – 1828) người làng Xuân Lan, huyện Lương Tài, phủ Thuận An, trấn Kinh Bắc (nay là thôn Ngọc Quan, xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh). Ông sáng tác cả thơ (*Cung oán thi tập*, *Sử Yên thi tập*,...) và văn xuôi (*Lan Trì kiến văn lục*). *Lan Trì kiến văn lục* là một trong những tác phẩm đỉnh cao của thể loại truyện truyền kì Việt Nam thời trung đại. Văn bản *Con hổ có nghĩa* là truyện thứ 8 trong 45 truyện ngắn viết bằng chữ Hán trong *Lan Trì kiến văn lục*.

⁽²⁾ Huyện Đông Triều: địa phương ở vùng đông bắc Bắc Bộ.

⁽³⁾ Bà đỡ: người phụ nữ làm nghề đỡ đẻ.

ngọn núi sâu trong rừng, hổ thả bà xuống. Bà lại thấy một con hổ cái đang cào đất, lăn lộn. Bà cho là hổ định ăn thịt mình, sợ hãi không dám động đậy. Hổ đực dùng chân chỉ dẫn bà nhìn hổ cái và chảy nước mắt. Bà thấy như có cái gì động đậy trong bụng hổ cái, biết là nó sắp đẻ. Sẵn có thuốc kích đẻ trong dải áo, bà bèn hoà với nước suối cho nó uống. Cảm thấy hổ cái đỡ đau, bà lại xoa bóp bụng cho nó. Lát sau thì hổ sinh con. Bà thấy hổ đực mừng rỡ đùa giỡn với con mình, còn hổ cái thì nằm phục xuống, đáng một mỗi lần. Hổ đực rời khỏi gốc cây, đến bên bà đỡ, quỳ chân trước trên đất, vừa quỳ vừa nhìn bà, lát sau đưa ra một khối bạc. Bà biết hổ tặng mình, nhận lấy và buộc vào thắt lưng. Hổ đực từ từ đứng dậy, vừa đi vừa ngoái nhìn bà. Bà theo hổ ra khỏi rừng. Lúc rời khỏi khu rừng, trời sắp sáng, bà giơ tay nói: “Xin chúa sơn lâm quay về”. Hổ bèn dừng lại quỳ xuống, hướng về bà đỡ cúi đầu quấy đuôi tỏ ý tiễn biệt. Bà đi khá xa, hổ mới gầm lớn rồi rời đi. Bà về đến nhà, bỏ bạc ra cân được hơn mười lạng⁽¹⁾. Năm ấy mất mùa, bà nhờ có số bạc ấy mà sống qua được.



Huyện Lạng Giang⁽²⁾ có một người tiểu phu⁽³⁾ nọ đang kiếm củi ở chân núi. Từ xa thấy cây cối trong thung lũng phía trước ngọn núi lay động không ngớt, bác tiểu mới vác búa đến xem. Bác ngó quanh thì thấy một con hổ trán trắng, to như con bò, khi thì cúi đầu cào đất, khi thì nhảy lên vật xuống, thỉnh thoảng lấy chân móc họng, miệng ngoác lớn như cái sàng, máu chảy lênh láng. Bác tiểu phu thấy miệng hổ có khúc xương mắc trong họng. Bàn chân hổ móng vuốt lớn, cào móc, khúc xương càng vào sâu. Bác tiểu chậm rãi uống rượu lấy can đảm, rồi trèo lên cây hô lên rằng: “Cổ họng ngươi đau phải không? Đừng cắn ta, ta sẽ lấy xương ra cho ngươi”. Hổ nghe thấy, nằm phục xuống, há miệng hướng về bác tiểu như cầu cứu. Bác tiểu trèo xuống, thò tay vào cổ họng hổ, lấy ra một chiếc xương bò to như cánh tay. Hổ liếm mép, vừa bỏ đi vừa nhìn khuôn mặt bác tiểu. Bác tiểu hô lớn: “Nhà ta ở thôn ấy, hễ được miếng ngon thì nhớ nhau nhé”. Bác tiểu ra về được mấy hôm, nửa đêm nghe thấy ngoài cửa có tiếng kêu rất dữ dội. Sáng hôm sau mở cửa, bác tiểu thấy có một con hươu chết ở đó. Nhiều năm sau, bác tiểu qua đời. Lúc sắp chôn, một con hổ bỗng nhiên đến trước mộ. Những người đưa đám bỏ chạy, từ xa thấy hổ dùng đầu dụi vào quan tài, gầm gừ, gào lớn, đi quanh quan tài vài vòng rồi bỏ đi. Về sau, mỗi dịp đến ngày giỗ bác tiểu, hổ lại đưa hươu, lợn đến để ở ngoài cửa, mấy chục năm liền.

(Dương Tuấn Anh dịch, tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, tháng 5/2021, tr. 47 – 49)

(1) *Lạng*: đơn vị đo khối lượng thời xưa, xấp xỉ bằng 37,8 g.

(2) *Huyện Lạng Giang*: nay thuộc tỉnh Bắc Giang.

(3) *Tiểu phu*: người làm nghề đốn củi.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Các con hổ đã được bà đỡ Trần và bác tiểu phu giúp đỡ như thế nào?
2. Hổ đã làm những gì để tri ân người giúp đỡ mình?
3. Em cảm nhận được điều gì về tiếng gầm của hai con hổ ở phần cuối mỗi câu chuyện?
4. Mượn hình tượng con hổ có nghĩa, tác phẩm đã gửi gắm bài học đạo lí nào cho con người?
5. Việc tác giả ghép hai câu chuyện khác nhau vào trong cùng một văn bản có ý nghĩa gì? Theo em, nếu bớt đi một câu chuyện, ý nghĩa của văn bản có thể bị ảnh hưởng như thế nào?
6. Nêu cảm nghĩ về một chi tiết em thấy ấn tượng nhất trong truyện.

Viết

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành)

Các vấn đề trong đời sống luôn đa dạng, phức tạp và thường được đánh giá khác nhau, tùy cách nhìn nhận của mỗi người. Sự trung thực của con người thể hiện ở thái độ biết tán thành những ý kiến đúng, phản đối những ý kiến sai trái. Phần Viết của bài học này yêu cầu em bàn luận về một vấn đề trong đời sống, theo hướng trình bày ý kiến tán thành. Sự tán thành dĩ nhiên phải được đặt trên cơ sở những nguyên tắc ứng xử và nền tảng đạo lí thích hợp, cũng như sức thuyết phục của ý kiến tùy thuộc vào những lí lẽ và bằng chứng được sử dụng.

Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành):

- Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.
- Trình bày được sự tán thành đối với ý kiến cần bàn luận.
- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành là có căn cứ.

Phân tích bài viết tham khảo

Trường học đầu tiên

Tuần trước, cô giáo đã tổ chức cho lớp tôi thảo luận về đề tài: “*Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi người*”. Các bạn, mỗi người một ý, bàn luận

Nêu vấn đề nghị luận.

rất sôi nổi. Tôi nhớ, ý kiến của Hồng Minh đã gây ra một cuộc tranh luận nhỏ khá thú vị. Bạn ấy cho rằng: “Gia đình cũng là một trường học”. Sau khi nghe Hồng Minh trình bày, có bạn phản đối: “Nếu vậy thì còn đâu sự phân biệt gia đình và nhà trường nữa, trong khi gia đình – nhà trường – xã hội là ba môi trường khác nhau”. Lại có người chất vấn: “Hồng Minh nghĩ sao về những bạn có hoàn cảnh thiệt thòi, cơ nhỡ vì không được lớn lên trong một mái ấm gia đình?”.

Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề.

Riêng tôi, sau khi suy nghĩ kỹ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lý.

Người viết tán thành ý kiến đã nêu.

Đúng là trong cuộc sống, có những người kém may mắn, vì lý do nào đó mà ngay từ thuở ấu thơ, họ đã không được nuôi nấng, chăm sóc bởi bàn tay của những người thân. Dù được bù đắp bởi những tấm lòng nhân ái, họ vẫn thực sự thiệt thòi. Nhưng tôi nghĩ, những trường hợp như thế không chiếm đa số trong xã hội, do đó ý kiến của bạn Hồng Minh vẫn có sức thuyết phục.

Sử dụng lí lẽ.

Phần lớn mọi người đều có gia đình. Gia đình là nơi ta được sinh ra, lớn lên, được sống với những người ruột thịt. Ông bà, cha mẹ, anh chị không chỉ nuôi nấng, chăm sóc mà còn bảo ban, dạy dỗ ta bằng tấm lòng yêu thương trìu mến, niềm tin và hi vọng. Trong gia đình, ông bà, bố mẹ, anh chị chính là những “thầy cô” đầu tiên của chúng ta. Bài học đầu đời của ta đến từ những truyện cổ tích hấp dẫn, từ những câu ca dao trong lời mẹ hát, hay những câu tục ngữ bà dẫn ra trong lời nói hằng ngày. Đó là những bài học về đạo làm người, về cách đối nhân xử thế nhẹ nhàng, tự nhiên mà thấm thía. Tôi nhớ, lần tôi mới vào lớp 4, có cô bạn của mẹ đến chơi. Cô hỏi khế: “Cháu học lớp mấy rồi?”. Tôi nhìn cô, giơ bốn ngón tay lên. Mẹ vội lên tiếng: “Con không được trả lời với người lớn như thế. Con lẽ phép nói lại với cô đi”. Tất nhiên là tôi nghe lời mẹ và ngượng ngịu trả lời. Mấy năm đã trôi qua, nhưng giờ đây, mỗi lần nhớ lại cái cử chỉ giơ bốn ngón tay lên để trả lời người bằng tuổi mẹ mình mà như trả lời bạn cùng lứa, tôi vẫn thấy xấu hổ.

Nêu bằng chứng.

Trong gia đình, mọi người đối xử với nhau theo những chuẩn mực đạo lý có giá trị lâu bền. Tình mẹ con, tình cha con, tình anh em là những tình cảm đặc biệt cao quý, thiêng liêng. Cha mẹ sẵn sàng dành cho con cái tất cả gia tài vật chất và tinh thần, được gây dựng bằng công sức, mồ hôi nước mắt suốt một đời. Anh em, chị em ruột có thể chia sẻ, tương trợ nhau mà không tính toán thiệt hơn. Một thành viên làm lạc trở về, người thân trong gia đình sẵn lòng tha thứ và đón nhận. Trong nhà có người

Kết hợp lí lẽ và bằng chứng.

ốm đau, bệnh tật, mọi người thực sự lo lắng, săn sóc. Như vậy, nếu coi gia đình là trường học, thì trước hết, đó là trường học của tình thương và bồn phận, của dâng hiến và hi sinh, của khoan dung và độ lượng.

Khi hiểu ra nhiều điều, tôi càng thấy ý kiến của bạn Hồng Minh là rất đúng. Quả thật, gia đình không chỉ là tổ ấm, mà còn là “trường học” đầu tiên của mỗi con người.

“Trường học gia đình” đồng hành và hỗ trợ cho ngôi trường nơi hằng ngày ta được học hành với thầy cô, bè bạn. Thật hạnh phúc khi mỗi chúng ta như hạt giống được ươm gieo từ giáo dục gia đình và nảy mầm, sinh trưởng tốt tươi trong môi trường giáo dục lành mạnh của xã hội.

Khẳng định lại sự tán thành ý kiến.

(Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

Trong cuộc sống hằng ngày, có biết bao vấn đề gợi những cách nhìn nhận, đánh giá đa chiều và được thể hiện bằng những ý kiến khác nhau. Để lựa chọn đề tài cho bài viết, em có thể tham khảo các vấn đề sau, và hình dung từ các vấn đề đó, nảy sinh những ý kiến đúng đắn, cần thể hiện sự tán thành:

– Sự hỗ trợ của người khác và nỗ lực của bản thân, yếu tố nào quan trọng hơn đối với sự thành công của mỗi người?

- Thành công và thất bại, mặt nào mới là trải nghiệm bổ ích giúp con người tiến bộ?
- “Không thấy đổ mày làm nên.” và “Học thầy chẳng tày học bạn.”, câu nào là chân lí?
- Ham mê trò chơi điện tử, nên hay không nên?
- Đồ dùng bằng nhựa – tiện ích và tác hại.

Ngoài ra, em có thể tìm đề tài từ sách báo, in-tơ-nét hoặc các phương tiện truyền thông khác. Chọn được đề tài em thực sự am hiểu và có hứng thú thì việc viết bài mới thuận lợi.

b. Tìm ý

Sau khi xác định được vấn đề, cần tiến hành tìm ý bằng cách tự trả lời một số câu hỏi:

- Vấn đề gì được nêu ra để bàn luận?

Mục đích viết

Khẳng định sự tán thành ý kiến, thuyết phục người đọc đồng tình với quan điểm của mình.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề được bàn luận.

Ngay ở phần Mở bài, vấn đề cần bàn luận phải được nêu một cách rõ ràng, cụ thể. Ví dụ: *“Tuần trước, cô giáo đã tổ chức cho lớp tôi thảo luận về đề tài: “Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi người”.”* (Bài viết tham khảo)

– Vấn đề gọi ra những cách hiểu nào?

Một vấn đề có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau. Đưa ra những cách hiểu như vậy là để nhìn nhận nhiều chiều về vấn đề, có cơ sở thấy được cách hiểu nào là có lí. Ví dụ: Ở bài viết tham khảo, trước đề tài nêu ra, “mỗi người một ý, bàn luận rất sôi nổi”. Có người cho gia đình cũng là một trường học, có những người không tán thành ý kiến đó.

– Ý kiến nào đáng quan tâm nhất?

Trong những ý kiến đưa ra để đối sánh, có những ý kiến tác động tích cực đến nhiều người. Ví dụ: Trong bài viết tham khảo, khi cô giáo đưa ra đề tài *“Vai trò của gia đình đối với sự trưởng thành của mỗi người”*, bạn Hồng Minh nêu quan điểm: *“Gia đình cũng là một trường học”*. Ý kiến này đáng quan tâm nhất, vì nó đã gây ra một cuộc tranh luận nhỏ, thú vị, thu hút sự chú ý của các bạn trong lớp.

– Vì sao bày tỏ thái độ tán thành?

Đây là điều phải được nói rõ, dứt khoát trong bài nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành). Có nêu được ý kiến ngay từ đầu mới có hướng để triển khai các phần tiếp theo của bài viết. Ví dụ: *“Riêng tôi, sau khi suy nghĩ kĩ, tôi thấy Hồng Minh hoàn toàn có lí.”* (Bài viết tham khảo)

– Những lí lẽ và bằng chứng nào cần đưa ra để chứng tỏ sự tán thành là xác đáng?

Câu hỏi này nhắc nhở em: Trong quá trình tìm ý, cần nêu được những lí lẽ và bằng chứng cụ thể để ý kiến tán thành có sức thuyết phục. Ở bài viết tham khảo, người viết đưa ra lí lẽ chặt chẽ và bằng chứng xác thực khiến người đọc tin rằng gia đình đúng là trường học đầu tiên của con người. Ví dụ: *“Trong gia đình, mọi người đối xử với nhau theo những chuẩn mực đạo lí có giá trị lâu bền. Tình mẹ con, tình cha con, tình anh em là những tình cảm đặc biệt cao quý, thiêng liêng.”* (Lí lẽ); *“Trong gia đình, ông bà, bố mẹ, anh chị chính là những “thầy cô” đầu tiên của chúng ta. Bài học đầu đời của ta đến từ những truyện cổ tích hấp dẫn, từ những câu ca dao trong lời mẹ hát, hay những câu tục ngữ bà dẫn ra trong lời nói hằng ngày. Đó là những bài học về đạo làm người, về cách đối nhân xử thế nhẹ nhàng, tự nhiên mà thấm thía.”* (Bằng chứng)

c. Lập dàn ý

Dàn ý là kết quả của việc sắp xếp hợp lí các ý đã tìm được ở trên, phân bố chúng vào từng phần khi viết bài.

Dàn ý

- *Mở bài*: Nêu vấn đề đời sống cần bàn và ý kiến đáng quan tâm về vấn đề đó.
- *Thân bài*:
 - + Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận.
 - + Thể hiện thái độ tán thành ý kiến vừa nêu bằng các ý:
 - Ý 1: Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)
 - Ý 2: Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)
 - Ý 3: Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)
 - ...
- *Kết bài*: Khẳng định tính xác đáng của ý kiến được người viết tán thành và sự cần thiết của việc tán thành ý kiến đó.

2 VIẾT BÀI

Việc thực hiện bài viết đòi hỏi triển khai đầy đủ các ý đã có trong dàn ý. Muốn vậy, cần nắm vững cách viết từng phần của bài.

a. Mở bài

Có thể nêu vấn đề cần bàn theo cách trực tiếp hay kể một câu chuyện để dẫn đến vấn đề, giới thiệu ý kiến về vấn đề đó. Mở bài cần ngắn gọn, hấp dẫn, thu hút sự chú ý của người đọc.

b. Thân bài

- Làm rõ các khía cạnh cơ bản của vấn đề.
- Khẳng định rõ ràng, dứt khoát thái độ tán thành ý kiến.
- Tuân tự triển khai từng ý, sử dụng lí lẽ và huy động bằng chứng để sự tán thành ý kiến có sức thuyết phục. Mỗi ý cần được viết thành một đoạn văn hoàn chỉnh, giữa các đoạn có sự liên kết chặt chẽ.

c. Kết bài

Khẳng định lại sự tán thành ý kiến, nêu tác dụng của ý kiến đó đối với cuộc sống. Phần Kết bài nên viết trọn vẹn trong một đoạn văn.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc, rà soát các phần, các đoạn của bài viết để chỉnh sửa theo yêu cầu của bài nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành). Cụ thể:

Nội dung rà soát	Hướng dẫn chỉnh sửa
Đã nêu rõ ý kiến cần được tán thành chưa?	Nếu ý kiến chưa nêu rõ trong phần Mở bài thì phải bổ sung.

Đã trình bày tường minh sự tán thành đối với ý kiến được nêu lên để bàn luận chưa?	Nếu việc tán thành ý kiến chưa được thể hiện rõ thì phải bổ sung ý hoặc tìm phương án diễn đạt phù hợp hơn.
Việc tán thành ý kiến đã có sức thuyết phục chưa? Lí lẽ và bằng chứng được nêu lên làm cơ sở cho sự tán thành đã thật sự thuyết phục chưa?	Bổ sung, thay đổi nếu thấy lí lẽ và bằng chứng chưa làm cho sự tán thành đủ sức thuyết phục.
Đã nói rõ được ý nghĩa của việc tán thành ý kiến chưa?	Bổ sung nếu thấy ý nghĩa của việc tán thành ý kiến còn được thể hiện mờ nhạt.
Việc dùng từ ngữ, đặt câu, duy trì mạch lạc và liên kết trong bài viết đã đạt yêu cầu chưa?	Chỉnh sửa những lỗi về từ ngữ, ngữ pháp, bổ sung từ ngữ liên kết nếu thấy giữa các câu, các đoạn còn rời rạc.

Nói và nghe

Kể lại một truyện ngụ ngôn

Em đã được học, được đọc về truyện ngụ ngôn. Hẳn nhiều truyện đã đưa lại cho em ấn tượng sâu sắc vì bài học rút ra từ đó rất gần gũi, thiết thực. Em hãy kể lại một truyện ngụ ngôn, nêu ý nghĩa của câu chuyện và chia sẻ cảm xúc của mình.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị

- Chọn được truyện ngụ ngôn mà mình yêu thích.
- Nắm được cốt truyện của truyện ngụ ngôn. Có thể tóm lược nội dung truyện theo một trật tự đơn giản, dễ hiểu.
- Lưu ý những chi tiết, hình ảnh, từ ngữ diễn đạt đặc sắc, giàu ý nghĩa.
- Có thể sáng tạo thêm những cách diễn đạt thú vị hơn để tăng sức hấp dẫn nhưng không làm sai lệch những yếu tố cơ bản của cốt truyện gốc.

Mục đích nói

Kể một truyện ngụ ngôn nhằm rút ra bài học phù hợp với tình huống đời sống, đồng thời tạo được không khí vui vẻ trong một bối cảnh sinh hoạt cụ thể.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, những người muốn được nghe và chia sẻ cảm nhận về câu chuyện.

b. Tập luyện

- Kể lại truyện trước các bạn trong nhóm, chú ý bài học được thể hiện qua câu chuyện.
- Luyện kể bằng ngữ điệu truyền cảm (giọng to/ nhỏ, cao/ thấp, nhanh/ chậm, nhấn/ lướt,... thể hiện lời thoại phù hợp với đặc điểm nhân vật, cảm xúc của câu chuyện).
- Tập kết hợp lời kể với ngôn ngữ cơ thể (nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...) để cuốn hút người nghe.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

- Mở đầu: Tạo không khí thoải mái, thu hút sự chú ý của người nghe trước khi kể.
- Triển khai: Kể nội dung câu chuyện bằng lời kể sinh động; luôn tương tác với người nghe một cách tự nhiên (bằng lời nói, ánh mắt, cử chỉ,...). Có thể sáng tạo trong khi kể (không phải đọc thuộc lòng) để tạo sự lôi cuốn, nhưng không được làm sai lệch nội dung cơ bản của câu chuyện.
- Kết luận: Nêu ý nghĩa của câu chuyện.

3 SAU KHI NÓI

- Cùng người nghe bàn luận, bình phẩm về chi tiết, hình ảnh đặc sắc, bài học đạo lý rút ra từ câu chuyện vừa kể.
- Trao đổi, rút kinh nghiệm về cách sử dụng ngôn ngữ nói và ngôn ngữ cơ thể (nét mặt, ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ,...).
- Bàn bạc, trao đổi về cách sáng tạo khi kể để câu chuyện thêm thú vị, làm nổi bật bài học đạo lý và những kinh nghiệm sống mà câu chuyện ngụ ngôn muốn truyền tải.

Củng cố, mở rộng

1. Kể bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin phù hợp:

Phương diện so sánh	Truyện ngụ ngôn	Tục ngữ
Loại sáng tác		
Nội dung		
Dung lượng văn bản		

2. Sưu tầm và ghi lại những câu tục ngữ em đã nghe hoặc đọc vào vở hay một cuốn sổ nhỏ (nên chia các câu tục ngữ đó theo nhóm chủ đề).

3. Hãy viết đoạn văn (khoảng 8 – 10 câu) nêu những điều tốt đẹp em đã tiếp nhận được sau khi đọc những truyện ngụ ngôn, tục ngữ và thành ngữ trong bài học này.
4. Hãy kể lại một truyện ngụ ngôn mà ý nghĩa của nó có gắn với một thành ngữ.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Thể loại của văn bản.
- Diễn biến của câu chuyện.
- Bài học kinh nghiệm, đạo lí rút ra từ câu chuyện.

Thiên nga, cá măng và tôm hùm

I-VAN CRƯ-LỐP⁽¹⁾ (IVAN KRYLOV)

Làm việc gì cũng cần nhất trí,
Có thuận hoà mới dễ thành công,
Còn như lục đục, dù đông
Mỗi người một phách⁽²⁾, chớ hòng⁽³⁾ việc trôi.

Vào một buổi đẹp trời ba bạn
Thiên nga, tôm hùm với cá măng
Cùng nhau kéo một xe hàng,
Cả ba gắng sức – xe càng đứng im.

⁽¹⁾ I-van Crư-lốp (1769 – 1844) là nhà báo, nhà viết kịch, nhà thơ Nga. Ông sáng tác hơn 200 truyện ngụ ngôn (trong đó có một số truyện chịu ảnh hưởng của Ê-dốp (Aesop) và La Phong-ten (La Fontaine)).

⁽²⁾ *Phách*: đơn vị đo thời gian cơ bản của nhịp trong âm nhạc. *Mỗi người một phách*: mỗi người một nhịp không đều nhau, ý nói mỗi người có cách riêng, không đồng tâm nhất trí.

⁽³⁾ *Hòng*: muốn và cố thực hiện được điều biết là rất khó làm, thậm chí không thể thực hiện.

Vì sao vậy? Hãy tìm nguyên có
 Hoá ra tôm chỉ cố giật lùi,
 Thiên nga kéo bồng lên trời,
 Cá măng thì cố sức bơi xa bờ.
 Đến nay xe vẫn nằm trơ...
 Nếu ai có hỏi, xin nhờ ngụ ngôn
 Cho hay dù việc cón con,
 Mà không nhất trí thì còn hồng to.
 Thuận chồng, thuận vợ, hát hò
 Biển đông cũng cạn⁽¹⁾, chẳng lo lắng gì.



Thiên nga, cá măng và tôm hùm,
 tranh của Vla-đi-mia A-bê-cốp (Vladimir Arbekov)

(Cru-lốp, *Truyện ngụ ngôn*, Hồ Quốc Vỹ dịch,
 NXB Văn học, Hà Nội, 2000, tr. 61)

⁽¹⁾ *Biển đông cũng cạn*: lấy ý câu tục ngữ “*Thuận vợ thuận chồng tát bể (biển) đông cũng cạn*.” (người dịch đã Việt hoá cách diễn đạt trong nguyên tác tiếng Nga).

Lô-gíc sẽ đưa bạn từ điểm A tới điểm B.
Trí tưởng tượng sẽ đưa bạn tới mọi nơi.

An-be Anh-xtanh (Albert Einstein)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Thế giới viễn tưởng thể hiện trí tưởng tượng phong phú, không có giới hạn của con người. Nhưng mọi ý tưởng, dù kì lạ nhất, cũng vẫn có “cái lõi sự thực” của nó. Những câu chuyện khoa học viễn tưởng chính là chiếc cầu nối giữa hai bờ hiện thực và tưởng tượng.
- Các truyện khoa học viễn tưởng trong bài học này sẽ dẫn em vào những huyền thoại của khoa học, nơi em có thể thoả thích phiêu lưu và khám phá những điều diệu kì trong cuộc sống tương lai. Cảm hứng phiêu lưu và khám phá thế giới còn đến từ một văn bản thông tin viết về câu chuyện có thật của một con người bình dị đang sống quanh ta. Bằng ý chí, niềm đam mê và khát vọng, em có thể biến ước mơ trở thành hiện thực.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian; tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.
- Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong văn bản.
- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.
- Biết thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận.
- Biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Truyện khoa học viễn tưởng

Truyện khoa học viễn tưởng là loại tác phẩm viết về thế giới tương lai dựa trên sự phát triển của khoa học dự đoán, thường có tính chất kì lạ. Truyện khoa học viễn tưởng sử dụng cách viết lô-gíc nhằm triển khai những ý tưởng về viễn cảnh hay công nghệ tương lai. Vì có nền tảng là các nguyên lí khoa học mới của thời hiện tại nên có những giả tưởng trong truyện khoa học viễn tưởng có thể trở thành sự thật. Truyện khoa học viễn tưởng xuất hiện đầu tiên ở Pháp vào khoảng nửa sau thế kỉ XIX, sau đó nhanh chóng lan rộng ra các nước như Mỹ, Anh, Ca-na-đa (Canada), Nga và phổ biến trên toàn thế giới.

Một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng

- Đề tài của truyện khoa học viễn tưởng thường là những cuộc thám hiểm vũ trụ, du hành xuyên thời gian, những cuộc kết nối với sự sống ngoài Trái Đất,... Tất cả những hoạt động ấy được thực hiện trên cơ sở những phát kiến khoa học đặc biệt trong tương lai, liên quan tới bước tiến nhảy vọt của công nghệ thông tin, công nghệ sinh học hay khoa học vũ trụ.
- Không gian của truyện khoa học viễn tưởng có thể là không gian Trái Đất (trên mặt đất, ở tâm địa cầu hay dưới đáy đại dương) hoặc ngoài Trái Đất (trên các hành tinh của hệ Mặt Trời hay trong những thiên hà xa xôi khác),... Thời gian diễn ra các câu chuyện viễn tưởng thường là thời gian trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm.
- Cốt truyện trong truyện khoa học viễn tưởng gồm một chuỗi tình huống, sự kiện hoàn toàn tưởng tượng, dựa trên những giả thuyết, dự báo và quan niệm khoa học.
- Nhân vật chính của truyện khoa học viễn tưởng thường có sức mạnh thể chất phi thường do những tác động của các nhân tố khoa học nào đó, có cấu tạo hoặc khả năng kì lạ, có trí thông minh kiệt xuất để tạo ra những phát minh.

Mạch lạc và liên kết của văn bản

- Mạch lạc là sự liên mạch về nội dung của một đoạn văn hoặc văn bản; chủ yếu dựa trên sự thống nhất về đề tài và sự tiếp nối theo một trình tự hợp lí giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn văn trong văn bản.
- Liên kết là quan hệ về mặt hình thức giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản, thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như từ ngữ nối, từ ngữ lặp lại, từ ngữ thay thế (từ đồng nghĩa, đại từ),...

Dấu chấm lửng

Dấu chấm lửng thường được dùng để tỏ ý nhiều sự vật, hiện tượng chưa được liệt kê hết; thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng; làm giãn nhịp điệu của câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Cuộc chạm trán trên đại dương* (trích *Hai vạn dặm dưới biển*), Giuyn Véc-nơ (Jules Verne)

VĂN BẢN 2. *Đường vào trung tâm vũ trụ* (trích *Thiên Mã*), Hà Thuỷ Nguyên

VĂN BẢN 3. *Dấu ấn Hồ Khanh*, Nhật Văn

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Nếu là một nhà phát minh, em muốn chế tạo sản phẩm khoa học gì cho tương lai?
2. Các nhà khoa học nhận định rằng sự sống đầu tiên trên Trái Đất nảy sinh từ đại dương. Nhận định đó gợi cho em những suy nghĩ gì?

ĐỌC VĂN BẢN

Cuộc chạm trán trên đại dương⁽¹⁾

Trích *Hai vạn dặm dưới biển*⁽²⁾, GIUYN VÉC-NƠ

(1)

Trước rạng đông, chúng tôi đã sẵn sàng nghênh chiến. Lưới đánh cá voi đã xếp ở hai thành tàu. Thuyền phó ra lệnh chuẩn bị loại súng bắn xa một hải lí⁽³⁾ và cả loại súng bắn đạn phá có thể hạ được những con thú lớn nhất. Nét Len (Ned Land) mài sắc mũi lao, một thứ vũ khí diệt cá voi lợi hại trong tay anh ta.

Sáu giờ, trời hừng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình⁽⁴⁾ cũng phụt tắt. Tới bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dù ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào!

Suy đoán

Con cá thiết kình này có gì khác thường?

⁽¹⁾ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

⁽²⁾ *Hai vạn dặm dưới biển* là tiểu thuyết khoa học viễn tưởng gồm 47 chương. Nội dung tác phẩm kể về chuyến phiêu lưu dưới đáy đại dương của giáo sư Pi-e A-rôn-nác (Pierre Aronnax), chuyên gia nghiên cứu về tự nhiên, và hai cộng sự của ông trên con tàu ngầm Nau-ti-luyt (Nautilus) của thuyền trưởng Nê-mô (Nemo). Giuyn Véc-nơ đã có một dự đoán thiên tài về kĩ thuật khi cho con tàu ngầm được thắp sáng và điều khiển bằng điện. Con tàu ngầm Nau-ti-luyt trong tưởng tượng của ông có những tính năng hiện đại, ưu việt mà khoa học kĩ thuật thời đó chưa đạt được. Văn bản *Cuộc chạm trán trên đại dương* được trích từ chương 6 và chương 7, có nhan đề *Mở hết tốc lực và Con cá voi không biết thuộc loại nào*.

⁽³⁾ *Hải lí*: đơn vị đo độ dài trên mặt biển, 1 hải lí bằng 1,852 km.

⁽⁴⁾ *Cá thiết kình*: còn gọi là cá một sừng, dài tới 18 m, có một sừng lớn.

Đến tám giờ sáng, những dải sương mù dày đặc bắt đầu trôi trên sóng và từ từ bốc lên cao. Chân trời được mở rộng và sáng rõ.

Bỗng lại có tiếng Nét Len nói:

– Nhìn xem kia! Nó ở phía bên trái đuôi tàu!

Mọi người phóng mắt nhìn về phía đó.

Cách chiếc tàu chiến một hải lí rưỡi, có một vật dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét. Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh như vậy bao giờ! Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. Chiếc tàu tiến lại gần. Tôi bắt đầu ngắm kĩ con cá. Báo cáo của tàu Hen-vơ-chi-a (Helvetia) và San-nông (Shannon) hơi cường điệu kích thước của nó. Theo tôi, con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác định, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều.

Theo dõi

Chú ý chi tiết miêu tả sự xuất hiện của con cá.



Trong khi tôi quan sát con vật lạ, thì từ hai lỗ mũi nó vọt lên hai cột nước cao tới bốn mươi mét. Giờ đây tôi mới hình dung được đôi chút về cách thở của cá thiết kình.

Các thủy thủ nóng lòng chờ lệnh thuyền trưởng. Phác-ra-guyét (Farragut) quan sát con vật một lúc, rồi lệnh gọi trưởng máy.

– Hơi nước đủ rồi chứ? – Thuyền trưởng hỏi.

– Báo cáo, đủ!

– Tăng áp lực! Cho tàu chạy hết tốc độ!

Nghe lệnh thuyền trưởng, toàn thể thủy thủ hoan hô ba lần. Giờ chiến đấu đã điểm. Một phút sau, hai ống khói tàu nhả ra những cuộn khói đen, boong tàu rung lên vì áp lực cao trong nồi hơi.

Theo dõi

Cuộc đuổi bắt con cá của chiếc tàu chiến.

Chân vịt⁽¹⁾ bắt đầu quay. Tàu Lin-côn (Lincoln) lao thẳng về phía con cá. Nó để chiếc tàu tới cách nó chừng một trăm mét, rồi mới dừng đình tránh ra một quãng khá xa.

Cuộc đuổi bắt kéo dài ít nhất bốn mươi lăm phút, nhưng tốc độ chiếc tàu không cho phép nó theo kịp con cá.

[...] Nét Len lên vị trí chiến đấu. Lò hơi hoạt động mạnh, chân vịt bắt đầu quay bốn mươi ba vòng một phút. Đồng hồ chỉ tốc độ mười tám phẩy năm hải lí một giờ.

Nhưng con cá cũng bơi với tốc độ y như vậy! Trong suốt một giờ, chiếc tàu chiến không tiến gần thêm được một sải⁽²⁾! Thật là nhục nhã cho một trong những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ! Anh em thủy thủ tức giận điên người. Họ nguyên rủa quái vật, nhưng nó vẫn phớt lờ.

(2)

[...] Có thể hi vọng rằng con cá sẽ thấm mệt và không chịu được cuộc đọ sức với chiếc tàu chạy hơi nước. Nhưng không đúng! Mấy tiếng đồng hồ đã qua mà nó chẳng tỏ vẻ gì mệt mỏi.

Nói cho công bằng thì tàu Lin-côn đã săn đuổi con cá một cách kiên trì đặc biệt. Tôi cho rằng nó đã vượt ít nhất năm trăm ki-lô-mét trong ngày mùng Sáu tháng Mười một rui ro ấy! Nhưng đêm đã tới và trùm tấm màn đen lên đại dương đang nổi sóng.

Trong giây phút đó, tôi cảm thấy cuộc tìm kiếm của chúng tôi đã kết thúc, và từ nay sẽ không bao giờ gặp quái vật nữa. Nhưng tôi đã lầm.

Mười giờ năm mươi phút đêm hôm ấy, cách tàu ba hải lí lại bùng lên ánh điện sáng chói như đêm trước.

Con cá nằm yên. Có lẽ vì thấm mệt nên giờ đây nó ngủ. Thuyền trưởng Phác-ra-guyt quyết định lợi dụng thời cơ thuận lợi này.

Ông ta ra lệnh cho tàu chạy từ từ để đối thủ khỏi thức giấc. Bắt gặp cá voi ngủ giữa biển khơi không phải là chuyện hiếm, chính Nét Len đã bắn trúng nhiều con đang ngủ như vậy.

Nét lại lên vị trí chiến đấu. Tàu Lin-côn lặng lẽ tới cách con cá bốn trăm mét. Đến đây, máy ngừng chạy, tàu chỉ còn chuyển động theo quán tính. Trên boong im lặng hoàn toàn. Mọi người đều nín thở. Chúng tôi chỉ còn cách điểm sáng khoảng ba mươi mét. Độ sáng mỗi lúc một tăng lên làm chúng tôi loá mắt.

Tôi đứng tựa thành tàu và thấy Nét đứng phía dưới, vũ khí sẵn sàng.

Tàu chỉ còn cách con cá hơn sáu mét.

⁽¹⁾ *Chân vịt*: bộ phận máy của tàu, thuyền, có cánh quạt quay dưới nước để tạo nên sức đẩy.

⁽²⁾ *Sải*: độ dài bằng khoảng cách từ đầu bàn tay này đến đầu bàn tay kia khi đang thẳng cánh tay.

Cánh tay Nét bỗng giơ cao, phóng mũi lao sắt lên không trung. Một tiếng kêu lạnh lạnh phát ra như tiếng kim loại chạm nhau.

Dự đoán

Mũi lao đã đâm trúng vật gì?

Ánh điện tắt phụt. Hai cột nước khổng lồ ập xuống boong tàu, quật ngã mọi người.

Tàu kêu rầm rắc một cách ghê sợ. Tôi chưa kịp bấu lấy thành tàu thì đã bị văng xuống biển!

Bất thần bị ngã xuống biển, tôi choáng váng nhưng không bị ngất.

Tôi chìm ngay xuống sâu khoảng sáu mét. Tôi bơi giỏi và không đến nỗi mất tinh thần khi rơi xuống nước.

(3)

[...] Công-xây (Conseil) dùng chút sức còn lại đẩy tôi đi. Thỉnh thoảng anh ta lại ngóc đầu lên nhìn về phía xa và kêu. Đáp lại anh ta là một tiếng người nghe càng ngày càng rõ, hình như đang tiến lại gần.

Nhưng tai tôi bắt đầu điếc đặc. Sức tôi đã kiệt, các ngón tay cứng đờ, miệng không thể mím lại được vì cơ miệng bị co rút mạnh. Tôi bị sặc nước mặn và lạnh buốt tới xương. Tôi ngóc đầu lên lần cuối cùng, rồi chìm ngấm.

Nhưng tôi chạm ngay vào một vật rắn. Tôi níu lấy nó. Tôi cảm thấy mình được đưa lên mặt nước và dễ thở hơn... Tôi ngất đi...

Chắc là nhờ được xoa bóp mạnh toàn thân, nên tôi tỉnh lại ngay. Tôi mở mắt...

– Công-xây! – Tôi thều thào.

– Giáo sư gọi tôi à? – Công-xây đáp lại.

Dưới ánh trăng đang lặn, thấp thoáng một khuôn mặt mà tôi nhận ra ngay.

– Nét! – Tôi kêu lên.

– Chính tôi đây, thưa ngài! Ngài thấy đấy, tôi vẫn chạy theo món tiền thưởng!

– Anh bị văng xuống nước khi tàu gặp nạn, phải không?

– Đúng vậy! Nhưng tôi may mắn hơn ngài. Tôi gặp ngay một hòn đảo nhỏ di động.

– Một hòn đảo nhỏ?

– Nói đúng hơn là đã cưỡi trên lưng một con cá thiết kinh khổng lồ.

– Tôi không hiểu anh nói gì, anh Nét à.

– Ngài thấy đó, tôi nghi ngờ ngay khi phát tên của tôi không đâm thủng được da con quái vật, mà chỉ trượt trên mặt ngoài của nó.

– Vì sao vậy, anh Nét? Vì sao?

– Thừa giáo sư, vì nó được bọc thép!

Khả năng suy nghĩ của tôi bỗng trở lại ngay, trí nhớ được phục hồi, tôi tỉnh hẳn là nhờ những lời nói của Nét. Tôi hơi lại sức sau cơn chấn động và trèo lên lưng vật đó. Tôi thử lấy chân gõ. Thân nó rắn như đá, không mềm như cá voi!

Nhưng nếu đó là cái mai bằng xương của loài động vật thời cổ đại thì sao? Nếu vậy thì tôi phải xếp quái vật này vào loại bò sát như rùa hay cá sấu.

Nhưng không! Cái lưng đen bóng, nơi tôi đang đứng nhẵn thín, phẳng lì chứ không có vảy. Gõ xuống, nó kêu boong boong, và lạ thay, nó lại được ghép lại bằng thép lá.

Không còn nghi ngờ gì nữa! Cái mà người ta vẫn tưởng là động vật, là quái vật, là hiện tượng kì lạ của thiên nhiên, cái đã làm cho cả giới bác học bế tắc, đã kích động óc tưởng tượng của các thủy thủ ở cả hai bán cầu, lại là một hiện tượng kì diệu hơn, do bàn tay con người tạo ra.

Nếu như tôi có may mắn xác định được sự tồn tại của một động vật kì quái nhất, tôi cũng chẳng ngạc nhiên tới mức ấy. Việc thiên nhiên tạo ra những điều kì diệu chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Nhưng khi chính mắt mình trông thấy một cái gì đó kì diệu, siêu nhiên, lại do thiên tài con người tạo ra, thì đó là điều đáng suy nghĩ!

Tuy vậy, chúng tôi đâu có thì giờ để suy nghĩ nhiều. Chúng tôi đang nằm trên một chiếc tàu ngầm kì lạ trông tựa một con cá bằng thép khổng lồ. Ý kiến của Nét Len về điểm này đã rõ. Tôi và Công-xây chỉ còn việc đồng ý với anh ta.

Tôi nói:

– Nếu đây đúng là một chiếc tàu thì nhất định phải có máy móc làm nó chuyển động và người điều khiển chứ!

– Chắc là như vậy! Nét trả lời. – Nhưng tôi đứng trên hòn đảo di động này đã ba tiếng đồng hồ mà chẳng thấy một dấu hiệu nào của sự sống cả.

– Nhưng chiếc tàu chuyển động chứ?

– Thừa ngài, không! Nó bập bênh trên sóng, chứ chẳng chuyển động chút nào.

– Chính chúng ta đã biết rõ hơn ai hết tốc độ con tàu này! Muốn đạt tốc độ đó cần có máy móc; muốn điều khiển máy móc, phải có thợ. Từ đó tôi kết luận rằng... chúng ta đã thoát chết!

– Hừm! – Nét nghi ngờ.

Đúng lúc đó, tựa như để khẳng định lời nói của tôi, phía sau chiếc tàu kì lạ đó có tiếng rít. Đúng là chân vịt bắt đầu quay, đẩy tàu chạy. Chúng tôi vội bám lấy

Hình dung

Hình dáng bên ngoài của chiếc tàu ngầm.

Đối chiếu

Điều em đã dự đoán khi đọc phần (2) của văn bản có phù hợp với điều được các nhân vật khám phá ở đây không?

một chỗ ở mũi tàu nổi lên trên mặt nước chừng tám mươi xen-ti-mét. Cũng may là tàu chạy với tốc độ vừa phải.

Nét Len lau bầu:

– Chừng nào cái “phao” này còn nổi thì tôi chẳng có gì phản đối. Nhưng nếu nó giở trò lặn xuống thì cái mạng tôi chẳng đáng hai đô-la!

Anh chàng Ca-na-đa này có thể đánh giá mạng mình rẻ hơn nữa. Cần cấp tốc đàm phán với những người trong chiếc tàu này. Tôi rờ rờ mặt ngoài để tìm một cái nắp, một lỗ hồng nào đó. Nhưng từng hàng đinh bắt chặt các nếp ngoài, không để một kẽ hở nào.

Trăng đã khuất dưới chân trời. Chúng tôi chìm trong đêm tối. Phải đợi tới rạng đông để tìm cách lọt vào phía trong con tàu.

Thế là tính mạng chúng tôi hoàn toàn phụ thuộc vào ý muốn của những người điều khiển con tàu này! Họ cho tàu lặn xuống là chúng tôi toi mạng ngay! Còn nếu họ không làm như vậy thì tôi chẳng nghi ngờ gì khả năng đặt quan hệ với họ. Nếu họ không chế tạo dưỡng khí bằng phương pháp hoá học thì thỉnh thoảng họ cũng phải cho tàu nổi lên mặt biển để dự trữ không khí mới. Như vậy, phải có một lỗ thùng nào đó để lấy không khí vào trong tàu.

[...] Tôi không thể nhớ hết được tất cả những gì đã trải qua đêm đó! Tôi nhớ là đôi khi sóng yên gió lặng, từ xa vọng lại những nhịp đàn dồn dập, những âm điệu bị đứt quãng. Chiếc tàu ngầm bí hiểm này là thế nào? Nó đang chạy đi đâu? Những người trong tàu là ai? Cái động cơ kì lạ nào đã làm nó chạy được với tốc độ ghê người như vậy?

Trời đã sáng. Sương sớm vây quanh chúng tôi một màn trắng đục. Nhưng rồi sương cũng tan. Tôi đã định xem xét kĩ phần trên của thân tàu nổi lên mặt nước thì bỗng cảm thấy tàu từ từ lặn xuống.

– Ê, đồ quỷ! – Nét Len vừa quát vừa nện chân xuống vỏ tàu. – Mở ra nhanh lên!

Nhưng khó có thể nghe được cái gì, vì tiếng chân vịt quay ầm ầm. Cũng may là tàu tạm ngừng không lặn xuống nữa.

Từ phía trong tàu có tiếng then cửa lạch cạch. Nắp tàu mở ra. Một người thò đầu lên nhìn. Hắn kêu lên một tiếng gì không rõ, rồi biến mất.

Mấy phút sau, từ trong tàu bước ra tám người lực lưỡng, mặt bịt kín. Họ lặng lẽ kéo chúng tôi vào trong chiếc tàu ngầm khổng lồ của họ.

(Giuy-n Véc-nơ, *Hai vạn dặm dưới biển*, Đỗ Ca Sơn dịch,
NXB Văn học, Hà Nội, 2020, tr. 57 – 72)

- **Giuy-n Véc-nơ** (1828 – 1905) là nhà văn người Pháp, được xem là “cha đẻ” của thể loại truyện khoa học viễn tưởng. Ông còn được coi như “nhà tiên tri khoa học” kì tài vì đã đề cập đến những cuộc phiêu lưu kì thú bằng tàu ngầm, máy bay, tàu du hành vũ trụ trước khi con người chế tạo ra những phương tiện này. Những truyện khoa học viễn tưởng nổi tiếng của ông: *Hành trình vào Tâm Trái Đất* (1864), *Từ Trái Đất tới Mặt Trăng* (1865), *Hai vạn dặm dưới biển* (1870), *Vòng quanh thế giới trong 80 ngày* (1873), *Năm 2889* (1889),...
- *Hai vạn dặm dưới biển* được Giuy-n Véc-nơ hoàn thành năm 1868. Ông tin rằng ước mơ chinh phục đại dương của con người sớm muộn sẽ được thực hiện, và chiếc tàu ngầm lí tưởng của ông hoàn toàn không phải là ý tưởng viễn vông.



Em có biết?

- Nhiều chiếc tàu ngầm trên thế giới đã được đặt tên là Nau-ti-lút.
- Chiếc tàu ngầm Nau-ti-lút của Giuy-n Véc-nơ được điều khiển hoàn toàn bằng điện năng trong khi điện chưa phải là năng lượng chủ yếu của công nghiệp thời bấy giờ.

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Đọc phần (1) của văn bản và nêu những chi tiết miêu tả hình dáng lạ lùng của con cá thiết kình.
2. *Cuộc chạm trán trên đại dương* dẫn ba nhân vật Pi-e A-rôn-nác, Công-xây và Nét Len vào cuộc phiêu lưu trong không gian nào? Lúc ấy, không gian này quen thuộc hay xa lạ với họ?
3. Nhan đề *Hai vạn dặm dưới biển* đã thể hiện ước mơ gì của Giuy-n Véc-nơ và những người cùng thời với ông? Ước mơ ấy ngày nay đã được hiện thực hoá như thế nào?
4. Theo em, nhà văn đã sáng tạo ra hình ảnh chiếc tàu ngầm dựa trên cơ sở hiện thực nào?
5. Nêu tác dụng của việc nhà văn đã để cho một nhà khoa học vào vai người kể chuyện ngôi thứ nhất.
6. Liệt kê những câu văn thể hiện tư duy lô-gíc đặc trưng của truyện khoa học viễn tưởng trong đoạn kể lại những phán đoán của nhân vật giáo sư Pi-e A-rôn-nác – người kể chuyện – về chiếc tàu ngầm.

- Đề tài của tác phẩm *Hai vạn dặm dưới biển* là gì? Hiện nay, đề tài đó có còn nhận được sự quan tâm đặc biệt của chúng ta nữa hay không? Vì sao?
- Theo em, con người cần làm gì để vừa chinh phục đại dương vừa không làm ảnh hưởng đến môi trường biển?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể tiếp (theo tưởng tượng của em) về sự kiện diễn ra sau tình huống nhân vật “tôi”, Công-xây và Nét Len bị kéo vào bên trong con tàu ngầm.

Thực hành tiếng Việt

MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT

- Hãy phân tích tính mạch lạc của đoạn văn sau:

Sáu giờ, trời hửng sáng. Cùng với những tia sáng đầu tiên của bình minh, ánh điện của con cá thiết kình cũng phụt tắt. Tối bảy giờ, trời gần sáng rõ. Nhưng sương mù dày đặc đang trải ra ở chân trời, và dùng ống nhòm loại tốt nhất cũng chẳng thấy rõ vật gì. Có thể hình dung được chúng tôi thất vọng và giận dữ đến mức nào!

- Hãy chỉ ra các phương tiện liên kết được sử dụng trong đoạn trích sau và nêu chức năng của chúng:

Cách chiếc tàu chiến một hải lí rưỡi, có một vật dài màu đen nổi lên khỏi mặt nước độ một mét. Đuôi nó quẫy mạnh làm nước biển sủi bọt. Chưa ai thấy đuôi cá quẫy sóng mạnh như vậy bao giờ! Con cá lượn hình vòng cung, để lại phía sau một vệt sáng lấp lánh. Chiếc tàu tiến lại gần. Tôi bắt đầu ngắm kĩ con cá. Báo cáo của tàu Hen-vơ-chi-a và San-nông hơi cường điệu kích thích của nó. Theo tôi, con cá không dài quá tám mươi mét. Chiều ngang hơi khó xác định, nhưng tôi có cảm tưởng rằng nó cân đối một cách lạ lùng về cả ba chiều.

- Theo em, có thể sắp xếp các câu trong đoạn văn dưới đây theo một trật tự khác được không? Vì sao?

Nhận biết mạch lạc và liên kết của văn bản

Đọc đoạn văn sau:

Trong gian phòng lớn tràn ngập ánh sáng, những **bức tranh** của thí sinh treo kín bốn bức tường. Bố, mẹ tôi kéo tôi chen qua đám đông để xem **bức tranh** của Kiều Phương đã được đóng khung, lồng kính. Trong **tranh**, một **chú bé** đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt **chú bé** như toả ra một ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của **chú** không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa.

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

Có thể thấy nội dung chính của đoạn văn nói về bức tranh của Kiều Phương. Các câu được sắp xếp theo một trình tự hợp lí: miêu tả sự vật dựa trên nguyên tắc từ xa (những bức tranh trong phòng triển lãm) đến gần (bức tranh của Kiều Phương). Sự thống nhất về đề tài được nói đến (bức tranh) và trình tự sắp xếp hợp lí của các câu nói về bức tranh làm cho đoạn văn

(1) Nhưng con cá cũng bơi với tốc độ y như vậy! (2) Trong suốt một giờ, chiếc tàu chiến không tiến gần thêm được một sải! (3) Thật là nhục nhã cho một trong những chiếc tàu chạy nhanh nhất của hạm đội Mỹ! (4) Anh em thủy thủ tức giận điên người. (5) Họ nguyện rửa quái vật, nhưng nó vẫn phớt lờ.

4 Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể lại một tình huống trong *Cuộc chạm trán trên đại dương*. Thuyết minh ngắn gọn về mạch lạc và liên kết của đoạn văn.

được mạch lạc. Đoạn văn cũng bảo đảm tính liên kết về mặt hình thức giữa các câu thể hiện qua việc dùng từ ngữ đồng nghĩa và từ ngữ lặp lại (*bức tranh, tranh, chú bé, chú*).

Như vậy, nhờ mạch lạc mà người đọc có thể tiếp nhận và hiểu được ý nghĩa của đoạn văn một cách dễ dàng, còn liên kết về mặt hình thức giữa các câu là phương tiện tạo nên tính mạch lạc của đoạn văn.

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Nêu hiểu biết của em về hệ Mặt Trời.
2. Tìm đọc và trình bày trước lớp một vài thông tin cơ bản về người đầu tiên trên thế giới thực hiện chuyến bay vào vũ trụ.

ĐỌC VĂN BẢN

Đường vào trung tâm vũ trụ

Trích *Thiên Mã*⁽¹⁾, HÀ THỦY NGUYÊN⁽²⁾

[...] Chúng tôi dừng chân ở một bãi cỏ vắng người phía bên kia đền và trốn trong rừng. Sẽ rất bất tiện nếu để khách du lịch phát hiện ra một con ngựa có cánh đang lai vãng gần khu thánh địa của Hy Lạp! Chúng tôi thả Thần Thoại⁽³⁾ trong rừng và nó cũng đủ thông minh để biết cách tự bảo vệ mình. Thần Đồng rủ tôi đi xuống bảo tàng dưới chân núi, nơi trưng bày bức tượng Nhân Sư⁽⁴⁾ quý giá.

Hình dung

Hình ảnh con ngựa có cánh.

⁽¹⁾ *Thiên Mã* là cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng, gồm 10 chương, kể về những cuộc phiêu lưu của nhân vật người kể chuyện xưng “tôi”, một cô bé mới lớn, với cậu bé Thần Đồng và con ngựa có cánh Thần Thoại. Các nhân vật này đã tới các nền văn minh lớn của thế giới, khám phá các công trình cổ, bay vào Tâm Vũ Trụ và ghé thăm thành phố Át-lan-tíc (Atlantic) chìm dưới đáy biển sâu,... Đoạn trích *Đường vào trung tâm vũ trụ* nằm ở chương 2, nói về việc các nhân vật chính quyết định đi tới Hy Lạp để giải câu đố viết bằng tiếng Hê-bơ-rơ (Hebrew) trên phiến đá, nhằm tìm được lối vào trung tâm vũ trụ.

⁽²⁾ Hà Thủy Nguyên sinh năm 1986 tại Hà Nội. Một số tác phẩm đã xuất bản: *Điện nhạc trần gian* (2004), *Bên kia cánh cửa* (2005), *Thiên Mã* (2010),...

⁽³⁾ *Thần Thoại*: tên con ngựa do nhân vật Thần Đồng tạo ra bằng cách lấy các thông số gen của thiên nga cấy ghép vào phôi ngựa.

⁽⁴⁾ *Nhân Sư*: nhân vật đầu người mình sư tử trong thần thoại Hy Lạp.

Pho tượng đã bị bào mòn, không còn sắc nét nhưng vẫn nguyên vẹn vẻ cao ngạo và thần thánh. Trong khi tôi xem xét pho tượng để tìm kiếm manh mối thì hần lại lang thang ở quây tạp phẩm. Tính mua quà lưu niệm chắc! Hừ! Hần thật rảnh rỗi, chẳng biết lo công việc gì cả! Tôi đành cặm cụi làm một mình vậy. Mất một lúc lâu, tôi vẫn không tìm thấy dấu vết gì.

Bộp! Tôi bị giáng một cú vào đầu đau điếng trong khi đang cúi xem từng vết tích. Hần! Và một cuốn sách!

– Làm cái quái gì vậy? Sao lại đánh người ta!

Hần nhún vai như không có gì, chìa cho tôi xem quyển sách.

– Xem đi... Đây là nơi đặt hòn đá *trung tâm của vũ trụ*!

“Trung tâm của vũ trụ”? Tôi lặp lại lời hần. Câu đó cũng nhắc tới “trung tâm của vũ trụ”. Tôi không thể hình dung trung tâm của vũ trụ sẽ như thế nào! Nhưng tôi nóng lòng khám phá nơi ấy quá... Ai ngờ hòn đá lại hiện diện ngay trong bảo tàng này. Hòn đá Ôm-phe-lốt⁽¹⁾ (Omphalos) đó được điêu khắc, chạm trổ tinh vi. Nhưng cũng chỉ là một tác phẩm nghệ thuật bình thường, chẳng ra dáng của tâm vũ trụ gì cả. Có thể đây chỉ là bản cốp-pi mà người xưa tạc nên để đánh lạc hướng thiên hạ chẳng!

Theo dõi

Đặc điểm của hòn đá Ôm-phe-lốt.

– Tớ nghĩ rằng phiến đá đó vẫn nằm đâu đó trong đền thờ! Để tới vào đó xem... – Thần Đồng bậm môi suy tính.

Chúng tôi phải đợi đến lúc tối mù tối mịt mới dắt Thần Thoại đột nhập đền. Dưới trăng, những cột đá hoa cương ánh lên sắc sáng bạch như những ngọn nến trắng khổng lồ. Theo sơ đồ, chúng tôi lần đến vị trí đặt hòn đá trung tâm của vũ trụ. Chẳng hiểu thật giả thế nào nhưng câu đó đã đề cập đến thì hần phải có một manh mối nào đó.

Theo truyền thuyết, thần Dớt⁽²⁾ (Zeus) cho hai con đại bàng bay theo chiều vuông góc với nhau, một con bay dọc và một con bay ngang; điểm giao nhau giữa chúng chính là “cái rốn” của vũ trụ. Cả Thần Đồng và tôi đều tin “cái rốn” ấy hần vẫn còn ở trong đền chứ không thể là hòn đá Ôm-phe-lốt kia. Chúng tôi lần mò từng góc ngách, từ điện thờ thần A-pô-lô⁽³⁾ (Apollo) đến thánh đường A-then-na Pờ-rô-nai-a (Athena Pronaia), thậm chí không bỏ sót những vết tích còn lại của đấu trường, rạp hát,... bên bờ suối Cát-xta-líc (Castalic).

⁽¹⁾ Hòn đá Ôm-phe-lốt: trong câu chuyện, đây là hòn đá thiêng, “chìa khoá” để mở lối dẫn vào trung tâm vũ trụ.

⁽²⁾ Thần Dớt: vị thần tối cao, chúa tể của các vị thần trên đỉnh Ô-lym-pơ (Olympus) trong thần thoại Hy Lạp.

⁽³⁾ Thần A-pô-lô: thần ánh sáng, chân lí và nghệ thuật, con trai của thần Dớt.

– Tớ nghĩ ta nên quay lại điện thờ thần A-pô-lô, vì trong câu đố có nhắc đến vị thần đội vòng nguyệt quế và nhấn mạnh rằng chúng ta cần phải bày tỏ lòng thành kính... – Tôi kết luận sau khi đã kiểm tra một vòng.

– Có lí! Nhưng mà cái khoản bày tỏ lòng thành kính ấy, cậu bày tỏ đi nhé...

Tôi nguyền một cái xa lơ xa lắc. Đàn ông con trai, đa phần đều là những kẻ vô thần, vậy mà tại sao trong thế giới thần linh, lại chủ yếu là các nam thần nhỉ? Chúng tôi quay lại điện thờ thần A-pô-lô. Nửa đêm, mặt trăng cao vút và trong vắt. Theo thần thoại, nữ thần Mặt Trăng Ác-tê-mít⁽¹⁾ (Artemis) chính là em gái song sinh của thần A-pô-lô. Đêm nay, nữ thần trị vì bầu trời và biết đâu chẳng mang cho chúng tôi ít nhiều may mắn!

Bỗng nhiên, Thần Đồng bị hụt chân, ngã dúm dúm. Một cái hố vô duyên nằm ngay giữa lối đi. Tôi đỡ Thần Đồng dậy.

– Cái hố vô duyên! – Hấn lau bầu.

– Chẳng qua chỉ là cái... ồ voi thôi mà! Ai bảo có người “mắt toét”? – Tôi khích.

Chẳng thềm để ý cái trò trẻ con của tôi, hấn đi một vòng quanh hố. Hố không rộng nhưng khá sâu so với một cái ổ gà thông thường. Hấn bắt tôi cầm đèn pin còn hấn cúi xuống, sờ soạng dưới đáy. Cái hố đã vô tình trở thành một hố rác với đủ các loại sỏi cát, lá khô, giấy vụn,... Hấn chẳng nề hà, bới hết rác rưởi lên. Hấn bới mãi, bới mãi, cho đến khi chạm vào bề mặt đá. Dưới ánh đèn hiển hiện một cái rãnh tròn nhỏ, giống như vòng xoay của một động cơ cổ.

– Cần một cái gì đó để lấp vào đây! – Thần Đồng xoa cằm ngẫm nghĩ.

Tôi áng chừng kích cỡ của hố; nó tương đương với cái gì nhỉ? Phải rồi! Hòn đá Ôm-phe-lôt! Thần Đồng chắc cũng đã đoán ra, hấn nói rất nhanh như ra lệnh:

– Cậu đợi ở đây một lát! Tớ đi đằng này với Thần Thoại!

Rồi chẳng để tôi kịp phản ứng, hấn nhảy lên mình ngựa. Con ngựa cất cánh, bay đi trong nháy mắt. Giờ chỉ còn mình tôi giữa bốn bề quanh quế, y như cái buổi bị lạc trên sa mạc. Ở đây tuy không hoang vắng nhưng chẳng hiểu sao tôi lại thấy đáng sợ hơn. Tôi sợ một hồn ma bóng quế nào đó đột ngột hiện lên dọa tôi. Hấn thừa biết con gái, nhất là một tiểu thư cành vàng lá ngọc như tôi, rất nhát gan, vậy mà hấn nở lòng vút tôi chơ vơ ở đây! Hấn đi đâu không biết? Việc gì mà bí mật tới mức không thể cho tôi đi cùng được.

Tôi chợt nhớ ra chiếc đồng hồ hấn cho tôi. Bất chực năng định vị, tôi thấy rõ sự di chuyển của hấn trên bản đồ. Cái gì thế này? Hấn đang ở Bảo tàng khu di tích Đen-phi (Delphi). Hấn làm gì ở đây? Chẳng lẽ hấn đến tìm hòn đá Ôm-phe-lôt? Nhưng tìm

⁽¹⁾ Ác-tê-mít: thần săn bắn, con gái của thần Dớt.

thì cũng có mang tới đây được đâu; chẳng phải người ta đã đặt chình ỉnh tâm biển đề “Không sờ vào hiện vật” ở đó hay sao. Có khi nào hấn định... ăn trộm? Nghĩ đến đây tôi càng thêm lo lắng. Đòi nào hệ thống an ninh trong bảo tàng lại để hấn lượn ra lượn vào tự do rồi chôm đồ như chôn không người chứ.

Chưa đầy nửa tiếng sau tôi đã thấy hấn cười Thần Thoại trở về. Sau lưng hấn gui hòn đá Ôm-phe-lốt mà mới hỏi chiều chúng tôi còn cho rằng vô giá. Tôi cau có:

– Cậu làm trò gì thế? Sao lại ăn trộm hòn đá này?

– Chúng ta không ăn trộm! – Hấn nhún vai. – Chúng ta chỉ mượn tạm thôi! Dùng xong sẽ mang trả lại! Tớ cũng tò mò muốn biết nơi nào được gọi là trung tâm của vũ trụ.

Nói đoạn, hấn đặt hòn đá xuống hồ. Vừa như in! Mặt Trăng chiếu một chùm sáng vào chính giữa hòn đá. Hòn đá tỏa hào quang rực rỡ khiến chúng tôi chói mắt, lùi vài bước. Chợt, mặt đất rung chuyển. Tôi thấy hấn ôm chầm lấy tôi, nấp trong đôi cánh của Thần Thoại. Chúng tôi cảm thấy mình đang di chuyển, lúc lên cao, lúc xuống thấp, với tốc độ nhanh chóng mặt như đi trên một chiếc thang máy siêu tốc.



“Uỳnh”! Chúng tôi mở mắt ra và thấy mình đang đứng giữa một không gian kì lạ. Đó là một thung lũng lọt thỏm dưới những núi đá cao vời vọi, không biết đến tận cùng.

Tít tít trên cao xanh không có mây, không có mặt trời, cũng chẳng trăng sao; không gì cả, ngoài một tầng cao hoắm hoắm. Xung quanh được thấp sáng bằng bột lân tinh, giống như thứ bột mà Thần Đồng đã dùng để thấp sáng căn phòng của Nhân Sư.

– Có phải... có phải chúng ta... – Tôi lắp bắp, không nói nên lời.

– Chúng ta đang ở trung tâm của vũ trụ! – Hấn khẳng định.

Thần Thoại cũng ngoái ngang ngoái dọc, cảnh sắc này quá kì lạ với nó! Chính tôi cũng há hốc mồm, không tin vào cảnh tượng trước mắt. Một thế giới trong lòng thế giới! Hòn đá Ôm-phe-lốt đã tạo ra một *bước nhảy* không gian, đưa chúng tôi tới nơi

Hình dung

Không gian trung tâm vũ trụ.

được gọi là “cái rốn của vũ trụ”. Tôi cứ lặp ba lần hai tiếng “trung tâm” khiến Thần Đồng sốt ruột.

– Cậu lặp ba lần thế? Chúng ta còn cả một không gian mênh mông để khám phá đấy, chẳng phải chuyện chơi đâu!

Tôi vẫn chôn chân tại chỗ, chưa hết ngạc nhiên. Chẳng nói chẳng rằng, tôi mở ba lô của Thần Đồng, tìm cái máy tính đa-di-năng⁽¹⁾ của hắn. Tôi truy cập in-tơ-nét mãi mà chẳng được! Sự nhớ ra chúng tôi đã xa Trái Đất lâu rồi, đã nằm ngoài vùng phủ sóng rồi. Tôi búng tỉnh, thở dài. Hắn quan tâm vô về tôi:

– Sao rồi? Có gì nghiêm trọng à? Cậu biết điều gì à?

– Cậu đã đọc Giuyn Véc-nơ chưa?

– Thời giờ đâu mà quan tâm tới văn học! – Hắn lắc đầu. – Đam mê của tớ không phải là chữ nghĩa! Nhưng tớ biết, đó là tác giả của *Hai vạn dặm dưới biển*. Mà liên quan gì đến ông ta...

Tôi chạy lại gần những cây nấm khổng lồ cao hơn hai mét xen giữa những gốc dương xỉ cao ngất, rậm rạp. Đặt nhẹ tay lên đó, rồi vỗ thật mạnh một cái để kiểm chứng, tôi nói một lèo như thuyết trình:

– Giuyn Véc-nơ là tác giả tiểu thuyết khoa học viễn tưởng vĩ đại nhất thế giới. Từ thế kỉ XIX ông ta đã có thể tiên tri về viễn cảnh những tàu điện ngầm, những toà cao ốc, thậm chí cả việc con người đặt chân lên Mặt Trăng. Ông ta từng viết một quyển sách nhan đề *Hành trình vào Tâm Trái Đất*. Trong đó kể về những cây nấm cổ đại khổng lồ, những con khủng long từ thời tiền sử, những con chim điện quý hiếm,... Nói chung, cái gọi là Tâm Trái Đất ấy cũng giống như một bảo tàng sống động, lưu giữ tất cả những gì đã biến mất khỏi mặt đất!

Theo dõi

Tâm Trái Đất theo như miêu tả của Giuyn Véc-nơ.

Thần Đồng mê mải nghe những lời giảng giải của tôi. Hắn là nhà khoa học. Câu hỏi đầu tiên chạy qua đầu hắn chắc chắn là: Sao có thể lưu giữ được những “hiện vật” này? Hắn cũng sờ lên thân cây để chắc chắn đó không phải là hư ảnh được thời gian lưu giữ tại một chiều không gian thứ tư.

Chúng tôi nghe đâu đó tiếng vo ve của côn trùng đang đến gần. Ngẩng lên, chúng tôi thấy một con chuồn chuồn khổng lồ đang bay qua với dải cánh rộng như của loài đại bàng. Thân hình nó óng ánh lân tinh! Bốn cái cánh khoẻ khoắn, đập nhanh như cánh quạt. Đứng giữa khu rừng cổ sinh này, chúng tôi chẳng khác gì loài vật kí sinh nhỏ bé, thậm chí, còn chẳng to hơn một con côn trùng.

– Theo Giuyn Véc-nơ thì đây là Tâm Trái Đất. Chẳng lẽ Tâm Trái Đất chính là Tâm Vũ Trụ? – Tôi thắc mắc.

⁽¹⁾ Đa-di-năng: có nhiều chức năng khác nhau (nghĩa trong văn bản).

– Tớ cho rằng Giuyn Véc-nơ đã sai! Đây đúng ra là Tâm Vũ Trụ! Tâm Trái Đất chỉ có khoáng chất. Bằng cách nào đó, Giuyn được biết về nơi này, có thể là nhờ bước dịch chuyển không gian bất ngờ như vừa rồi... Và người phương Tây thế kỉ XIX chẳng thể nghĩ xa hơn tầng ô-dôn!

Lập luận của Thần Đồng rất hợp lí. Nhưng bất kể đây là *tâm* của cái gì thì việc quan trọng với chúng tôi lúc này là phải tìm ra mảnh ghép thứ hai và nghĩ cách thoát khỏi đây. Không thể chậm trễ, bởi nếu những điều ông nhà văn mà người đời vẫn cho là huyền tưởng ấy nói đúng thì nhiệt độ ngày đêm nơi đây chênh lệch khá lớn. Càng về đêm, nhiệt độ càng tăng và đỉnh điểm sẽ lên tới 70°C, thế thì chúng tôi sẽ trở thành món bít tết nướng tái.

Chở chúng tôi trên lưng, Thần Thoại bay qua những ngọn cây cao nhất của khu rừng cổ sinh. Tôi ngó xuống dưới và thấy một con khủng long Spi-nô-sô-rôt Ê-gip-ti-côt (*Spinosaurus Aegypticus*), loài bạo chúa mà tôi nhớ mãi khi xem phần ba bộ phim *Công viên kỉ Giu-ra* (*Jurassic Park*), đang ăn thịt một con voi ma mút. Nếu không có Thần Thoại, có lẽ chúng tôi cũng trở thành món lót dạ của những con vật tồn tại cách đây một trăm sáu mươi triệu năm rồi.

Hình dung

Không gian khu rừng cổ sinh với những sinh vật kì lạ.

Bay qua khu rừng cổ sinh, chúng tôi lại tiếp tục kinh ngạc trước vẻ đẹp yên bình như chốn thần tiên. Chúng tôi đứng trước một dòng suối hiền hoà với cây cầu vồng đủ bảy sắc màu rực rỡ. Dường như cây cầu vồng ấy vĩnh viễn không bao giờ biến mất. Nhưng nó vẫn chưa kì lạ bằng hình ảnh đoàn người cá ngồi trên mỏm đá. Người chài đầu, người đọc sách, người chơi nhạc,... Họ có khuôn mặt của loài người, mỗi người một vẻ, và đặc biệt là những cái đuôi cá giống hệt như miêu tả của An-đéc-xen trong các câu chuyện cổ. Riêng chi tiết này thì không thấy Giuyn Véc-nơ nhắc tới. Có lẽ ông ta chưa từng biết tới nơi đây cũng nên! Như vậy là chúng tôi may mắn hơn vị tiểu thuyết gia đại tài đó rồi...

Theo miêu tả của Giuyn Véc-nơ, chốn này như một phòng trưng bày lưu giữ tất cả những sinh vật đã tuyệt diệt. Tôi nhớ lại lời của Nhân Sư rằng xưa kia, giống sư tử đầu người cùng với các sinh vật huyền bí ⁽¹⁾ khác đã từng làm chủ Địa Cầu trước loài người. Vừa rồi, chúng tôi đã gặp người cá. Liệu chúng tôi còn gặp sinh vật nào nữa? Ngược lên thượng nguồn là một cánh đồng cỏ rộng mênh mông. Hương thơm của loài dã thảo khiến tôi dễ chịu vô cùng. Thần Thoại sà cánh, chạm xuống mặt đất. Nó có vẻ thích thú khi được giẫm lên cỏ non. Thần Đồng và tôi xuống ngựa, để Thần Thoại có một lúc tận hưởng không gian bát ngát của thảo nguyên mà nó vẫn gặp trong những giấc mơ.

(Hà Thuý Nguyên, *Thiên Mã*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2011, tr. 53 – 60)

⁽¹⁾ *Huyền bí*: bí ẩn và có vẻ mâu nhiệm, khó hiểu, khó khám phá.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Câu chuyện xảy ra trong những không gian nào? Em hãy kể tóm tắt những diễn biến chính của câu chuyện.
2. Kể tên các nhân vật xuất hiện trong văn bản và nêu ấn tượng của em về một nhân vật dị thường trong số đó.
3. Theo lời nhân vật người kể chuyện, nhà văn Giuyn Véc-nơ đã miêu tả không gian Tâm Trái Đất như thế nào? Giữa Tâm Trái Đất với Tâm Vũ Trụ có mối liên hệ gì?
4. “Bước nhảy không gian” kì diệu đã đưa các nhân vật chính trở lại với khoảng thời gian nào?
5. Em hãy hình dung không gian thảo nguyên ở cuối văn bản, tiếp tục tưởng tượng thêm những loài sinh vật kì lạ sống ở đó và miêu tả bằng lời của mình.
6. Em có thích ý tưởng về công nghệ gen được đề cập trong văn bản không? Em suy nghĩ gì nếu công nghệ gen đó trở thành hiện thực?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Hãy tưởng tượng em sở hữu phát minh “bước nhảy không gian”. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) kể về không gian em định tới (không gian vũ trụ, Tâm Trái Đất hoặc các hành tinh khác).

Thực hành tiếng Việt

ĐẤU CÂU

1 Chỉ ra công dụng của dấu chấm lửng trong các trường hợp sau:

a. *Nhưng tôi chạm ngay vào một vật rắn. Tôi níu lấy nó. Tôi cảm thấy mình được đưa lên mặt nước và dễ thở hơn... Tôi ngất đi...*

b. *Chính chúng ta đã biết rõ hơn ai hết tốc độ con tàu này! Muốn đạt tốc độ đó cần có máy móc; muốn điều khiển máy móc, phải có thợ. Từ đó tôi kết luận rằng... chúng ta đã thoát chết!*

c. *Chúng tôi lần mò từng góc ngách, từ điện thờ thần A-pô-lô đến thánh đường A-then-na Pờ-rô-nai-a, thậm chí không bỏ sót những vết tích còn lại của đấu trường, rạp hát,... bên bờ suối Cát-xta-líc.*

Nhận biết công dụng của dấu chấm lửng

- Dấu chấm lửng phối hợp với dấu phẩy ngầm cho biết nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết:

Sau khi có vẻ đã hài lòng, nó lôi trong túi ra ba bốn lọ nhỏ, cái màu đỏ, cái màu vàng, cái màu xanh lục,... đều do nó tự chế.

(Tạ Duy Anh, *Bức tranh của em gái tôi*)

- Dấu chấm lửng thể hiện lời nói bỏ dở, ngập ngừng, ngắt quãng:

Hay là bây giờ em nghĩ thế này... Song anh có cho phép nói em mới dám nói...

(Tô Hoài, *Đế Mèn phiêu lưu kí*)

– *Tớ nghĩ ta nên quay lại điện thờ thần A-pô-lô, vì trong câu đó có nhắc đến vị thần đội vòng nguyệt quế và nhấn mạnh rằng chúng ta cần phải bày tỏ lòng thành kính... – Tôi kết luận sau khi đã kiểm tra một vòng.*

– *Có lí! Nhưng mà cái khoản bày tỏ lòng thành kính ấy, cậu bày tỏ đi nhé...*

2 Tìm trong văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ* một câu có dấu chấm lửng với công dụng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung hài hước.

3 Nêu công dụng của dấu ngoặc kép trong các câu sau:

a. *Cả Thần Đông và tôi đều tin “cái rốn” ấy hẳn vẫn còn ở trong đền chứ không thể là hòn đá Ôm-phe-lốt kia.*

b. *Câu hỏi đầu tiên chạy qua đầu hẳn chắc chắn là: Sao có thể lưu giữ được những “hiện vật” này?*

4 Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về một nội dung được gợi ra từ văn bản *Đường vào trung tâm vũ trụ*, trong đó có sử dụng dấu chấm lửng.

• Dấu chấm lửng làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ thường có sắc thái hài hước, châm biếm:

Tôi đã đọc đâu đó một câu rất hay: “Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là... không ai giống ai cả”.

(Lạc Thanh, *Xem người ta kia!*)

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Dấu ấn Hồ Khanh

NHẬT VĂN

Nói đến du lịch Quảng Bình là người ta nghĩ ngay đến di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, xứ sở được ví như vương quốc của hệ thống hang động. Trong hành trình tìm kiếm, khám phá và quảng bá các hang động ở Quảng Bình của các nhà thám hiểm có sự góp sức không nhỏ của một người dân vùng di sản. Đó là Hồ Khanh, người phát hiện ra hang Sơn Đoòng và rất nhiều hang động ẩn tượng khác.

Quê hương của Hồ Khanh (thôn Phong Nha, xã Sơn Trạch, huyện Bố Trạch) được thiên nhiên ưu đãi, ban tặng cho nhiều cảnh quan thiên nhiên cùng hệ thống hang động tuyệt mỹ. Trước đây, khi du lịch chưa được khai thác mạnh, những người dân trong làng của Hồ Khanh đều sống bằng nghề đi rừng, tìm trầm và Hồ Khanh cũng là thợ sơn tràng⁽¹⁾ chuyên nghiệp.

⁽¹⁾ *Thợ sơn tràng*: người làm nghề khai thác sản vật rừng theo lối thủ công.

Chỉ khác là trong mỗi chuyến đi, người ta chỉ lo việc kiếm tiền còn Hồ Khanh lại dành nhiều thời gian hơn để chiêm ngưỡng các hang động đá vôi bởi vẻ đẹp hiếm có muôn hình đủ dạng được tạo ra từ các khối thạch nhũ. Cũng từ cái công việc này đây mai đó ấy và tính tò mò thích khám phá mà Hồ Khanh tình cờ phát hiện ra những hang động đẹp.

Song ấn tượng nhất là có một lần đi rừng gặp mưa, Hồ Khanh ghé vào một hang đá để tạm trú và điều hết sức đặc biệt là từ hang đá này, anh cảm nhận được bầu không khí mát mẻ lạ thường, có thể nghe rõ tiếng gió rít qua vách đá. Đó là vào khoảng năm 1989. Và sự phát hiện này đã làm thay đổi cuộc đời của Hồ Khanh.

Từ giả cuộc sống son tràng với những chuyến đi rừng, Hồ Khanh lại tất bật với chuyện “com, áo, gạo, tiền”. Chuyện cái hang có luồng gió mát lạ ấy và nhiều hang đá khác coi như tạm quên. Song vì là người đi nhiều, biết nhiều, thông thuộc địa hình nên Hồ Khanh luôn được người dân trong làng giới thiệu với những nhà khoa học đến đây để tìm hiểu, nghiên cứu hang động. Và rồi Hồ Khanh trở thành cái tên quen thuộc gắn liền với những “chiến tích” khám phá hang động của các nhà nghiên cứu khoa học.



Son Đoòng lần đầu được giới thiệu vào năm 2009 từ sự phát hiện của Hồ Khanh, ảnh tư liệu

Từ năm 1999 đến 2004, Hồ Khanh đã dẫn nhiều đoàn như đoàn cán bộ khoa học Việt Nam – Đan Mạch, đoàn cán bộ khoa học Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng, đoàn khám phá hang động Hoàng gia Anh,... đến các khu vực Lèn Hai, Lò Đò, So Đũa, Đoòng, Rú Chẻ,... để nghiên cứu doi, linh trưởng, khám phá hệ thống hang Vòm tại khu vực Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Qua các đợt tiếp xúc làm việc với Hồ Khanh, ông Hô-oát Lim-bơ, Trưởng đoàn khám phá hang động Hiệp hội hang động Hoàng gia Anh đã có cảm tình đặc biệt với sự nhiệt tình, chu đáo và cả sự đam mê với khám phá hang động của anh.

Ông đã mời Hồ Khanh hợp tác trong vai trò người dẫn đường cho đoàn khám phá hang động tại khu vực Hạ Đoòng, Hung Thùng thuộc Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Dấu chân của Hồ Khanh có mặt khắp nơi, anh tiếp xúc với nhiều đoàn nghiên cứu trong và ngoài nước như đoàn của dự án linh trưởng (Đức) nghiên cứu sự phân bố số loài linh trưởng ở khu vực Đoòng, dẫn đoàn cán bộ khoa học của Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng vào khảo sát rừng bách xanh tại khu vực Thượng Đoòng...

Gắn bó với những chuyến đi, Hồ Khanh luôn nghĩ về cái hang tạo ấn tượng đặc biệt bởi luồng gió mát lạnh mà mình vô tình phát hiện trong lần trú mưa năm ấy. Thế là Hồ Khanh lại một mình vào rừng, cố nhớ lại từng vị trí. Sau bao ngày vất vả cực nhọc, anh đã tìm được lối vào hang nhưng vì không có đồ bảo hộ cần thiết, và chỉ một mình nên Hồ Khanh không dám vào sâu mà chỉ cảm nhận được rằng đây là một hang rất lớn, lớn hơn rất nhiều những cái hang mà anh đã tìm thấy.

Năm 2009, anh dẫn đoàn thám hiểm hang động của Hoàng gia Anh đến khám phá cái hang rất lớn và lạ ấy. Với Hồ Khanh, đây là chuyến đi đáng nhớ nhất. Chuyến thám hiểm mở ra nhiều điều bất ngờ thú vị, càng đi sâu vào hang, vẻ đẹp kì vĩ càng cuốn hút. Phía trên là ánh sáng mặt trời, phía dưới hang là con sông ngầm sâu hun hút, không khí mát lạnh, nước chảy cuồn cuộn, trong vắt giữa những rặng thạch nhũ điệp trùng. Hang này sau đó được đặt tên là Sơn Đoòng, được công nhận là hang động cao và rộng nhất thế giới.

Hồ Khanh lại tiếp tục đồng hành cùng đoàn cán bộ khoa học của Trường Đại học Khoa học tự nhiên và các chuyên gia đến Sơn Đoòng để nghiên cứu địa chất, địa mạo⁽¹⁾, thủy văn⁽²⁾ để rồi Sơn Đoòng có vị trí trên bản đồ hang động thế giới. Anh còn dẫn các đoàn làm phim lớn từ nước ngoài và các nhiếp ảnh gia nổi tiếng thế giới đến làm phim, chụp ảnh và là thành viên tích cực phục vụ các chuyến thử nghiệm hang Sơn Đoòng...

Không chỉ giúp đỡ những nhà thám hiểm trong việc tìm kiếm các hang động, Hồ Khanh còn là một tuyên truyền viên tích cực trong việc vận động người dân cùng chung tay bảo vệ di sản. Điều thú vị là sau những tháng ngày đi tìm kiếm hang động với vợ chồng Hồ-oát Lim-bơ, Hồ Khanh càng thấy yêu thích công việc này nên ngoài hang Sơn Đoòng, anh còn phát hiện ra hàng chục hang động lớn, nhỏ khác thuộc Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Anh thường một mình vào rừng tìm kiếm, rồi ghi nhớ thật chi tiết những nơi mình đã qua để dẫn đường cho các đoàn thám hiểm đi tìm hang động.

Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao và bằng cả niềm say mê nên Hồ Khanh được ông Hồ-oát Lim-bơ hết mực yêu mến, tin cậy. Anh trở thành người bạn đồng hành của các nhà khoa học trên hành trình khám phá, tìm kiếm và làm phong phú thêm những giá trị độc đáo của di sản thiên nhiên thế giới Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.

(Theo Nhật Văn, báo điện tử *Quảng Bình*, ngày 21/7/2014)

⁽¹⁾ *Địa mạo*: hình thái địa hình bề mặt Trái Đất.

⁽²⁾ *Thủy văn*: các hiện tượng biến hoá và vận động của nước trong tự nhiên nói chung.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Hãy nhận xét về nhan đề của văn bản. Theo em, việc đặt nhan đề cho một văn bản thông tin phải đảm bảo yêu cầu cơ bản gì?
2. Văn bản trên đã đưa tới những thông tin cơ bản nào về nhân vật Hồ Khanh?
3. Tìm ở đoạn đầu của văn bản chi tiết thể hiện “dấu ấn Hồ Khanh” trong công cuộc khám phá hang động ở Quảng Bình.
4. Thời điểm và sự kiện quan trọng nào đã làm thay đổi cuộc đời của Hồ Khanh?
5. Theo em, phẩm chất quan trọng nhất để trở thành một nhà thám hiểm là gì?

Viết

Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử

Xung quanh cuộc đời và sự nghiệp của các nhân vật lịch sử có biết bao câu chuyện thú vị. Những câu chuyện đó giúp chúng ta hiểu thêm về cuộc sống và con đường để họ trở thành những người có nhiều đóng góp làm thay đổi cuộc sống của chúng ta và thậm chí thay đổi cả thế giới. Em hãy viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử đã để lại cho em những ấn tượng sâu sắc.

Yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử:

- Giới thiệu được nhân vật và sự việc có thật liên quan đến nhân vật đó.
- Kể được sự việc theo một trình tự hợp lí, có sử dụng các yếu tố miêu tả trong khi kể.
- Nêu được ý nghĩa của sự việc.
- Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể.

Phân tích bài viết tham khảo

Thô-mát Ê-đi-xơn (Thomas Edison) và màn “trình diễn” ánh sáng

Thô-mát Ê-đi-xơn (1847 – 1931) người Mỹ, được đánh giá là một trong những nhà khoa học vĩ đại, có nhiều ý tưởng nhất trong lịch sử. Trong số hơn một nghìn

Giới thiệu nhân vật và sự việc liên quan mà bài viết muốn kể.

phát minh mang tên ông, nổi tiếng nhất phải kể đến bóng đèn dây tóc. Xung quanh phát minh này, có khá nhiều câu chuyện thú vị. Một trong số đó là sự kiện “trình diễn” bóng đèn điện ngoài trời diễn ra vào ngày 31 tháng 12 năm 1879.

Trước thời điểm sự kiện này diễn ra, nhân loại còn đang sử dụng đèn thắp bằng khí đốt với ánh sáng yếu ớt và gây mùi rất khó chịu. Đèn điện hồ quang ra đời năm 1860 cũng không đạt được kết quả tối ưu như Ê-đi-xon mong muốn. Ê-đi-xon tin tưởng rằng những nghiên cứu về điện học của mình sẽ tạo ra một loại bóng đèn có ánh sáng dịu hơn, an toàn và có tuổi thọ cao hơn bóng đèn hồ quang.

Khi tờ *Niu Oóc Hê-rôn* (*New York Herald*) viết bài thuật về chiếc bóng đèn điện dây đốt đầu tiên của Ê-đi-xon vào ngày 21 tháng 12 năm 1879, công chúng đã hồ nghi và thậm chí có người còn khôi hài bảo rằng những chiếc bóng đèn điện đó thực ra chỉ là những chiếc bóng bay được thả lên trời mà thôi. Trước sự nghi ngại đó, Ê-đi-xon đã quyết định tạo một “sân khấu” ngoài trời để trình bày phát minh của mình. Ông cho treo hàng trăm bóng đèn điện quanh phòng thí nghiệm, quanh nhà ở và dọc các con đường ở Men-lô Pác (Menlo Park), nơi ông sống. Những chiếc bóng đèn có vỏ ngoài được làm bằng thủy tinh cách nhiệt, bên trong có chứa dây đốt làm bằng sợi carbon⁽¹⁾, toả ra thứ ánh sáng liên tục và dịu dịu đã trở thành một “hiện tượng” đối với công chúng thời bấy giờ. Ngày 31 tháng 12 năm 1879, một chuyến xe lửa đặc biệt chạy xuôi ngược theo tuyến Niu Oóc – Men-lô Pác, chở theo hơn ba nghìn người, trong số đó bao gồm các nhà khoa học, các quan chức địa phương, các nhà kinh tế và cả những người hiếu kì muốn “chiêm ngưỡng” thứ ánh sáng kì lạ đó. Mọi mối nghi ngại của công chúng được xua tan khi họ tận mắt chứng kiến “những quả bóng bay phát sáng” của Ê-đi-xon. “Màn trình diễn” này ghi dấu mốc quan trọng trong việc phát minh ra đèn điện và phân phối điện của Ê-đi-xon. Sau sự kiện đó một năm, ông thành lập công ti chiếu sáng mang tên mình và đến năm 1882, trạm phát điện đầu tiên ở Niu Oóc đi vào hoạt động.

Từ phát minh ra chiếc bóng đèn điện đầu tiên của Ê-đi-xon năm 1879 đến ngày hôm nay, công nghệ chế tạo đèn chiếu sáng đã có những cải tiến vượt bậc từ sợi đốt vonfam⁽²⁾ đến điôt phát quang⁽³⁾ trong bóng đèn lét. Nhưng màn “trình diễn” ánh sáng

Trình bày diễn biến của sự việc.

Sử dụng các yếu tố miêu tả trong khi kể.

Nêu ý nghĩa của sự việc.

Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.

⁽¹⁾ *Sợi carbon*: sợi có đường kính khoảng 5 – 10 μm với thành phần chủ yếu là các nguyên tử carbon, có khả năng chịu nhiệt cao.

⁽²⁾ *Sợi đốt vonfam*: một loại hợp kim được dùng làm dây tóc của bóng đèn, có khả năng chịu nhiệt cao, nhưng tuổi thọ ngắn.

⁽³⁾ *Điôt phát quang*: loại linh kiện bán dẫn cho phép dòng điện một chiều đi qua. Điôt phát quang có khả năng phát sáng khi dòng điện đi qua. Đèn điôt phát quang có độ bền cao, bức xạ nhiệt thấp, phát sáng rộng.

của Ê-đi-xon đã ghi dấu ấn vô cùng đặc biệt. Con đường được thắp sáng vào ngày cuối cùng của năm 1879 đó đã mở ra một kỉ nguyên ánh sáng mới, làm thay đổi thế giới. Ánh sáng mà Ê-đi-xon mang đến cho nhân loại được ví như Mặt Trời thứ hai.

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

– Chọn một nhân vật lịch sử là nhà quân sự, nhà chính trị, nhà khoa học, nhà phát minh hoặc nhà văn hoá,... có những câu chuyện đáng nhớ mà em biết. Nhân vật được nói tới đó có thể là người Việt Nam hoặc người nước ngoài, có những đóng góp to lớn giúp ích cho đất nước hoặc nhân loại. Em cũng có thể chọn một người có tài năng xuất chúng, sáng tạo ra những sản phẩm có ích cho cộng đồng mà em biết và từng tiếp xúc.

– Chọn một sự việc liên quan đến cuộc sống hay thành tựu, chiến công của nhân vật mà em thấy thú vị.

b. Tìm ý

Sau khi đã chọn được sự việc liên quan đến nhân vật, hãy trả lời các câu hỏi sau để tìm ý:

- Sự việc diễn ra ở đâu, khi nào? Sự việc đó diễn ra như thế nào?
- Sự việc đó có ý nghĩa như thế nào?
- Em có suy nghĩ gì về sự việc được kể?

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các ý tìm được thành dàn ý như sau:

Dàn ý

- **Mở bài:**
 - + Giới thiệu đôi nét về nhân vật.
 - + Giới thiệu sự việc liên quan đến nhân vật.
- **Thân bài:**
 - + Kể diễn biến của sự việc. Lưu ý sử dụng yếu tố miêu tả.
 - + Nêu ý nghĩa của sự việc.
- **Kết bài:** Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.

Mục đích viết

Kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử để nhiều người cùng biết và truyền cảm hứng cho người đọc.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, những người quan tâm đến cuộc đời và sự nghiệp của nhân vật.

Khi viết bài, em cần lưu ý:

- Bám sát dàn ý.
- Lựa chọn từ ngữ phù hợp (nếu viết về câu chuyện khoa học thì có thể tra cứu từ điển để hiểu những thuật ngữ chuyên môn khó).
- Lưu ý tính xác thực của các chi tiết có liên quan đến sự việc được kể.
- Các câu, các ý phải đảm bảo tính liên kết về hình thức và mạch lạc về nội dung.

Rà soát bài viết và chỉnh sửa theo gợi ý sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được nhân vật và sự việc liên quan đến nhân vật.	Đọc lại phần Mở bài để đảm bảo đúng yêu cầu đề ra.
Cung cấp được thông tin về sự việc mà bài viết nói tới.	Kiểm tra độ xác thực của thông tin và chỉnh sửa nếu có sai sót.
Trình bày được diễn biến của sự việc. Có sử dụng yếu tố miêu tả trong khi kể. Nêu được ý nghĩa của sự việc được nói tới.	Lưu ý về trình tự của sự việc được kể. Sắp xếp sự việc theo trật tự trước sau. Bổ sung nếu thấy thiếu yếu tố miêu tả và phần nêu ý nghĩa của sự việc.
Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được nói tới.	Đánh dấu những từ ngữ thể hiện suy nghĩ, ấn tượng về sự việc. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì cần bổ sung.
Đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt (dùng từ, đặt câu, sử dụng từ ngữ liên kết câu và liên kết đoạn văn,...).	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, liên kết giữa các câu trong đoạn văn, giữa các đoạn văn trong bài viết; chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

Nói và nghe

Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người

Trong những thập niên gần đây, công nghệ đã có nhiều bước tiến vượt bậc. Thành tựu của công nghệ đã giúp con người có niềm tin và động lực quyết biến ước mơ thành hiện thực. Nhưng, phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển? Em hãy cùng các bạn thảo luận nhằm đưa ra cái nhìn toàn diện về vai trò của công nghệ trong đời sống của con người.

a. Chuẩn bị nội dung nói

Các em có thể thảo luận về vấn đề chung như vai trò của công nghệ đối với đời sống con người hoặc có thể lựa chọn một khía cạnh của vấn đề như: Phải chăng công nghệ càng phát triển thì con người càng lệ thuộc vào nó? Tương lai của con người sẽ ra sao khi công nghệ tiếp tục phát triển?

– Tìm thêm thông tin liên quan từ các nguồn như: sách, báo hoặc các phương tiện nghe nhìn.

– Tìm ý bằng cách đặt ra các câu hỏi và tự trả lời. Chẳng hạn, nếu nói về khía cạnh của vấn đề liệu con người có lệ thuộc vào công nghệ hay không, có thể nêu các câu hỏi: *Công nghệ có làm chúng ta lười hoạt động hơn không? Các thiết bị thông minh có khiến chúng ta càng ngày càng mất kết nối với nhau không? Sự mất kết nối đó có ảnh hưởng đến khả năng ứng xử và giao tiếp của con người không? Chúng ta có bị giảm khả năng tư duy và giải quyết vấn đề không?*

– Sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý theo trật tự: nêu vấn đề – hai mặt tích cực và tiêu cực của vấn đề đó – nêu quan điểm cá nhân.

b. Tập luyện

Để việc trình bày ý kiến đạt kết quả tốt, em cần tập luyện trước theo những gợi ý sau:

- Em có thể tập nói một mình hoặc trong nhóm học tập để nhờ các bạn góp ý.
- Điều chỉnh thời gian trình bày sao cho phù hợp với quy định để không ảnh hưởng đến thời gian chung của cuộc thảo luận.

Mục đích nói

Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người để cùng chia sẻ thông tin, ý tưởng và hiểu sâu sắc hơn một vấn đề vốn gây nhiều tranh cãi.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến vấn đề này.

Ngoài việc tuân thủ những yêu cầu chung khi trình bày ý kiến (về ngữ điệu; sử dụng từ ngữ liên kết câu và chuyển ý; tương tác với người nghe bằng điệu bộ, cử chỉ, ánh mắt; bảo đảm thời gian quy định;...), em cần lưu ý thêm các điểm sau đây khi tham gia thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người:

– Nêu được bản chất của vấn đề (công nghệ sẽ ngày càng phát triển và tác động đến đời sống) và những ý kiến khác nhau về vấn đề đó (công nghệ sẽ hỗ trợ hay làm giảm khả năng sáng tạo của con người, công nghệ sẽ rút ngắn hay tạo thêm khoảng cách giữa người với người,...).

- Trình bày sự ảnh hưởng hai mặt của công nghệ đối với đời sống con người.
- Khái quát lại nội dung vừa trình bày, nhấn mạnh ý kiến cá nhân.

Trao đổi theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
- Nhận xét về ý kiến trình bày: nội dung, cách thức trình bày. Khi nhận xét về nội dung, cần hướng vào ý kiến trình bày, không sa đà vào những vấn đề không liên quan. - Tranh luận để bày tỏ sự đồng tình hoặc không đồng tình với ý kiến của người nói. - Bổ sung những thông tin em biết về vấn đề được nói tới.	- Tiếp thu nếu thấy những ý kiến góp ý là xác đáng. - Trao đổi lại với những ý kiến thống nhất cũng như ý kiến khác biệt với mình. - Tranh luận, dùng những lí lẽ thuyết phục để bảo vệ những điểm hợp lí trong ý kiến trình bày của em. - Tự rút kinh nghiệm sau quá trình thảo luận.

Củng cố, mở rộng

- Vì sao các văn bản *Cuộc chạm trán trên đại dương* và *Đường vào trung tâm vũ trụ* được coi là truyện khoa học viễn tưởng?
- Theo em, điều gì tạo nên sức hấp dẫn của truyện khoa học viễn tưởng?
- Tìm hiểu thêm về hệ sinh quyển trên Trái Đất, từ đó liên hệ để dự đoán có hành tinh nào có sự sống nữa hay không. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về dự đoán của em.
- “Mỗi người sinh ra đều là thiên tài” (An-be Anh-xtanh). Em hiểu câu nói này như thế nào? Hãy trình bày cách hiểu của mình cho các bạn cùng nghe.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đề tài du hành vũ trụ.
- Không gian ngoài Trái Đất.
- Nhân vật chính là một nhà khoa học.
- Thông điệp về khát vọng làm chủ vũ trụ của các nhà khoa học.

Chiếc đĩa thần⁽¹⁾

Trích *Tinh vân Tiên Nữ*⁽²⁾, I-VAN AN-TÔ-NÔ-VÍCH E-PHƠ-RÊ-MỐP⁽³⁾
(IVAN ANTONOVICH EFREMOV)

Kia là một thiên hà đã được biết từ thời cổ xưa, hồi ấy nó mang tên là NGK 5194 hay M-51 trong chòm Đại Cầu, cách ta hàng triệu pác-xéc⁽⁴⁾. Đây là một trong số những thiên hà hiếm hoi mà chúng ta trông thấy ở vị trí nằm theo phương vuông góc với mặt phẳng của “bánh xe”. Nhân thiên hà dày đặc, rực sáng, gồm hàng triệu ngôi sao, với hai nhánh hình xoáy ốc. Đầu cuối dài ngoằng của những nhánh đó vươn về hai phía ngược nhau, ra xa đến hàng chục ngàn pác-xéc, dần dần trở nên mờ nhoà cho đến khi biến mất trong không gian tối đen. Giữa những nhánh chính, có những vực thẳm đen ngòm, tức là những khối vật chất tối thẫm xen kẽ với những vệt ngắn cong cong hệt như cánh tua-bin⁽⁵⁾ do những đám sao và những đám mây khí sáng tạo nên.



Thiên hà

Thiên hà không lồ NGK 4565 trong chòm Tóc Vê-rô-nhi-ca (Veronica) nom rất đẹp. Ở xa bảy triệu pác-xéc, có thể nhìn thấy rìa của nó. Thiên hà nghiêng về

⁽¹⁾ Nhan đề do nhóm biên soạn đặt.

⁽²⁾ *Tinh vân Tiên Nữ* là tiểu thuyết khoa học viễn tưởng, gồm 15 chương, nói về tương lai của Trái Đất ở vào kỷ nguyên Vành khuyên, kỉ nguyên mà con người trên hành tinh chúng ta liên hệ với các thế giới có lí trí trên những hành tinh gần Trái Đất nhất. Nhân vật chính của tác phẩm là những nhà khoa học và nhà du hành vũ trụ. Họ thực hiện thám hiểm những hành tinh ngoài Trái Đất và thí nghiệm nhằm rút ngắn khoảng cách về thời gian và không gian giữa các hành tinh. Đoạn trích *Chiếc đĩa thần* nằm ở chương 8, có nhan đề *Những làn sóng đỏ*.

⁽³⁾ I-van An-tô-nô-vích E-phơ-rê-mốp (1908 – 1972) là giáo sư cổ sinh vật học đồng thời là tiểu thuyết gia khoa học viễn tưởng nổi tiếng người Nga. Các tác phẩm văn học tiêu biểu của ông: *Đất nổi sóng* (1946), *Những con tàu vũ trụ* (1947), *Tinh vân Tiên Nữ* (1957),...

⁽⁴⁾ *Pác-xéc*: đơn vị độ dài thiên văn, bằng 3,26 năm ánh sáng, tức 30 800 tỉ km.

⁽⁵⁾ *Tua-bin*: động cơ gồm một bánh xe quay do sức đẩy của dòng nước hoặc khí, sinh ra công, tạo lực chuyển động.

một phía như con chim đang lượn. Nó trải rộng về mọi hướng, nom như cái đĩa mảnh và rõ ràng là cấu tạo bởi những nhánh hình xoáy ốc. Còn ở trung tâm, cái nhân hình cầu rất bết chấy rục, nom như một khối sáng dày đặc. Ta thấy rõ rệt là những đảo sao dẹt như thế nào: có thể so sánh thiên hà với cái bánh xe mỏng của bộ máy đồng hồ. Rìa bánh xe nom không rõ, dường như hoà tan vào bóng tối không đáy của không gian. Mặt Trời và hạt bụi nhỏ xíu là Trái Đất tồn tại chính ở một đường rìa cũng như thế của thiên hà chúng ta, và nhờ sức mạnh của kiến thức mà hạt bụi ấy liên kết với vô số thế giới có người ở, xoè rộng đôi cánh của tư tưởng loài người vượt lên trên sự vĩnh cửu của vũ trụ.

Mơ-ven Ma-xơ (Mwen Mass) chuyển cần máy, chiếu lên màn ảnh hình thiên hà NGK 4594 thuộc chòm Thất Nữ. Thiên hà này bao giờ cũng khiến anh quan tâm hơn cả. Nó cũng là thiên hà được nhìn thấy trong mặt phẳng xích đạo. Nó cách ta mười triệu pác-xéc, nom giống một thấu kính dày chói rục bị bao phủ dưới một lớp khí sáng. Một dải dày màu đen cắt ngang thấu kính dọc theo quỹ đạo: đó là một đám vật chất tối. Ta có cảm giác thiên hà này là ngọn đèn lồng bí ẩn dưới đáy vực thẳm.

Có những thế giới nào ẩn náu ở đó, trong luồng bức xạ⁽¹⁾ tổng hợp của thiên hà, loại bức xạ chói lọi hơn các thiên hà khác, tính trung bình đạt tới lớp quang phổ F⁽²⁾. Trong thiên hà có những hành tinh hùng mạnh có người ở hay không, và phải chăng tư tưởng của những sinh vật có lí trí ở đây cũng đang ráo riết tìm hiểu những bí mật của thiên nhiên như ở Trái Đất chúng ta?

Nghĩ tới tình trạng hoàn toàn im hơi lặng tiếng của các đảo sao khổng lồ, Mơ-ven Ma-xơ siết chặt hai nắm tay. Anh hiểu tất cả sự ghê gớm của khoảng cách: ánh sáng đi tới thiên hà ấy mất ba mươi hai triệu năm. Thời gian cần có để trao đổi thông tin là sáu mươi tư triệu năm.

Mơ-ven Ma-xơ lục lọi các cuộn dây, và trên màn ảnh bừng lên một vệt sáng rục, to, tròn ở giữa những ngôi sao thưa thớt, mờ nhạt. Một dải đen không đều đặn cắt ngang vệt sáng, càng làm nổi bật thêm những khối lửa sáng rục ở hai phía. Dải đen phình rộng ở hai đầu và che lấp vành khí cháy rộng lớn đánh đai lấy vệt sáng. Đây là hình ảnh những thiên hà va chạm nhau trong chòm Thiên Nga mà người ta đã chụp được nhờ những mảnh lối kĩ thuật khôn khéo lạ thường. Đã từ lâu, người ta biết rằng sự va chạm như thế của những thiên hà khổng lồ có kích thước bằng tinh vân Tiên Nữ của chúng ta, chính là nguồn bức xạ ra-đi-ô có lẽ là mạnh nhất trong phần vũ trụ mà chúng ta biết được. Những luồng khí khổng lồ chuyển động nhanh, làm

⁽¹⁾ *Bức xạ*: sóng điện từ phát ra từ một vật. Ở đây là sóng điện từ của thiên hà.

⁽²⁾ *Quang phổ F*: dải sáng nhiều màu thu được khi phân tích chùm ánh sáng phức tạp bằng một dụng cụ thích hợp. Lớp quang phổ F ở đây có bước sóng 486 134 nm.

sinh ra những trường điện từ⁽¹⁾ có công suất mạnh ghê gớm, đến nỗi mọi xó xỉnh của vũ trụ đều nhận được tin về thảm hoạ kinh khủng. Bản thân vật chất gửi các tín hiệu ghê rợn ấy đi bằng một trạm ra-đi-ô có công suất một tỉ tỉ ki-lô-oát. Nhưng khoảng cách đến các thiên hà lớn đến nỗi bức hình ngời sáng trên màn ảnh cho biết tình trạng của chúng cách đây nhiều triệu năm. Còn về việc hiện giờ các thiên hà đi qua nhau như thế nào thì chúng ta chỉ có thể thấy được sau một số năm lâu đến nỗi không rõ là đến lúc ấy thì loài người có còn tồn tại được nữa không.

Mơ-ven Ma-xơ chồm dậy và chống mạnh hai tay vào cái bàn đồ sộ, khiến các khớp xương kêu răng rắc.

Thời hạn truyền tin lâu hàng triệu năm, hàng chục ngàn thế hệ nối tiếp nhau cũng chưa chờ đợi nổi, điều đó có nghĩa là “không bao giờ”, dù là đối với hậu thế xa xôi nhất. Thật là tai hại đối với ý thức. Nhưng, có thể trừ khử điều tai hại ấy bằng chiếc đĩa thần. Chiếc đĩa thần ấy là phát minh của Ren Bô-dơ (Ren Boze) và thí nghiệm chung của họ. Những điểm xa vô tận của vũ trụ sẽ nằm trong tầm tay với.

(I. A. E-pho-rê-mốp, *Tinh vân Tiên Nữ*, Phạm Mạnh Hùng dịch, NXB Lao động, Hà Nội, 1974, tr. 357 – 360)

ĐỌC MỞ RỘNG

1 Tìm đọc một số câu tục ngữ, truyện ngụ ngôn và truyện khoa học viễn tưởng. Ghi vào nhật kí đọc sách những thông tin và ý tưởng cơ bản từ các văn bản đã đọc.

2 Trao đổi với các bạn về:

- Hiểu biết, kinh nghiệm mà em rút ra được từ những câu tục ngữ đã đọc và số lượng câu, chữ; vẫn trong các câu tục ngữ đó.
- Bài học cuộc sống được thể hiện trong truyện ngụ ngôn đã đọc và một số điểm đáng chú ý về cốt truyện, nhân vật, tình huống,... của truyện ngụ ngôn đó.
- Thế giới viễn tưởng và một số điểm đáng chú ý về không gian, thời gian, cốt truyện, nhân vật, tình huống,... trong truyện khoa học viễn tưởng đã đọc.

⁽¹⁾ Trường điện từ: một loại trường trong vật lí.

BÀI 8

TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH

Đi một ngày đàng, học một sàng khôn.

(Tục ngữ)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Hằng ngày, chúng ta thường chứng kiến hoặc tham dự những sự kiện diễn ra trong gia đình, ở nhà trường, ngoài xã hội. Lại có khi ta phải tự giải quyết những điều xảy ra với bản thân. Tất cả đều có thể gợi lên trong ta những cảm xúc, suy nghĩ, từ đó, ta có thể rút ra bài học bổ ích. Những trải nghiệm có ý nghĩa như vậy giúp ta ngày càng trưởng thành hơn.
- Trong bài học này, em sẽ được tiếp xúc với một số văn bản nghị luận bàn về những vấn đề của cuộc sống. Việc đọc văn bản giúp em củng cố những kiến thức về đặc trưng của văn bản nghị luận, nhờ đó, dần dần em biết cách tự đọc và thực hành viết văn bản nghị luận theo yêu cầu. Văn bản thơ kết nối về chủ đề giúp em thấy rõ hơn sự khác nhau giữa văn bản nghị luận và văn bản văn học khi viết về trải nghiệm và sự trưởng thành của con người.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.
- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản.
- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thuật ngữ.
- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.
- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.
- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Các vấn đề được bàn trong văn bản nghị luận

Mọi vấn đề của đời sống xã hội, văn học, nghệ thuật, khoa học,... đều có thể được nêu ra để bàn trong văn bản nghị luận. Văn bản nghị luận có giá trị phải chọn được vấn đề đáng quan tâm, có ý nghĩa với nhiều người. Trước một vấn đề, có thể có nhiều ý kiến khác nhau.

Mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận

Văn bản nghị luận bao giờ cũng thể hiện ý kiến của người viết. Sức thuyết phục của ý kiến phụ thuộc vào việc dùng lí lẽ và bằng chứng. Mỗi ý kiến thường được làm rõ bằng một số lí lẽ, mỗi lí lẽ được củng cố bởi một số bằng chứng. Ý kiến cần mới mẻ, lí lẽ cần sắc bén, bằng chứng cần xác thực, tiêu biểu, và tất cả những yếu tố đó phải có mối liên hệ với nhau, tạo thành một hệ thống chặt chẽ.

Biện pháp liên kết

Sự gắn kết giữa các câu trong đoạn văn hoặc giữa các đoạn trong văn bản được thể hiện bằng nhiều biện pháp (phép) liên kết, gắn với những phương tiện (từ ngữ) liên kết cụ thể, chẳng hạn: *phép nối* (từ ngữ nối), *phép thế* (đại từ, từ ngữ đồng nghĩa), *phép lặp* (lặp lại từ ngữ đã có trong câu trước, đoạn trước),...

Thuật ngữ

Thuật ngữ là từ ngữ dùng để chỉ các khái niệm của một số lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học.

Nghĩa của thuật ngữ là nghĩa quy ước trong phạm vi hẹp của lĩnh vực chuyên môn hoặc khoa học chuyên ngành.

Nhờ sử dụng chính xác và hợp lí các thuật ngữ, văn bản có được tính chuyên môn cao và cách biểu đạt hàm súc, tạo thuận lợi cho những cuộc trao đổi, thảo luận bổ ích xung quanh nội dung của văn bản.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Bản đồ dẫn đường*, Đa-ni-en Gốt-li-ép (Daniel Gottlieb)

VĂN BẢN 2. *Hãy cầm lấy và đọc*, Huỳnh Như Phương

VĂN BẢN 3. *Nói với con*, Y Phương

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Vì sao khách du lịch thường chuẩn bị một tấm bản đồ trước khi đến một miền đất lạ?
2. Đến với tương lai, mỗi người phải tự tìm cho mình một “con đường” hay đã có “con đường” do ai đó vạch sẵn?

ĐỌC VĂN BẢN

Bản đồ dẫn đường

ĐA-NI-EN GỐT-LI-ÉP⁽¹⁾

Sam thương yêu,

Có một người đàn ông nọ, một hôm vì có việc nên trở về nhà khi trời đã khuya. Oái oăm thay, sau khi về tới nhà, ông mới phát hiện đã để quên chìa khoá nhà tại công ti, nên đành lom khom tìm kiếm chiếc chìa khoá dự phòng⁽²⁾. Nhìn thấy ông loay hoay cạnh ngọn đèn đường, người hàng xóm nhà bên cũng ra tìm giúp. Chẳng mấy chốc, lại thêm vài người hàng xóm nữa gia nhập “đội tìm kiếm”, nhưng chiếc chìa khoá vẫn không thấy đâu.

Một lúc lâu sau, một người hỏi ông đã nhìn thấy chiếc chìa khoá lần cuối cùng là ở đâu.

– Tôi thấy cạnh cửa ra vào ấy! – Ông trả lời.

Người hàng xóm ngạc nhiên:

– Vậy tại sao ông lại tìm dưới ngọn đèn đường?

– Bởi vì ở nơi này tôi nhìn thấy rõ hơn!

Sam, ông chợt nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn này khi nghĩ tới những tấm bản đồ dẫn đường cho chúng ta. Rất nhiều khi chúng ta tìm kiếm câu trả lời nơi sáng sủa, trong khi cái chúng ta cần là phải bước vào bóng tối.

Tấm bản đồ dẫn đường là cách nhìn về cuộc đời này, bao gồm cả cách nhìn về con người. Thường thì cách nhìn này được truyền từ bố mẹ cho chúng ta,

Theo dõi

Văn bản được mở đầu bằng cách kể lại một câu chuyện có tính chất ngụ ngôn.

Theo dõi

Cách giải thích hình ảnh “tấm bản đồ dẫn đường”.

⁽¹⁾ Đa-ni-en Gốt-li-ép sinh năm 1946, người Mỹ, là nhà tâm lý học thực hành, bác sĩ điều trị tâm lý gia đình đồng thời là chuyên gia sức khoẻ tâm thần. Ông đã viết nhiều cuốn sách đúc kết kinh nghiệm hơn 30 năm nghiên cứu và tư vấn tâm lý: *Tiếng nói của xung đột* (2001), *Những bức thư gửi cháu Sam* (2006), *Tiếng nói trong gia đình* (2007), *Học từ trái tim* (2008),... *Bản đồ dẫn đường* được trích từ cuốn sách *Những bức thư gửi cháu Sam*.

⁽²⁾ Dự phòng: chuẩn bị sẵn, để phòng tình huống không hay xảy ra sẽ dùng đến.

rồi qua năm tháng, được điều chỉnh theo từng hoàn cảnh sống, theo tôn giáo hay từ những kinh nghiệm của chính bản thân chúng ta. Một tấm bản đồ có thể cảnh báo: *“Cuộc đời này hết sức hiểm nguy, phải chiến đấu hết sức mới mong sống sót”*, trong khi tấm bản đồ khác thì hướng dẫn: *“Bản chất của con người đều tốt cả. Càng thân thiết với nhiều người bao nhiêu càng tốt cho bản thân ta bấy nhiêu!”*.

Cháu thấy đây, những tấm bản đồ này chỉ dẫn người ta đi theo những con đường khác nhau như thế nào. Hãy thử so sánh tấm bản đồ định hướng: *“Cuộc sống chỉ toàn những chuỗi lo âu, đau khổ, còn niềm vui thì hiếm hoi và dễ dàng vụt mất như cánh chim trời!”* với tấm bản đồ chỉ dẫn: *“Cuộc sống là một món quà quý mà chúng ta phải trân trọng”*. Với hai quan điểm khác nhau này, thì dù điều kiện sống của hai người ấy có giống nhau như thế nào đi nữa, cảm nhận của họ về cuộc sống lại rất khác biệt.

Sam à, tấm bản đồ này còn bao gồm cả cách nhìn nhận về bản thân chúng ta nữa. Tôi có phải là người đáng yêu? Tôi có giàu có, có thông minh? Tôi có quá yếu đuối và dễ dàng bị người khác làm cho tổn thương? Khi gặp khó khăn, tôi sẽ gục ngã, hay chiến đấu một cách ngoan cường?

Từng câu trả lời cho những câu hỏi trên sẽ là từng nét vẽ tạo nên hình dáng tấm bản đồ mà chúng ta mang theo trong tâm trí mình. Chính tấm bản đồ này quyết định cách nhìn của chúng ta đối với cuộc sống, với mọi người và với chính bản thân mình. Nó cũng mang ý nghĩa quyết định đối với những thành bại của chúng ta trong cuộc sống.

Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào? Ông sẽ kể cho cháu nghe tấm bản đồ của ông. Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy. Bà vẫn hay nói với ông rằng để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác. Bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó.

Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông. Những gì ông thấy không giống như lời bố mẹ ông nói. Ông cảm thấy yêu mến và tin tưởng tất cả mọi người xung quanh. Ông thấy cuộc sống là chốn bình yên và an toàn. Kết quả là ông nhận ra mình khác biệt với chính gia đình mình. Chưa bao giờ ông cảm thấy tự tin với quan điểm của mình, bởi gia đình ông luôn cho rằng quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm. Mỗi khi ông và mẹ trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ dễ thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: *“Cứ chờ mà xem!”*.

Theo dõi

Vai trò của “tấm bản đồ” đối với đường đời của con người.

Theo dõi

Những khó khăn của “ông” khi tìm kiếm “tấm bản đồ” cho mình.

Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc. Ông không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. [...] Ông cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và không bền vững. Không giống như người đàn ông trong câu chuyện ngụ ngôn ở trên, thậm chí ông còn không có một ngọn đèn đường nào để đứng cạnh mà tìm kiếm.

Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ dẫn đường của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. Nhưng không phải vậy đâu Sam à. Nó không có thay đổi gì đáng kể cho đến sau vụ tai nạn. Nằm trên giường tĩnh tâm⁽¹⁾ một thời gian dài, ông đã được rất nhiều người đến thăm. Ông bắt đầu đi vào bóng tối để tìm hiểu xem mình là ai và ý nghĩa của cuộc sống là gì.

Sam, cách duy nhất để tìm một bản đồ khác, đó là sẵn sàng tìm kiếm trong bóng tối. Cháu cũng cần phải tìm kiếm bản đồ cho chính mình. Không nhất thiết phải là tấm bản đồ cháu đã được trao sẵn, hay tấm bản đồ giống hệt bố mẹ mình, mà là tấm bản đồ cháu tự vẽ nên bằng chính kinh nghiệm của mình.

Ông hi vọng rằng, một ngày nào đó, cháu có thể đối mặt với cuộc đời mình một cách hiên ngang, mạnh mẽ, bởi cháu đã có tất cả những điều cháu cần trong tấm bản đồ dẫn đường của mình.

Theo dõi

Cách kết thúc văn bản.

*Yêu cháu,
Ông ngoại của cháu*

(Đa-ni-en Gôt-li-ép, *Những bức thư gửi cháu Sam, Thông điệp cuộc sống*,
Minh Trâm – Hoa Phượng – Ngọc Hân dịch,
NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2012, tr. 229 – 233)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu tác dụng của cách mở đầu văn bản bằng việc kể lại câu chuyện có tính chất ngụ ngôn.
2. Từ cách tìm chìa khoá rất kì khôi của người đàn ông trong câu chuyện, tác giả liên hệ đến vấn đề gì?

⁽¹⁾ *Tĩnh tâm*: giữ cho lòng mình thanh thản, không xao xuyến, xúc động.

3. Trong văn bản, tác giả lí giải về hai khía cạnh của hình ảnh ẩn dụ “tấm bản đồ”. Khi bàn về hai khía cạnh đó, tác giả dùng những lí lẽ và bằng chứng nào để thuyết phục người đọc?
4. *Cháu biết không, tấm bản đồ của ông lúc ấy thật sự bế tắc* – “ông” đã tâm sự với “cháu” như vậy. Theo em, vì sao “ông” bế tắc trong việc tìm kiếm tấm bản đồ của riêng mình? Kinh nghiệm ấy của “ông” có thể giúp “cháu” rút ra được bài học gì?
5. Trong hai ý kiến khác nhau sau đây, em tán đồng ý kiến nào? Vì sao?
 - a. *Cuộc sống chỉ toàn những chuỗi lo âu, đau khổ, còn niềm vui thì hiếm hoi và dễ dàng vụt mất như cánh chim trời!*
 - b. *Cuộc sống là một món quà quý mà chúng ta phải trân trọng.*
6. Đọc lời khuyên của “ông” dành cho “cháu” ở phần cuối văn bản, em rút ra điều gì cho bản thân?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Trên “con đường” đi tới tương lai của bản thân, “tấm bản đồ” có vai trò như thế nào? Hãy trả lời câu hỏi trên bằng một đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu).

Thực hành tiếng Việt

MẠCH LẠC VÀ LIÊN KẾT (BIỆN PHÁP LIÊN KẾT VÀ TỪ NGỮ LIÊN KẾT)

Đọc hai đoạn văn sau và thực hiện các nhiệm vụ ở dưới:

Đoạn thứ nhất: (1) *Sam, bản đồ dẫn đường của cháu như thế nào?* (2) *Ông sẽ kể cho cháu nghe tấm bản đồ của ông.* (3) *Khi ông còn nhỏ, mẹ ông luôn nhìn cuộc đời này như một nơi đầy hiểm nguy.* (4) *Bà vẫn hay nói với ông rằng để tồn tại, ông phải luôn đề phòng, phải luôn cảnh giác.* (5) *Bố của ông cũng phần nào đồng ý với quan điểm đó.*

Nhận biết một số biện pháp liên kết và từ ngữ liên kết

Mỗi biện pháp (phép) liên kết thường sử dụng những từ ngữ liên kết tương ứng. Sau đây là một số biện pháp (phép) liên kết và phương tiện (từ ngữ) liên kết thông dụng:

● Phép nối

Câu sau có từ ngữ nối biểu thị quan hệ với câu trước. Ví dụ:

*Có lẽ cháu nghĩ rằng tấm bản đồ dẫn đường của ông sau đó đã trở nên rõ ràng hơn, khi ông đã trưởng thành. **Nhưng** không phải vậy đâu Sam à.*

(Đa-ni-en Gốt-li-ép, *Bản đồ dẫn đường*)

Đoạn thứ hai: (1) *Nhưng quan điểm ấy dường như không phù hợp với ông.* (2) *Những gì ông thấy không giống như lời mẹ ông nói.* (3) *Ông cảm thấy yêu mến và tin tưởng tất cả mọi người xung quanh.* (4) *Ông thấy cuộc đời là chốn bình yên và an toàn.* (5) *Kết quả là ông nhận thấy mình khác biệt với chính gia đình mình.* (6) *Chưa bao giờ ông cảm thấy tự tin với quan điểm của mình, bởi gia đình ông luôn cho rằng quan điểm đó là hoàn toàn sai lầm.* (7) *Mỗi khi ông và mẹ trò chuyện về một người nào đó và ông khen ngợi họ để thương, tốt bụng, thế nào mẹ ông cũng ngán ngẩm: “Cứ chờ mà xem!”.*

1. Em hãy tóm lược ý của từng đoạn văn trong một câu và cho biết nhờ tính chất gì của hai đoạn văn mà em tóm lược được như vậy.

2. Chỉ ra phương tiện liên kết các câu trong đoạn thứ nhất và các câu trong đoạn thứ hai.

3. Câu nào có tác dụng liên kết đoạn thứ hai với đoạn thứ nhất? Những phương tiện liên kết nào được sử dụng trong câu đó?

4. Em thử đổi vị trí các câu trong đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai theo một trật tự bất kì, chẳng hạn 2, 4, 1, 5, 3 (đoạn thứ nhất) và 7, 3, 4, 6, 1, 5, 2 (đoạn thứ hai). Hãy đọc lại các câu theo trật tự đã thay đổi và rút ra nhận xét.

5. Hai đoạn văn trên sắp xếp đúng trật tự trong văn bản. Em thử hoán đổi vị trí hai đoạn cho nhau và rút ra nhận xét.

Nhờ sử dụng từ nối *nhưng*, người viết đã tạo ra sự liên kết chặt chẽ giữa hai câu liền nhau.

● Phép thế

Câu sau có từ ngữ dùng để thay thế cho từ ngữ đã xuất hiện ở câu trước. Ví dụ:

*Hai mươi tuổi, **chàng thanh niên Lỗ Tấn** du học ở Nhật. **Ông** theo học ngành Y.*

(Đoàn Công Lê Huy, *Câu chuyện về con đường*)

Từ *ông* ở câu sau thay cho cụm từ *chàng thanh niên Lỗ Tấn* ở câu trước đó, có tác dụng liên kết hai câu với nhau.

● Phép lặp

Câu sau lặp lại từ ngữ của câu trước, có tác dụng liên kết. Ví dụ:

*Cháu biết không, tấm bản đồ của **ông** lúc ấy thật sự bế tắc. **Ông** không biết có phải mình là người quá ngây thơ, khờ khạo hay không. [...] **Ông** cảm thấy mặt đất dưới chân mình sao mà bấp bênh và không bền vững.*

(Đa-ni-en Gôt-li-ép, *Bản đồ dẫn đường*)

Các câu liên kết với nhau nhờ lặp lại từ *ông*.

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Nêu một câu danh ngôn nói về sách hoặc về việc đọc sách mà em cho là có ý nghĩa.
2. Em thích đọc loại sách nào? Em đã từng thu nhận được điều gì bổ ích sau khi đọc một cuốn sách?

ĐỌC VĂN BẢN

Hãy cầm lấy và đọc

HUỲNH NHƯ PHƯƠNG⁽¹⁾

Tương truyền⁽²⁾ rằng hồi còn trẻ, một lần Thánh Au-gu-xtinh⁽³⁾ (Augustine) ngồi cô đơn và tĩnh lặng trong vườn, lắng nghe bên tai giọng nói thầm thì của một em bé: “Hãy cầm lấy và đọc!”⁽⁴⁾. Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một điệp khúc. Từ hôm đó, được thúc đẩy bởi một sứ mệnh⁽⁵⁾ có tính chất mặc khải⁽⁶⁾, ông đi sâu nghiên cứu triết học, và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời trung đại⁽⁷⁾.

Vượt qua tính chất huyền bí của câu chuyện ấy, “Hãy cầm lấy và đọc” trở thành lời mời gọi trân trọng người ta đọc một cuốn sách. “Hãy cầm lấy và đọc” có thể xem là một thông điệp⁽⁸⁾: hãy tiếp xúc trực tiếp với một cuốn sách, hãy tự trải nghiệm mà không bước qua một trung gian nào. Cùng với thức ăn để duy trì sự sống của cơ thể, con người cũng cần thức ăn nuôi dưỡng tinh thần. Đọc là một cách nạp năng lượng cho sự sống tinh thần. Người tuyệt thực⁽⁹⁾, không ăn uống, có thể chết. Người không đọc, không xem, không nghe cũng có thể “chết”, cái chết dần dần, êm ái, không dễ nhận ra.

“Em hãy cầm lấy và đọc”, đó là lời nói tin cậy của thầy giáo khi trao cho học trò một cuốn sách quý. “Con hãy cầm lấy và đọc”, đó là câu nói thân thương của người cha, người mẹ khi đưa cho con món quà có ý nghĩa nhất.

Theo dõi

Câu chuyện kết nối như thế nào với vấn đề nghị luận?

Theo dõi

Lí lẽ và bằng chứng nào được dùng để khẳng định vai trò của sách trong thế giới hiện đại?

⁽¹⁾ Huỳnh Như Phương sinh năm 1955, quê ở Quảng Ngãi, là giảng viên đại học, nhà nghiên cứu phê bình văn học. Tác phẩm chính: *Dẫn vào tác phẩm văn chương* (1986); *Trường phái Hình thức Nga* (2007); *Những nguồn cảm hứng trong văn học* (2008); *Hãy cầm lấy và đọc* (2016); *Giấc mơ, cảnh tượng và cái nhìn* (2019);...

⁽²⁾ *Tương truyền*: truyền miệng cho nhau trong dân gian từ đời nọ đến đời kia.

⁽³⁾ *Thánh Au-gu-xtinh* (354 – 430): nhà thần học và triết học lớn ở châu Âu thời trung đại.

⁽⁴⁾ Nguyên văn tiếng Latinh: *Tolle et lege!*

⁽⁵⁾ *Sứ mệnh*: nhiệm vụ quan trọng, được coi là thiêng liêng.

⁽⁶⁾ *Mặc khải*: một khả năng đặc biệt được Chúa ban cho, nhờ đó, có thể nhận biết trong khoảnh khắc những điều mà người bình thường không thể biết (quan niệm của Thiên Chúa giáo).

⁽⁷⁾ *Trung đại*: thời Trung cổ ở các nước châu Âu và thời phong kiến ở một số nước phương Đông.

⁽⁸⁾ *Thông điệp*: điều công khai gửi đến mọi người.

⁽⁹⁾ *Tuyệt thực*: nhịn ăn để thể hiện thái độ phản kháng.

“Bạn hãy cầm lấy và đọc”, đó là lời sẻ chia của một người bạn muốn giới thiệu cho ta một cuốn sách hay.

Không phủ nhận vai trò ngày càng tăng của các phương tiện nghe nhìn trong thế giới hiện đại, chúng ta vẫn thấy rằng đọc là một nhu cầu không thể thiếu của con người. Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hoá của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước. Chữ kích thích trí tưởng tượng của người đọc, không bị cố định hoá⁽¹⁾ trong một khuôn khổ, hình thể nào.



Chữ gọi lên những tư duy hồi đáp, hô ứng hay phản biện⁽²⁾. Chữ là cầu nối những thể hệ cách xa nhau trong lịch sử, những không gian văn hoá khác nhau, những tâm lòng chưa thông hiểu nhau, thậm chí còn nghi kị nhau.

Trang giấy và chữ in có sức hấp dẫn và sự kì diệu của nó. Chỉ là giấy và mực mà nó chứa đựng cả thế giới, phơi bày những bí ẩn của thiên nhiên, vũ trụ, xã hội và con người. Đọc sách là đọc thế giới và đọc cả tâm hồn con người. Đọc sách là đọc tha nhân⁽³⁾ và đọc chính bản thân ta. Nhờ đọc sách mà ta hiểu đời, hiểu người và hiểu chính mình.

Có những cuốn sách khiến ta thất vọng, hụt hẫng. Nhưng không ít cuốn sách làm ta hạnh phúc, hồi hộp và mê đắm. Đọc một cuốn sách hay như bị cuốn vào một nỗi say mê, một niềm khoái cảm. Hành động đọc là cả một cuộc khám phá và chinh phục. Một nền giáo dục mà không khuyến khích và kích thích công chúng đọc sách là một nền giáo dục phiến diện, có thể sản sinh ra những người nông cạn về tinh thần, “những con người một chiều kích” như Hơ-bớt Mác-kiu-do⁽⁴⁾ (Herbert Marcuse) đã nói.

Thời nay, với sự xuất hiện của in-to-nét và sách điện tử, cách đọc cũng đa dạng: đọc không chỉ là nhìn vào trang giấy và chữ in mà còn là nhìn vào màn hình chiếu sáng. Đó là thành tựu của văn minh nhân loại. Câu nói “Hãy cầm lấy và đọc” có thể chỉ còn ý nghĩa tượng trưng, thay vào đó là “Hãy nhìn vào mà đọc”... Dẫu bằng cách nào, điều quan trọng là trí tuệ và tâm tư ta gắn liền với ngôn ngữ, nhờ tiếng nói và chữ viết (cả sách nói và sách chữ nổi dành cho người khiếm thị) mà đánh thức những giá trị tinh thần.

⁽¹⁾ *Cố định hoá*: làm cho giữ nguyên trạng thái, không thay đổi.

⁽²⁾ *Phản biện*: đánh giá theo một góc nhìn khác (nghĩa trong văn bản).

⁽³⁾ *Tha nhân*: người khác.

⁽⁴⁾ *Hơ-bớt Mác-kiu-ơ* (1898 – 1979): nhà triết học, xã hội học người Đức.

Lâu nay, chúng ta thường được nghe báo động về sự sa sút của văn hoá đọc. Giải quyết tình trạng này, cần phải tính đến cả hai phương diện: chủ thể đọc và đối tượng đọc, nghĩa là phải có người ham đọc và có sách hay để đọc, hai điều này tác động qua lại với nhau. Nếu chỉ có những cuốn sách dở thì hiển nhiên người đọc sẽ hờ hững. Ngược lại, nếu người đọc không được chuẩn bị nền tảng văn hoá cần thiết thì dù sách hay bao nhiêu vẫn là vô ích.

[...] Sách sinh ra không phải để được trưng bày, khoe của hay làm dáng. Sách cũng không nên trở thành một cổ vật rêu phong. Sách là để “lần giở trước đèn”.

Tolle et lege. Xin hãy cầm lấy và đọc.

(Theo Huỳnh Như Phương, *Hãy cầm lấy và đọc*, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 13 – 16)

Phân tích

Làm cách nào để khắc phục sự sa sút của văn hoá đọc?

Suy luận

Cách kết văn bản có gì độc đáo?

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Văn bản tập trung bàn về vấn đề gì? Dựa vào đâu em nhận biết được điều đó?
2. Tóm lược một số ý kiến được tác giả lần lượt trình bày trong văn bản.
3. Chỉ ra câu văn thể hiện cách lí giải của tác giả về thông điệp “Hãy cầm lấy và đọc”. Em có đồng ý với cách lí giải đó không? Vì sao?
4. Tác giả đã dùng những lí lẽ và bằng chứng nào để khẳng định trong thế giới hiện đại, khi các phương tiện nghe nhìn phát triển không ngừng, con người vẫn cần phải đọc sách?
5. Theo tác giả, cần có những điều kiện gì để giải quyết tình trạng sa sút của văn hoá đọc hiện nay? Em có tán thành với ý kiến của tác giả về vấn đề này không? Vì sao?
6. Từ nội dung văn bản *Hãy cầm lấy và đọc*, theo em, có thể xem đọc sách là một kiểu trải nghiệm được không? Vì sao?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) với chủ đề: *Sách là để đọc, không phải để trưng bày.*

THUẬT NGỮ

1 Chỉ ra thuật ngữ trong những câu sau và cho biết dựa vào đâu em xác định như vậy.

a. *Sam, ông chợt nhớ lại câu chuyện ngụ ngôn này khi nghĩ tới những tấm bản đồ dẫn đường cho chúng ta.*

b. *Từ hôm đó, được thúc đẩy bởi một sứ mệnh có tính chất mạo hiểm, ông đi sâu nghiên cứu triết học, và trở thành nhà tư tưởng hàng đầu của thời trung đại.*

c. *Con chữ trên trang sách hàm chứa văn hoá của một dân tộc, mang hồn thiêng của đất nước.*

d. *Thời nay, với sự xuất hiện của in-tơ-nét và sách điện tử, cách đọc cũng đa dạng: đọc không chỉ là nhìn vào trang giấy và chữ in mà còn nhìn vào màn hình chiếu sáng.*

2 Hãy tra từ điển hoặc các loại tài liệu thích hợp để tìm hiểu nghĩa của các thuật ngữ đã tìm được ở bài tập 1.

3 Trong các từ ngữ in đậm ở những cặp câu dưới đây, trường hợp nào là thuật ngữ, trường hợp nào là từ ngữ thông thường? Cho biết căn cứ để xác định như vậy.

Nhận biết đặc điểm và chức năng của thuật ngữ

- Thuật ngữ là từ hoặc cụm từ cố định, được sử dụng theo quy ước của một lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học nhất định. Có nhiều trường hợp, ngay sau thuật ngữ đã được dịch ra tiếng Việt, người ta còn ghi thêm thuật ngữ gốc trong tiếng Anh, tiếng Pháp,... (để trong ngoặc đơn).

- Muốn hiểu nghĩa của thuật ngữ, cần tìm đến *Bảng tra cứu thuật ngữ* đặt ở phía sau cuốn sách (nếu có) hoặc đọc các từ điển chuyên ngành. Việc suy đoán nghĩa của thuật ngữ dựa vào ngữ cảnh hay ghép nối nghĩa của từng yếu tố cấu tạo rất dễ dẫn tới tình trạng hiểu sai thuật ngữ.

- Có những từ ngữ khi thì được dùng với tư cách là một thuật ngữ, khi lại được dùng như một từ ngữ thông thường. Ví dụ:

– *Muối là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc acid.*

Trong trường hợp này, **muối** là thuật ngữ, chỉ một loại hợp chất hoá học.

– *Canh còn hơi nhạt, con thêm tí **muối** nữa đi.*

Muối ở đây là một từ thông dụng, chỉ một loại gia vị trong thực phẩm.

- Có những thuật ngữ đôi khi được dùng như từ ngữ thông thường. Ví dụ:

– ***Ẩn số** của phương trình này là một số thập phân.*

Ẩn số ở đây là một thuật ngữ toán học, có nghĩa: “số chưa biết”.

– *Liệu con vi-rút này có biến thể nào khác hay không vẫn còn là một **ẩn số**.*

Trong câu này, **ẩn số** là từ thông dụng, có nghĩa: “điều chưa ai biết rõ”.

Muốn xác định được một từ ngữ có phải là thuật ngữ hay không, cần phải dựa vào ngữ cảnh mà nó xuất hiện.

a. Cặp câu thứ nhất:

– Câu nói ấy lặp đi lặp lại như một **điệp khúc**.

– Trong một bài hát hay bản nhạc, phần được lặp lại nhiều lần khi trình diễn gọi là **điệp khúc**.

b. Cặp câu thứ hai:

– Trong thời đại ngày nay, con người đã biết tận dụng các nguồn **năng lượng**.

– Đọc sách là một cách nạp **năng lượng** cho sự sống tinh thần.

c. Cặp câu thứ ba:

– Cháu biết không, tấm **bản đồ** của ông lúc ấy thật sự bế tắc.

– **Bản đồ** là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ.

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Nói với con

Y PHƯƠNG⁽¹⁾

Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng minh⁽²⁾ yêu lắm con ơi
Đan lờ⁽³⁾ cài nan hoa
Vách nhà ken⁽⁴⁾ câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.



⁽¹⁾ Y Phương (1948 – 2022) quê ở Cao Bằng. Thơ Y Phương thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ, phóng khoáng, in đậm màu sắc văn hoá vùng đất quê ông. Một số tập thơ tiêu biểu của Y Phương: *Nói với con* (1980), *Người núi Hoa* (1982), *Tiếng hát tháng Giêng* (1986), *Đàn then* (1996), *Vũ khúc Tày* (2015),...

⁽²⁾ *Người đồng minh*: người vùng mình, người quê mình.

⁽³⁾ *Lờ*: một loại dụng cụ được đan bằng những nan tre vót tròn, dùng để bắt cá.

⁽⁴⁾ *Ken*: làm cho kín hết, không còn chỗ hở, chỗ trống. *Ken* ở đây được dùng với nghĩa bóng bẩy.

Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung⁽¹⁾ không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.

(Nguyễn Đức Nam (Chủ biên), *Thơ Việt Nam 1945 – 1985*,
NXB Giáo dục, 1987, tr. 326 – 327)

SAU KHI ĐỌC TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nói với con thể hiện tình cảm của người cha đối với con, nhưng qua đó, nhà thơ còn hướng tới những đối tượng nào khác?
2. Qua những lời tâm tình, căn dặn, người cha muốn nói với con về những điều gì?
3. Người cha đã nhìn nhận như thế nào về mối quan hệ giữa “con” với gia đình, quê hương, xứ sở? Những mối quan hệ ấy có ý nghĩa gì đối với sự trưởng thành của “con”?
4. Về đẹp tâm hồn và sức sống mãnh liệt, bền bỉ của “người đồng mình” được thể hiện như thế nào trong bài thơ? Nói về “người đồng mình”, người cha muốn nhắn gửi con điều gì?
5. Nêu cảm nhận của em về nghệ thuật của bài thơ.

⁽¹⁾ Thung (thung lũng): dải đất trũng và kéo dài nằm giữa hai sườn đồi, núi.

Viết

Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)

Trong đời sống, trước một vấn đề, thường có những ý kiến khác nhau, trong đó có thể có ý kiến khiến ta không thể đồng tình. Biết tán thành với ý kiến đúng thì cũng cần biết phản đối ý kiến sai. Nhiều trường hợp, sự phản đối được thể hiện bằng bài văn nghị luận. Để việc phản đối có sức thuyết phục, người viết văn nghị luận cần đưa ra ý kiến rõ ràng, lí lẽ sắc bén, bằng chứng tiêu biểu, xác thực, dựa trên những tiêu chuẩn chân lí được thừa nhận rộng rãi.

Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối):

- Nêu được vấn đề, làm rõ thực chất của vấn đề.
- Trình bày rõ ràng ý kiến phản đối của người viết về một quan niệm, cách hiểu khác.
- Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để chứng tỏ ý kiến phản đối là hoàn toàn có cơ sở.

Phân tích bài viết tham khảo

Việc lớn, việc nhỏ

“Tôi chỉ làm việc lớn, việc nhỏ là việc vô nghĩa, tôi không thích làm” – đây là đề tài chúng tôi sẽ thảo luận trong mục *Mỗi tuần một câu chuyện* vào chiều thứ Bảy tuần này. Cô giáo cho biết, một anh học sinh khoá trước đã “tuyên bố” như vậy trong buổi cả lớp lao động quét dọn, vệ sinh sân trường, lớp học. Tôi thực sự bị thu hút bởi đề tài cô giáo vừa nêu. Tôi biết trong lớp, không ít bạn có suy nghĩ giống như “tác giả” của câu nói trên. Theo tôi, câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm thật khó chấp nhận.

Nêu vấn đề nghị luận.

Thể hiện ý kiến không đồng tình với quan niệm.

Trước hết, muốn chỉ ra chỗ bất ổn của quan điểm trên đây, cần hiểu thế nào là *việc lớn, việc nhỏ, việc vô nghĩa* và thái độ của chúng ta trước những công việc như vậy.

Việc lớn có thể hiểu là những việc hệ trọng, đòi hỏi người ta phải dành nhiều thời gian, công sức, trí tuệ, ... để giải quyết. Đối với học sinh, việc lớn nhất là học tập nhằm chiếm lĩnh tri thức, hình thành và phát triển năng lực;

Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thể hiện sự phản đối khía cạnh thứ nhất của quan niệm.

rèn luyện thể chất để có cơ thể khỏe mạnh; trau dồi phẩm chất, trở thành con người chân chính. Trên từng bước trưởng thành, những việc lớn luôn chờ đợi chúng ta. Tốt nghiệp phổ thông, học một ngành đại học hay một nghề, ra trường có việc làm ổn định, xây đắp sự nghiệp, lo toan cuộc sống gia đình, đảm trách một nhiệm vụ trong xã hội,... tất cả đều là những việc trọng đại của đời người. Vậy, có riêng gì anh học sinh ấy, trong đời, ai mà chẳng phải làm việc lớn? Anh ấy không thể lấy cớ “bạn làm việc lớn” để né tránh những “việc nhỏ” mà anh có bổn phận phải làm, giống như mọi người.

Bên cạnh việc lớn, hằng ngày còn có bao nhiêu việc nhỏ chúng ta phải làm. Trong gia đình có những công việc ngõ rất tầm thường, nhưng không thể không làm như quét dọn nhà cửa, cọ rửa ấm chén, lau chùi bàn ghế, tưới cây, chăm sóc vật nuôi,... Đến trường, không chỉ học tập, chúng ta còn phải tham gia những việc nhỏ như dọn vệ sinh lớp học, trồng cây trong vườn trường, thu gom rác thải nhựa,... Nếu người nào cũng cho rằng mình được sinh ra chỉ để làm việc lớn thì những việc nhỏ kia sẽ đùn đẩy cho ai? Con cái không tranh thủ đỡ đần, hẳn bố mẹ phải nai lưng ra làm hết các việc sau khi đã bận rộn cả ngày ở cơ quan, trong công xưởng hay ngoài đồng ruộng. Trong lớp, mình chừa việc ra thì các bạn khác phải gánh vác. Tuyên bố rằng chỉ làm việc lớn, không làm việc nhỏ như anh bạn kia thực sự là biểu hiện của một thái độ thiếu trách nhiệm với gia đình hoặc với tập thể. Nói như thế còn là một cách biện minh cho sự biếng nhác đã thành thói quen.

Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thể hiện sự phản đối khía cạnh thứ hai của quan niệm.

Có một câu hỏi cần được trả lời: Việc nhỏ có phải là việc vô nghĩa không? Quả thật, đôi khi có người đã làm những việc không đưa lại bất cứ ích lợi gì. Không thể đánh đồng những trò tầm thường đó với những việc tuy nhỏ mà ý nghĩa lớn lao. Tôi đã đọc bài báo nói về chuyện ông Ni-nô-mi-gia (Ninomiya) – một doanh nhân người Nhật. Trong những ngày tháng làm việc ở Việt Nam, cứ mỗi sáng Chủ nhật, ông đến nhặt rác để làm sạch Hồ Gươm. Việc làm của ông Ni-nô-mi-gia có sức lan tỏa rất lớn. Từ chỗ một mình ông Ni-nô-mi-gia, thời gian sau đã có thêm hơn chục người nước ngoài cùng tham gia nhặt rác. Việc làm ấy đúng là rất nhỏ, nhưng ý nghĩa và sức tác động của nó thì không hề nhỏ chút nào.

Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để thể hiện sự phản đối khía cạnh thứ ba của quan niệm.

Càng suy nghĩ, tôi càng thấy câu nói “Tôi chỉ làm việc lớn, việc nhỏ là việc vô nghĩa, tôi không thích làm” hoàn toàn không đúng. Sự lệch lạc trong nhận thức như vậy không chỉ cản trở chúng ta thể hiện trách nhiệm

Ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

trước tập thể, cộng đồng, mà còn ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách của bản thân. Đối thoại thẳng thắn với quan điểm này là một điều hết sức cần thiết, vì có như vậy chúng ta mới phân biệt được đúng sai trong suy nghĩ, từ đó, biết cách điều chỉnh, lựa chọn hành vi phù hợp. Mọi người ai cũng có quyền nghĩ đến những việc lớn và cố gắng cao nhất để thực hiện ước mơ của mình, nhưng hãy nhớ rằng, nhiều khi chính việc lớn được bắt đầu từ những việc nhỏ. Không ít tấm gương thành đạt trong cuộc sống đã cho ta bài học ấy.

(Bài làm của học sinh, có chỉnh sửa)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

Cần quan sát thực tế diễn ra hằng ngày (trực tiếp hoặc qua các phương tiện như ti vi, báo, đài,...) để nhận thấy, trong cuộc sống hiện nay, có những quan niệm chưa đúng đắn, tác động không tốt đến đời sống cộng đồng, cần bày tỏ thái độ phản đối. Em có thể tham khảo một số ý kiến sau đây để chọn đề tài cho bài viết của mình:

- Vệ sinh trường học là trách nhiệm của những người lao công đã được nhà trường trả lương.
- Có thể bỏ qua một số môn, chỉ nên học những môn mình yêu thích.
- Tắt thiết bị điện trong Giờ Trái Đất chỉ là việc làm hình thức, không có tác dụng, vì chẳng tiết kiệm điện được bao nhiêu.
- Sách giáo khoa bố mẹ đã bỏ tiền mua, trở thành sở hữu của mình, nếu muốn, mình có thể viết, vẽ vào đó.

b. Tìm ý

Sau khi chọn được đề tài, cần tiến hành tìm ý bằng cách trả lời một số câu hỏi:

- Vấn đề gì cần bàn luận ở bài viết?

Vấn đề cần bàn luận phải được nêu ra. Có thể giải thích thêm để người đọc nắm được thực chất của vấn đề. Ví dụ, cách nêu vấn đề ở bài viết tham khảo: “*Tôi chỉ làm việc lớn, việc nhỏ là việc vô nghĩa, tôi không thích làm*” – đây là đề tài chúng tôi sẽ thảo luận trong mục “*Mỗi tuần một câu chuyện*” vào chiều thứ Bảy tuần này”.

- Trước ý kiến trái ngược với quan điểm của bản thân, cần thể hiện ý kiến của mình như thế nào?

Mục đích viết

Phản đối quan niệm, cách hiểu không đúng về một vấn đề, nhằm góp phần tạo nên một sự thay đổi tích cực trong đời sống.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những ai quan tâm đến vấn đề.

Nhận thức của người viết về tính đúng/ sai của một quan niệm, một ý kiến phải rõ ràng, dứt khoát. Nếu đúng, cần khẳng định; nếu sai, cần phản đối. Thái độ này phải được thể hiện rõ trong một ý. Ví dụ: Ở bài viết tham khảo, người viết nêu ý kiến: “*Tôi biết trong lớp, không ít bạn có suy nghĩ giống như “tác giả” của câu nói trên. Theo tôi, câu nói đó đã bộc lộ một quan điểm thật khó chấp nhận*”.

– *Làm cách nào để ý kiến của mình thuyết phục được người đọc?*

Ý kiến tán thành hay phản đối phải có cơ sở. Muốn người đọc hiểu được quan điểm của mình, cần trình bày thành ý rõ ràng, có lí lẽ và bằng chứng cụ thể, xác thực. Ví dụ, ở bài viết tham khảo, người viết đã lần lượt nêu ba ý phản đối:

+ *Trên đời, ai cũng có việc lớn, không thể lấy cơ phải làm việc lớn để trốn tránh những việc nhỏ* (lí lẽ, bằng chứng).

+ *Không làm việc nhỏ hằng ngày trong gia đình và ở lớp học là biểu hiện của thái độ thiếu trách nhiệm và biếng nhác* (lí lẽ, bằng chứng).

+ *Đánh đồng việc nhỏ với việc vô nghĩa để từ chối nó là điều không thể chấp nhận* (lí lẽ, bằng chứng).

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm được ở trên vào các phần của bài viết theo một trật tự hợp lí để có một dàn ý. Nhiệm vụ của từng phần được thể hiện rõ trong dàn ý.

Dàn ý

– *Mở bài:* Nêu được vấn đề nghị luận và bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề.

– *Thân bài:*

+ Ý 1. Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận.

+ Ý 2. Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng).

+ Ý 3. Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng).

– *Kết bài:* Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

2

VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần đặt dàn ý trước mặt để thường xuyên tự kiểm soát việc viết từng phần và triển khai từng ý.

– *Mở bài:* Nêu được vấn đề nghị luận. Có thể bắt đầu bằng một tình huống, một câu chuyện có liên quan hay giới thiệu trực tiếp vấn đề.

– Thân bài: Các ý chính cần được trình bày rành mạch, mỗi ý được triển khai trong một đoạn văn riêng, rõ ràng, mạch lạc; bằng chứng cụ thể, thuyết phục. Khi viết, cần chú ý mạch văn trôi chảy, kết nối các câu trong đoạn và các đoạn trong bài chặt chẽ, hợp lí. Tránh cách viết kể lể, rườm rà.

– Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của việc bàn luận, giúp người đọc suy nghĩ đúng về vấn đề để có sự thay đổi tích cực trong nhận thức và hành động.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đối chiếu bài viết với *Yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến phản đối)* và dàn ý để tự đánh giá mức độ đáp ứng của bài viết, từ đó chỉnh sửa theo các gợi ý sau:

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Nêu cụ thể vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối.	Chỉnh sửa nếu thấy vấn đề nghị luận và ý kiến cần phản đối còn mơ hồ.
Trình bày rõ sự phản đối của người viết về ý kiến vừa nêu.	Diễn đạt cho rõ nếu thấy sự phản đối chưa được thể hiện rõ ràng.
Đưa ra được lí lẽ và bằng chứng để việc phản đối ý kiến có sức thuyết phục.	Củng cố lí lẽ nếu thấy chưa vững chắc, bổ sung bằng chứng nếu thấy còn thiếu.
Nêu được ý nghĩa của việc phản đối ý kiến trái ngược về vấn đề.	Bổ sung nếu thấy chưa nêu được ý nghĩa hoặc nêu chưa rõ.
Rà soát lỗi về từ ngữ, câu, đoạn văn, liên kết các câu và các đoạn, cách trình bày bài viết.	Sửa những lỗi phát hiện được.

Nói và nghe

Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống

Trước ý kiến về một vấn đề đời sống được bàn luận (liên quan đến chủ đề *Trải nghiệm để trưởng thành*), người nghe có thể tán thành hay phản bác. Thói quen trao đổi như thế là rất cần thiết. Được tán thành, người nói sẽ thấy tự tin hơn vì những điều mình trình bày có sức thuyết phục. Gặp sự phản bác, người nói cần kiểm tra lại ý kiến của mình, biết điều chỉnh nếu thấy chưa đúng và biết cách bảo vệ nếu thấy xác đáng.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

- Nội dung nói có thể dựa vào kết quả viết ở bài 6 hoặc bài 8 này. Theo đó, cần tóm lược bài viết thành một dàn ý.
- Nắm vững vấn đề đời sống cần bàn luận và nội dung trình bày.
- Dự kiến các tình huống người nghe có thể phản bác để có phương án tiếp thu và bảo vệ ý kiến.
- Ghi nhanh một số lí lẽ, bằng chứng cần sử dụng.

b. Tập luyện

Đối với kiểu bài nói trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống, hình thức tập luyện theo nhóm là thích hợp nhất. Cả nhóm đưa ra một số vấn đề đời sống cần bàn, thay nhau thể hiện các vai nói và nghe, phản bác và bảo vệ, tiếp thu, rút kinh nghiệm về kết quả thể hiện.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

Mục đích nói

Trình bày để người nghe hiểu đúng bản chất, thấy được ý nghĩa của vấn đề đối với đời sống, từ đó lựa chọn thái độ, cách ứng xử phù hợp.

Người nghe

Thấy cô, bạn bè và những ai quan tâm đến vấn đề.

Người nói	Người nghe
a. Trình bày ý kiến về vấn đề – Nêu vấn đề, nói rõ tầm quan trọng của vấn đề trong đời sống xã hội. – Trình bày các khía cạnh để làm rõ thực chất vấn đề. – Nêu ý kiến của bản thân về vấn đề (dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người nghe).	a. Tiếp nhận và suy nghĩ về ý kiến của người nói – Tập trung lắng nghe và ghi chép các ý cơ bản của bài nói, đối chiếu với sự chuẩn bị của mình để thấy những chỗ tương đồng và khác biệt trong ý kiến. – Ghi nhanh ý kiến trao đổi.
b. Bảo vệ ý kiến trước sự phản bác của người nghe – Tóm tắt ý kiến trao đổi, giải thích lại những chỗ người nghe chưa hiểu, dùng lí lẽ và bằng chứng làm rõ tính đúng đắn của ý kiến trình bày. – Sẵn sàng trao đổi nếu người nghe tiếp tục thắc mắc, mục đích cuối cùng là để khẳng định sự xác đáng của ý kiến.	b. Nêu ý kiến trao đổi – Ý kiến cần trình bày ngắn gọn, rõ ràng, bằng câu khẳng định hoặc câu hỏi. – Theo dõi phản hồi của người nói, trao đổi lại nếu thấy chưa thoả đáng, đồng tình nếu thấy ý kiến bảo vệ có sức thuyết phục.

Người nói và người nghe cùng trao đổi để đánh giá và rút kinh nghiệm về một số mặt:

- Vấn đề đời sống được bàn luận có hấp dẫn và thiết thực không?
- Cách trình bày và cách bảo vệ ý kiến của người nói (nội dung, cách nói, giọng nói, các phương tiện phi ngôn ngữ, tính thuyết phục) đạt ở mức nào?
- Cách phản bác của người nghe (tính xác đáng của nội dung phản bác, cách nêu ý kiến phản bác, tiếp nhận ý kiến bảo vệ của người nói,...) có tác dụng tích cực với người nói không?
- Việc tổ chức thảo luận về các vấn đề đời sống, việc thể hiện rõ ràng thái độ tán thành hay phản bác những ý kiến đã phát biểu có ý nghĩa gì?

Củng cố, mở rộng

1. Những trải nghiệm trong cuộc sống có vai trò như thế nào đối với sự trưởng thành của mỗi người? (Dùng lí lẽ và bằng chứng trong các văn bản đọc để tìm câu trả lời.)
2. Chỉ ra những điểm giống nhau và khác nhau về cách nêu ý kiến, cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng giữa hai văn bản *Bản đồ dẫn đường* và *Hãy cầm lấy và đọc*.
3. Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về chủ đề *Sách – người bạn đường*.
4. Chọn trong văn bản *Bản đồ dẫn đường* một câu làm đề tài cho bài nói. Lập dàn ý bài nói và tập luyện cách trình bày.
5. Tìm đọc thêm hai văn bản nghị luận bàn về vấn đề đời sống. Ghi chép ngắn gọn thu hoạch của em đối với từng văn bản (về vấn đề được bàn luận, về cách sử dụng lí lẽ và bằng chứng).

Thực hành đọc

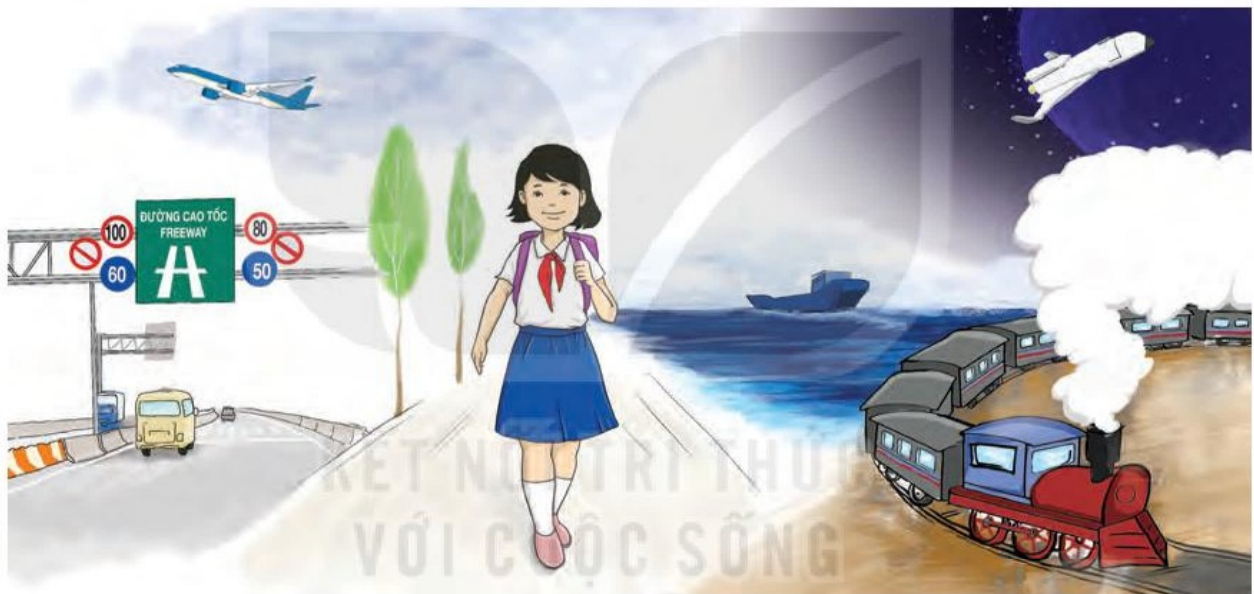
Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Những ý nghĩa phong phú của hình ảnh “con đường” và vai trò của cá nhân trong việc lựa chọn đường đi cho cuộc đời mình.
- Mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.

Câu chuyện về con đường

ĐOÀN CÔNG LÊ HUY⁽¹⁾

Không phải đợi đến lúc ngồi trước bộ hồ sơ thi đại học em mới nghĩ về con đường em đi. Con đường có ý nghĩa sớm hơn em tưởng. Ngay từ khi em còn nằm cuộn tròn trong bụng mẹ, em đã quấy đạp để khao khát ra đường. Con đường là chứng nhân đợi chờ em lớn lên. Con đường trước ngõ cũng âm thầm mà tha thiết đứng chờ em thả những bước chân chập chững rời “góc sân và khoảng trời”⁽²⁾ nhà em. Rồi đường ngõ làng tiếp tục chờ em. Đường cái quan⁽³⁾ chờ em. Giao lộ chờ em, những hải trình dài dang dặc chờ em, những đường băng quốc tế mệnh mông xừ người chờ em. Con đường là vạch xuất phát em rời tay mẹ bước đi và con đường là thước đo chân em dài đi vào tương lai.



Con đường mở ra văn minh nhân loại, là biểu tượng cho sự trưởng thành của một quốc gia. Đường bộ, đường thủy, đường ngầm trong lòng đất, đường trên cao, đường cao tốc, đường siêu tốc,... Từ đi bằng bốn chân, đến đi bằng hai chân, từ đi bằng hai chân, tay (chèo thuyền) đến đi bằng đầu óc, bằng trí tuệ (ô tô, máy bay, tàu vũ trụ,...), con người sẽ còn khám phá ra biết bao con đường mới, không một trở lực nào có thể ngăn cản được. Con đường trí tuệ bắt đầu từ những ngôi trường em đang ngồi học. Những kinh tuyến, vĩ tuyến mới, những nẻo đường ngang dọc mới đang chờ em đó.

⁽¹⁾ Đoàn Công Lê Huy sinh năm 1963, quê ở Thừa Thiên – Huế, tác giả của một số cuốn sách viết cho tuổi học trò như: *Một chú bé và một người cha* (2016), *Những bàn tay vẫy những ngọn đèn ngoan* (2016), *Yêu xứ sở thương đồng bào* (2016), *Gửi em mây trắng* (2016), *Tôi muốn hỏi em: Về sau thế nào?* (2018).

⁽²⁾ Tên một tập thơ của Trần Đăng Khoa.

⁽³⁾ *Đường cái quan*: từ dùng thời trước, chỉ đường tương đối rộng, làm trục giao thông chính giữa các địa phương trong nước.

“Đường và chân là đôi bạn thân”. Đó là lời bài hát em hát từ thời mẫu giáo. Đường không có chân sẽ không còn là con đường, là sự hoang vu cô đại lập đầy sau tháng năm. Người không có đường sẽ chẳng đi về đâu cả. Con người và con đường. Đôi bạn này có chung một từ “con”. Sao không là “cái đường” mà là “con đường”? Bởi chúng đều sống động và có linh hồn, chúng đều là những chuyển động có hướng. Ai cũng có kỉ niệm về “người bạn thân”, có nỗi nhớ về những con đường, về những “lối cũ ta về đường như nhỏ lại”⁽¹⁾ khi ta đã rời xa...

Em biết không, còn có một con đường gắn chặt với số phận mỗi người. Ấy là “đường đời”. Dẫu là anh em, chị em sinh đôi, khuôn mặt giống nhau như hai giọt nước, thì đường đời của từng người cũng vẫn khác nhau. Con đường này vô hình, không thể vẽ ra giấy, không tính được bằng những đơn vị đo thông thường, không tạo nên bằng các vật liệu xây dựng mà người ta thường dùng cho những con đường chúng ta đi lại hằng ngày. Mỗi người phải tự “thi công” đường đời của chính mình, “vật liệu” là sức lực, trí tuệ và ý chí của bản thân. Trên con đường ấy, mỗi trải nghiệm là một bước trưởng thành. Sự nâng đỡ, diu dắt không bao giờ là yếu tố quyết định thành công. Có bao giờ em tự hỏi: Sau này mình sẽ là ai? Những gì đang chờ đợi mình phía trước? Em không tự trả lời được, cũng như không ai có thể trả lời câu hỏi đó giúp em. Nhưng có một điều chắc chắn, để đi đến đích, em sẽ phải trải qua không ít thử thách, gian nan. Những lúc như vậy, hãy luôn nhớ rằng, “Đường đi khó, không khó vì ngăn sông cách núi, mà khó vì lòng người ngại núi e sông”⁽²⁾.

Hai mươi tuổi, chàng thanh niên Lỗ Tấn⁽³⁾ du học ở Nhật. Ông theo học ngành Y. Tình cờ ông được xem một đoạn phim thời sự, trong đó có cảnh một người Trung Quốc bị người Nhật hành hình, trong lúc những người Trung Quốc khoẻ mạnh khác đứng xem, vẻ mặt đần độn, không phản ứng gì. Ông lập tức bỏ học nghề Y năm thứ 2 và chuyển sang viết văn. Bởi ông nhận thấy học chữa bệnh không quan trọng, bởi dân mà còn ngu muội, hèn nhát thì dù thân thể có khoẻ mạnh cũng chỉ là nô lệ mà thôi. Từ đó, ông muốn dùng ngòi bút để chữa bệnh tật trong tính cách dân tộc. Chính chàng trai kiệt xuất này là tác giả của câu nói nổi tiếng để khích lệ những người mở đường: “Kì thực trên mặt đất vốn làm gì có đường, người ta đi mãi rồi thành đường thôi”.

(Đoàn Công Lê Huy, *Gửi em mây trắng*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2016, tr. 7 – 12,
Đoàn Công Lê Huy *chỉnh lí* năm 2021)

⁽¹⁾ Lời bài hát *Lối cũ ta về* của nhạc sĩ Thanh Tùng.

⁽²⁾ Câu nói nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Bá Học (1857 – 1921).

⁽³⁾ Lỗ Tấn (1881 – 1936): nhà văn Trung Quốc.

HOÀ ĐIỀU VỚI TỰ NHIÊN

Trong mỗi bước đi cùng với thiên nhiên,
chúng ta nhận được nhiều hơn những gì ta tìm kiếm.

Giôn Mi-ơ (John Muir)

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Hiểu biết về tự nhiên, biết sống hài hoà với tự nhiên càng ngày càng được nhìn nhận là những giá trị sống cơ bản mà con người cần hướng đến trong xã hội hiện đại. Nhân loại đã từng mắc nhiều sai lầm trong cách ứng xử với tự nhiên để rồi phải trả những giá đắt. Nhưng thực tế cũng cho thấy từ xa xưa, nhiều cộng đồng xã hội đã biết chọn cách sống tôn trọng quy luật của tự nhiên, nương theo nhịp điệu của tự nhiên để có được sự thanh thản, hạnh phúc.
- Qua đọc các văn bản thông tin và một tản văn kết nối về chủ đề trong bài học này, em vừa nghe được những lời cảnh báo của môi trường tự nhiên, vừa tiếp nhận được những tín hiệu ấm áp từ một lễ tục lạ cần duy trì. Tất cả sẽ giúp em hiểu hơn về sự sống, đời sống quanh ta để biết bộc lộ tình yêu đối với sự sống, đời sống đó theo cách đầy trách nhiệm và sáng suốt.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, cách triển khai, vai trò của các chi tiết, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu hơn văn bản.
- Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.
- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó.
- Bước đầu biết viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Giải thích được (dưới hình thức nói) quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động.
- Biết lựa chọn và trân trọng cách sống hài hoà với tự nhiên.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản thông tin

- Có nhiều cách triển khai ý tưởng và thông tin khác nhau cho một văn bản thông tin. Bên cạnh cách triển khai theo trật tự thời gian và theo quan hệ nhân quả khá quen thuộc, các tác giả cũng thường chọn cách đưa ra liên tiếp nhiều góc nhìn khác nhau về sự vật, hiện tượng để độc giả nhận thấy được tính phức tạp của vấn đề được đề cập. Cũng có khi người viết lần lượt trình bày về từng bộ phận của đối tượng muốn nói đến trước khi đưa ra một thông tin hay quan điểm nhìn nhận thông tin mang tính bao trùm.
- Việc chọn cách triển khai ý tưởng và thông tin luôn phụ thuộc vào đặc điểm của đối tượng được nói tới, vào mục đích viết và hiệu quả tác động đến người đọc.

Văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

Đây là loại văn bản thuyết minh nói về đặc điểm của một trò chơi hay hoạt động, giúp người đọc có thể tham gia, thưởng thức hay đánh giá về trò chơi, hoạt động ấy một cách thuận lợi. Văn bản thường trình bày chi tiết về cách chơi, cách tổ chức hoạt động (thời gian, địa điểm, số lượng người tham gia, các điều kiện phải đảm bảo,...) bằng những câu ngắn gọn, dễ hiểu, có thể kèm theo các hình vẽ hay bức ảnh mang tính minh họa.

Cước chú

- Cước chú là loại chú thích đặt ở chân trang hoặc cuối văn bản về một từ ngữ khó hiểu hay một nội dung chưa quen với phần lớn độc giả, vốn xuất hiện trong phần chính của trang hoặc của văn bản. Loại chú thích cho biết văn bản hay một số yếu tố của văn bản được lấy từ nguồn nào cũng được gọi là cước chú.
- Cước chú xuất hiện rất nhiều trong các văn bản thông tin (nhất là văn bản khoa học), văn bản nghị luận và văn bản văn học cổ được đời sau in lại.
- Nhờ cước chú, người đọc có thêm điều kiện để nắm bắt được một cách chính xác những thông tin, thông điệp, ý nghĩa của văn bản.

Tài liệu tham khảo

- Tài liệu tham khảo là những tài liệu mà người tạo lập văn bản tìm đọc và khai thác các thông tin cần thiết, có liên quan tới vấn đề được trình bày trong văn bản.
- Tài liệu tham khảo thường được ghi sau phần kết thúc của văn bản, có thể có nhiều đơn vị, được đánh số và sắp xếp theo một quy ước thống nhất.
- Thông qua danh mục tài liệu tham khảo được tác giả ghi lại, người đọc có thể có được những nhận định bước đầu về độ tin cậy của nội dung thông tin trong văn bản hay giá trị chuyên môn, khoa học của văn bản.

VĂN BẢN ĐỌC

VĂN BẢN 1. *Thuỷ tiên tháng Một*, Tô-mát L. Phrít-man (Thomas L. Friedman)

VĂN BẢN 2. *Lễ rửa làng của người Lô Lô*, Phạm Thuỳ Dung

VĂN BẢN 3. *Bản tin về hoa anh đào*, Nguyễn Vĩnh Nguyên

VĂN BẢN 1

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. “Thời tiết bây giờ khó lường thật!” – Đó là lời nhận xét ta vẫn thường nghe. Em có cảm nhận gì về những lo lắng ẩn chứa trong đó?
2. Qua quan sát trực tiếp hoặc qua tìm hiểu các nguồn thông tin, em đã biết được những thay đổi bất thường nào trong nhịp sinh trưởng và tập tính của một số loài sinh vật? Những thay đổi bất thường ấy đã gợi lên trong em cảm nhận, suy nghĩ gì?

ĐỌC VĂN BẢN

Thuỷ tiên tháng Một

THÔ-MÁT L. PHRÍT-MAN

Khi ngày càng có nhiều người phải đối mặt với biến đổi khí hậu thì trong số đó cũng có thêm nhiều người hiểu rằng đó không chỉ là hiện tượng có cái tên nghe khá êm ái là “sự nóng lên của Trái Đất”. “Ồ, mọi thứ chỉ hơi nóng lên một chút thôi, có gì không hay đâu – nhất là nếu bạn cũng là người Min-ne-xô-ta⁽¹⁾ (Minnesota) như tôi?”. Không đơn giản thế đâu, nó còn là “sự bất thường của Trái Đất” nữa.

“Sự bất thường của Trái Đất” là cụm từ do Hân-tơ Lo-vin (Hunter Lovins) đặt ra. Ông muốn giải thích với mọi người rằng nhiệt độ trung bình toàn Trái Đất tăng lên (Trái Đất nóng lên) thực sự sẽ dẫn đến các kiểu hiện tượng thời tiết bất thường khác – từ những đợt nóng và hạn hán ở nơi này đến tuyết rơi dày ở nơi kia, và sẽ có bão lớn hơn, lũ lụt nặng nề hơn, mưa to hơn, cháy rừng dữ dội hơn và các loài sinh vật sẽ biến mất. Thời tiết sẽ ngày càng không bình thường. Và đã có hiện tượng đó rồi. Khi những bông hoa thuỷ tiên vàng trên lối đi từ đường phố vào nhà chúng tôi ở Bơ-the-xđa (Bethesda), bang Me-ri-lân (Maryland), vốn thường nở vào tháng Ba,

Theo dõi

Những cách gọi tên khác nhau đối với hiện tượng biến đổi khí hậu trên Trái Đất.

⁽¹⁾ Min-ne-xô-ta: một tiểu bang của Hoa Kỳ, có biệt danh là *Vùng đất của vạn hồ*.

nhưng năm nay lại nở từ đầu tháng Một thì đó chính là sự bất thường, giống như một phép thuật xuất hiện từ trong một tập phim Thoai-lai Dôn⁽¹⁾ (*Twilight Zone*) vậy. Tôi gần như nghĩ rằng khi nhìn ra ngoài cửa sổ, tôi sẽ thấy Rót Xơ-linh (Rod Serling), người dẫn truyện, đang cắt cỏ trong sân nhà tôi.

Chú ý

Hiện tượng được nhắc ở đây chứa đựng lời giải thích về nhan đề của văn bản.

Hãy quen với điều đó. Thời tiết có thể sẽ như trong truyện khoa học viễn tưởng, nhưng bản chất khoa học của nó là hoàn toàn có thật. Nhiệt độ trung bình chỉ cần tăng lên một chút là thời tiết đã thay đổi rất nhiều, vì chính chênh lệch nhiệt độ làm hình thành cũng như tạo ra hướng vận động của gió trên bề mặt Trái Đất. Do đó, khi bạn làm thay đổi nhiệt độ trên bề mặt Trái Đất, bạn cũng làm thay đổi hướng gió – và cả tình hình gió mùa trước khi bạn nhận biết được điều đó nữa. Khi Trái Đất nóng hơn, tốc độ bay hơi nước cũng thay đổi – đó là lí do chủ yếu làm xuất hiện những trận mưa bão rất lớn ở nơi này và những đợt nóng khắc nghiệt hơn, hạn hán kéo dài hơn ở nơi khác.



Lũ lớn (tháng 8/2020) ở thượng nguồn sông Trường Giang (Trung Quốc) dâng nước đến chân tượng Phật khổng lồ 1 200 tuổi. Nguồn: Chai-nơ Niu (China News) (báo điện tử Thế giới và Việt Nam đăng lại ngày 21/8/2020)

Tại sao chúng ta lại đồng thời có thời tiết ở cả hai thái cực⁽²⁾ – ẩm ướt hơn và khô hạn hơn – cùng một lúc? Nhiệt độ trung bình tăng và cả Trái Đất nóng lên sẽ dẫn tới đất bốc hơi nhiều hơn. Vì thế, những khu vực có khí hậu khô tự nhiên sẽ càng khô hơn. Cùng lúc đó, tốc độ bay hơi của nước tăng – do Trái Đất nóng lên – cũng đưa nhiều hơi nước hơn vào không khí, vì vậy, những khu vực gần diện tích mặt nước rộng, nơi thường có lượng mưa cao sẽ có

Theo dõi

Giải thích của tác giả về sự xuất hiện đồng thời hai thái cực của thời tiết.

⁽¹⁾ *Thoai-lai Dôn*: chương trình truyền hình viễn tưởng, kinh dị của Mỹ, do Rót Xơ-linh sản xuất (chú thích trong sách *Nóng, Phẳng, Chật*).

⁽²⁾ *Thái cực*: điểm đầu mút của một phía trong sự đối lập với điểm đầu mút của phía kia (nghĩa trong văn bản).

xu hướng càng ẩm ướt hơn. Chúng ta biết chu kì tuần hoàn của nước có đặc điểm là: hơi ẩm bốc lên sẽ phải rơi xuống, và ở đâu ẩm hơn thì ở đó mưa nhiều hơn. Tổng lượng mưa trên toàn cầu sẽ tăng, và lượng mưa trong mỗi cơn bão được cho rằng cũng sẽ tăng theo – do đó gây ra mưa lớn hơn, lũ lụt nghiêm trọng hơn. Đó là lí do tại sao cụm từ “sự nóng lên của Trái Đất” vẫn là nhẹ nhàng, chưa mô tả đầy đủ mối đe dọa lớn lao tiềm ẩn.

Như Giôn Hô-đơ-ron (John Holdren) nói: “Thuật ngữ quen thuộc “sự nóng lên của Trái Đất” là một sự nhầm lẫn. Nó gọi lên một cái gì đó đồng nhất⁽¹⁾, từ từ xảy ra, chủ yếu muốn nhắc đến nhiệt độ, và hiện tượng đó hoàn toàn có thể không gây ra vấn đề gì. Nhưng thực tế khí hậu Trái Đất đang diễn ra khác hẳn. Nó không giống nhau trên các vùng địa lí. Nó nhanh hơn so với tốc độ biến đổi khí hậu tự nhiên trước kia, đồng thời nhanh hơn khoảng thời gian để hệ sinh thái và xã hội loài người có thể điều chỉnh. Nó đang tác động lên một loạt các hiện tượng khí hậu đặc biệt quan trọng khác, ngoài nhiệt độ còn có lượng mưa, độ ẩm không khí, độ ẩm của đất, sự lưu chuyển không khí, bão, tuyết và diện tích mặt băng, dòng hải lưu⁽²⁾ và hiện tượng “nước trời”⁽³⁾. Và rõ ràng ảnh hưởng của nó lên đời sống con người đang và sẽ mang tính tiêu cực nhiều hơn là tích cực. Có một cái tên khác chính xác hơn, mặc dù nghe nặng nề hơn “sự nóng lên của Trái Đất”, đó là “sự rối loạn khí hậu toàn cầu””.

Suy luận

Tại sao có thể cho rằng người ta đã nhầm lẫn khi dùng thuật ngữ “sự nóng lên của Trái Đất”?



Hạn mặn khốc liệt ở Đồng bằng sông Cửu Long đầu năm 2020, ảnh của Quốc Trung, báo điện tử Đại đoàn kết, ngày 24/02/2020

Trang CNN.com (ngày 07/8/2007) giới thiệu một báo cáo do Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO) của Liên hợp quốc công bố, nội dung về các hiện tượng thời tiết dữ dội trong năm mà trước kia chưa từng xảy ra. Có thể đặt tên báo cáo đó là “Sự bất thường của Trái Đất năm 2007”:

⁽¹⁾ Đồng nhất: cùng một loại.

⁽²⁾ Hải lưu: dòng chảy tạo nên do sự chuyển dịch các phân tử nước từ nơi này tới nơi khác trên biển và đại dương.

⁽³⁾ Hiện tượng “nước trời” (tiếng Anh: upwelling): nước ở tầng sâu và đáy, thường lạnh và giàu dinh dưỡng, được đẩy lên bề mặt đại dương (chú thích trong sách *Nóng, Phẳng, Chết*).

Bốn đợt gió mùa, nhiều gấp đôi mọi năm, đã gây ra lũ lụt nặng nề ở Ấn Độ, Pa-ki-xtan (Pakistan) và Băng-la-đét (Bangladesh),... Anh và xứ U-ên (Wales) cũng trải qua khoảng thời gian từ tháng Năm đến tháng Bảy mưa nhiều chưa từng thấy kể từ mức kỉ lục năm 1766. Đến cuối tháng Bảy, nước sông dâng cao đe dọa tràn lên hai bờ... Cuối tháng trước, ở Xu-đăng (Sudan), lũ và mưa lớn đã làm sập 23 000 ngôi nhà xây bằng gạch đất sét, khiến ít nhất 62 người thiệt mạng. Con mưa này to bất thường và diễn ra sớm hơn so với mọi năm... Vào tháng Năm, những đợt sóng lớn, cao đến 4,6 m đã tràn qua 68 hòn đảo của Man-đi-vơ (Maldives), gây ra lũ lụt và thiệt hại nghiêm trọng... Cũng vào tháng Năm, khắp nước Nga phải chịu một đợt nóng kéo dài... Đông nam châu Âu cũng không thoát được thời tiết bất thường, với nhiệt độ nóng kỉ lục vào tháng Sáu và tháng Bảy... Nhiều nơi ở Nam Mỹ lại phải chịu một mùa đông lạnh khác thường đối với vùng phía nam, gây ra gió, bão tuyết và tuyết rơi vốn hiếm xảy ra. Vào tháng Bảy, nhiệt độ xuống tới -22°C ở Ác-hen-ti-na (Argentina), -18°C ở Chi-lê (Chile). Tháng Sáu, Nam Phi trải qua một đợt tuyết lớn nhất kể từ năm 1981, ở một vài vùng tuyết rơi dày đến 25 cm trên mặt đất...

Theo dõi

Cách trình bày đoạn trích dẫn dài lấy từ một nguồn tài liệu tham khảo có liên quan tới vấn đề đang bàn.

Xu hướng các hiện tượng thời tiết vốn cực đoan⁽¹⁾ ngày càng cực đoan hơn vẫn tiếp tục cho đến tận mùa hè năm 2008. Những cơn mưa lớn chưa từng thấy ở bang Ai-o-oa (Iowa) khiến sông Xi-đa (Cedar) tràn bờ và trung tâm thành phố Xi-đa Ra-pít (Cedar Rapids) bị lụt.

Mực nước sông cao hơn mặt nước biển đến 9,1 m, cao chưa từng thấy và không ai có thể nghĩ nước lên đến mức ấy. Báo *Niu Ốc Thai-mơ* (New York Times) (ngày 13/6/2008) có một câu mô tả chính xác tình trạng bất thường của Trái Đất mà người Ai-o-oa hẳn đang cảm thấy: “Giép Doóc (Jeff Zogg), nhà thủy văn học đang làm việc cho Trung tâm Thời tiết ở Đa-vin-pốt (Davenport), Ai-o-oa nói: “Thường khi phá kỉ lục, bạn chỉ có thể vượt qua mức cũ 2,5 đến 5 cm. Nhưng hơn kỉ lục cũ tận 1,8 m thì quá sức ngạc nhiên””.

Liên hệ

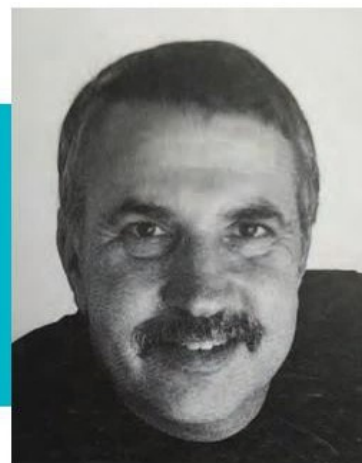
Hiện tượng thời tiết cực đoan đang diễn ra thế nào trong thời điểm hiện nay?

(Thơ-mát L. Phrit-man, *Nóng, Phẳng, Chật*, Nguyễn Hằng dịch, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr. 179 – 181)

⁽¹⁾ *Cực đoan*: tình trạng lệch hẳn về một phía gây nhiều lo ngại, đối lập với sự hài hoà thông thường (nghĩa trong văn bản).

SAU KHI ĐỌC

- **Thô-mát L. Phrít-man** sinh năm 1953, là nhà báo người Mỹ, phụ trách chuyên mục các vấn đề quốc tế của báo *Niu Ốc Thai-mơ*. Ông đã ba lần được trao giải Pu-lít-dơ (Pulitzer). Các tác phẩm nổi tiếng: *Chiếc Léch-xốt (Lexus) và cây ô-liu* (1999); *Thế giới phẳng* (2005 – 2007); *Nóng, Phẳng, Chật* (2008);...
- *Nóng, Phẳng, Chật* nói về những thách thức lớn nhất mà hiện nay nước Mỹ đang đối mặt: khủng hoảng môi trường toàn cầu và việc đánh mất vị thế của một quốc gia dẫn đầu. *Thuỷ tiên tháng Một* là một bài nằm trong mục 5 (*Sự bất thường của Trái Đất*) thuộc phần 2 (*Tại sao chúng ta lại ở đây*) của cuốn sách.



TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Hãy chọn trong văn bản một cụm từ có thể khái quát được nội dung chính của vấn đề mà tác giả muốn trao đổi.
2. Nhan đề của văn bản đã gợi cho em những ấn tượng, suy nghĩ gì? Chi tiết hoa thuỷ tiên nở đầu tháng Một có thể được xem là một chi tiết “đắt” hay không? Vì sao?
3. “Sự bất thường của Trái Đất” đã được tác giả làm sáng tỏ qua những bằng chứng nào? Dựa vào trải nghiệm riêng của em, hãy bổ sung bằng chứng cho vấn đề này.
4. Theo em, trong văn bản, đoạn văn nào thể hiện rõ mối quan hệ nhân quả giữa các sự kiện thuộc loại “sự biến đổi cực đoan của thời tiết”? Cho biết vì sao em xác định như vậy.
5. Hãy chỉ ra những dấu hiệu chứng tỏ khi viết văn bản này, tác giả đã sử dụng nhiều tài liệu tham khảo cần thiết.
6. Tác giả đã đưa vào văn bản rất nhiều số liệu. Đó là những số liệu nào? Việc dẫn số liệu như vậy có ý nghĩa gì?
7. Nêu lên điều có ý nghĩa nhất mà em thu nhận được sau khi đọc văn bản này.

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày hiểu biết và suy nghĩ của em về tác động của biến đổi khí hậu ở vùng miền em đang sống.

CƯỚC CHÚ

1 Kê bảng sau vào vở. Ghi những từ ngữ, nội dung có cước chú trong văn bản *Thuỷ tiên thánh Một* vào các cột phù hợp.

Từ ngữ được giải thích nghĩa	Đối tượng được cung cấp thông tin về xuất xứ	Sự vật, hiện tượng được miêu tả, giải thích
– Thái cực ...	– Ảnh của Quốc Trung ...	– Min-ne-xô-ta ...

2 Dựa trên quan sát của em về những cước chú trong văn bản *Thuỷ tiên thánh Một*, hãy kê bảng sau vào vở và điền nội dung cần thiết vào ô trống.

Các thành phần của cước chú	Vị trí đặt cước chú	Nội dung cước chú	Ngôn ngữ của cước chú
– Kí hiệu đánh dấu đối tượng được chú thích ...	– Chân trang ...	– Giải thích nghĩa của từ ngữ ...	– Ngắn gọn ...

3 Theo em, cần có thêm cước chú cho từ ngữ, nội dung nào có trong văn bản đã đọc ở trên? Vì sao?

4 Hãy trình bày về cách ghi cước chú cho một trong những từ ngữ, nội dung được đề nghị ở bài tập 3.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

5 Việc cung cấp thông tin về tài liệu tham khảo đã được Tô-mát L. Phrít-man thực hiện như thế nào trong *Thuỷ tiên thánh Một*?

6 Ngoài cách ghi như trong văn bản *Thuỷ tiên thánh Một* của tác giả Tô-mát L. Phrít-man, nguồn tài liệu tham khảo đó có thể được trình bày theo cách khác: đặt ở một phần riêng cuối văn bản. Cụ thể như sau:

Cách ghi cước chú

- Đánh dấu từ ngữ, nội dung cần cước chú bằng chữ số hoặc dấu hoa thị.
- Ở chân trang hoặc cuối văn bản, lần lượt chú thích về từng từ ngữ hay nội dung đã được đánh dấu để tạo thành một cước chú hoàn chỉnh gồm các thành phần: kí hiệu đánh dấu đối tượng; tên đối tượng; dấu hai chấm; nội dung giải thích.

Thao tác trích dẫn tài liệu tham khảo

- Đặt trong dấu ngoặc kép đoạn trích dẫn nguyên văn một ý kiến, nhận định nào đó.
- Nêu thông tin về họ, tên tác giả của ý kiến, nhận định được trích dẫn (có thể đặt trước hoặc sau đoạn trích dẫn).
- Ghi đầy đủ tên tài liệu được trích dẫn cùng nơi xuất bản, thời gian xuất bản vào vị trí thích hợp (ghi như một cước chú; ghi ngay sau đoạn trích dẫn; ghi ở phần cuối văn bản trong mục *Tài liệu tham khảo*).

Tài liệu tham khảo

1. Tổ chức khí tượng thế giới (07/8/2007), “Trên toàn cầu, năm 2007 đang trên đà trở thành một năm thời tiết khắc nghiệt”, <https://edition.cnn.com/2007/TECH/science/08/07/weather.extremes/index.html>

2. Cri-xtốp-phơ Ma-gơ (Christopher Maag) (13/6/2008), “Ở phía đông Ai-o-oa, thành phố “sẽ không bao giờ ngập lụt” nằm dưới độ sâu 12 phút⁽¹⁾”, <https://www.nytimes.com/2008/06/13/us/13flood.html>

Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai cách ghi nguồn tài liệu tham khảo nêu trên. Theo tìm hiểu của em, trong hai cách ghi đó, cách nào được sử dụng phổ biến hơn trên sách báo hiện nay?

7 Lập bảng theo mẫu sau để đánh giá tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo trong *Thủy tiên tháng Một*:

STT	Thông tin được viện dẫn và tài liệu tham khảo đã sử dụng	Tác dụng của việc viện dẫn thông tin và sử dụng tài liệu tham khảo
...	...	...
...	...	...

VĂN BẢN 2

TRƯỚC KHI ĐỌC

- Hãy kể ngắn gọn một phong tục thể hiện nếp sống gắn bó với thiên nhiên của người Việt Nam (xưa hoặc nay) mà em được biết.
- Hẳn em đã từng được nghe giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động nào đó. Hãy nêu một vài ấn tượng của em xung quanh việc giới thiệu này.

ĐỌC VĂN BẢN

Lễ rửa làng của người Lô Lô

PHẠM THUYỀN DUNG

Khi xong xuôi mùa vụ, đồi núi thênh thang, người Lô Lô lại nghĩ tới việc tổ chức lễ rửa làng vào một ngày đẹp trời với những ước vọng tốt lành cho cuộc sống ấm no.

Liên hệ

Thời điểm thường được chọn để tổ chức lễ hội trên mọi miền đất nước.

⁽¹⁾ Phút: đơn vị đo chiều dài, được sử dụng phổ biến ở các nước nói tiếng Anh; 1 phút bằng 30,48 cm.

Người Lô Lô là một trong những dân tộc thiểu số có dân số ít nhất tại Việt Nam, cư trú chủ yếu ở tỉnh Hà Giang và Cao Bằng. Tuy nhiên, không vì thế mà đồng bào nơi đây thiếu vắng bề dày văn hoá so với những tộc người đông cư dân. Người Lô Lô thường sống tập trung trong các bản làng cố định nên có tính cộng đồng rất rõ nét. Ngoài những lúc làm lụng vất vả, họ lại quây quần bên nhau để cùng thực hiện những nghi thức cổ truyền hướng về nguồn cội và cùng nhau ước vọng về một đời sống ấm no. Bên cạnh những ngày lễ tiêu biểu như lễ nhảy cây, lễ cầu mưa, lễ thờ thần đá, thì người dân Lô Lô còn có lễ rửa làng rất độc đáo, thú vị.

Chú ý

Cách dẫn dắt người đọc vào thông tin chính của văn bản.

Lễ rửa làng có tên gọi là lễ mừng ngô mới, bắt nguồn từ nhận thức của người dân rằng không gian sinh sống của họ phải được “làm sạch”, “tẩy rửa” theo định kì⁽¹⁾ để không còn những bụi bặm, đen đui, tà ma quấy phá. Theo thông lệ, cứ ba năm một, vào thời điểm tháng 5 hoặc tháng 6 âm lịch, người Lô Lô ngồi lại cùng nhau chọn ngày tổ chức lễ rửa làng, thống nhất việc mời thầy cúng và phân công mọi người sắm sanh đồ lễ. Một ngày trước khi tổ chức lễ rửa làng, người dân chuẩn bị lễ vật gồm thỏ hương, chén nước, giấy trúc và con gà trống. Vào tối ngày hôm trước, thầy cúng sẽ thắp hương rồi đặt giấy trúc và chén nước xuống góc nhà để khấn xin tổ tiên đồng ý cho tổ chức lễ rửa làng. Khi thầy cúng bọc tờ giấy trúc lên chén nước mà nước trong chén không bị thấm hoặc đổ ra ngoài thì lễ xin rửa làng đã linh nghiệm⁽²⁾, báo hiệu việc cúng lễ sẽ thành công. Kết thúc lễ xin, ông thầy đốt tờ giấy trúc để hoàn tất thủ tục cúng.

Theo dõi

Thời điểm diễn ra lễ rửa làng và những việc cần chuẩn bị cho ngày lễ.



Ảnh của Kim Dung
(đăng kèm bài viết trong tạp chí
Di sản (Heritage), tháng 12/2019)

Đoàn người thực hiện lễ cúng vào ngày hôm sau gồm có một thầy cúng chính, một thầy cúng phụ và một số nam giới trong làng đi theo hỗ trợ. Đoàn người sẽ cùng

⁽¹⁾ *Định kì*: khoảng thời gian tương đối cố định đánh dấu sự lặp lại đều đặn của một hoạt động hoặc hiện tượng, sự kiện nào đó.

⁽²⁾ *Linh nghiệm*: có hiệu quả, có hiệu lực thấy rõ, như nhờ một tác động lạ lùng, bí ẩn nào đó.

nhau đi khắp các nhà, suốt các hang cùng ngõ hẻm trong làng bản, vừa đi vừa gõ chiêng trống rộn ràng nhằm đánh thức những điều đẹp để ngủ quên và xua đi những rủi ro ám ảnh. Theo tiếng chiêng trống vang động, tà khí sẽ sợ hãi mà bay xa. Đồ lễ mang theo đoàn người còn có hai con dê (được cho là có mùi đặc trưng để xua đuổi tà ma), một con gà trống trắng, rượu ngô, hạt ngô, cỏ, kiếm gỗ, kiếm sắt, ba cành lau, ba cành đào, ba cành mận, miếng vải đỏ, đôi sừng trâu và cây tre to. Cây tre dài trước đó đã được đục miệng ở đoạn giữa và đổ đầy đất vào, sau đó cắm hình nhân⁽¹⁾ bằng giấy màu (được cắt theo kiểu đang giơ tay lên van xin, thể hiện cho sự sợ hãi của hồn ma với người dân) rồi cắm hương theo từng hàng dọc ở giữa cây tre giả làm con ngựa.

Theo dõi

Sự miêu tả chi tiết các món đồ lễ.

Trên hành trình đi quanh làng bản, sẽ có hai người dắt hai con dê. Những người còn lại, người thì vác cây tre giả hình ngựa; người quấy hạt ngô; người xách gà trống trắng cùng các cành đào, mận, lau, vải đỏ,... theo sau thầy cúng đi vào từng nhà dân. [...] Tới nhà nào, gia chủ nơi đó phải chuẩn bị sẵn hình nhân cùng hai bó củi và hai bó cỏ để ngấm bồi đường công xua đuổi tà ma cho thầy cúng với thái độ cung kính, thành khẩn.

Theo dõi

Các bên tham dự lễ phải làm những gì khi đoàn hành lễ đi quanh làng bản?

Xong phần lễ, mọi người thấy nhẹ nhõm hơn và tin tưởng vào một tương lai tươi sáng phía trước, làng bản từ nay sẽ phong quang⁽²⁾, sạch sẽ và mọi việc sẽ thuận lợi, may mắn. Các cô gái trong bản nhân dịp này diện những bộ váy áo đẹp được thêu thùa cầu kì, trên đầu đội những chiếc khăn điệu đà làm dáng, túm tụm bên nhau vui vẻ nói cười. Các chàng trai phần khởi lớn giọng chúc tụng nhau chén rượu nồng thom. Các cụ ông, cụ bà ánh mắt cười nhìn con cháu vui vầy sum họp. Mọi người hoan hỉ ăn tiệc, uống rượu mừng rồi mới ai về nhà nấy, bắt đầu ba năm yên ổn sinh sống và làm ăn. Sau lễ cúng, phải 9 ngày sau người lạ mới được bước vào làng vì người Lô Lô cho rằng nếu để người lạ đến, tà ma lại sẽ theo vào và như vậy là lễ không thiêng nữa. Nếu chẳng may có người lạ vào làng, người đó phải sửa soạn lễ vật để cúng lại, bù vào lễ cúng đã bị họ làm mất thiêng.

Theo dõi

Tác động tinh thần tích cực của lễ rửa làng.

Chú ý

Những quy định nghiêm ngặt về hoạt động sau ngày lễ chính.

Với những nghi thức độc đáo như trên, lễ rửa làng của đồng bào Lô Lô được coi là tín ngưỡng dân gian và nét đẹp truyền thống góp phần làm giàu có thêm cho bản sắc của cộng đồng dân tộc thiểu số Việt Nam.

(Theo Phạm Thuý Dung, tạp chí *Di sản*, tháng 12/2019, tr. 22 – 24)

⁽¹⁾ *Hình nhân*: hình người bằng giấy, dùng để cúng rồi đốt đi, theo tục lệ mê tín.

⁽²⁾ *Phong quang*: quang đãng và sáng sủa.

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Nêu những thông tin chính về lễ rửa làng mà em tiếp nhận được từ văn bản (có thể trình bày dưới hình thức một sơ đồ với các phần: thời điểm diễn ra hoạt động; sự chuẩn bị và diễn biến của hoạt động; ý nghĩa của hoạt động;...).
2. Theo em, mục đích của tác giả khi viết văn bản này là gì? Tác giả đã thực hiện mục đích đó như thế nào?
3. Văn bản nhắc đến nhiều hoạt động diễn ra trong lễ rửa làng của người Lô Lô. Hoạt động nào trong đó phải được thực hiện theo luật lệ, hoạt động nào nằm ngoài luật lệ?
4. Tính cộng đồng của các hoạt động trong ngày lễ đã được tô đậm qua những thông tin cụ thể nào?
5. Qua đọc văn bản *Lễ rửa làng của người Lô Lô*, em rút ra được kinh nghiệm gì về cách tạo lập loại văn bản giới thiệu về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động?

VIẾT KẾT NỐI VỚI ĐỌC

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về những giá trị sống được bộc lộ qua lễ rửa làng của người Lô Lô.

VĂN BẢN 3

ĐỌC VĂN BẢN

Bản tin về hoa anh đào

NGUYỄN VĨNH NGUYỄN⁽¹⁾

Anh bạn tôi là kĩ giả⁽²⁾ ở Đà Lạt.

Nhiều năm viết báo với trách nhiệm và sự dấn thân, anh đã đóng góp nhiều điều cho những việc lớn của thành phố. Nhưng với riêng tôi, điều đáng nể phục ở anh lại không chỉ nằm ở những loạt phóng sự điều tra gay cấn, những kí sự đường xa đầy phiêu lưu, những tiếng nói phản biện xã hội từ hiện trường đời sống, mà nơi những bản tin nhỏ về hoa anh đào đều đặn xuất hiện hằng năm khi Đà Lạt giao mùa đông – xuân.

⁽¹⁾ Nguyễn Vĩnh Nguyên sinh năm 1979, quê ở Ninh Thuận, đã xuất bản nhiều cuốn sách viết về Đà Lạt.

⁽²⁾ Kĩ giả: người viết báo, nhà báo.

Bản tin về hoa anh đào thường xuất hiện trên tờ báo T vào đúng cái mùa mà những người yêu Đà Lạt đang phát điên lên vì nhớ núi đồi và cái lạnh tháng Chạp. Có năm, bản tin được viết như một bài thơ, với niềm hưng khởi, hân hoan, loan báo rằng hoa sẽ nở rộ vào tháng tới, trên những con dốc, ngọn đồi A, B, C; có năm, bản tin dự báo hoa sẽ đến muộn và chóng tàn vì thời tiết bất lợi nhưng cũng có năm, bản tin kể về một vài gốc anh đào cổ thụ đứng ở góc đường nào đó trong thành phố vừa bị đốn hạ.

Với nhiều người, đó là thứ xa xỉ viễn mơ⁽¹⁾. Bản thân cái bản tin đó cũng có thể tạo cảm giác lạc lõng ngay trên trang báo, giữa cái thời ai cũng mong chờ báo chí đem lại cái thiết thân⁽²⁾, cái giật gân, cái chạm vào toan tính mưu sinh thường nhật. Những độc giả bị “sốc hoa⁽³⁾” này sẽ hỏi ngay, một bản tin hoa nở, hoa tàn thì liệu có giải quyết được điều gì [...]?



Hoa anh đào Đà Lạt

[...] Tôi đã hình dung cái khó khăn của thuở ban đầu, khi ý tưởng viết một bản tin về hoa vừa đến trong đầu người viết. Rõ ràng ngay lập tức anh sẽ tự hỏi, đó có phải hoặc có nên là một bản tin? Hẳn anh bạn thiết⁽⁴⁾ của tôi đã ngồi hàng giờ ở cái quán cà phê quen thuộc dưới bóng một cây anh đào nào đó và ưu tư nhiều lắm, như thể hoàng tử bé với nỗi băn khoăn vô hạn trước một nàng hoa kiều diễm đơn độc trở gai giữa tinh cầu bé nhỏ, vì chàng không biết làm sao để ngỏ lời với nàng theo

⁽¹⁾ *Viễn mơ*: mơ mộng, xa thực tế.

⁽²⁾ *Thiết thân*: có quan hệ mật thiết về mặt lợi ích đối với bản thân đối tượng được nói đến.

⁽³⁾ *Sốc hoa*: ý nói bị bất ngờ lớn trước bản tin về hoa trong bối cảnh cuộc sống có nhiều điều dường như đáng quan tâm hơn (*sốc*: từ *shock* trong tiếng Anh được Việt hoá).

⁽⁴⁾ *Anh bạn thiết*: anh bạn thân thiết.

cách thế⁽¹⁾ tự nhiên nhất. Trong đầu anh bạn hẳn sẽ rộn ràng như những trang văn của Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri nhưng rồi lại phải trở về thực tại với một quyết định vô cùng táo bạo: phải làm cho hiện thực về hoa đào được chấp nhận bình đẳng với mọi thông tin khác trên đời.

Cuối cùng, anh đã vượt qua những chướng ngại đầu tiên trong tinh thần để mạnh dạn ngồi vào bàn viết, chuyển tải cái cảm nhận đầy tinh tế về thực tại cỏ hoa nơi thành phố mình yêu trở thành một thông điệp giá trị cần chia sẻ với nhiều người.

Bản tin về tình trạng hoa đào mỗi năm một lần, xuất hiện trên tờ báo T, với riêng tôi, là điều vô cùng ý nghĩa. Ý nghĩa trên bình diện tư duy trong nghề báo thì đã rồi, nhưng lớn lao hơn, đó là nó đã truyền đi một lối nghĩ khác, để hiểu rằng hoa cỏ – những nhân vật chính lặng lẽ làm nên nhan sắc Đà Lạt, cái hiện thực về xã hội thiên nhiên đó – cũng cần được truyền thông, nâng niu theo cách thế tự nhiên nhất, nghệ thuật nhất, chứ không nhất thiết thông qua những cuộc vận động rộn ràng nhất thời [...].

Tôi đã nghĩ đến một ngày nào đó, những bản tin về sự rối rắm hỗn loạn của xã hội loài người được giảm thiểu trên các tờ nhật báo chuyên về chính trị xã hội, thay vào đó là thông tin về tình trạng của những loài hoa, những mùa hoa nơi thành phố tôi yêu. Khi đó, tâm hồn con người sẽ được thanh lọc, tốt lành biết mấy.

(Theo Nguyễn Vĩnh Nguyên, *Với Đà Lạt ai cũng là lữ khách*, NXB Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2015, tr. 29 – 31)

SAU KHI ĐỌC

TRẢ LỜI CÂU HỎI

1. Theo em, nhan đề *Bản tin về hoa anh đào* có thể gợi lên ở người đọc những suy đoán gì về nội dung của bài tản văn?
2. Liệt kê những từ ngữ thể hiện trực tiếp ý kiến đánh giá của tác giả đối với các bản tin nhỏ mà người bạn nhà báo đã viết về hoa anh đào. Em nhận xét như thế nào về ý kiến đánh giá đó?
3. Vì sao tác giả lại cho rằng để viết một bản tin về hoa anh đào, người bạn của mình đã phải vượt qua nhiều “khó khăn”, “chướng ngại”? Những “khó khăn”, “chướng ngại” được nêu lên đó cho biết gì về cách sống và thái độ ứng xử với thiên nhiên của con người trong cuộc sống hiện đại?
4. Hãy làm rõ sự đồng điệu về tâm hồn giữa tác giả và nhân vật được nói tới trong bài tản văn.
5. Nêu khái quát thông điệp chính mà tác giả muốn gửi tới người đọc qua tản văn *Bản tin về hoa anh đào*.
6. Nêu suy nghĩ của em về điều mong muốn mà tác giả thể hiện ở đoạn cuối văn bản.

⁽¹⁾ Cách thế: cách.

NGHĨA CỦA MỘT SỐ YẾU TỐ HÁN VIỆT THÔNG DỤNG VÀ NGHĨA CỦA NHỮNG TỪ CÓ YẾU TỐ HÁN VIỆT ĐÓ

1 Em hiểu như thế nào về nghĩa của các yếu tố Hán Việt tạo nên từ *tín ngưỡng* được dùng trong văn bản *Lễ rửa làng của người Lô Lô*? Theo em, khi chưa có sẵn từ điển trong tay, ta có thể suy đoán nghĩa của các yếu tố đó và nghĩa của từ chứa đựng chúng theo cách nào?

2 *Bản sắc, ưu tư, truyền thông* là các từ có yếu tố Hán Việt. Lập bảng theo mẫu được gợi ý sau đây để xác định nghĩa của chúng:

Cách xác định nhanh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt

- Khi gặp một từ có các yếu tố Hán Việt thông dụng, trước hết, có thể tách từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét. Ví dụ: **thuyết minh** → **thuyết** và **minh**.
- Tiếp đó, tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau. Ví dụ: nhóm có yếu tố **thuyết**: *thuyết phục, thuyết giảng, lí thuyết, diễn thuyết,...*; nhóm có yếu tố **minh**: *minh bạch, minh mẫn, tường minh, thanh minh,...*
- Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu. Ví dụ: **thuyết** → có liên quan tới hành động nói; **minh** → có liên quan tới sự rõ ràng, sáng sủa; **thuyết minh** → nói rõ ràng ra (về một vấn đề nào đó).

Từ cần xác định nghĩa		Những từ khác có yếu tố Hán Việt tương tự	Nghĩa của từng yếu tố	Nghĩa chung của từ
bản sắc	bản	bản chất, bản lĩnh, bản quán, nguyên bản ,...	bản :...	bản sắc :...
	sắc	sắc thái, sắc độ, sắc tố,...	sắc :...	
ưu tư	ưu	...	...	...
	tư	...	...	
...	...	...	...	...
	...	...	...	

Viết

Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động

Bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động có mục đích cung cấp thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó. Văn bản 2 của phần Đọc thuộc loại này. Hãy em không thể quên nhiều trò chơi hay hoạt động đặc biệt đã theo suốt tuổi thơ của mình hoặc từng biết đến không ít trò chơi hay hoạt động độc đáo mang đậm bản sắc văn hoá từng vùng miền đất nước. Em hãy giới thiệu về một trò chơi hay hoạt động với mọi người bằng một bài văn thuyết minh.

Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động:

- Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).
- Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.
- Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người.
- Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động.

Phân tích bài viết tham khảo

Chơi chuyền

Trong các trò chơi dân gian Việt Nam, trò chơi chuyền được rất nhiều bạn gái yêu thích. Ở đầu ngõ nhỏ, dưới bóng tre hay ở góc sân nhà, người ta thường thấy cảnh các bạn gái túm năm tụm ba, tóc buộc đuôi gà, cùng nhau đánh chuyền thoăn thoắt.

Giới thiệu trò chơi.

Tham gia trò chơi này thường có từ 2 đến 6 người, chơi theo cặp, cũng có khi chơi luân phiên từng người trong nhóm, hoặc chia các đội. Đồ chơi gồm có 10 que nhỏ gọi là que chuyền và một quả tròn nặng (Trước kia, quả chuyền thường là một thứ quả cây như quả bưởi nhỏ rụng lúc còn non, quả xà cừ, quả cà,... Ngày nay thường là quả bóng ten-nít.). Người chơi tay cầm quả tung lên không trung, đồng thời nhặt que chuyền đã được rải sẵn dưới đất, kịp để bắt quả khi quả rơi xuống. Chơi từ bàn 1 đến bàn 10, người chơi vừa tung quả, nhặt que chuyền vừa đọc những câu đồng dao phù hợp với từng bàn.

Miêu tả cách chơi (quy tắc).

Bàn 1 (mỗi lần tung quả lấy 1 que):

Cái mốt
Cái mai
Con trai
Con hén
Con nhện
Chăng tơ
Quả mơ
Quả mận
Con rận
Lên đôi.

Bàn 2 (thường gọi là bàn đôi, mỗi lần tung quả lấy 2 que):

Đôi bánh trôi
Đôi bánh chay
Đôi bánh dày
Đôi bánh đa
Lên bàn ba.

Bàn 3 (mỗi lần tung quả lấy 3 que, lần cuối lấy 1 que dư):

Ba lá đa
Ba lá đề
Ba thằng hê
Lên bàn tư.

Bàn 4 (thường gọi là bàn tư, mỗi lần tung quả lấy 4 que, lần cuối lấy 2 que dư):

Tư củ từ
Tư củ khoai
Hai lên năm.

Bàn 5 (mỗi lần tung quả lấy 5 que):

Năm em năm
Năm lên sáu.

Bàn 6 (lần đầu tung quả lấy 6 que, lần thứ hai tung quả lấy 4 que còn lại):

Sáu lẻ bốn
Bốn lên bảy.

Các bàn 7, 8, 9 tương tự như bàn 6. Bàn 10 tung quả lấy cả 10 que. Hết bàn 10 thì tung quả và quay que chuyển bằng hai tay, chuyển một vòng, hai vòng hoặc ba vòng,... vừa chuyển vừa đọc: “Đầu qua, quá giang, sang sông, trồng cây, ăn quả, nhả hột,...” khoảng 10 lần là hết một bàn chuyển vòng. Hết 10 bàn và chuyển vòng tính là một ván.

Khi đến lượt chuyển, nếu bạn nào không bắt được quả hay bắt que chuyển không đúng sẽ mất lượt. Đối phương sẽ được chơi. Có bạn chơi giỏi có thể chơi một lúc nhiều ván. Tính thắng thua bằng tỉ số hoàn thành các ván.

Miêu tả luật chơi.

Chơi chuyền luyện sự khéo léo, nhanh tay, nhanh mắt, luyện cả khả năng tính toán trong phạm vi 10. Chơi chuyền còn gắn kết người chơi, củng cố tinh thần đồng đội. Trò chơi này đem đến cho các bạn sự vui vẻ, hoà đồng.

Nêu tác dụng của trò chơi.

Hiện nay, chơi chuyền không còn phổ biến như trước. Các bạn nhỏ có thêm nhiều trò chơi khác, nhất là trò chơi công nghệ. Song, với tư cách là trò chơi thể hiện đậm nét một vẻ đẹp của văn hoá dân gian người Việt, chơi chuyền vẫn là “trò” thường có mặt trong các lễ hội và trong các hoạt động phát triển thể chất hoặc hướng tới mục đích lưu giữ bản sắc truyền thống.

Nêu ý nghĩa của trò chơi.

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1. TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

Em hãy nhớ lại những trò chơi hay hoạt động mà em biết hoặc từng tham gia. Ngày nay, có khá nhiều trò chơi hay hoạt động được tổ chức trong các sự kiện như đi dã ngoại, cắm trại,... Em có thể thuyết minh về những trò chơi hay hoạt động đó. Em cũng có thể chọn những trò chơi dân gian mình đã tham gia hoặc thấy thích thú và muốn tìm hiểu.

Hãy tham khảo một vài trò chơi hay hoạt động sau:

- Trò chơi bịt mắt bắt dê
- Trò chơi nhảy bao bố

Mục đích viết

Cung cấp thông tin về quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè, người thân và những người quan tâm đến trò chơi hay hoạt động được nói đến.

- Trò chơi ô ăn quan
- Trò chơi pháo đất
- Trò chơi cướp cờ
- Thi thả diều
- Thi thổi cơm
- Hát đối đáp.

b. Tìm ý

Em hãy tìm ý cho bài viết bằng cách trả lời những câu hỏi dưới đây:

- Trò chơi hay hoạt động đó thường diễn ra ở đâu?
- Trò chơi hay hoạt động đó dành cho lứa tuổi nào?
- Hiện nay người ta có còn chơi trò chơi đó hay duy trì hoạt động đó nữa không?
- Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó là gì?
- Trò chơi hay hoạt động đó có tác dụng như thế nào đối với con người?
- Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đó là gì?

c. Lập dàn ý

Em hãy sắp xếp các ý tìm được thành một dàn ý.

Dàn ý

- *Mở bài:* Giới thiệu về trò chơi hay hoạt động (tên gọi, hoàn cảnh diễn ra, đối tượng tham gia).
- *Thân bài:*
 - + Miêu tả quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động.
 - + Nêu tác dụng của trò chơi hay hoạt động.
- *Kết bài:* Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đối với cuộc sống con người.

2

VIẾT BÀI

Khi viết bài, em cần lưu ý:

- Kết hợp các thông tin em tham khảo được về trò chơi hay hoạt động và những trải nghiệm của riêng em (nếu có).
- Miêu tả quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động một cách chi tiết, rõ ràng.
- Mỗi ý thuyết minh về trò chơi hay hoạt động trình bày thành một đoạn văn.

Hãy rà soát bài viết của em theo những yêu cầu ở cột trái và gợi ý chỉnh sửa ở cột phải.

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động.	Nếu bài viết chưa giới thiệu cụ thể tên trò chơi hay hoạt động, hoàn cảnh diễn ra trò chơi hay hoạt động, đối tượng tham gia,... thì cần bổ sung.
Miêu tả chi tiết, rõ ràng quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động.	Bổ sung thông tin (nếu cần) hoặc điều chỉnh các câu, đoạn cho bài viết mạch lạc.
Nêu được tác dụng và ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động.	Nếu việc nêu tác dụng, ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động còn sơ sài hoặc chưa chính xác thì cần bổ sung hoặc điều chỉnh.
Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt.	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,... trong bài viết và chỉnh sửa (nếu có).

Nói và nghe

Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong một trò chơi hay hoạt động

Để các đối tượng tham gia trò chơi hay hoạt động thống nhất trong cách thức hành động, cần có những quy tắc hoặc luật lệ chung mà tất cả đều hiểu và tuân thủ. Trong phạm vi phần Nói và nghe này, em hãy tập trung giải thích quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động mà em yêu thích.

1

TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung nói

Trong phần Viết, em đã thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ của một trò chơi hay hoạt động. Dựa trên bài viết, em hãy chọn nội dung cho hoạt động nói theo những gợi ý sau:

– Đánh dấu đoạn giải thích quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài viết.

– Tóm lược những ý chính của đoạn văn đó.

– Chuẩn bị tranh ảnh, hình vẽ dạng sơ đồ, dụng cụ (nếu có) liên quan đến trò chơi hay hoạt động.

Mục đích nói

Làm rõ quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động với những người tham gia hoặc những người quan tâm.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè, người thân và những ai tham gia hoặc quan tâm đến trò chơi hay hoạt động.

Chú ý: Em có thể chuẩn bị thuyết trình bằng hình thức trình chiếu để người nghe hiểu rõ hơn về trò chơi hay hoạt động.

b. Tập luyện

Em có thể tập luyện theo một số hình thức sau:

- Tập nói thành tiếng một mình; vừa nói vừa giới thiệu tranh ảnh, hình vẽ, dụng cụ (nếu có).
- Nếu em chuẩn bị thuyết trình thì nói theo bản trình chiếu đã chuẩn bị.

2 TRÌNH BÀY BÀI NÓI

a. Mở đầu

Hãy thu hút người nghe bằng thái độ hào hứng của em đối với trò chơi hay hoạt động. Em có thể đặt câu hỏi cho người nghe như: *Các bạn đã bao giờ chơi trò... (tham gia hoạt động...) chưa?* hoặc miêu tả một chi tiết trong trò chơi hay hoạt động và hỏi: *Các bạn có biết trò chơi (hoạt động) này không? Các bạn có muốn chơi (tham gia) không?...*

b. Triển khai

- Trình bày theo dàn ý đã chuẩn bị (hoặc nói kết hợp với việc sử dụng bản trình chiếu).
- Trong khi nói, em có thể dùng cử chỉ, điệu bộ để mô phỏng động tác của trò chơi hay hoạt động.

c. Kết luận

Khẳng định sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; hẹn các bạn cùng tham gia trò chơi hay hoạt động vào một dịp phù hợp.

3 SAU KHI NÓI

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
● Chú ý theo dõi quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động trong bài nói để cảm nhận được sự thú vị của trò chơi hay hoạt động; bày tỏ cảm nhận của mình. ● Nếu em có ý định chơi trò chơi (hoặc tham gia hoạt động) đó với các bạn thì ghi nhớ những quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động; nêu thắc mắc của mình (nếu có) để hiểu thấu đáo quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động. ● Nhận xét về cách trình bày bài nói của bạn (giọng nói, tính mạch lạc của bài nói,...).	● Lắng nghe chia sẻ của người nghe về bài nói. ● Giải đáp thắc mắc của người nghe (nếu có). ● Cảm ơn nhận xét của người nghe.

Củng cố, mở rộng

1. Theo em, những điều gì đang gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường sống trên Trái Đất hiện nay? Nêu một số việc mà em cho rằng con người cần phải làm để cải thiện tình hình.
2. Nêu những điều em nắm được về đặc điểm văn bản thông tin qua bài học này bằng một sơ đồ phù hợp. Gợi ý:



3. Hãy hoàn thành đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) theo chủ đề sau: *Em mong sự sống và môi trường trên Trái Đất khôi phục được nhịp điệu hài hoà và vẻ đẹp vốn có.*
4. Đóng vai người chủ trì một trò chơi trong lễ hội để giới thiệu về trò chơi đó cho những ai tham gia (thực hiện theo nhóm học tập).
5. Tìm đọc các sách, báo, tài liệu viết về chủ đề *Sống thuận theo tự nhiên, hài hoà với thiên nhiên*; chia sẻ, trao đổi với các bạn và ghi lại những thông tin hữu ích để sử dụng trong những trường hợp cần thiết.

Thực hành đọc

Khi đọc văn bản dưới đây, em cần chú ý những vấn đề sau:

- Đặc điểm của loại văn bản.
- Vấn đề chính được nói tới trong văn bản.
- Ý nghĩa của việc dẫn các số liệu cụ thể trong văn bản.
- Suy ngẫm của em trước những thông tin do văn bản đưa lại.

“Thân thiện với môi trường”⁽¹⁾

NGUYỄN HỮU QUỲNH HƯƠNG⁽²⁾

Vật liệu thân thiện môi trường, sản phẩm thân thiện môi trường, dịch vụ thân thiện môi trường, địa điểm thân thiện môi trường. Chào mừng các bạn đến với kỉ nguyên nơi người ta dán mác⁽³⁾ “thân thiện với môi trường” lên mọi thứ nhằm mang lại những trải nghiệm tiêu dùng dễ chịu cho khách hàng.

Những năm gần đây, thị trường Việt Nam xuất hiện nhiều sản phẩm được cộp⁽⁴⁾ mác “thân thiện với môi trường”, cách làm này có vẻ tạo thiện cảm cho người dùng, tuy nhiên, khái niệm này còn khá chung chung, và chưa thể xem là dấu hiệu chứng minh cho nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, hay sứ mệnh, tầm nhìn của nhà sản xuất. Nhưng liệu “thân thiện với môi trường” có đơn giản chỉ là sự so sánh: ống hút tre thân thiện với môi trường hơn ống hút nhựa; dùng túi vải thân thiện với môi trường hơn túi ni lông...?

Một vật liệu, sản phẩm, dịch vụ, địa điểm được xem là thân thiện hơn với môi trường có thể được xác định một cách rất rõ ràng qua những tiêu chí sau:

* Đối với vật liệu:

Quy trình khai thác: Không gây tổn hại đến môi sinh; không tiêu hao nhiều tài nguyên và năng lượng trong quá trình khai thác.

Tính chất vật liệu: Có phân huỷ được không? Thời gian phân huỷ? Khả năng tái sinh, tái chế?

Giá trị sử dụng của vật liệu: Thời gian sử dụng kéo dài bao lâu?

⁽¹⁾ Tác giả dùng dấu ngoặc kép ở nhan đề nhằm lưu ý: vấn đề sẽ bàn trong văn bản liên quan đến cụm từ *thân thiện với môi trường* – một cụm từ thông dụng trong đời sống hiện nay nhưng có lúc được dùng chỉ như một cách quảng cáo thuần tuý và không phản ánh chính xác bản chất của đối tượng được nói tới.

⁽²⁾ Nguyễn Hữu Quỳnh Hương sinh năm 1997 ở Bà Rịa – Vũng Tàu, là tác giả của nhiều bài báo, cuốn sách cổ vũ nhiệt thành cho “lối sống xanh”, dùng bút danh *Mình là Hũ* khi viết cuốn *Sống xanh rồi mới sống nhanh*.

⁽³⁾ *Mác*: nhãn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ (phiên âm tiếng Việt của từ *mark* trong tiếng Anh).

⁽⁴⁾ *Cộp*: đóng dấu (khẩu ngữ).

Ví dụ: Người ta thường nói sử dụng túi vải thì thân thiện với môi trường hơn túi ni lông. Tuy nhiên, để sản xuất ra một cái túi vải thì số năng lượng tiêu hao gấp 131 lần việc sản xuất ra một cái túi ni lông. Theo Liên minh Túi tiến bộ⁽¹⁾, để cân đối dấu chân carbon⁽²⁾ và nước của một chiếc túi vải, trung bình chúng ta cần dùng nó 131 lần. Như vậy, túi vải chỉ thân thiện hơn với môi trường khi bạn sử dụng nó nhiều và thật nhiều lần.



* Đối với sản phẩm:

Quy trình khai thác, sản xuất, phân phối, sử dụng và thải loại có theo hình tròn không hay chỉ là một đường thẳng?

Ví dụ: So sánh hai sản phẩm túi ni lông và túi bột sắn 0% nhựa có khả năng phân huỷ hoàn toàn. Bạn sẽ khẳng định chắc chắn túi bột sắn thân thiện hơn với môi trường vì nó phân huỷ được. Nhưng liệu sự thật có phải như vậy?

Hãy tiếp tục trả lời câu hỏi: Sản phẩm này sau khi sử dụng có để lại tác hại gì cho môi trường không?

Năm 2018, nhà sản xuất Guây-vơ (Wave) tại In-đô-nê-xi-a (Indonesia) tung ra thị trường sản phẩm túi bột sắn 0% nhựa, có khả năng tan trong nước, con người và sinh vật không gặp phải ảnh hưởng gì xấu khi uống vào.

Để tạo ra túi bột sắn 0% nhựa, trước hết người ta cần dùng diện tích đất trồng rừng để trồng sắn hoặc ngô. “Năm 2014, gần $\frac{1}{4}$ sản lượng các loại hạt của nước Mỹ được dùng cho mục đích sản xuất nhiên liệu sinh học và nhựa PHS⁽³⁾. Nếu tiếp tục gia tăng, điều này có thể gây khan hiếm và tăng giá thực phẩm”⁽⁴⁾.

Thứ hai, việc sản xuất túi bột sắn tốn rất nhiều nước. Điều này đồng nghĩa với việc một lượng lớn tài nguyên thiên nhiên sẽ bị tiêu hao. Chính vì vậy, sản phẩm này không hề thân thiện như chúng ta nghĩ.

Thứ ba, túi bột sắn có thời gian sử dụng khá thấp. Theo nhà sản xuất thì túi bột sắn sẽ giữ được trong 2 năm nếu bảo quản kín trong một chiếc túi ni lông, nếu mở túi ni lông ra thì việc bảo quản chỉ kéo dài 6 tháng. Như vậy, nếu lượng sản xuất quá nhiều, chưa tiếp cận được người tiêu dùng thì số sản phẩm đó sẽ mất đi công năng. Về cơ bản người tiêu dùng khó chấp nhận sản phẩm này vì giá thành của nó rất cao.

⁽¹⁾ Liên minh Túi tiến bộ: một liên minh hoạt động ở Mỹ (về sau được đổi tên là Liên minh Túi nhựa tái chế Hoa Kỳ), ủng hộ và tiếp thị cho hoạt động sản xuất túi nhựa trong bối cảnh nhận thức của người tiêu dùng về việc bảo vệ môi trường đã được nâng cao.

⁽²⁾ Dấu chân carbon: lượng khí nhà kính (chủ yếu là carbon dioxide) thải vào khí quyển do một hoạt động cụ thể nào đó của con người.

⁽³⁾ PHS: viết tắt của cụm từ phân huỷ sinh học.

⁽⁴⁾ Nguồn: <https://www.ecoamenities.vn/nhung-dieu-can-biet-ve-nhua-phan-huy-sinh-hoc.html>.

Sau khi được nhập từ In-đô-nê-xi-a về Việt Nam thì giá bán lẻ của chiếc túi bột sắn xấp xỉ 5 000 đồng một chiếc.

*** Đối với dịch vụ hay không gian thân thiện:**

Ví dụ 1: Nếu một quán cà phê có không gian cực kì thân thiện với môi trường đưa ra cam kết 100% nói không với đồ nhựa dùng một lần, nhưng:

- Quán vẫn mặc sức dùng điều hoà nhiệt độ bất kể đêm ngày.
- Không có cam kết về vấn đề phân loại và xử lí rác thải từ quá trình chế biến mỗi ngày.
- Quán sử dụng vô tư các sản phẩm dùng một lần từ giấy, bã mía.

Đó chưa phải là một dịch vụ thân thiện với môi trường thực sự.

Ví dụ 2: Khi nói đến du lịch sinh thái, người ta thường cho rằng đây là mô hình giúp con người có được sự kết nối với thiên nhiên, giúp con người tìm được sự bình yên, thư thái, tăng cường sức khoẻ khi về với thiên nhiên trong lành, xanh mát. Nhưng dường như đó chỉ là cách nói một chiều, bởi không phải mô hình “du lịch sinh thái” nào cũng đem lại cho môi trường những “quyền lợi” tương xứng. Trái lại, nhiều mô hình du lịch sinh thái chỉ là sự chiếm dụng tài nguyên và thải ra môi trường hàng tấn rác thải nhựa.

Bạn có cảm thấy yên tâm khi mua một sản phẩm chỉ vì bao bì của nó ghi chữ “có thể tái chế”, bạn có cảm tình với một nhãn hàng chỉ vì họ cam kết “không thử nghiệm trên động vật”, và có bao giờ bạn vì tin rằng ống hút cỏ bàng có khả năng phân huỷ nên mặc sức sử dụng? Thân thiện hơn chất liệu nhựa không có nghĩa là thân thiện với môi trường. Không có điều gì thật sự thân thiện với môi trường nếu nó không phải là một vòng tuần hoàn do thiên nhiên tạo ra. Nhưng ít nhất chúng ta vẫn đang nỗ lực nhằm giảm bớt những tác động xấu lên môi trường. Là một người tiêu dùng, hãy nhận thức rõ về mỗi hành động của mình và luôn nhắc nhở, chúng ta cần nỗ lực để sống giảm rác từng chút một.

(Minh là Hũ, *Sống xanh rồi mới sống nhanh*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 2020, tr. 22 – 25)

ĐỌC MỞ RỘNG

1 Tìm đọc một số văn bản nghị luận và văn bản thông tin có nội dung gắn gũi với những văn bản mà em đã học ở các bài *Trải nghiệm để trưởng thành* và *Hoà điệu với tự nhiên*. Ghi vào nhật kí đọc sách những ý tưởng và thông tin quan trọng từ các văn bản đã đọc.

2 Trao đổi với các bạn về:

- Nội dung chính của mỗi văn bản.
- Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được nêu trong văn bản nghị luận.
- Cách triển khai nội dung trong văn bản thông tin.

TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG

Học đi đôi với hành.

Hồ Chí Minh

GIỚI THIỆU BÀI HỌC

- Trong các bài học trước, em đã đọc những sáng tác thuộc nhiều thể loại: truyện (ngụ ngôn, khoa học viễn tưởng), thơ, tùy bút, tản văn, tục ngữ để cảm nhận bầu trời tuổi thơ, tiếng nói yêu thương nuôi dưỡng tâm hồn con người, tình yêu đối với đất nước, vẻ đẹp muôn màu ở các vùng miền; suy nghĩ về những bài học cuộc sống và thấp thoáng khát vọng biến ước mơ thành hiện thực. *Ngữ văn 7* còn đưa em đến với những văn bản nghị luận và văn bản thông tin, kết nối bài học với những gì em cần suy nghĩ, lựa chọn, giải quyết trong cuộc sống.
- Với bài học này, khi đọc những cuốn sách mới, những tác phẩm yêu thích, em hãy cảm nhận, suy ngẫm, bàn luận để tiếp tục chia sẻ và sáng tạo. Như vậy, trang sách đã trở thành một phần cuộc sống. Những gì đã học, đã đọc không chỉ tồn tại trong sách mà sẽ cùng em đi suốt cuộc đời. Đó là một phần hành trang tri thức để em có thể tự tin bước vào thế giới rộng lớn.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Phát triển kĩ năng tự đọc sách: đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ đề đã học.
- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.
- Phát triển kĩ năng viết: viết về một nhân vật yêu thích.
- Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan.
- Yêu thích đọc sách và biết vận dụng những điều đã đọc vào thực tế.

TRI THỨC NGŨ VĂN

Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học

- Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là loại văn bản nghị luận, trong đó người viết làm rõ và bàn luận về đặc điểm của một tác phẩm trên các phương diện nội dung, hình thức trong mối quan hệ với tác giả, hoàn cảnh sáng tác, thời đại,... và khái quát giá trị chung của tác phẩm.
- Lí lẽ trong văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học chính là những ý kiến của người viết về đặc điểm nội dung, hình thức của tác phẩm. Bằng chứng trong văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học là những phần (câu, đoạn), những chi tiết được dẫn từ văn bản theo hình thức trích dẫn nguyên văn hoặc lược thuật, tóm tắt lại.

Từ con người có thực ngoài đời đến nhân vật văn học

- Những con người có thực ngoài đời luôn gợi niềm cảm hứng bất tận cho hoạt động sáng tác của nhà văn. Những ấn tượng, cảm xúc, suy ngẫm của nhà văn về cuộc đời được đánh thức từ chính thế giới nhân sinh phong phú đó. Con người trong cuộc đời thực chính là những chất liệu sống động để nhà văn sáng tạo hình tượng nghệ thuật.
- Tác phẩm văn học thường đưa đến cho người đọc cảm giác được gặp những con người có thực. Tuy nhiên, nhân vật văn học vẫn là sản phẩm của sự sáng tạo, hư cấu, chứa đựng trong đó nhiều gợi ý của nhà văn về một cách nhìn nhận, đánh giá đầy tính thẩm mỹ đối với cuộc sống.
- Nhân vật văn học, vì thế, không đồng nhất với con người thực ngoài đời. Cùng với việc nắm được đặc điểm của nhân vật (ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, nội tâm,...), người đọc cần phải hiểu định hướng giá trị mà nhà văn muốn thể hiện – tức là điều thực sự có ý nghĩa, chi phối cách nhà văn hư cấu, xây dựng hình tượng trong tác phẩm.

Phương tiện phi ngôn ngữ trong văn bản và văn bản đa phương thức

- Con người sử dụng rất nhiều loại văn bản để trao đổi thông tin: các văn bản thông dụng thường chỉ sử dụng phương tiện ngôn ngữ; một số văn bản sử dụng kết hợp cả phương tiện ngôn ngữ và phương tiện phi ngôn ngữ, nhằm tăng lượng thông tin và hiệu quả tiếp nhận thông tin.
- Đặc biệt, cần kể đến loại văn bản đa phương thức mà phần trọng tâm là các kiểu hình ảnh được sắp xếp, kết hợp để truyền đạt thông tin quan trọng (hình vẽ, sơ đồ, các mảng màu sắc, hình khối,...). Ngôn ngữ chỉ là phương tiện hỗ trợ thêm trong việc truyền đạt thông tin: ghi chú, dẫn giải,...

THÁCH THỨC ĐẦU TIÊN

Chinh phục những cuốn sách mới

TRƯỚC KHI ĐỌC

1. Hãy bổ sung những cuốn sách mới cho góc đọc sách, thư viện mở của lớp học. Tự làm mới góc đọc sách theo cách mà em và các bạn cảm thấy hứng khởi và thú vị nhất.
2. Cùng thảo luận để xây dựng mục tiêu đọc sách của cá nhân và của nhóm. Trình bày mục tiêu đó và trao đổi để tìm hiểu cách đọc sách hiệu quả trong dự án đọc mới của em và các bạn.



Một số cuốn sách phù hợp với các thể loại và chủ đề em đã học ở lớp 7

CÙNG ĐỌC VÀ TRẢI NGHIỆM

Cuốn sách mới — chân trời mới

1. Từ mục tiêu đọc sách đã xác định, hãy chọn một số cuốn sách văn học, sách khoa học hoặc sách bàn luận về những vấn đề của cuộc sống để tìm hiểu, khám phá những điều bổ ích, thú vị. Việc đọc sách sẽ hiệu quả hơn nếu các em tập trung vào một số chủ đề của các bài đã học để chọn sách: *Bầu trời tuổi thơ*, *Khúc nhạc tâm hồn*, *Cội nguồn yêu thương*, *Giai điệu đất nước*, *Màu sắc trăm miền*, *Bài học cuộc sống*, *Thế giới viễn tưởng*, *Trải nghiệm để trưởng thành*, *Hoà điệu với tự nhiên*. Có thể đọc trọn vẹn một số cuốn sách có đoạn trích đã học như: *Đất rừng phương Nam* (Đoàn Giỏi); *Tốt-tô-chan bên cửa sổ* (Cư-rô-ya-na-gi Tê-sư-cô); *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ* (Nguyễn Ngọc Thuần); *Người thầy đầu tiên* (Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp) hoặc *Những bức thư gửi cháu Sam* (Đa-ni-en Gốt-li-ép); *Nóng, Phẳng, Chật* (Thô-mát L. Phrít-man).

2. Tập trung vào một hoặc hai cuốn sách mà em thấy hữu ích và thú vị nhất, đọc và ghi chép những thông tin cần thiết để có thể trao đổi với các bạn sau khi đọc. Cùng với những thông tin về tên sách, tác giả, nhà xuất bản, năm xuất bản hoặc tái bản, em cần chú ý xác định những vấn đề sau:

- a. Đề tài: Cuốn sách đề cập phạm vi nào của đời sống?
- b. Bố cục và nội dung chính: Cuốn sách có mấy chương, phần? Nội dung chính của từng chương, phần là gì?
- c. Nhân vật, sự kiện, bối cảnh nổi bật nào được thể hiện trong cuốn sách?
- d. Có những chi tiết nào quan trọng? Những đoạn văn, câu văn nào có thể gợi lên ý nghĩa, vấn đề chính trong cuốn sách?
- e. Chủ đề, ý nghĩa, bài học mà em có thể rút ra sau khi đọc cuốn sách là gì?

Đọc cùng nhà phê bình

Sau khi đã đọc những cuốn sách thú vị, em hãy thử hình dung mình trong vai một nhà phê bình để tìm hiểu, bàn luận: đặc điểm nội dung và hình thức của tác phẩm trong mối quan hệ với tác giả, với hoàn cảnh sáng tác, thời đại,... Từ đó, khái quát được giá trị chung của tác phẩm và giới thiệu tác phẩm với bạn đọc khác.

Trong bài 1. *Bầu trời tuổi thơ*, em đã được gặp gỡ tác giả Võ Quảng qua bài thơ *Ngàn sao làm việc*. Võ Quảng còn là một nhà văn được yêu mến, để lại ấn tượng sâu sắc qua những tác phẩm truyện hấp dẫn và cảm động về tuổi thơ, quê hương và cách mạng như *Quê nội* (bao gồm hai phần: phần 1. *Quê nội*; phần 2. *Tảng sáng*). Sau khi tìm đọc tác phẩm này, em hãy đọc văn bản sau của tác giả Trần Thanh Địch⁽¹⁾ để có thể hiểu sâu hơn về giá trị nội dung và nghệ thuật của bộ truyện *Quê nội*.

Đọc văn bản

Vẻ đẹp giản dị và chân thật của *Quê nội* (Võ Quảng)⁽²⁾

Trích *Võ Quảng*, TRẦN THANH ĐỊCH

Mỗi tác giả có một lối, một ngón nghề riêng trong cách nhìn, cách nghĩ, cách viết. *Tảng sáng* cũng như *Quê nội* là những tập truyện dài gần như không có cốt truyện với nhiều tuyến và nhiều khóm nhân vật hoạt động. Thế mà truyện âm thầm như một mùi hương gây mê, có sức hấp dẫn và quyến rũ lạ lùng.

Theo dõi

Vấn đề được nêu ra để bàn luận.

⁽¹⁾ Trần Thanh Địch (1912 – 2007) quê ở Thừa Thiên – Huế, là nhà văn, nhà báo và nhà phê bình. Ông có nhiều tác phẩm viết cho thiếu nhi được yêu mến và đánh giá cao như: *Đôi tai mèo* (1973), *Một cần câu* (1993),...

⁽²⁾ Nhan đề do người biên soạn đặt.

Nội dung câu chuyện xảy ra trong những khung cảnh quê hương. Một nông thôn miền Trung, tại thôn Hoà Phước, bên con sông Thu Bồn vào những ngày rất mới mẻ – như một buổi tảng sáng – sau Cách mạng tháng Tám thành công. Các nhân vật là những người nông dân bình thường, mấy cô bác kèm luôn theo bên chân mấy chú nhóc hiếu động trong thôn, trong làng, trong xóm, vừa tự xây dựng chính quyền cách mạng địa phương vừa chuẩn bị chống giặc giữ làng. Đây là một sự chuyển mình toàn bộ, thay đổi toàn diện của chế độ xã hội mới, ngấm dần vào từng gia đình vào từng con người, từ già đến trẻ. Nó làm thay đổi hẳn những nếp sống thường ngày từ trước. Thay đổi nếp sống là hết sức phức tạp cho nên trong từng con người thường có những đột biến không thường. Họ thường làm việc hơi quá sức mình một chút. Suốt ngày họ lo đến công việc xã hội hơn là công việc nhà mình. Nông thôn sôi động như một gia đình vừa thức giấc. Tiếng nói, tiếng cười, tiếng gọi nhau í ới đi luyện tập quân sự. Trong *Tảng sáng*, những Cục, Cù Lao, bà Kiến, ông Hai Dĩ, thầy Lê Tảo,... là những con người thật đáng yêu. Mỗi người đều mang một cá tính riêng nhưng lại giống nhau ở sự tích cực làm việc xã hội. Trong đó có một nhân vật xuất hiện tuy không nhiều nhưng thật nổi đình nổi đám. Đó là bà Kiến. Cục và Cù Lao được phân công đến dạy chữ cho bà thì... hoá ra đây lại là một kẻ tiếng Tây, tiếng Tàu, ca dao tục ngữ, hò vè thơ ca Việt Nam thấy đều thông thạo, bà ta thuộc nhớ và đọc chơi vanh vách. Một tuyến nhân vật thứ hai nữa có mặt ít hơn, nhưng vẫn xuất sắc và lí thú không kém các nhân vật trên: chị Ba, anh Bốn Linh, chú Năm Mùi, anh Bảy Hoành, ông Tư Đàm, cô Tuyết Hạnh. Rồi một tuyến nhân vật thứ ba nữa, cũng rất quan trọng và bề thế; đó là anh Trâu Bình và những chú chó từng nhà mà những sinh hoạt của chúng luôn luôn khăng khít ở bên con người. Trâu Bình là một nhân vật thân thuộc, lung linh, trở đi trở lại qua nhiều tập truyện của tác giả từ *Cái thặng*. Còn những chú chó thì vô cùng đa dạng, mỗi con một tính, mỗi đứa một nét, mỗi Văn, Vện một thái độ. Chúng càng nổi rõ tính tình hoặc phong cách ra trong những lúc giận dữ, sợ sệt, hay an phận thủ thường.

Quê nội và *Tảng sáng* được viết theo lối tự sự qua vai “tôi”. Vai “tôi” trong tiểu thuyết thường có những thể mạnh, tưởng như bọc tuệch gửi gắm trong cả “tâm lòng” tác giả. Vai “tôi” dễ có điều kiện thủ thủ dẫn dắt bạn đọc đi vào những suy nghĩ thâm kín của nhân vật – và từ đó, đẩy ống kính vào cận cảnh các “nhân vật vệ tinh” khác của mình. Tuy nhiên vai “tôi” cũng bị khá nhiều

Theo dõi

Ý kiến của người viết về hoàn cảnh đời sống trong tác phẩm.

Theo dõi

Ý kiến của người viết về thế giới nhân vật trong tác phẩm.

Theo dõi

Cách nêu bằng chứng để làm rõ ý kiến của người viết.

Theo dõi

Ý kiến của người viết về người kể chuyện trong tác phẩm.

nhược điểm, mà nhược điểm lớn nhất là không nhìn được xa, không nói được nội tâm, suy nghĩ của các nhân vật trực diện khác [...].

Tâm hồn chúng ta – bạn đọc người lớn cũng như trẻ em – có là cục đá thì mới không xúc động xao xuyến với những trang tả cảnh đồng bào ta gọi nhau đi học ban đêm qua những ngọn đèn bồng bênh từ nhà này trôi sang nhà khác, những trang đặc tả một đốm lửa xoẹt lên từ mẩu que diêm lúc ban đầu đang còn ồm yếu và do dự, những trang tả về bà Kiến học đánh vần mà cứ để thêm vào từng câu ca dao ứng khẩu tài tình, những trang viết về bọn chó nổi xung rượt đuổi ông Hai Dĩ, những trang nói đến bọn lính Tàu Tưởng ăn bún xáo không biết nhai mà chỉ nuốt tuốt, những trang châm phá hình dáng những thân sung nhìn qua buổi chiều vàng, những trang tả cảnh sông nước bập bênh thúc hích xuống con bên bụng thuyền lớn như đang đòi bú tí, và bao nhiêu chi tiết ngắn dài rải rác hay tập trung qua từng chương sách...

(Trần Thanh Định, *Bàn về văn học thiếu nhi*, NXB Kim Đồng, Hà Nội, 1983, tr. 147 – 151)

Theo dõi

Nhận xét chung về sức hấp dẫn của tác phẩm.

Sau khi đọc

Trả lời câu hỏi

1. Người viết tập trung bàn luận về vấn đề gì trong tác phẩm *Quê nội* của Võ Quảng?
2. Để bàn về vấn đề, người viết đã nêu những ý kiến gì về đặc điểm nội dung, nghệ thuật của tác phẩm? Em căn cứ vào đâu để xác định như vậy?
3. Hãy tìm những lí lẽ, bằng chứng được người viết sử dụng nhằm làm sáng tỏ ý kiến về các đặc điểm của tác phẩm *Quê nội*. Cách trình bày bằng chứng của người viết có điều gì đáng chú ý?
4. Mối quan hệ giữa mục đích viết và đặc điểm, nội dung chính của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học được thể hiện như thế nào trong bài viết này?

Viết kết nối với đọc

Tưởng tượng em là một nhà phê bình, hãy viết đoạn văn (khoảng 6 – 8 câu) nêu ý kiến của em về một tác phẩm văn học về đề tài tuổi thơ hoặc quê hương, đất nước mà em đã đọc.

Đọc và trải nghiệm cùng nhân vật

Em có thể tìm thấy trong cuốn sách đã đọc những nhân vật mà em yêu thích. Đó là nhân vật văn học được xây dựng theo sự tưởng tượng của tác giả, nhưng vẫn có mối liên hệ với những mẫu người trong đời thực. Để tìm hiểu về nhân vật, em có thể tưởng tượng cảnh mình đang đối thoại với nhân vật yêu thích trong một cuộc gặp gỡ.

Bằng cách đặt ra những câu hỏi phỏng vấn nhân vật như trong một cuộc trò chuyện, em có thể tìm được câu trả lời về nhân vật trong và sau khi đọc. Chọn cách xưng hô, gọi nhân vật bằng tên hoặc dùng các đại từ nhân xưng, danh từ thay thế đại từ phù hợp với đặc điểm, tuổi tác của nhân vật: *bạn, ông, bà, cô, chú, cậu,...*

Tham khảo những câu hỏi sau:

- Bạn từ đâu đến?
- Vì sao bạn lại trở thành nhân vật trong tác phẩm này?
- Sở thích của bạn là gì?
- Bạn thấy mình có gì nổi bật (về sở thích, tính cách)?
- Bạn muốn nói điều gì nhất nếu được kể về cuộc đời của chính mình?
- Bạn quan tâm đến ai hay điều gì hơn cả?
- Điều bạn muốn làm tiếp là gì nếu bước ra ngoài trang sách?

Em có thể đặt thêm một số câu hỏi mà cuộc đời nhân vật gợi ra cho em và tìm kiếm câu trả lời từ cuốn sách hoặc liên hệ với thực tế cuộc sống để cùng nhân vật có một cuộc trò chuyện thật bổ ích, thú vị.

Đọc và trò chuyện cùng tác giả

Qua những cuốn sách đã đọc trong dự án của năm học này, em không chỉ gặp gỡ các nhân vật đáng nhớ mà còn được làm quen với tác giả – người đã sáng tạo ra nhân vật văn học. Chắc hẳn em cũng muốn biết tác giả đã sáng tạo, xây dựng nhân vật như thế nào. Xây dựng một nhân vật cũng có thể ví như đã tạo nên được một cuộc đời mới. Điều đó quả là tuyệt diệu phải không?

1. Đọc bài thuật lại cuộc “phỏng vấn” rất thú vị của một độc giả nhỏ tuổi với nhà văn Nguyễn Quang Thiều – tác giả truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi* – để có thể hiểu thêm về sự ra đời và cuộc sống của nhân vật do nhà văn sáng tạo trong tác phẩm.

Mon và Mên đang ở đâu?

Một buổi sớm mùa hè, sau cơn mưa, tôi đã gặp một cậu bé trên triền đê sông Đáy. Chúng tôi đã trò chuyện cùng nhau về *Bầy chim chìa vôi*. Cậu bé đã “phỏng vấn” tôi:

- Chú Thiều ơi, chú đã gặp Mon và Mên bao giờ và ở đâu?
- Chú đã gặp hai cậu bé này trong chính tuổi thơ của mình. Bởi anh em họ là bạn cùng lứa tuổi với chú. Bọn chú là những đứa trẻ sinh ra và lớn lên ở một ngôi làng ven bờ sông Đáy. Suốt tuổi thơ, sông Đáy trở thành người bạn thân thiết của bọn chú. Trong những lùm dừa dại, bụi tầm xuân, những đám cỏ đuôi chó,... là một thế giới kì thú của chim chóc và côn trùng. Chính thế mà bọn chú chứng kiến

và hiểu được đời sống của bầy chim chìa vôi. Khi viết câu chuyện này chú đặt tên họ là Mon và Mên, chứ tên thật của họ không phải thế. Chú sáng tác mà. Ngoài giờ học, bọn trẻ làng chú lúc nào cũng bên nhau lang thang dọc triền sông. Cháu có những đứa bạn như vậy không?

– À, có chứ. Cháu có những đứa bạn như vậy. Thỉnh thoảng tụi cháu cũng cãi lộn hoặc đánh nhau vài cái. Nhưng rồi lại chơi với nhau thôi. Thế vì sao mà chú lại nghe được câu chuyện riêng của Mon và Mên trong chiếc chăn dạ rách giữa đêm mưa?

– Cãi lộn hả? Cũng không sao. Nhưng không nên đánh nhau đâu nhé! Chú nghe được câu chuyện của hai anh em Mon và Mên không phải vì chú có đôi tai thần hay chú là một gã phù thủy tinh ranh mà vì trong một buổi chiều mưa, lũ trẻ làng chú đã nói về bầy chim chìa vôi non ở ngoài bãi sông. Lũ chim non là điều bọn trẻ quan tâm nhất lúc đó. Và trong đêm mưa lớn ấy, chú nghĩ, tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non.

– Vậy sao? Lúc ấy chú ở cùng Mon và Mên à? Nhưng sao cháu chẳng thấy chú nói gì, làm gì cả. Thế là thế nào nhỉ? Sao chú không cùng các cậu ấy đi cứu bầy chim chìa vôi? Lỡ có gì nguy hiểm xảy ra với Mon và Mên thì sao? Trẻ em không nên bơi thuyền ra bãi sông như vậy. Cần có người lớn. Chú hiểu không?

– Có lẽ... cháu nói đúng. Chú đã làm gì lúc ấy nhỉ? Để chú nhớ lại xem nào... Chú hơi già rồi và bắt đầu quên vài điều. À, sau đó, Mon và Mên đã kể cho lũ trẻ trong làng việc đi cứu bầy chim non. Tất cả lũ trẻ đều vô cùng khâm phục anh em Mon, Mên. Sau này trở thành nhà văn, chú đã viết lại câu chuyện đó.

– Chú nhớ nhé! Cần giúp bạn mình khi gặp nguy hiểm. Thế bây giờ Mon và Mên bao nhiêu tuổi rồi? Và họ đang ở đâu?

– À, câu hỏi này của cháu làm chú hơi bối rối đấy. Nhưng cháu có thể đoán xem Mon và Mên giờ đang ở đâu. Và bầy chim chìa vôi của các cậu ấy nữa... Cháu có thể kể tiếp câu chuyện mà chú đã kể phải không? Nhưng điều làm chú buồn là ven sông Đáy bây giờ không còn thấy chim chìa vôi nữa. Con người đang tàn phá thiên nhiên và chắc bầy chìa vôi đã bỏ đi rất xa.

– Vậy khi nào bầy chìa vôi sẽ trở về ạ?

– Khi nào các cháu yêu thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên thì lúc đó bầy chìa vôi sẽ trở về.

(Theo Nguyễn Quang Thiều, *Mon và Mên đang ở đâu?*,
tạp chí Văn học và Tuổi trẻ, số 9 (482 + 483)/2021)

2. Trả lời câu hỏi

- Mon và Mên là ai trong mối quan hệ với nhà văn – tác giả truyện ngắn *Bầy chim chìa vôi*?
- Vì sao nhà văn khẳng định rằng “tất cả lũ trẻ làng chú đều thức để lắng nghe tiếng mưa, cùng nghĩ về bãi sông và lo cho bầy chim chìa vôi non”?
- Cậu bé – người “phỏng vấn” tác giả – ngạc nhiên vì điều gì?
- Ngoài Mon và Mên, ai là người có trải nghiệm và kỉ niệm sâu sắc về đêm mưa, bãi sông và bầy chim chìa vôi?
- Theo em, Mon và Mên đang ở đâu? Bầy chim chìa vôi đã bay đi đâu?

3. Chọn đọc một cuốn sách đang gây sự tò mò, chú ý đối với em (có thể đọc một truyện, một bài thơ, một chương, phần,... nếu cuốn sách có nhiều nội dung). Trong quá trình đọc, thử hình dung em có thể đặt ra những câu hỏi nào để làm rõ hơn điều em muốn biết: cách tác giả tạo nên nhân vật hoặc những chi tiết tiêu biểu, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm trong cuốn sách.

Viết

THÁCH THỨC THỨ HAI Từ ý tưởng đến sản phẩm

Từ những điều đã đọc, trải nghiệm cùng nhân vật, trò chuyện cùng tác giả, tưởng tượng, hình dung về thế giới đời sống trong trang sách, hẳn em đã có những ý tưởng sáng tạo thú vị. Hãy lựa chọn một trong những hoạt động sau để thể hiện ý tưởng của mình cùng các bạn:

- Thể hiện nội dung tóm tắt của một câu chuyện theo hình thức truyện tranh. Cố gắng sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ (hình vẽ hoặc các kí hiệu chỉ dẫn) để có thể hỗ trợ cho việc thể hiện nội dung một cách sinh động và hiệu quả.
- Kể lại một câu chuyện em đã đọc theo hình thức thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học mà em yêu thích (trong cuốn sách đã đọc), có thể vẽ minh họa các chi tiết, sự việc để bài phân tích được sinh động, hấp dẫn hơn.

Tham khảo một số sản phẩm sáng tạo của các bạn học sinh

- Thể hiện nội dung của một câu chuyện theo hình thức truyện tranh.

BẦY CHIM CHỮA VỚI

Nguyễn

Quang

Thiền



- Kể lại một câu chuyện theo hình thức thơ năm chữ.



Viết bài văn phân tích một nhân vật văn học yêu thích trong cuốn sách đã đọc

Yêu cầu đối với bài văn phân tích một nhân vật văn học trong cuốn sách đã đọc:

- Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học: lai lịch, hoàn cảnh, tình huống xuất hiện và những ấn tượng đặc biệt ban đầu (nếu có).
- Chỉ ra được đặc điểm, tính cách nhân vật qua bằng chứng cụ thể về ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, tâm trạng của nhân vật được miêu tả trong tác phẩm.
- Nhận xét, đánh giá nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn: biện pháp nghệ thuật, cách sử dụng hoặc nhấn mạnh những chi tiết làm rõ đặc điểm nhân vật.
- Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả.

Hoàng tử bé: trò chuyện để thấu hiểu và yêu thương

Hoàng tử bé – nhân vật của nhà văn Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri đã trở thành người bạn của biết bao

Giới thiệu nhân vật.

bạn nhỏ trên hành tinh này. Nhân vật người phi công đã gặp cậu bé trên hành trình bay đêm của mình và kể lại: “Vào đêm đầu tiên tôi phải ngủ trên cát, cách xa nơi con người ở hàng ngàn dặm. Lúc đó tôi còn cô độc hơn cả một kẻ đắm tàu đang lênh đênh trên một cái bè ở giữa biển khơi...”. Chính vào khoảnh khắc đó, giọng nói của hoàng tử bé đã vang lên và cuộc trò chuyện kì lạ bắt đầu: “Xin vui lòng... vẽ hộ tôi một con cừu”.

Hoàng tử bé được nhà văn miêu tả như là “một cậu bé thật khác thường”. Nhưng không phải bằng lời mà bằng một bức vẽ minh họa trong tác phẩm: “Nhưng dĩ

Nhận xét về nghệ thuật miêu tả nhân vật.

nhiên bức vẽ của tôi không bằng một nửa sự quyến rũ của người mẫu”. Sự xuất hiện bất ngờ mà rất tự nhiên của hoàng tử bé trong sa mạc bắt đầu bằng giọng nói “nhỏ nhẹ kì lạ”. Vì sao? Vì cậu bé ấy luôn cố gắng để trò chuyện với tất cả: người phi công, những bông hồng trên hành tinh nhỏ bé của cậu, những con người kì lạ hay thậm chí kì cục trên các tiểu hành tinh khác nữa,... Những cuộc trò chuyện tưởng như đứt quãng, nhiều khi rời rạc hoặc đi vào bế tắc: cuộc trò chuyện với ông vua trên hành tinh thứ nhất, cuộc trò chuyện với gã kiêu căng trên hành tinh thứ hai, cuộc trò chuyện với bọm nhậu ở một hành tinh tiếp theo,...

Mặc dù nhiều lúc hoàng tử bé bắt đầu cảm thấy chán vì sự kì quặc và vô nghĩa của những con người này, cậu vẫn không ngừng hành trình kiếm tìm những cuộc trò chuyện để có thể lắng nghe, thì thầm, chia sẻ,...

Nêu rõ đặc điểm nhân vật dựa trên bằng chứng trong tác phẩm.

Rồi cuối cùng, hành tinh thứ bảy mà cậu đặt chân đến là Trái Đất. Cậu bé dường như chẳng vướng phải một “rào cản ngôn ngữ” nào. Đến từ một tiểu hành tinh xa lạ, viễn du qua bảy hành tinh khác nhau – hoàng tử bé là một cậu bé bình thường hay chính là thiên sứ từ vũ trụ? Trong bất kì hoàn cảnh nào, hoàng tử bé dường như không hề biết mệt mỏi, không đói, không khát, không sợ sa mạc hay bóng tối. Chẳng có thứ gì đáng kể trong tay, điều duy nhất cậu có thể làm được là trò chuyện để hiểu về người khác, về thế giới, để học cách chia sẻ và yêu thương. Không chút sợ hãi và hồ nghi, cậu trò chuyện với rắn – con vật đầu tiên cậu gặp trên Trái Đất và để cho con vật đáng sợ ấy quấn quanh mắt cá chân của mình “như một chiếc vòng vàng”. Trong sa mạc, hoàng tử bé còn tiếp tục trò chuyện với bông hoa rất ít cánh, với ngọn núi, vườn hồng, con cáo,... Trong bất kì cuộc trò chuyện nào, dù ngắn ngủi, giản đơn hay khó hiểu,

phức tạp nhất, hoàng tử bé cũng không quên nói những lời tốt lành, lời chúc, lời tạm biệt đầy âu yếm, tự nhiên: “Bạn thật xinh đẹp!”, “Chúc một ngày tốt lành!”, “Minh rất xin lỗi!”,... Cậu không ngừng cố gắng để trò chuyện, ghi nhớ, hiểu về người khác và tìm cách kết bạn...

Hoàng tử bé không thể chống lại nọc độc của con rắn – con vật không thể cảm hoá – nhưng cậu vẫn dành cho nó những lời bào chữa bao dung nhất: “Những con rắn là loài vật hoang dã. Chúng có thể cắn chỉ để vui thôi...”. Trong khoảnh khắc đau đớn ấy, cậu vẫn dành những lời an ủi cho những người bạn của mình: người phi công và đoá hoa hồng đang ở xa... Hoàng tử bé đã rời xa Trái Đất và trở về với hành tinh của mình. Nhưng giọng nói của cậu dường như vẫn ngân lên trong tâm trí người đọc, thì thầm với chúng ta về tình yêu thương, lòng vị tha và niềm khao khát được sẻ chia, thấu hiểu.

Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề của tác phẩm.

(Nhóm biên soạn)

Thực hành viết theo các bước

1 TRƯỚC KHI VIẾT

a. Lựa chọn đề tài

Hãy quan tâm đến những đặc điểm nổi bật, sự độc đáo hoặc những phẩm chất tích cực của nhân vật vì cách chọn nhân vật để phân tích phản ánh quan niệm, suy nghĩ của người viết.

b. Tìm ý

Em có thể tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi như:

- Nhân vật xuất hiện trong cuốn sách, tác phẩm nào?
- Vì sao em yêu thích nhân vật? Điều gì khiến em quyết định lựa chọn phân tích nhân vật này?
- Nhân vật có những đặc điểm nào nổi bật (ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, suy nghĩ,...)? Những đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất, giá trị của nhân vật?
- Nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn có gì đặc sắc?
- Nhân vật gợi cho em liên tưởng, suy nghĩ và rút ra bài học gì?

c. Lập dàn ý

Sắp xếp các ý đã tìm được theo bố cục của bài viết.

Mục đích viết

Phân tích nhân vật yêu thích để làm rõ những đặc điểm đáng chú ý, cuốn hút của nhân vật.

Người đọc

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến cuốn sách và nhân vật.

Dàn ý

- *Mở bài*: Giới thiệu nhân vật và nêu ngắn gọn ấn tượng ban đầu của em về nhân vật.
- *Thân bài*:
 - + Bối cảnh và những mối quan hệ làm nổi bật đặc điểm nhân vật.
 - + Những đặc điểm nổi bật của nhân vật thể hiện qua các bằng chứng trong tác phẩm (chi tiết về ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật).
 - + Nghệ thuật xây dựng nhân vật: cách sử dụng chi tiết, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật,...
 - + Ý nghĩa của hình tượng nhân vật.
- *Kết bài*: Nêu những bài học, suy nghĩ, ấn tượng sâu sắc mà nhân vật để lại trong tâm trí em.

2 VIẾT BÀI

Khi thực hành viết bài văn phân tích nhân vật yêu thích, em cần chú ý vai trò của các phần: Mở bài, Thân bài và Kết bài. Có thể tách phần Thân bài thành các đoạn theo các ý chính đã dự kiến. Sử dụng các chi tiết, bằng chứng làm rõ đặc điểm nhân vật theo hai cách: tóm tắt hoặc trích nguyên văn.

3 CHỈNH SỬA BÀI VIẾT

Đọc lại bài viết để tự kiểm tra dựa trên những gợi ý sau:

- Tên nhân vật, tên sách, tác giả và các chi tiết liên quan có chính xác không?
- Bằng chứng cho các đặc điểm của nhân vật và nghệ thuật xây dựng nhân vật trong truyện đã đủ và phù hợp chưa?
- Có lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, tổ chức đoạn văn hay không?

Nói và nghe

VỀ ĐÍCH

Ngày hội với sách

Sau khi chinh phục những cuốn sách mới, đọc cùng nhà phê bình, trò chuyện cùng nhân vật và tác giả, kể lại câu chuyện theo hình thức thơ bốn chữ, thơ năm chữ hoặc hình thức truyện tranh, viết bài văn phân tích nhân vật, em đã có những thu hoạch bổ ích, những sản phẩm có thể mang ra trưng bày và sử dụng để thuyết trình, giới thiệu cùng các bạn. Hãy cố gắng đóng góp cho *Ngày hội với sách* những điều thú vị, hữu ích nhất theo cách của em.

Chọn một trong hai hoạt động sau để cùng tham gia trình bày với các bạn:

Giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách

Tham gia giới thiệu các sản phẩm sáng tạo từ sách của cá nhân và tập thể: truyện tranh, pô-xtơ giới thiệu nhân vật, các hình thức tóm tắt tác phẩm,... Có thể sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ kết hợp lời giới thiệu, thuyết trình ngắn để giải thích về sản phẩm sao cho sinh động, hấp dẫn với người nghe.

Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách

Sách vừa là người bạn, vừa là người thầy suốt đời của mỗi chúng ta. Sau chuỗi hoạt động của dự án đọc trong bài 10, em hãy cùng các bạn trao đổi ý kiến, thảo luận về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách giúp mọi người cùng nhận ra tầm quan trọng của việc đọc sách với quá trình học tập và phát triển bản thân.

1 TRƯỚC KHI NÓI

a. Chuẩn bị nội dung và phương tiện để trình bày

– Lựa chọn và xác định nội dung cần trình bày:

+ Xem lại sản phẩm sáng tạo từ sách và chọn sản phẩm độc đáo, thú vị mà em muốn giới thiệu.

+ Lập dàn ý bài nói trước khi trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách, đánh dấu những nội dung cần nhấn mạnh, cần làm rõ và thuyết phục người nghe.

– Xác định các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp cần sử dụng để hỗ trợ cho bài nói về sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách: hình ảnh, sơ đồ, tranh vẽ hoặc bản nhạc không lời (nếu cần).

b. Tập luyện

Em có thể chọn hình thức tập luyện:

– Tập luyện một mình để ghi nhớ nội dung và chọn cách diễn đạt phù hợp.

– Trình bày trước các bạn trong nhóm học tập, cùng các bạn trao đổi để có thể lắng nghe góp ý nhằm điều chỉnh nội dung trình bày và diễn đạt sao cho rõ ràng, mạch lạc, có sức thu hút.

Hãy cố gắng để việc giới thiệu sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc trình bày quan điểm của em về việc đọc sách trở nên thú vị, hấp dẫn, cuốn hút và để lại ấn tượng sâu sắc với người nghe.

Mục đích nói

Chọn một trong hai mục đích nói sau đây để chuẩn bị và trình bày bài nói:

- Giới thiệu để làm rõ ý nghĩa những sản phẩm sáng tạo từ sách.
- Trình bày ý kiến về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.

Người nghe

Thầy cô, bạn bè và những người quan tâm đến kết quả dự án đọc sách và quan điểm của em về tác dụng, ý nghĩa của việc đọc sách.

- Trình bày một cách rõ ràng các nội dung đã chuẩn bị.
- Nhấn mạnh những đặc điểm nổi bật của sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc làm rõ quan điểm của em về việc đọc sách qua lí lẽ xác đáng và bằng chứng cụ thể.
- Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ phù hợp để phần trình bày hấp dẫn hơn.

Trao đổi về bài nói theo một số gợi ý sau:

Người nghe	Người nói
• Nghe và ghi vắn tắt những đặc điểm nổi bật của sản phẩm sáng tạo từ sách hoặc quan điểm về việc đọc sách để có thể trao đổi, nêu câu hỏi sau khi người nói trình bày. • Nêu ý kiến về nội dung bài nói và cách trình bày.	• Nghe góp ý và phản hồi những ý kiến của người nghe về nội dung bài nói một cách phù hợp, rõ ràng, có thể bổ sung những điểm cần làm rõ thêm. • Trao đổi lại với người nghe về cách trình bày để có thể rút kinh nghiệm và điều chỉnh một cách hiệu quả.

ÔN TẬP HỌC KÌ II

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được kiến thức về các loại, thể loại văn bản đọc, kiến thức tiếng Việt và kiến thức về các kiểu bài viết, bài nói đã được học, thực hành theo *Ngữ văn 7*, tập hai.
- Vận dụng được kiến thức và kĩ năng đã được học, rèn luyện trong cả năm học vào giải quyết những bài tập tổng hợp.

A. ÔN TẬP KIẾN THỨC

1. Em đã được học về những loại, thể loại văn bản nào trong học kì II? Hãy trả lời câu hỏi này bằng một bảng tổng hợp hay sơ đồ phù hợp.
2. Với *Ngữ văn 7*, tập hai, em đã được tìm hiểu sâu về một số thể loại văn bản mới, chưa học trước đó. Nêu tên và đặc điểm nổi bật của các thể loại này kèm danh mục văn bản cụ thể vào bảng sau (bảng được kẻ vào vở):

STT	Tên thể loại văn bản	Đặc điểm nội dung	Đặc điểm hình thức	Tên văn bản hoặc nhóm văn bản đã học

3. Trong học kì II, những kiến thức tiếng Việt nào được ôn lại và những kiến thức tiếng Việt nào lần đầu được học? Hãy điền thông tin phù hợp vào bảng được lập theo mẫu gợi ý sau:

STT	Bài học	Kiến thức được ôn tập	Kiến thức mới

4. Nêu những kiểu bài viết mà em đã thực hành với *Ngữ văn 7*, tập hai. Kiểu bài nào được xem là mới và yêu cầu cụ thể của những kiểu bài đó là gì? Hãy lập một sơ đồ phù hợp để thể hiện lời giải đáp của em.

5. Lập bảng nhắc lại những đề tài viết (theo từng kiểu bài) mà em đã chọn thực hiện và nêu dự kiến về những đề tài khác có thể viết thêm. Gợi ý mẫu bảng:

STT	Kiểu bài viết	Đề tài đã chọn viết	Đề tài khác có thể viết

6. Trong học kì II, hoạt động nói và nghe đã được thực hiện với những nội dung gì? Nội dung nào trong đó khiến em cảm thấy hứng thú nhất? Vì sao?

B. LUYỆN TẬP TỔNG HỢP

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

1. ĐỌC

a Đọc văn bản

Lời giải thích của nhà khoa học

[...] Ý nghĩ của tôi trước sau vẫn là: con người chưa được hoàn thiện. Trong quá trình tiến hoá, tuy con người có được nhiều cái hơn hẳn tổ tiên, nhưng lại mất đi nhiều cái mà tổ tiên đã có trong những giai đoạn phát triển sơ khai của mình. Sinh hoạt ở dưới nước sẽ cho con người những điều ưu việt lớn lao. Thế thì sao ta không trả lại cho con người cái khả năng đó? Qua lịch sử phát triển của động vật, chúng ta biết rằng tất cả những muông thú sống trên cạn đều thoát thai từ những loài sống dưới nước: chúng đều từ biển bò lên. Chúng ta lại biết rằng một số động vật trên cạn lại quay về sống dưới nước. Cá heo xưa kia là cá, nhưng đã có thời gian bò lên cạn và trở thành động vật có vú. Nhưng sau đó, nó lại quay về biển và vẫn nuôi con bằng sữa như cá voi. Cả cá voi lẫn cá heo đều thở bằng phổi. Có thể giúp cá heo trở thành cá phổi lưỡng thể. Ich-chi-an (Ichthyander) đã yêu cầu tôi làm việc đó. Nếu được, thì bạn của nó là con cá heo Li-đinh (Liding) sẽ có thể cùng nó lặn rất lâu dưới nước.

Tôi đang chuẩn bị làm phẫu thuật đó cho con Li-đinh. Là người cá đầu tiên trên Trái Đất và là người đầu tiên sống trong thế giới của cá, Ích-chi-an không thể không cảm thấy cô đơn. Nhưng nếu những người khác cũng theo chân nó mà thâm nhập vào biển cả thì cuộc sống sẽ khác hẳn. Lúc đó con người sẽ thắng được nước, một lực lượng hùng mạnh của thiên nhiên, một cách dễ dàng. Các ngài hẳn biết lực lượng đó thế nào rồi. Các ngài hẳn biết diện tích các đại dương là 316 triệu 50 ngàn km². Hơn 7 phần 10 diện tích Trái Đất bị nước bao phủ. Khoảng nước mênh mông đó với những trữ lượng cá vô cùng tận về thực phẩm và nguyên liệu cho công nghiệp có thể chứa được hàng triệu, hàng tỉ người. Hơn 316 triệu km² chỉ là diện tích, là bề mặt. Mà con người thì lại có thể ở dưới nước thành nhiều tầng. Hàng tỉ con người có thể sống thênh thang thoải mái dưới nước.

[...] Nghe giáo sư Xan-va-tô (Salvator) nói, tất cả những người có mặt tại toà hôm nay dường như đã trông thấy cái thế giới ngằm dưới nước được con người chinh phục. Nếu chế ngự được biển cả thì sẽ có lợi biết bao!

(A-lếch-xan-đơ-rơ Bê-li-a-ép (Aleksandr Belyaev), *Người cá*, Lê Phương dịch, NXB Lao động, Hà Nội, 2013, tr. 224 – 225, 227)

b Thực hiện các yêu cầu

• Chọn phương án đúng (làm vào vở)

Câu 1. Đoạn trích lấy từ văn bản thuộc loại hay thể loại nào?

- A. Văn bản nghị luận
- B. Truyện khoa học viễn tưởng
- C. Truyện đồng thoại
- D. Văn bản thông tin

Câu 2. Lời của nhà khoa học trong đoạn trích thể hiện khát vọng gì?

- A. Khám phá đại dương và khai thác những nguồn lợi to lớn từ đại dương
- B. Sửa chữa lại cấu trúc cơ thể của con người, giúp con người hoàn thiện hơn
- C. Cải tạo thể chất con người, giúp con người chinh phục thế giới ngằm của đại dương
- D. Chiến thắng nước – một lực lượng hùng mạnh của thiên nhiên

• Trả lời câu hỏi

Câu 1. Theo đoạn trích, nhận thức khoa học nào đã được dùng làm cơ sở để giáo sư Xan-va-tô theo đuổi những dự án lớn lao của mình?

Câu 2. Tìm trong đoạn trích những dấu hiệu hoặc căn cứ cho phép ta xác định được loại hay thể loại của văn bản chứa đựng chính đoạn trích này.

Câu 3. Trong đoạn trích có câu: “*Là người cá đầu tiên trên Trái Đất và là người đầu tiên sống trong thế giới của cá, Ích-chi-an không thể không cảm thấy cô đơn.*”

– Hãy viết lại câu văn trên theo một cấu trúc khác, không làm thay đổi nội dung thông báo chính trong câu.

– Chỉ ra điểm khác biệt về nghĩa giữa câu em vừa viết với câu văn gốc.

Câu 4. Nêu nhận xét về tính thuyết phục của lời giải thích được giáo sư Xan-va-tô đưa ra.

2. VIẾT

Từ những gợi ý của nội dung đoạn trích, hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) về chủ đề: *Đại dương vậy gọi.*

3. NÓI VÀ NGHE

Phác thảo những ý chính cho bài nói về đề tài: *Khai thác và bảo vệ tài nguyên biển.*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

1. ĐỌC

 **Đọc văn bản**

Tự chịu trách nhiệm

Không ai tránh khỏi lỗi lầm, vấp vấp và thất bại trên đường đời, tuy nhiên có sự khác biệt lớn giữa người thành công và kẻ thất bại về cách ứng xử khi gặp những vấn đề trên. Người thành công tìm nguyên nhân thất bại trước tiên từ bản thân mình, còn kẻ thất bại thường tìm cách biện minh⁽¹⁾ bằng những yếu tố bên ngoài như thiếu phương tiện, vốn, thời gian, không nhận được sự giúp đỡ hay hợp tác của người khác. Thế nhưng chính bản thân mới là người quyết định cách hành xử trong mọi tình huống, từ đó tạo dựng cuộc sống hiện tại của mình. Yếu tố quan trọng quyết định sự nghiệp thành bại là ý thức tự chịu trách nhiệm. Chỉ khi nhìn thẳng vào thiếu sót của bản thân mới có cơ hội tự sửa mình và có thái độ khoan dung với lỗi lầm của người khác để thiết lập⁽²⁾ những mối quan hệ tốt, hướng tới điều tốt đẹp hơn.

Tự chịu trách nhiệm có nghĩa là ý thức được rằng kết quả ngày hôm nay chính là hệ quả của những lựa chọn và hành động của bản thân đã thực hiện trong quá khứ, trung thực nhận thức chính mình là nguyên nhân trực tiếp hay gián tiếp của mọi

⁽¹⁾ *Biện minh*: trình bày lí lẽ để bào chữa hoặc chống chế.

⁽²⁾ *Thiết lập*: dựng nên.

thành công hay thất bại. Người có tinh thần cầu tiến luôn biết tự chịu trách nhiệm với mọi hành động và kết quả mà mình nhận được.

Chỉ khi dám tự chịu trách nhiệm, mới tự tin đặt mình vào vị thế chủ động, tự chủ, đầy quyền lực để hành động, nhằm thay đổi hoàn cảnh hiện tại theo hướng mong muốn của mình. Cổ nhân có câu: “Tiên trách kỷ, hậu trách nhân⁽¹⁾”. Sự biện minh, đổ lỗi đồng nghĩa với việc đặt mình vào tình thế bị động, yếu đuối, tự thấy mình bất lực trước sự việc, đánh mất dần sức mạnh bản thân, nên không khỏi trả giá đắt vì tự huỷ hoại quyền làm chủ cuộc đời mình. Khổng Tử⁽²⁾ dạy: “Người khôn ngoan tự hỏi nguyên do lỗi lầm ở bản thân, kẻ khờ dại hỏi nguyên do ở kẻ khác”. Không nên viện dẫn bất kì lí do nào để biện minh về sự thất bại hay những gì mình không đạt được.

[...] Khi không dám nhìn nhận sự thật về sự yếu kém của bản thân, thì trách nhiệm cá nhân được trút lên bất kì ai hay sự việc nào liên quan. Sự thật có tệ hại thế nào chẳng nữa thì nó vẫn tồn tại, không có lời biện minh hùng hồn nào có thể thay đổi nó, do đó, thay vì tìm cách biện minh hay đổ lỗi, cần nghiêm túc tự kiểm điểm bản thân mình trước. Dù có cố gắng tự biện minh và tìm ra bao nhiêu lỗi lầm ở người khác để đổ lỗi thì kết quả cũng không hề thay đổi, mà chỉ gây ra thêm những mối bất đồng, dẫn đến phá huỷ mối quan hệ. Vì vậy, mỗi khi làm điều gì mà không được như ý thì cũng đừng phàn nàn sai đối tượng.

Con người không thể thay đổi hoàn cảnh khách quan, không gian hay thời gian, nhưng bất kì ai cũng hoàn toàn có thể tự thay đổi bản thân mình, nếu muốn. Chỉ khi nhìn thẳng vào trách nhiệm của mình mới có thể tìm ra được giải pháp tích cực để không lặp lại điều bất lợi và không ngừng hoàn thiện bản thân.

(Trần Thượng Tuấn – Nguyễn Minh Huy, *8 kỹ năng mềm thiết yếu – chìa khoá đến thành công*, NXB Lao động, Hà Nội, 2015, tr. 126 – 128)

b Thực hiện các yêu cầu

• Chọn phương án đúng (làm vào vở)

Câu 1. Văn bản trên thuộc loại văn bản gì?

- A. Văn bản thông tin
- B. Văn bản nghị luận
- C. Văn bản văn học

⁽¹⁾ *Tiên trách kỷ, hậu trách nhân*: trước hết phải trách mình, sau đó mới trách người.

⁽²⁾ *Khổng Tử* (551 – 479 trước Công nguyên): người gây dựng học thuyết Nho giáo, là nhà tư tưởng, giáo dục lỗi lạc bậc nhất của Trung Quốc thời cổ đại.

Câu 2. Theo tác giả, mỗi người cần “tự chịu trách nhiệm” về những sai lầm của bản thân để đạt được mục đích chính gì?

- A. Từng bước hoàn thiện bản thân
- B. Biết khoan dung với người khác
- C. Đạt được thành công về sau
- D. Thiết lập những quan hệ tốt

● **Trả lời câu hỏi**

Câu 1. Vẽ sơ đồ đơn giản thể hiện mối quan hệ giữa vấn đề đặt ra và các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được tác giả trình bày trong văn bản.

Câu 2. Phân tích cách triển khai, củng cố lí lẽ mà tác giả đã sử dụng trong đoạn 3 của văn bản.

Câu 3. Nêu suy nghĩ của em về nhận định sau đây của tác giả: “Chỉ khi nhìn thẳng vào thiếu sót của bản thân mới có cơ hội tự sửa mình và có thái độ khoan dung với lỗi lầm của người khác để thiết lập những mối quan hệ tốt, hướng tới điều tốt đẹp hơn”.

Câu 4. Đọc các thành ngữ, tục ngữ sau:

- *Cẩn rằng chịu đựng;*
- *Dám làm dám chịu;*
- *Mình làm mình chịu, kêu mà ai thương;*
- *Chân mình thì lấm bê bê/ Lại cầm bó đuốc đi rê chân người.*

Cho biết thành ngữ, tục ngữ nào có nội dung liên quan một phần tới thông điệp được nêu trong văn bản. Vì sao em xác định như vậy?

Câu 5. *Cầu tiến, vị thế, viện dẫn* là ba trong nhiều từ được dùng trong văn bản có các yếu tố Hán Việt thông dụng. Nêu cách hiểu của em về nghĩa của những yếu tố Hán Việt tạo nên các từ đó và giải thích nghĩa của từng từ.

2. VIẾT

Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) bày tỏ suy nghĩ của em về những con người dám nhận trách nhiệm trước sai lầm, thất bại do chính họ gây ra.

3. NÓI VÀ NGHE

Lập dàn ý cho bài nói về vấn đề: *Điều em muốn chuẩn bị cho bước đường tương lai của mình.*

PHỤ LỤC 1

BẢNG TRA CỬU THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Trang
1	bằng chứng	4, 16, 17, 19, 20,...
2	cảm xúc	10, 21, 22, 54, 102
3	chi tiết	16, 21, 22, 28, 33,...
4	chủ đề	4, 12, 13, 22, 54,...
5	cốt truyện	4, 21, 25, 26, 53,...
6	cước chú	76, 77, 83
7	dấu chấm lửng	25, 26, 41, 42
8	dấu ngoặc kép	42, 83, 98
9	đề tài	4, 16, 18, 19, 25,...
10	hình ảnh	5, 13, 21, 22, 33,...
11	không gian (trong tác phẩm văn học)	25, 26, 33, 38, 39,...
12	lí lẽ	4, 16, 17, 19, 20,...
13	liên kết	20, 21, 25, 26, 34,...
14	lời nhân vật	41
15	mạch lạc	25, 26, 34, 35, 48,...
16	miêu tả	25, 28, 33, 34, 39,...
17	nhan đề	27, 33, 39, 45, 51,...
18	nhân vật	4, 5, 22, 25, 26,...
19	(biện pháp tu từ) nói quá	4, 5, 13, 14
20	phương tiện phi ngôn ngữ	73, 76, 102, 109, 116,...
21	quan điểm (của người viết, người nói)	18, 19, 49, 57, 59,...
22	quan hệ nhân quả	77, 82
23	số liệu	82, 98
24	sơ đồ	36, 87, 96, 97, 102,...
25	sự kiện	25, 26, 34, 45, 46,...

26	tài liệu tham khảo	76, 77, 81, 82, 83,...
27	thành ngữ	4, 5, 7, 10, 11,...
28	thông điệp	50, 58, 61, 63, 77,...
29	thông tin chính của văn bản	85
30	thời gian (trong tác phẩm văn học)	25, 26, 41, 53, 77,...
31	thuật ngữ	48, 54, 55, 64, 80,...
32	tình huống (trong truyện)	4, 11, 21, 25, 26,...
33	truyện khoa học viễn tưởng	25, 26, 33, 50, 53,...
34	truyện ngụ ngôn	4, 5, 10, 21, 22,...
35	tục ngữ	4, 5, 11, 12, 13,...
36	văn bản đa phương thức	102
37	văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống	54
38	vấn đề (đặt ra trong văn bản)	4, 16, 17, 18, 19,...

PHỤ LỤC 2

BẢNG GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

STT	Thuật ngữ	Giải thích
1	cước chú	chú thích đặt ở chân trang hoặc cuối văn bản về một từ ngữ khó hiểu hay một nội dung chưa quen với phần lớn độc giả, vốn xuất hiện trong phần chính của trang hoặc của văn bản; loại chú thích cho biết văn bản hay một số yếu tố của văn bản được lấy từ nguồn nào cũng được gọi là cước chú
2	không gian (trong tác phẩm văn học)	một bối cảnh giàu ý nghĩa nghệ thuật, cho biết vùng, nơi chốn diễn ra câu chuyện, sự việc hoặc làm nảy sinh tâm trạng được nói tới trong tác phẩm
3	liên kết	mối quan hệ gắn nối chặt chẽ về hình thức giữa các yếu tố, các bộ phận trong văn bản, được thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ
4	mạch lạc	sự liên mạch về nội dung của văn bản nhờ sự sắp xếp hợp lí các bộ phận cấu tạo (câu, đoạn), làm nổi bật được tương quan giữa các bộ phận ấy và giúp người đọc, người nghe hình dung được sáng rõ về vấn đề tác giả muốn trình bày

5	nói quá	một biện pháp tu từ phóng đại tính chất, quy mô của đối tượng để nhấn mạnh, tăng sức biểu cảm hoặc gây cười
6	quan hệ nhân quả	quan hệ giữa các sự việc mà ở đó sự việc được nêu trước là nguyên nhân của sự việc được nói sau, tất cả kết nối với nhau thành một chuỗi liên tục
7	tài liệu tham khảo	nguồn thông tin được tìm đọc, tra cứu, học hỏi khi người ta nghiên cứu một vấn đề nào đó; được liệt kê và sắp xếp theo trật tự quy ước, thường được đặt vào phần cuối của văn bản
8	thành ngữ	cụm từ cố định, có nghĩa bóng bẩy; nghĩa của thành ngữ thường không được suy ra từ nghĩa của từng thành tố
9	thời gian (trong tác phẩm văn học)	một bối cảnh của câu chuyện, sự việc, tâm trạng được kể hay thể hiện trong tác phẩm; mang tính ước lệ nghệ thuật, giúp độc giả cảm nhận được ý nghĩa đặc biệt của thời điểm hay chuỗi thời điểm diễn ra câu chuyện, sự việc, tâm trạng ấy
10	thuật ngữ	từ ngữ chỉ khái niệm của một số lĩnh vực chuyên môn hoặc ngành khoa học
11	tình huống (trong truyện)	sự việc then chốt làm phát lộ nhiều mối tương quan trong câu chuyện được kể, thể hiện được những tầng ý nghĩa phong phú của tác phẩm và có thể khiến người đọc đặc biệt chú ý
12	truyện khoa học viễn tưởng	một loại sáng tác nằm ở đường biên giữa khoa học và nghệ thuật, mang tính dự báo về viễn cảnh của đời sống, thể hiện trí tưởng tượng phong phú được nâng đỡ bởi những tri thức sâu sắc về khoa học và chiều hướng phát triển của khoa học trong tương lai
13	truyện ngụ ngôn	một loại truyện kể cỡ nhỏ (bằng văn xuôi hoặc thơ), dùng hình thức ám chỉ, bóng gió để truyền tải nội dung giáo huấn (nhân vật có thể là con người hoặc đồ vật, con vật được nhân hoá)
14	tục ngữ	một loại sáng tác ngôn từ dân gian có hình thức gần với lời nói thường nhưng cô đọng, gây ấn tượng và dễ nhớ, đúc kết những kinh nghiệm đời sống cần được phổ biến rộng rãi hay truyền lại cho đời sau

PHỤ LỤC 3

BẢNG TRA CỨU YẾU TỐ HÁN VIỆT

STT	Yếu tố Hán Việt	Nghĩa: <i>từ Hán Việt (bài)</i>
1	âm	– tiếng, tiếng phát ra, âm nhạc: âm điệu (4) , âm hưởng, âm thanh (2, 3) , âm vang, hoà âm, thanh âm, tri âm,... – tin tức: <i>hồi âm</i>
2	báo	– nói cho biết, truyền đạt thông tin hoặc dấu hiệu: báo cáo (7, 9) , báo động (8) , báo hiệu, cảnh báo (8) , thông báo, trình báo,... – đáp lại, trả lại: <i>báo ân, báo oán</i> ,... – kết quả phải nhận do làm việc xấu: <i>báo ứng, quả báo</i> ,...
3	ca	– bài hát, khúc hát: ca dao (10) , dân ca, hoà ca (4) , quốc ca, thi ca, tráng ca,... – hát, ca ngợi: <i>ca tụng, ca vũ, xướng ca</i> ,...
4	cải	đổi, thay đổi: <i>cải biến, cải cách, cải đạo, cải tạo, cải tiến (5)</i> ,...
5	cấp	nhanh, gấp, vội, khẩn trương: <i>cấp bách, cấp cứu, cấp tốc (7), khẩn cấp (3)</i> ,...
6	cuồng	– trạng thái tinh thần không bình thường: <i>điên cuồng, phát cuồng</i> ,... – phóng túng, kiêu ngạo: <i>cuồng ngạo, cuồng vọng</i> ,... – khí thế mãnh liệt: <i>cuồng nhiệt, cuồng nộ, cuồng phong</i> ,...
7	dao	bài ca dân gian: <i>ca dao, đồng dao (2)</i> ,...
8	dị	dễ, đơn giản, hài hoà: <i>bình dị, dung dị, giản dị (5, 10)</i> ,...
9	dung	– chứa, đựng: <i>dung lượng, dung nạp, dung tích, nội dung (4, 7, 9, 10)</i> ,... – độ lượng với người khác: <i>bao dung, khoan dung</i> ,...
10	dung	tướng mạo, cái vẻ (hình thức, trạng thái) biểu hiện ra ngoài: <i>dung mạo, dung nhan, hình dung (1, 2, 7, 9)</i> ,...

11	đại	– to, lớn, rộng, nhiều: <i>đại chúng</i>, đại dương (7, 9), <i>đại hội</i>, vĩ đại (7),... – chỉ người được xếp ở vị trí hàng đầu trong cùng một thể hệ hoặc trong nhóm: <i>đại ca</i>, <i>lão đại</i>,... – một cách chung chung, không cụ thể, chi tiết: đại khái (1), <i>đại thể</i>,...
12	đắc	– được, giành được, có được: <i>đắc dụng</i>, <i>đắc địa</i>, <i>đắc lực</i>, <i>đắc thắng</i>,... – đúng ý, hài lòng: <i>đắc ý</i>, <i>tự đắc</i>,...
13	đầu	– cái đầu: <i>đầu lâu</i>, <i>đầu não</i>,... – mở đầu: đầu tiên (1, 3, 5, 7, 8, 9), <i>khởi đầu</i>,...
14	đồng	trẻ em: đồng dao (2) , <i>hài đồng</i> , <i>nhi đồng</i> , <i>thần đồng</i> ,...
15	đột	– chợt, ngoài dự liệu: đột ngột (7), đột nhiên (6),... – vượt ra, phá ra: <i>đột kích</i>, đột nhập (7), <i>đột phá</i>, <i>đột xuất</i>,...
16	gian	khó khăn: <i>gian khổ</i> , gian lao (4) , gian nan (5) ,...
17	gian	khoảng, khoảng giữa: dân gian (5) , <i>dương gian</i> , không gian (5, 7, 8, 9) , nhân gian (2) , <i>thế gian</i> , thời gian (1, 5, 6, 7, 8, 9) , <i>trần gian</i> , trung gian (8) ,...
18	giản	trái nghĩa với <i>phức tạp</i> : giản dị (5, 10) , <i>giản đơn</i> , <i>giản lược</i> , <i>giản tiện</i> , đơn giản (9) ,...
19	giáo	– dạy bảo: giáo dục (8), <i>giáo dưỡng</i>, <i>giáo khoa</i>, giáo sư (7), <i>giáo viên</i>, mẫu giáo (8),... – tôn giáo: Giáo hoàng (5), <i>Công giáo</i>, <i>Đạo giáo</i>, <i>Phật giáo</i>, tôn giáo (8),...
20	hoà	– cân bằng, hài hoà: hoà bình (1, 2), hoà ca (4), <i>hoà khí</i>, <i>hiển hoà</i>, thuận hoà (6),... – làm cho cân bằng, hài hoà, không cạnh tranh nhau: <i>hoà đàm</i>, <i>hoà hoãn</i>, điều hoà (9), <i>giảng hoà</i>,...
21	hoan	vui vẻ, cao hứng: hoan hỉ (9) , hoan hô (1) , <i>hoan lạc</i> , hân hoan (3) , liên hoan (5) ,...
22	hiển	– rõ ràng: hiển hiện (7), hiển nhiên (1, 8), <i>hiển thị</i>,... – vẻ vang: <i>hiển hách</i>, <i>vinh hiển</i>,...

23	hiệu	– danh xưng: <i>biệt hiệu, danh hiệu, đạo hiệu, quốc hiệu,...</i> – biểu hiện hình thức cho thấy điều gì đó: <i>báo hiệu, dấu hiệu (7, 9), tín hiệu (7),...</i> – ra lệnh, yêu cầu phải tuân theo: <i>hiệu lệnh, hiệu triệu,...</i>
24	hội	– họp, tập họp lại: <i>hội kiến, hội nghị, hội ngộ, hội thảo, hội tụ, đại hội,...</i> – nơi có đông người, tập họp có tổ chức: <i>đô hội, hiệp hội (7), thương hội, xã hội (8, 9, 10),...</i> – thời: <i>cơ hội, vận hội,...</i> – hiểu biết: <i>lĩnh hội</i>
25	ích	– tăng thêm, làm lợi cho: <i>ích kỉ</i> – điều tốt, điều có lợi: <i>công ích, lợi ích, hữu ích, tiện ích, vô ích (8),...</i>
26	khái	bao quát, đại lược: <i>khái niệm (1, 9), khái quát, đại khái (1),...</i>
27	khẩn	căng, gấp: <i>khẩn cấp (3), khẩn trương,...</i>
28	khẩn	– chân thành: <i>khẩn khoản (3), thành khẩn (9),...</i> – cầu xin: <i>khẩn cầu, cầu khẩn,...</i>
29	khí	– vật chất ở thể khí: <i>khí quyển, chuồng khí, dưỡng khí (1, 7), không khí (1, 4, 5, 7, 9),...</i> – biểu hiện thời tiết của tự nhiên: <i>khí hậu (9), khí tượng (9),...</i> – trạng thái tinh thần của con người: <i>khí khái, khí phách, khí tiết, hoà khí,...</i>
30	khiết	sạch: <i>liêm khiết, thanh khiết, thuần khiết, tinh khiết,...</i>
31	khoa	khoa học: <i>khoa học (1, 7, 9), chuyên khoa, giáo khoa, văn khoa,...</i>
32	kiên	cứng, chắc, bền, không thay đổi, không dao động: <i>kiên cố, kiên cường, kiên định (5), kiên quyết, kiên tâm, kiên trì (7), trung kiên,...</i>
33	lao	– vất vả, nhọc nhằn: <i>lao lực, lao khổ, lao tâm, gian lao (4),...</i> – công sức: <i>lao động (5), công lao,...</i>

34	liên	– liền nhau: <i>liên hoàn, liên miên, liên tiếp, liên tục (3),...</i> – kết nối: liên hoan (5), liên kết (7), liên từ,...
35	lợi	– điều tốt: <i>lợi lộc, lợi ích, quyền lợi (9), thắng lợi, thuận lợi (7, 9), thủy lợi, tiện lợi,</i>... – làm lợi, đem lại điều tốt: <i>ích quốc lợi dân</i> – giành lấy điều tốt cho mình: lợi dụng (7), vụ lợi,... – tính chất sắc bén, thể mạnh: lợi hại (7), lợi khẩu, lợi thế,... – lãi, có lãi: <i>lợi nhuận, lợi tức,</i>...
36	luật	– phép tắc: <i>luật lệ, pháp luật, quy luật,</i>... – quy định về âm điệu, quy tắc nhất định để làm thơ: <i>luật Đường, luật thi, âm luật, nhạc luật,</i>...
37	miên	dài dằng dặc, không dứt: liên miên (1), triền miên, ...
38	minh	– sáng, sáng sủa: <i>minh tinh, bình minh (1), lê minh (3), quang minh, thanh minh (5),</i>... – sáng suốt, hiểu rõ, làm rõ: <i>minh bạch, thông minh (3),</i>...
39	ngheh	– đón tiếp: <i>ngheh tiếp, hoan ngheh,</i>... – đối diện, đối đầu: ngheh chiến (7)
40	ngheh	– xem xét, kiểm tra: <i>chứng ngheh, kiểm ngheh, kinh ngheh (1, 8), thí ngheh (7),</i>... – hiệu quả, có hiệu quả: lĩnh ngheh (9), hiệu ngheh, ứng ngheh,...
41	ngheh	– nghề nghiệp: chuyên ngheh (7), công ngheh, nông ngheh (5), thương ngheh,... – đơn vị hành nghề: <i>doanh ngheh, xí ngheh,</i>... – công lao, thành tựu: cơ ngheh (6), sản ngheh, sự ngheh,... – việc học: <i>tốt ngheh</i> – nguyên nhân đưa tới quả báo (Phật giáo): <i>ngheh báo, ngheh chướng, ác ngheh, tạo ngheh, tội ngheh,</i>...
42	ngụ	– ở nhờ, ở: <i>ngụ cư, cư ngụ, trú ngụ,</i>... – gửi, gửi gắm: ngụ ngôn (6, 8), ngụ ý,...

43	nhận	– biết, phân biệt được: <i>nhận diện, nhận thức (9),...</i> – đồng ý: <i>chúng nhận, công nhận (7), phủ nhận (8) thừa nhận, xác nhận,...</i>
44	phá	– làm vỡ ra: phá hoang (6), bộc phá, khai phá,... – làm hỏng: <i>phá hoại, phá huỷ, tàn phá,...</i> – vượt ra khỏi: <i>phá cách, phá lệ,...</i> – đánh bại: <i>phá trận, công phá,...</i>
45	phát	– bắn ra: <i>phát xạ, bách phát bách trúng,...</i> – đem cho, giao cho, bỏ ra cho: <i>phát chẩn, phát hành, phân phát,...</i> – diễn đạt, bày tỏ: <i>phát biểu, phát nguyện,...</i> – nhiều lên, tốt lên, lớn lên: <i>phát đạt, phát lộc, phát tài,...</i> – bắt đầu, mở đầu, mở ra, sinh ra: <i>phát bệnh, phát động, phát hiện (7, 8), phát minh (7), phát sinh, khởi phát, xuất phát (8),...</i>
46	phổ	rộng, khắp: phổ biến (5) , <i>phổ quát, phổ thông,...</i>
47	phu	– đàn ông, nam giới: <i>phu tử, nông phu, tiểu phu (6), trượng phu,...</i> – người làm công việc lao động nặng nhọc, lao động cường bức: <i>phu dịch,...</i> – chồng: <i>phu phụ, phu quân, phu thê,...</i>
48	phù	nổi, lơ lửng: <i>phù du, phù phiếm, phù sa (2),...</i>
49	phụ	– người nữ đã có chồng: <i>quả phụ, thiếu phụ (5),...</i> – nữ giới nói chung: <i>phụ nữ, phụ sản,...</i>
50	phúng	nói mát, nói bóng, nói ám chỉ: <i>phúng dụ, trào phúng,...</i>
51	quan	– nhìn, ngắm, xem xét: quan sát (5, 7), <i>tham quan,...</i> – điều mắt nhìn thấy: cảnh quan (7), <i>mĩ quan,...</i> – cách nhìn, cách nhận thức đối với sự vật: <i>chủ quan, khách quan, nhân sinh quan, thế giới quan,...</i>
52	quy	– cái khuôn, khuôn phép: <i>quy củ, quy định, quy luật, quy trình (9), phạm quy,...</i> – trù liệu, sắp xếp: <i>quy hoạch</i>

53	quyết	– xác định chắc chắn quan điểm, ý kiến: quyết định (1, 3, 7, 8, 9), <i>quyết đoán, quyết sách</i>,... – nhất định không nhượng bộ: quyết liệt (1), quyết tâm (1), <i>kiên quyết, nhất quyết</i>,... – xử lí, xử tử hình: <i>giải quyết, hành quyết</i>,...
54	thanh	– tiếng do vật phát ra, âm nhạc: <i>thanh điệu, thanh đối, thanh quản, âm thanh (2, 3)</i>, <i>phong thanh</i>,... – danh tiếng: <i>thanh danh, văn kì thanh bất kiến kì hình</i>,... – kể ra, nêu rõ ra: <i>thanh minh</i>
55	thế	– đời, cuộc đời, cõi đời: <i>thế sự, thế tục, chuyển thế, tạ thế</i>,... – niên đại: thế kỉ (5, 7) – cõi (của cả con người và tự nhiên): <i>thế gian, thế giới (1, 3, 5, 7, 8, 9)</i>,... – đời này nối đời khác: thế hệ (5, 7, 8), <i>thế tộc, thế tử</i>,...
56	thúc	– buộc, bó lại, gò lại, khống chế: <i>thúc thủ, câu thúc, quản thúc, ước thúc</i>,... – cuối một sự việc: kết thúc (5)
57	thường	– lâu không đổi, không chỉ một lần: <i>thường niên, thường thường (5), thường trú (3)</i>,... – phổ thông, không có gì đặc biệt: <i>thường dân, thường nhật (5), thường thức, thường tình, bất thường (9), bình thường (7, 9), phi thường, thông thường</i>,...
58	tế	– nhỏ, bé: <i>tế bào, tế vi</i>,... – kĩ lưỡng, không thô thiển: <i>tế nhị, tinh tế (9), tử tế (2)</i>,...
59	tiên	– trước: <i>tiên liệu, tiên phong, tiên sinh, tiên tiến, tiên tri (7), đầu tiên (1, 3, 5, 7, 8, 9)</i>,... – (biểu thị ý tôn xưng đối với người đã khuất): <i>tiên đế, tiên phụ, tổ tiên (5, 9)</i>,...
60	tiếp	– nối liền: tiếp tục (1, 5, 7, 8, 9), <i>liên tiếp, trực tiếp (8)</i>,... – đến gần, chạm vào: tiếp cận (9), tiếp xúc (7, 8),... – đón nhận: <i>tiếp quản, tiếp thụ</i>,... – đón tiếp: <i>tiếp đãi, tiếp viên, nghênh tiếp</i>,...

61	tiết	– thời tiết: <i>tiết khí, thời tiết (5, 9),...</i> – thứ được chia thành đoạn, là một bộ phận trong một chỉnh thể: <i>tiết mục, tiết tấu, chi tiết,...</i> – hạn chế lại: <i>tiết chế, tiết độ, tiết kiệm, điều tiết,...</i> – giữ mình đúng chuẩn mực: <i>tiết hạnh, tiết tháo, khí tiết,...</i> – lễ độ: <i>lễ tiết</i>
62	tiết	lộ ra ngoài, đẩy ra ngoài: tiết lộ (3) , <i>bài tiết,...</i>
63	tinh	– chắc lọc, không lẫn tạp: <i>tinh anh, tinh chế, tinh hoa, tinh luyện, tinh tế (9), tinh vi (7), vị tinh (5),...</i> – chuyên, thành thục: <i>tinh thông, tinh tường, tinh ý, nhất nghệ tinh nhất thân vinh,...</i> – sinh khí, tinh thần của con người: <i>tinh lực, tinh thần (7, 8, 9),...</i> – yêu quái: <i>hồ li tinh, yêu tinh,...</i>
64	tinh	sao: tinh vân (7) , Đại Hùng tinh (1) , hành tinh (7) ,...
65	tĩnh	– dừng lại (hoạt động), yên lặng (âm thanh), trái với động: <i>tĩnh mạch, tĩnh vật, động tĩnh, yên tĩnh (1),...</i> – thanh thản, nhàn nhã: tĩnh tâm (8), <i>tĩnh tọa,...</i>
66	toàn	– tất cả, trọn vẹn, đủ: toàn bộ (3, 10), <i>toàn cầu, toàn dân, toàn quốc, toàn thân (1), toàn thể, hoàn toàn (1, 3),...</i> – làm cho không bị thiếu, không bị tổn hại: an toàn (3, 8), bảo toàn (5),...
67	trào	chế giễu, trêu đùa: <i>trào lộng, trào phúng, tự trào,...</i>
68	trường	– nơi, chỗ: <i>trường sở, chiến trường, đấu trường (7), hiện trường (9), hội trường, lập trường, môi trường (9), nông trường, quảng trường, thị trường (9),...</i> – một hình thức tồn tại đặc thù của vật chất: trường điện từ (7), <i>trường sinh học, điện trường, từ trường,...</i>
69	tục	nối, nối tiếp: liên tục (3) , <i>kế tục, tiếp tục (1, 5, 7, 8, 9),...</i>
70	tục	– thói quen, nếp phổ biến trong đời sống nhân dân: tục lệ (5), <i>tục ngữ, cổ tục (3), phong tục (5, 8), thông tục,...</i> – chất lượng xấu, không nhã nhặn: <i>dung tục, thô tục,...</i> – đời thường, đối lập với thoát tục: <i>tục nhân, phàm tục, thế tục,...</i>

71	từ	– nhân ái, yêu thương: <i>từ bi, từ mẫu, hiền từ (3), nhân từ (3),...</i> – giúp đỡ vì tình thương yêu: <i>từ thiện</i>
72	vị	– thứ cảm nhận được bằng lưỡi (nếm), mũi (ngửi): <i>vị giác, vị tinh (5), gia vị (5), hương vị (5), khẩu vị (5), mĩ vị,...</i> – thứ tâm hồn cảm nhận được: <i>thi vị, thú vị (7, 9), ý vị,...</i>
73	vị	– nơi, chỗ: <i>vị trí (7), định vị (7),...</i> – chỉ vị trí cao thấp trong xã hội: <i>chức vị, danh vị, địa vị,...</i> – chỉ ngôi vua: <i>thoái vị, thoán vị, tức vị,...</i> – người (biểu thị ý tôn trọng): <i>các vị, chư vị,...</i>
74	xã	– thần đất: <i>xã tắc (tắc: thần lúa; xã tắc: chỉ đền thờ thần nói chung, sau chuyển nghĩa chỉ đất nước)</i> – chỉ một cộng đồng, một tập thể có tổ chức: <i>xã hội (8, 9, 10), hợp tác xã, thông tấn xã,...</i> – đơn vị hành chính: <i>chủ tịch xã, phường xã, thôn xã,...</i>
75	xác	đúng, thật: <i>xác định (7, 9), xác nhận, xác thực, chính xác (9), minh xác,...</i>
76	yêu	đòi, đòi hỏi: <i>yêu cầu, yêu sách,...</i>

PHỤ LỤC 4

BẢNG TRA CỨU TÊN RIÊNG NƯỚC NGOÀI

STT	Tên riêng nước ngoài	Phiên âm	Trang
1	Aesop	Ê-dốp	23
2	Albert Einstein	An-be Anh-xtanh	25, 50
3	Aleksandr Belyaev	A-lếch-xan-đơ-rơ Bê-li-a-ép	119
4	Alphonse Daudet	An-phông-xơ Đơ-đê	10
5	Apollo	A-pô-lô	36, 41, 42
6	Argentina	Ác-hen-ti-na	81
7	Artemis	Ác-tê-mít	37
8	Athena Pronaia	A-then-na Pờ-rô-nai-a	36, 41
9	Atlantic	Át-lan-tíc	35

10	Augustine	Au-gu-xtinh	61
11	Bangladesh	Băng-la-đét	81
12	Bethesda	Bơ-the-xđa	78
13	Canada	Ca-na-đa	26, 32
14	Castalic	Cát-xta-líc	36, 41
15	Cedar	Xi-đa	81
16	Cedar Rapids	Xi-đa Ra-pít	81
17	Chile	Chi-lê	81
18	China News	Chai-nơ Niu	79
19	Christopher Maag	Cri-xtốp-phơ Ma-gơ	84
20	Conseil	Công-xây	30, 31, 33, 34
21	Daniel Gottlieb	Đa-ni-en Gốt-li-ép	55, 56, 58, 59, 60,...
22	Davenport	Đa-vin-pót	81
23	Delphi	Đen-phi	37
24	Farragut	Phác-ra-guýt	28, 29
25	Hebrew	Hê-bơ-rơ	35
26	Helvetia	Hen-vơ-chi-a	28, 34
27	Herbert Marcuse	Hơ-bớt Mác-kiu-đơ	62
28	Hunter Lovins	Hân-tơ Lo-vin	78
29	Ichthyander	Ích-chi-an	118, 119, 120
30	Indonesia	Ín-đô-nê-xi-a	99, 100
31	Iowa	Ai-o-oa	81, 84
32	Ivan Antonovich Efremov	I-van An-tô-nô-vích E-phơ-rê-mốp	51
33	Ivan Krylov	I-van Cư-lốp	23
34	Jeff Zogg	Giép Doóc	81
35	John Holdren	Giôn Hô-đơ-rơn	80
36	John Muir	Giôn Mi-ơ	76
37	Jules Verne	Giuy-n Véc-nơ	27, 32, 33, 39, 40,...
38	Jurassic	Giu-ra-síc	40
39	La Fontaine	La Phong-ten	23
40	Lexus	Léch-xốt	82
41	Liding	Li-đinh	118, 119

42	Lincoln	Lin-côn	29
43	Maldives	Man-đi-vơ	81
44	Maryland	Me-ri-lân	78
45	Menlo Park	Men-lô Pác	46
46	Minnesota	Min-ne-xô-ta	78, 83
47	Mwen Mass	Mơ-ven Ma-xơ	52, 53
48	Nautilus	Nau-ti-luýt	27, 33
49	Ned Land	Nét Len	27, 28, 29, 31, 32
50	Nemo	Nê-mô	27
51	New York Herald	Niu Oóc Hê-rôn	46
52	New York Times	Niu Oóc Thai-mơ	81
53	Ninomiya	Ni-nô-mi-gia	68
54	Olympus	Ô-lim-pơ	36
55	Omphalos	Ôm-phe-lốt	36, 37, 38, 42
56	Pakistan	Pa-ki-xtan	81
57	Pierre Aronax	Pi-e A-rôn-nác	27, 33
58	Pulitzer	Pu-lít-dơ	82
59	Ren Boze	Ren Bô-dơ	53
60	Rod Serling	Rót Xơ-linh	79
61	Salvator	Xan-va-tô	119
62	Shannon	San-nông	28, 34
63	Spinosaurus Aegypticus	Spi-nô-sô-rốt Ê-gíp-ti-cốt	40
64	Sudan	Xu-đăng	81
65	Thomas Edison	Thô-mát Ê-đi-xơn	45
66	Thomas L. Friedman	Thô-mát L. Phrít-man	78, 81, 82, 103
67	Twilight Zone	Thoai-lai Dôn	79
68	Veronica	Vê-rô-nhi-ca	51
69	Vladimir Arbekov	Vla-đi-mia A-bê-cốp	24
70	Wales	U-ên	81
71	Waves	Guây-vơ	99
72	Zeus	Dốt	36

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VINH THÁI

Biên tập nội dung: THÂN THUỖ TRANG – TRẦN MAI THANH HẰNG

Biên tập mỹ thuật: NGUYỄN BÍCH LA

Thiết kế sách: NGÔ QUANG THẾ

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA

Minh hoạ: NGÔ QUANG THẾ

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền © (2022) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

NGŨ VĂN 7 – TẬP HAI

Mã số: G1HH7V002H22

In bản (QĐ), khổ 19 x 26,5cm.

Đơn vị in: Địa chỉ:

Số ĐKXB: 146-2022/CXBIPH/20-48/GD

Số QĐXB: / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm 2022.

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 2022.

Mã số ISBN: Tập 1: 978-604-0-30718-7

Tập 2: 978-604-0-30719-4



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 7 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 7, tập một
2. Ngữ văn 7, tập hai
3. Toán 7, tập một
4. Toán 7, tập hai
5. Khoa học tự nhiên 7
6. Công nghệ 7
7. Lịch sử và Địa lí 7
8. Mỹ thuật 7
9. Âm nhạc 7
10. Giáo dục công dân 7
11. Tin học 7
12. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7
13. Giáo dục thể chất 7
14. Tiếng Anh 7 – Global Success – SHS

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
- **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-30719-4



9 786040 307194

Giá: 20.000 đ